

LSD

ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG

H011

LỊCH SỬ TUY PHONG

TẬP I

1930 - 1954



NĂM 1993

KÍNH TẶNG

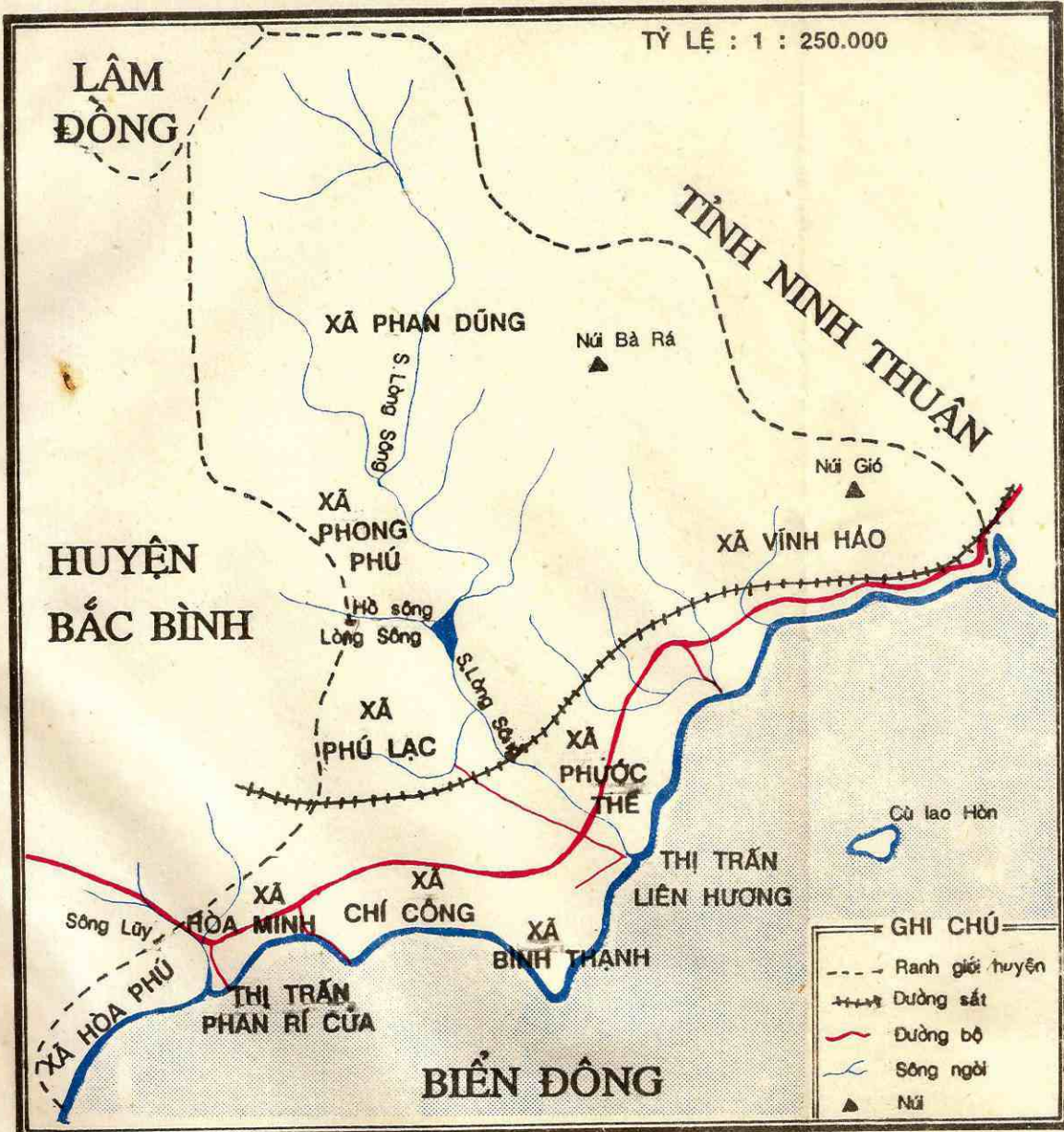
LỊCH SỬ TUY PHONG

TẬP I

1930 - 1954

BẢN ĐỒ HUYỆN TUY PHONG

TỶ LỆ : 1 : 250.000



LỜI GIỚI THIỆU

Huyện Tuy Phong, một vùng đất có lịch sử truyền thống chống ngoại xâm từ lâu đời, một địa bàn có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng, kinh tế của tỉnh Bình Thuận. Trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhân dân Tuy Phong đã có nhiều đóng góp to lớn về sức người, sức của để viết nên những trang sử vẻ vang cho quê hương, dân tộc. Mỗi tên đất, tên làng, tên núi, tên sông đều ghi vào lòng người những kỷ niệm khó quên của một thời chiến đấu oanh liệt với nhiều mất mát hy sinh.

Trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài đầy cam go, gian khổ đó đã xuất hiện nhiều địa phương và cá nhân tiêu biểu cho chủ nghĩa anh hùng cách

mạng. Biết bao cán bộ, chiến sĩ và quân chúng trung kiên vì sự nghiệp cứu nước, theo Đảng làm cách mạng đã có nhiều cống hiến cho cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do, tô thắm thêm truyền thống bất khuất, kiên cường của quê hương là niềm tự hào của nhân dân Tuy Phong.

Ghi lại lịch sử đấu tranh đầy hào hùng, sôi động của nhân dân Tuy Phong trong cuộc kháng chiến chống xâm lược là sự đòi hỏi cấp bách, đáp lại lòng mong mỏi của nhân dân, nhằm khơi dậy những giá trị tinh thần, truyền thống quật khởi của cha ông chúng ta, trong sự nghiệp cứu nước và giải phóng dân tộc, giải phóng quê hương. Để không ngừng bồi đắp cho những người đang sống, thế hệ trẻ hôm nay và mai sau một nhận thức sâu sắc về quê hương, đất nước, lấy đó làm niềm tự hào và tiếp tục kế thừa, phát huy những truyền thống tốt đẹp ấy trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Thực hiện chỉ thị 31, 42 của Thường vụ Tỉnh ủy Thuận Hải trước đây và chỉ thị 06 của Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận về viết lịch sử truyền thống địa phương, Thường vụ huyện ủy Tuy Phong thành lập Ban lịch sử Đảng (nay là bộ phận lịch sử thuộc Ban Tuyên giáo huyện ủy), để sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn cuốn "LỊCH SỬ TUY PHONG" (tập I) Trong quá trình tiến hành biên soạn đã được nhiều cán bộ, chiến sĩ, đảng viên và đông đảo nhân dân tham gia đóng góp nhiều tư liệu quý báu và được sự giúp đỡ của Phòng lịch sử Đảng, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, đến nay cuốn sách đã hoàn thành và được phép xuất bản. Tuy nhiên cuốn sách cũng không tránh khỏi thiếu sót, khuyết điểm do một số tư liệu bị thất lạc hoặc chưa sưu tầm được và một phần cũng do sự hạn chế trong khâu tập hợp biên soạn. Vì vậy, chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng bào bổ sung, sửa chữa để lần tái bản được tốt hơn. Ban Chấp hành huyện

ủy Tuy Phong cảm ơn các cơ quan, đồng chí, đồng
bào đã có nhiều đóng góp để xây dựng cuốn
"LỊCH SỬ TUY PHONG". Chúng tôi trân trọng
xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

BAN CHẤP HÀNH HUYỆN ỦY TUY PHONG

CHƯƠNG I

HUYỆN TUY PHONG - ĐỊA LÝ- DÂN CU VÀ TRUYỀN THỐNG

Huyện Tuy Phong nằm ở ven biển miền Trung, cách thị xã Phan Thiết - tỉnh lỵ Bình Thuận 100 km về phía bắc, ở tọa độ từ $108^{\circ}30'$ đến $108^{\circ}52'30''$ độ kinh đông và từ $11^{\circ}17'30''$ đến $11^{\circ}57'30''$ độ vĩ bắc. Phía Nam giáp huyện Bắc Bình; phía bắc giáp huyện Ninh Phước (tỉnh Ninh Thuận); phía đông giáp biển đông và phía tây giáp tỉnh Lâm Đồng. Chiều dài 45 km, chiều rộng 35,15km, nơi hẹp nhất 1,5 km.

Năm 1692, vùng đất này thuộc Trấn Thuận Thành. Đến năm Minh Mạng thứ 13 (1832) bỏ Trấn Thuận Thành, đổi thành tỉnh Bình Thuận, gồm 2 phủ: Ninh Thuận và Hàm Thuận, đặt thêm 2 huyện Tuy Phong và Tuy Định. Huyện Tuy Phong ra đời từ đó.

Phủ Ninh Thuận gồm 2 huyện: Tuy Phong và An Phước. Địa giới huyện Tuy Phong từ sông Ma Bố (sông Lu) đến sông Duông. Lỵ sở đóng ở thôn Thái Hòa giữa hai xã Xuân Long và Vinh Giang (nay là Bình Thạnh).

Phủ Hàm Thuận gồm 2 huyện : Hòa Đa và Tuy Lý. Địa giới huyện Hòa Đa từ sông Duồng đến sông Phố Hải. Ly sở đầu tiên của tỉnh Bình Thuận đóng ở xã Xuân An, huyện Hòa Đa.

Năm 1888 (năm Đông Khánh thứ 3), phủ Ninh Thuận nhập vào tỉnh Khánh Hòa và cắt thêm 5 làng : Từ Sơn, Sơn Hải, Như Lâm, Thành Đức, Lang Nghiệp của huyện Tuy Phong và 2 tổng Tu Tra, Ninh Giải của huyện Hòa Đa cho tỉnh Khánh Hòa. Huyện Tuy Phong vẫn thuộc về tỉnh Bình Thuận quản lý. Năm 1889, ly sở huyện Tuy Phong từ thôn Thái Hòa dời về Long Hương (nay là Liên Hương).

Trong quá trình chinh phục thiên nhiên, chống thiên tai, địch họa để sinh tồn và phát triển, địa giới huyện Tuy Phong đã trải qua nhiều lần thay đổi.

Trước cách mạng Tháng 8-1945, huyện Tuy Phong có 3 tổng : Bình Thạnh, Tuy Tịnh, Phú Quý (huyện đảo Phú Quý bây giờ). Trừ các làng của tổng Phú Quý, trong đất liền huyện Tuy Phong có các làng như : Vinh Hảo, Long Phước, Đại Hòa, Long Hương, Long Tịnh, Xuân Long, Vinh Giang, Hạnh Lâm, Thuận Long, Phú Điền thuộc tổng Bình Thạnh. Vinh Hạnh, Lạc Trị, La Bá thuộc tổng Tuy Tịnh.

Sau cách mạng Tháng 8-1945 thành công, một thời gian ngắn ta bỏ tổng lập xã. Trong đất liền huyện Tuy Phong có các xã : Vinh Hảo, Long Phước, Long Hương, Bình Thạnh, Vinh Xuân (sau nhập vào xã Bình Thạnh), Hạnh Long, Lạc Trị, Phú Điền, La Bá, Đại Hòa, Long Tĩnh. (Các xã này về sau có thay đổi tên gọi; một số xã nhập lại cho tiện lợi trong sự chỉ đạo).

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, do yêu cầu chỉ đạo cho phù hợp với tình hình, nên năm 1948, các xã ở đảo Phú Quý giao lại cho tỉnh Bình Thuận quản lý, huyện Tuy Phong còn lại các xã trong đất liền. Tháng 4-1951, ba huyện măng Bắc Bình Thuận : Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm hợp nhất lại thành huyện Bắc Bình.

Trong giai đoạn chống Mỹ, huyện Bắc Bình có sự thay đổi đơn vị hành chính : tháng 1-1967, tỉnh Bắc Bình được thành lập gồm 4 huyện : Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm và huyện K67. ⁽¹⁾ Đến tháng 8-1968 giải thể tỉnh Bắc Bình, các huyện sáp nhập vào tỉnh Bình Thuận. Huyện Tuy Phong giữ nguyên tên gọi cho đến ngày thống nhất nước nhà.

(1) Huyện K.67 tức là vùng căn cứ của Khu 6.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, 4 huyện : Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm, Hải Ninh sáp nhập lại thành huyện Bắc Bình (1976 - 1983). Tháng 6-1983, tỉnh Thuận Hải phân chia huyện Bắc Bình thành 2 huyện : Tuy Phong và Bắc Bình. Để thuận lợi cho việc bố trí cơ cấu kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng trong giai đoạn mới, huyện Tuy Phong được thành lập gồm 2 thị trấn : Liên Hương, Phan Rí Cửa và 9 xã : Hòa Phú, Hòa Minh, Chí Công, Bình Thạnh, Phú Lạc, Phước Thế, Vĩnh Hảo, Phong Phú, Phan Đứng. Thị trấn Liên Hương - huyện lỵ Tuy Phong là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của huyện.

Vào cuối tháng 4 năm 1992, tỉnh Thuận Hải được Quốc hội khóa 8 phân lại địa giới thành 2 tỉnh : Bình Thuận và Ninh Thuận. Huyện Tuy Phong thuộc tỉnh Bình Thuận.

Huyện Tuy Phong có cấu tạo địa hình tương đối đa dạng, chia làm ba vùng : vùng miền núi trung du, vùng đồng bằng và vùng ven biển.

Vùng miền núi trung du chiếm 2/3 diện tích tự nhiên, đồi núi không cao. Đứng ở huyện lỵ nhìn về hướng tây nam có núi Bà, núi Ông Sim và dãy núi Kênh Kênh chạy dài uốn cong đến mũi Hòn Mòng. Phía tây bắc có dãy núi Đá Chẹt ; giáp

với Ninh Phước có ngọn núi Giếng Ma. Dọc quốc lộ 1 có núi Nạn, núi Đất, núi Tàu, núi Ông, núi Mọt, núi Nhọn... Nơi đây còn lưu giữ bao sự tích anh hùng của ông cha ta đánh giặc, là căn cứ của lực lượng kháng chiến chống thù trong giặc ngoài.

Rừng núi chiếm diện tích phần lớn, nhưng rừng giàu rất ít, chủ yếu là rừng nghèo, rừng non và đồi trọc. Trong rừng cây của miền nhiệt đới này, sinh trưởng nhiều loại thực vật, động vật có giá trị kinh tế cao. Thực vật có nhiều loại cây lấy gỗ quý như cẩm lai, cẩm xe, trắc, gỗ, sao, dầu các loại... Và nhiều loại cây dược liệu : trầm hương, sa nhân, thạch học... Động vật có voi, hổ, nai, hươu, lợn rừng, bò tót, tắc kè và nhiều loại chim muông. Đây là nguồn lợi quý nếu được con người bảo vệ, khai thác có kế hoạch sẽ giúp cho ta giữ được môi trường sinh thái tự nhiên, phục vụ tốt cuộc sống con người.

Đồng bằng tập trung ở các xã : Phú Lạc, Phước Thế, Vĩnh Hảo, Hòa Minh và thị trấn Liên Hương. Đồng ruộng phần lớn nằm dọc theo hai bên sông Lòng Sông và một phần của sông Lũy. Do cấu tạo địa hình thoải thấp dần về phía biển, nên rất tiện lợi cho việc tưới tiêu dẫn nước vào đồng qua hệ thống 4 con đập : đập Bá Ra, đập Cái, đập Soi (tưới cho cánh đồng măng Bắc), đập

Bà Nao (tưới cho cánh đồng Hòa Minh). Trước kia trên đồng ruộng Tuy Phong có trồng giống lúa thơm, nấu cơm dẻo, thơm ngon nổi tiếng được nhiều nơi biết đến. Ngoài ra do đặc điểm khí hậu, đất đai thuận lợi cho trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày như : thuốc lá, đậu các loại, dưa lầy hạt, bông, đào lộn hột, dưa... Đặc biệt đất thích hợp cho giống thuốc lá sợi vàng.

Đọc theo bờ biển, xung quanh các bàu, đầm tự nhiên, vườn cây ăn trái quanh năm xanh tốt. Mùa nào cũng có hoa, quả, rau xanh cung cấp cho địa phương một nguồn thực phẩm dồi dào và đưa đi bán ở các nơi : Phan Thiết, Phan Rang... nhất là chanh, ớt, cà chua, đu đủ, trầu, cau.

Đồi núi xen kẽ với đồng bằng có khả năng phát triển ngành nông lâm kết hợp, nếu tìm các giống cây trồng thích hợp để tạo giữ môi trường sinh thái tự nhiên, chống hiện tượng sa mạc hóa và phát triển chăn nuôi gia súc có sừng : trâu, bò, dê.

Với nhiệt độ trung bình hàng năm $26^{\circ}6$, năng lượng bức xạ mặt trời dồi dào, ít bị ảnh hưởng bão, đất đai thích hợp cho nhiều loại cây trồng. Nếu có đủ nước, cây trồng phát triển quanh năm, nên vấn đề nước và giữ được nước phục vụ cho trồng trọt và sinh hoạt là đòi hỏi bức thiết của người dân Tuy Phong.

Bờ biển Tuy Phong dài hơn 50 km dọc theo chiều dài của huyện từ Vinh Hảo đến Hòa Phú. Có nhiều đồi cát và eo uốn khúc theo bờ biển tạo nên nhiều bãi và vịnh nhỏ : bãi Đá Chẹt (Vinh Hảo), bãi Đầm (Phước Thế), bãi Trọ (Bình Thạnh)... Vịnh nhỏ : Bình Thạnh, Chí Công và hai cửa biển : Liên Hương, Phan Rí Cửa, nhất là cửa biển Phan Rí Cửa rất thuận lợi cho ghe thuyền vào đậu nấp gió, ra khơi vào lộng trong các mùa gió bắc, gió nam.

Hải phận Tuy Phong nằm vào vị trí hai dòng hải lưu ấm, lạnh giao nhau, đáy biển có nhiều nguồn thức ăn phong phú và có nhiều rặng sỏi là môi trường thuận lợi cho các giống hải sản và thực vật sống ở biển đến quần tụ sinh trưởng. Vùng biển Tuy Phong có nhiều chủng loại cá, đặc biệt nơi đây có sò, điệp quần tụ dày đặc, một nguồn lợi kinh tế lớn cho địa phương.

Tuy Phong là một trong những vùng cá trọng điểm của tỉnh Bình Thuận. Hơn 2/3 số xã nằm ở vùng đồng bằng ven biển làm nghề đánh bắt hải sản. Nghề biển ở đây đánh bắt được quanh năm và các ngành nghề phát triển đa dạng, phong phú, phổ biến là : lưới rùng, lưới căn, vây rút chì, mảnh chà, giã cào, câu mực, lưới túi... Trong đánh bắt, ngư dân biết kết hợp nhiều nghề có

năng suất cao trên một đơn vị thuyền. Kỹ thuật đánh bắt từng bước được cải tiến, sản lượng hải sản ngày một nâng cao.

Tuy Phong một năm có từ 6 - 7 tháng nắng, thuận lợi cho nghề sản xuất muối. Đồng muối Duồng nằm ở phía nam huyện đã được khai thác từ lâu đời phục vụ cho ngành chế biến hải sản, nhu cầu tiêu dùng trong huyện và cung cấp cho các địa phương khác. Đồng muối Vĩnh Hảo nằm ở phía bắc huyện đã đi vào sản xuất và tiếp tục mở rộng, trong tương lai sẽ cung cấp một sản lượng muối lớn cho nhu cầu trong nước, xuất khẩu và các ngành công nghiệp hóa chất.

Nghề đánh bắt hải sản phát triển, nghề làm muối sản xuất dồi dào tạo điều kiện cho các ngành chế biến hải sản đi lên. Nhất là ngành chế biến nước mắm ở địa phương có tiếng thơm, ngon từ lâu đời "Nước mắm Phan Rí", được các vùng trong nước ưa thích. Ngoài ra còn chế biến các loại cá như : cá phơi khô, cá hấp, cá muối mắm..., đặc biệt mực khô, vi cá mập, sò, điệp, tôm, cua là các mặt hàng xuất khẩu có giá trị ngoại tệ cao.

Trong lòng đất Tuy Phong còn tiềm ẩn nhiều tiềm năng khoáng sản. Hiện nay một số tài nguyên

đang khai thác và đã phát hiện. Nước suối thiên nhiên ở Vinh Hảo đã đi vào sản xuất từ năm 1915, dùng để giải khát và chữa bệnh. Nước suối thiên nhiên cung cấp cho ngành công nghiệp nuôi trồng và chế biến tảo, có hàm lượng dinh dưỡng cao. Đồng thời nước suối còn cung cấp một khối lượng "cát lồi" rất lớn, trải dài từ Phú Lạc đến Bực Lữ, tập trung nhiều ở các suối Vinh Hảo... "Cát lồi" dùng cho ngành công nghiệp hóa chất sản xuất sút, xô đa... Cát làm thủy tinh nằm dọc theo bờ biển phía nam. Đá quánh, đá chẻ, sạn, cát tập trung ở Phước Thế, Phú Lạc, Vinh Hảo dùng làm vật liệu xây dựng. San hô, đất sét màu ở Chí Công cung cấp cho ngành tiểu thủ công nghiệp. Hiện nay đã phát hiện được mỏ Bê tông ở Vinh Hảo, Phú Lạc có hàm lượng cao, phục vụ cho ngành công nghiệp hóa chất.

Tuy Phong có hai con sông : sông Lòng Sông và sông Lũy. Sông Lòng Sông nằm ở phía Bắc huyện lỵ, chiều dài 43 km, bắt nguồn từ vùng núi cao giáp với Lâm Đồng chảy xuống La Bá, La Giạ gọi là sông Kênh Kênh rồi chảy qua Cao Hậu đổ ra biển Long Hương. Sông Lũy nằm ở phía Nam huyện khởi nguồn từ vùng núi Tà Lon, chảy xuống Bắc Bình rồi đổ ra cửa biển Phan Rí Cửa. Hầu hết các con sông đều ngắn, độ dốc cao,

mùa mưa nước chảy xiết, thoát nước nhanh, thường gây ra lũ quét, cào phá mùa màng, hoa màu ở những vùng ven sông. Mùa nắng sông thường khô cạn. Cửa biển Phan Rí Cửa ghe thuyền vào ra được trong năm, còn cửa biển Long Hương, hàng năm ghe thuyền chỉ vào ra trong các tháng 8, 9, 10 (âm lịch), những tháng còn lại cửa biển bị cát bồi lấp không thuận cho ghe thuyền vào ra.

Do vị trí và cấu tạo địa hình ở Tuy Phong phức tạp, nên tạo ra một vùng khí hậu khác biệt so với khí hậu chung của cả nước. Đặc điểm nổi bật của khí hậu Tuy Phong là khô, nóng. Thời tiết một năm chia làm 2 mùa : mùa mưa và mùa nắng. Có hai hướng gió chính là gió đông bắc và tây nam (còn gọi là gió bắc, gió nam). Từ tháng 4 đến tháng 10 có gió tây nam tạo nên khí hậu khô nóng và thường có mưa tập trung vào các tháng 8, 9, 10. Từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau có gió đông bắc, không mưa, tốc độ gió mạnh hơn. Nhiệt độ trung bình hàng năm $26^{\circ}6$, Nhiệt độ cao tuyệt đối thường xuyên đạt 38° - 39° . Lượng mưa hàng năm 500 mm - 800 mm, là nơi có lượng mưa thấp nhất toàn quốc. Lượng bốc hơi (2.051 mm) cao hơn lượng mưa, đã gây nên sự mất cân đối nghiêm trọng về nước trong khu vực. Khí hậu khô nóng cũng ảnh hưởng đến thảm thực vật và

cây trồng, đồng thời nó quy định những đặc thù riêng của đất.

Huyện Tuy Phong có các con đường giao thông thủy, bộ giao lưu giữa các vùng thuận lợi. Ngày trước, khi đường bộ còn gặp nhiều khó khăn, người dân đi lại bằng đường thủy là chính. Các tụ điểm ven biển : Bình Thạnh, Duông, Phan Rí Cửa là nơi ghe thuyền từ các tỉnh thường lui tới buôn bán tấp nập, sầm uất.

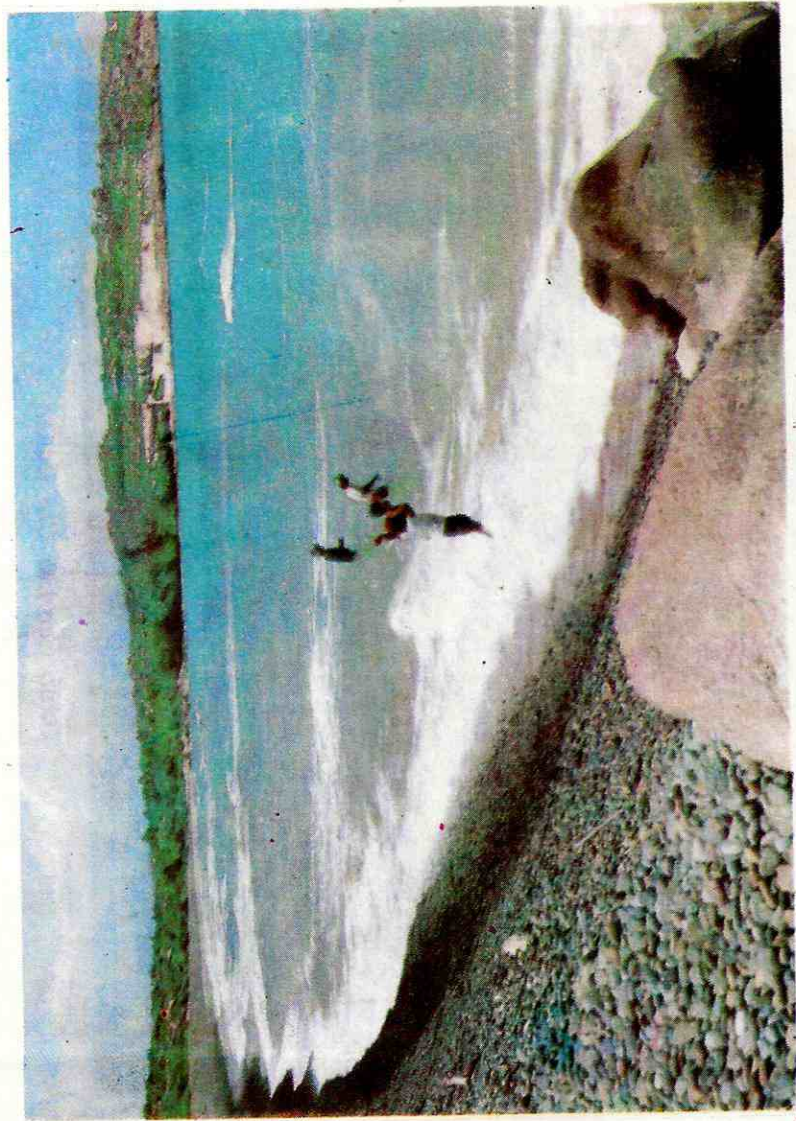
Đường quốc lộ 1 chạy ngang qua huyện dài 42 km là đầu mối giao thông nối liền các xã, thị trấn trong huyện và đi qua các địa phương khác. Phía tây có đường xe lửa xuyên Việt chạy qua huyện dài 29 km và 7 con đường huyện lộ nối liền với quốc lộ 1 là điều kiện thuận lợi cho Tuy Phong phát triển kinh tế, bố trí dân cư, kết hợp với quốc phòng và giao lưu đi lại giữa các vùng.

Thiên nhiên cũng tô điểm cho Tuy Phong bao cảnh đẹp trữ tình. Bình Thạnh một thắng cảnh nên thơ nằm bên bờ biển Đông. Nơi đây có bãi biển rất đẹp cho du khách xa gần đến tắm biển, nghỉ mát. Cách làng không xa, có chùa Cổ Thạch (chùa Hang), ẩn mình trên đồi cây, xung quanh có đá chồng chất, hình thành nhiều hang động tự nhiên hướng ra biển Đông bao la, tạo nên cảnh

son thủy hữu tình hấp dẫn lòng người đến thăm chùa, viếng cảnh nước non. Cách chùa Cổ Thạch 400 mét về hướng nam, dọc theo bờ biển có bãi đá con đủ màu sắc trông như một tấm thảm do sóng nước thiên nhiên tạo thành.

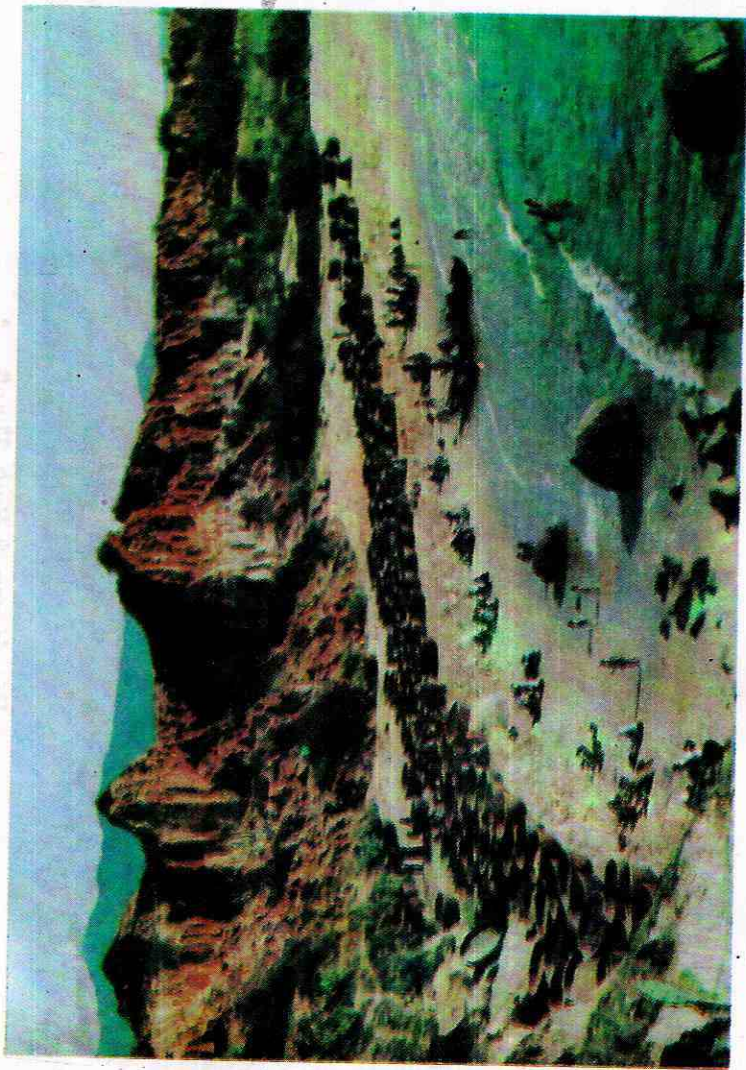
Ở Duông có Gành Sơn mang bao sự tích kỳ thú: Hầm Bà Đen, Bà Đỏ, Hang Rông, Bãi Xếp, Giếng Tiên... Khi xuân về, hè đến du khách xa gần đến đây du ngoạn, tắm biển.

Ra phía bắc huyện có dãy Trường Sơn hùng vĩ lượn vòng, có nhánh nhô ra sát biển, in bóng xuống đại dương bao la. Từ eo Cà Ná trông ra hướng biển Đông, cách bờ biển 7 - 8 km có hòn Lao Cau nhỏ nhắn, nên thơ tạo thành một quần thể hấp dẫn : rừng núi, biển cả, hải đảo làm rung động lòng người tứ phương mỗi khi đến đây. Ngoài ra còn nhiều thắng cảnh đẹp khác như : suối Tăng Kun, chùa Linh Sơn Tự... cũng không kém phần hấp dẫn du khách.

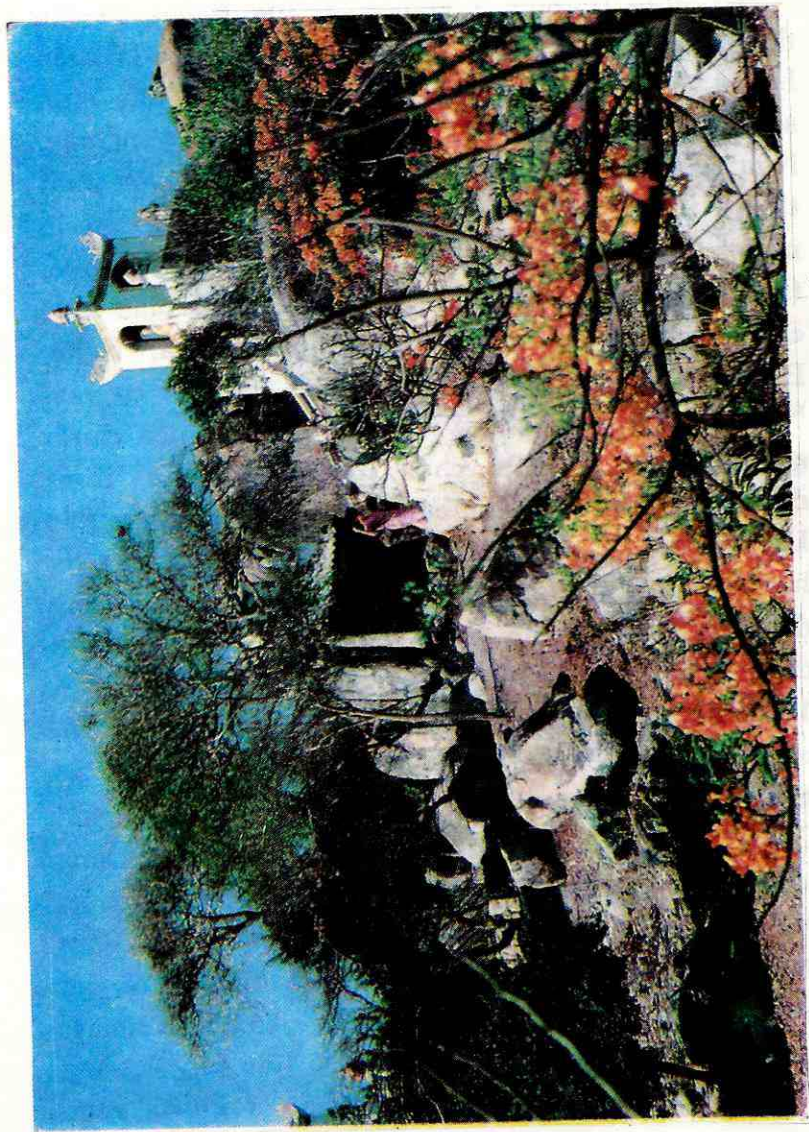


Bãi đá con ở Bình Thạnh.

ĐỒ 44 SƠN & SÔNG LẬP ĐỒ



Gành Sơn, xã Chi Công.



Chùa Cổ Thành (Chùa Hang) xã Bình Thạnh.

Cư dân có mặt ở vùng đất Tuy Phong từ lâu đời. Trong thế kỷ XV - XVI, nơi đây còn là chốn hoang sơ, chỉ có số đồng bào Chăm đến sinh sống, vỡ hoang làm ruộng nước, tạo lập cơ nghiệp. Nửa đầu thế kỷ thứ XVII, đồng bào Kinh vốn xuất thân từ các tầng lớp nghèo khổ, phần lớn là những người cùng đinh, trốn sưu, trốn thuế, trốn lính, chán ghét chiến tranh, bất mãn với chế độ đương thời từ các tỉnh : Thanh, Nghệ, Bình Trị Thiên, Nam-Ngãi-Bình-Phú di cư vào. Nhất là từ thế kỷ thứ XVIII trở đi, thực hiện chính sách khẩn hoang của chúa Nguyễn, người Kinh đến đây ngày một đông, cùng với người Chăm, Rắc Lây khai phá đất đai sinh cơ lập nghiệp, dần dà hình thành làng, xã. Cư dân ở đây gồm một cộng đồng có nhiều thành phần dân tộc, trong đó có 3 dân tộc chủ yếu : Kinh, Chăm, Rắc Lây. Trước năm 1945, dân số toàn huyện khoảng 25.000 người, đến nay lên đến 96.704 khẩu (theo điều tra dân số ngày 1-4-1989), người Kinh : 92.099 khẩu, người Chăm : 3.285 khẩu, người Rắc Lây 574 khẩu... Đồng bào Kinh định cư ở vùng đồng bằng ven biển, họ sống chủ yếu dựa vào các nghề : làm biển, làm ruộng, làm rẫy, chế biến thủy sản, buôn bán và làm muối. Đồng bào Chăm sống chủ yếu làm ruộng, rẫy, trồng bông dệt vải. Đồng bào Rắc Lây ở vùng núi cao xã Phan Dũng, một phần ở Phong Phú,

ngày trước họ sống du canh, du cư, nay đã định cư, sống chủ yếu làm rẫy, một số ít trồng lúa nước.

Thiên nhiên ở vùng nhiệt đới gió mùa, có nhiều thuận lợi nhưng nó gây ra không ít khó khăn cho cư dân nông nghiệp, ngư nghiệp Tuy Phong : hạn hán, bão lụt, thú dữ phá hoại mùa màng, nhu cầu về thủy lợi đắp đập ngăn sông... đòi hỏi các dân tộc phải đoàn kết, kề vai sát cánh cùng nhau để chinh phục thiên nhiên. Quá trình tạo lập cuộc sống đã tạo nên sự cố kết trong cộng đồng dân cư : mọi người phải thương yêu đùm bọc lấy nhau, đoàn kết, tương trợ lẫn nhau trong lao động, chiến đấu để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Vừa chinh phục thiên nhiên gian khó, nhân dân Tuy Phong vừa phải liên tục chống thù trong giặc ngoài. Mỗi khi quê hương, đất nước bị giặc ngoại xâm đe dọa, là mỗi lần nhân dân từ miền xuôi đến miền ngược đoàn kết lại cùng nhau chống kẻ thù. Nhiều phong trào đấu tranh đã nổ ra mạnh mẽ, quyết liệt chống lại sự đô hộ của bọn thực dân đế quốc. Khi tiếng súng kháng chiến chống Pháp nổ ra ở kinh thành Huế, nhân dân Tuy Phong tích cực hưởng ứng chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi (1885), tham gia vào cuộc đấu tranh chống Pháp, dưới sự lãnh đạo của các văn thân, sĩ phu yêu nước địa phương. Tham gia vào các phong

trào Đông Du, Duy Tân của cụ Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh. Nhất là từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, lãnh đạo cách mạng tại địa phương, nhân dân Tuy Phong đã có nhiều đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, cùng với cả nước đánh bại chủ nghĩa thực dân cũ và mới.

Trong bề dày văn hóa truyền thống, vấn đề xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, tạo nên một nét sống đẹp của các dân tộc : Kinh, Chăm, Rắc Lây... luôn thủy chung, đoàn kết, có tinh thần tương trợ lẫn nhau, cần cù sáng tạo trong lao động, trung dũng, kiên cường, bất khuất trong đấu tranh, thể hiện phong phú trên lĩnh vực văn hóa tinh thần và qua các di tích văn hóa lịch sử còn lưu lại đến ngày nay.

Tuy Phong cũng đã đóng góp cho dân tộc nhiều người có học vị cao : tiến sĩ, cử nhân, tú tài... Sự nghiệp sáng tạo của họ để lại nhiều thể loại : văn, thơ, kịch, họa, múa... phục vụ cho cuộc sống lao động và chiến đấu của nhân dân địa phương trong các thời kỳ lịch sử.

Ông Nguyễn Đăng Hữu (người Hòa Đa), năm đầu Minh Mạng được phong Hiệp biện đại học sĩ. Khi Tô Trân làm tri phủ Bình Thuận có hỏi ý kiến về phương thuật trị dân, ông đáp rằng : "Thương con trâu trước hết phải bắt rận cho nó,

thường người dân, trước hết phải trừng trị những
lại thuộc tham ô".

Ông Trương Gia Mô từ Nam bộ ra đến ẩn dật,
cư ngụ tại Duông (Chí Công), lúc làm quan ở triều
đình Huế có đưa ra một số cải cách tiến bộ nhưng
triều đình không chấp thuận, chán nản ông
 cáo quan trở về Duông, tham gia vào phong trào
 yêu nước của cụ Phan Chu Trinh. Sự nghiệp sáng
 tác văn thơ của nhà chí sĩ yêu nước đã để lại
 nhiều công trình giá trị, hiện nay tuyển tập thơ
 của ông đã được xuất bản.

Ông Nhiêu Thanh ở Bình Thạnh, đã có nhiều
 sáng tác : "Liễu nặng vì sương", "Cục máu xấn
 ba", "Á phi hưng", "Nha phiến", những tác phẩm này
 nhằm tố cáo âm mưu chia rẽ Bắc - Trung - Nam
 của thực dân Pháp, nói lên nỗi đau khổ của người
 dân nô lệ trước cảnh nước mất nhà tan. Ngoài
 ra ở đây còn có các cụ cử nhân như Từ Hữu Vũ,
 Phạm Bá Vỹ...

Trên lĩnh vực văn hóa, tinh thần còn nhiều sáng
 tác của các tác giả hữu danh và vô danh khác
 đang được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân Tuy
 Phong. Đồng thời, ở đây có nhiều di tích văn
 hóa lịch sử thể hiện bề dày truyền thống văn hóa
 của cư dân Tuy Phong.

Các đền, tháp cổ của người Chăm trong đó tiêu biểu là tháp cổ ở Tuy Tịnh, Phú Lạc có hoa văn trang trí đẹp, xây dựng cùng thời với các tháp Chăm ở Phan Rang. Tháp này mang tên Pô Tâm, người có công đắp đập, ngăn sông dẫn nước vào đồng ruộng, biến đất khô cằn thành ruộng cấy lúa, mang lại ấm no cho người dân.

Chùa Cổ Thạch ở Bình Thạnh, chùa Linh Sơn Tự ở Vinh Hải, vừa là di tích văn hóa có thắng cảnh đẹp, vừa là nơi trước kia trú ẩn, hội họp, nuôi dưỡng cán bộ cách mạng hoạt động trong những năm dài chống Pháp, đánh Mỹ. Đặc biệt, ở chùa Linh Sơn Tự còn lưu giữ một chiếc ấn thời Quang Trung. Đây là nơi trú ẩn của một số võ tướng và nghĩa quân Tây Sơn sau khi lâm nạn ; dưới thời Nguyễn Ánh (Gia Long) lên nắm quyền.

Sơn phòng Kênh Kênh ở thượng nguồn sông Lòng Sông (xã Phong Phú) và Hải phòng ngự (ở xã Bình Thạnh), là dấu tích của nghĩa quân hưởng ứng chiếu Cần Vương năm 1885 do các ông : Phạm Doan, Phạm Sảng, Dương Hoàng Nghị ở Bình Thạnh và Phùng Hàn, Phùng Tố, Nguyễn Văn Luận ở Duồng lãnh đạo, tập hợp nhân dân các dân tộc ở Tuy Phong phò vua, chống giặc cứu nước.

Chùa Phước An và nhà cụ Nghè Mô ở Duồng, năm 1909, trên đường vào Nam tìm đường cứu

nước, anh Nguyễn Tất Thành (sau này là Nguyễn Ái Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh) dừng lại một thời gian. Ở nơi đây, anh được cụ Nghè Mô cùng thầy thủ... tạ Bùi Hữu Hiến (ở chùa Phước An) che chở, cụ Nghè Mô góp thêm hương tìm đường cứu nước và giới thiệu anh vào trường Dục Thanh (ở Phan Thiết) dạy học, trở thành thầy giáo Nguyễn Tất Thành.

Năm 1947, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên trung ương Đảng trên đường vào Nam hoạt động có ghé lại Bình Thạnh một thời gian, ở nhà ông Bốn Tiếng (ông Huỳnh Tiếng và bà Phạm Thị Nhường). Trong thời gian lưu lại ở địa phương, đồng chí Lê Duẩn đã giúp giải quyết nhiều vướng mắc của cán bộ trong chỉ đạo kháng chiến ở Tuy Phong.

Năm 1948, một đoàn cán bộ Trung ương có các đồng chí Lê Đức Thọ, Phạm Ngọc Thạch, Dương Quốc Chính trên đường đi công tác đã ghé lại xã Chí Công được má Ty (thôn Hà Thủy) nuôi giấu dưới hầm.

Các di tích văn hóa lịch sử còn lưu lại đến ngày nay, làm cho ta nhiều xúc động và càng thấy tự hào với truyền thống hào hùng của quê hương.

CHƯƠNG II

TUY PHONG TRƯỚC NGÀY CÓ ĐẢNG

Cuối thế kỷ XVIII, đồng bào các dân tộc ở Tuy Phong đã tích cực ủng hộ sức người, sức của cho phong trào Tây Sơn, dưới sự lãnh đạo thiên tài của vị anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ, đánh dẹp sự cát cứ chia cắt đảng trong và đảng ngoài của chế độ phong kiến Trịnh - Nguyễn, thống nhất lại sơn hà.

Nguyễn Ánh phục thù nhờ viện binh nước ngoài, tập hợp lực lượng đánh đổ triều Tây Sơn, đồng bào Kinh, Chăm ở Tuy Phong cũng như nhân dân cả nước tham gia, ủng hộ phong trào Tây Sơn đều bị chúng khủng bố đẫm máu.

Vào giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta, chúng tiến đến đâu, đều gặp phải cuộc chiến đấu bất khuất, ngoan cường của nhân dân Việt Nam. Bằng mọi thứ vũ khí có trong tay, đồng bào các dân tộc đoàn kết vùng dậy, chống giặc ngoại xâm và bọn tay sai bán nước.

Năm 1885, khi biết vua Hàm nghi có chiếu Cần Vương, kêu gọi nhân sĩ, chiêu tập nhân dân khắp mọi miền đất nước đứng lên kháng chiến chống

thực dân Pháp, các thân hào, sĩ phu yêu nước ở hai xã Bình Thạnh và Duông đứng ra tổ chức lực lượng kháng chiến. Chủ trương lúc này của các sĩ phu là : "Bình Tây sát tả" để phò vua cứu nước, được nhân dân tham gia, hưởng ứng tích cực. Đồng bào các dân tộc Kinh, Chăm trong huyện hăng hái gia nhập nghĩa quân, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho lực lượng kháng chiến.

Phong trào hưởng ứng chiếu Cần Vương ở Bình Thạnh do ông Phạm Đoan làm "Chánh đề quân", ông Phạm Sằng "Phó đề quân", ông Dương Hoàng Nghị giữ chức "Tứ Hãn" lãnh đạo. Đơn vị tổ chức thành một cơ binh (đại đội), trang bị vũ khí tuy còn thô sơ như : gươm, dao, giáo, mác, gậy gộc... lợi dụng địa thế vùng Bàu Vua, Bàu Khoai làm chỗ giấu quân, luyện tập quân sĩ và bí mật xây dựng phòng tuyến chiến đấu (Hải phòng ngự).

Đồng thời, lúc này ở Duông có ông Nguyễn Văn Luân con trai thứ tư của quan Hàn lâm thị giảng học sĩ Nguyễn Văn Phương đứng lên tự xưng là lãnh binh cùng với Phùng Hãn, Phùng Tố chiêu mộ nghĩa quân, lấy vùng núi Kênh Kênh lập căn cứ để tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Tại đây, các ông cùng với nghĩa quân xây dựng tuyến sơn phòng bảo vệ căn cứ, thành lũy xây dựng bằng

đá rất kiên cố, nằm ở địa thế hiểm trở, đường đi lại khó khăn.

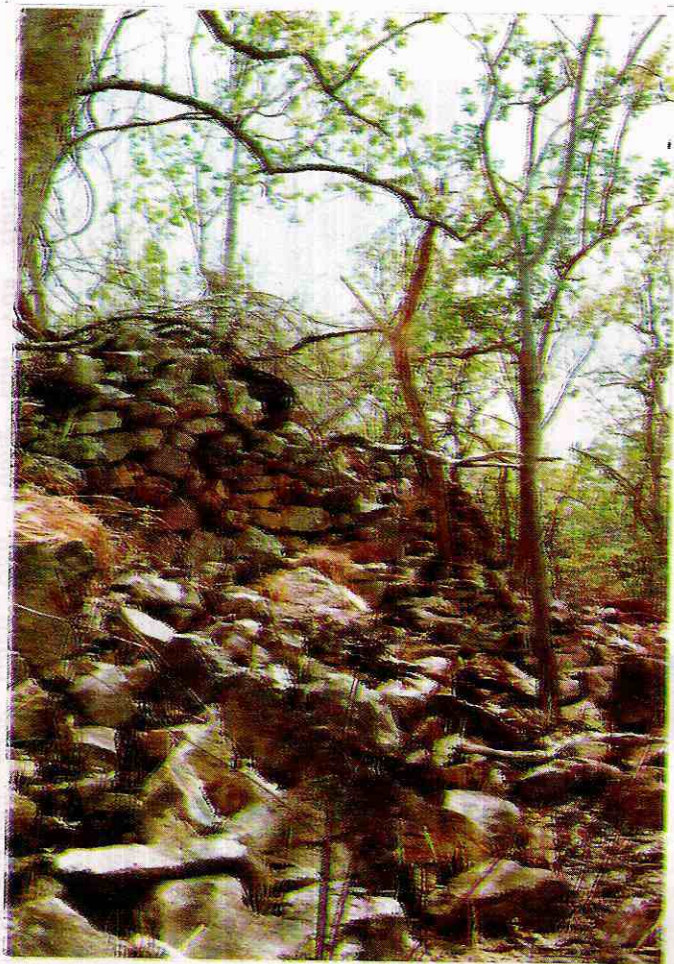
Trong quá trình khởi nghĩa, hai tổ chức kháng chiến ở Bình Thạnh, Duồng đã phối hợp với nhau đánh chiếm huyện lỵ Tuy Phong, tỉnh thành Bình Thuận.

Mùa hè năm 1886, khi tiếng kèn lệnh phát lên (dùng con ốc bươu thổi phát lệnh), dưới sự lãnh đạo của "Bộ tham mưu", nghĩa quân mở cuộc tấn công quyết liệt, bao vây, đánh chiếm làm chủ hoàn toàn huyện lỵ Tuy Phong (huyện lỵ lúc bấy giờ đóng ở thôn Thái Hòa, nay thuộc xã Bình Thạnh), làm nức lòng quân sĩ và nhân dân địa phương. Thừa thắng, nghĩa quân tấn công vào Duồng, phối hợp với lực lượng khởi nghĩa địa phương do Nguyễn Văn Luận, Phùng Hàn, Phùng Tố lãnh đạo, đánh thẳng vào Phan Rí làm chủ tình hình khuếch trương thắng lợi, mở đợt tiến công chiếm luôn lỵ sở tỉnh Bình Thuận (tỉnh thành lúc đó đóng ở làng Xuân An, tổng Đa Phước, huyện Hòa Đa, nay là thôn Xuân An, xã Chợ Lầu ; huyện Bắc Bình), bắt gần hết bọn quan lại, chỉ còn một tên thoát được, chạy vào Nam kỳ báo cho giặc Pháp.

Khi nhận được tin mật báo, ba tháng sau, viên Thống đốc Nam kỳ ở Sài Gòn sai tên Việt gian



Mộ Cụ Phạm Doan, một trong những người lãnh đạo
chống Pháp theo chiếu Cần Vương của Vua Hàm
Nghị 1886.



Sơn phòng ở núi Kênh Kênh căn cứ kháng chiến chống Pháp của lãnh binh Nguyễn Văn Luận trong phong trào hưởng ứng Cần Vương năm 1886.

khét tiếng tàn ác Trần Bá Lộc hợp cùng với thiếu tá De Hore và Công sứ Aul-lenier đưa viện binh từ Nam kỳ ra đàn áp phong trào kháng chiến ở Bình Thuận.

Tháng 8-1886, ba chiếc tàu thủy Pháp (tàu sơn màu xám, đồng bào địa phương gọi là tàu "Mốc") chở quân đổ bộ vào vùng Phan Rí, Duông. Sau khi gây nhiều tội ác đối với nhân dân hai xã, chúng đánh lên Hòa Đa, chiếm lại lý sở tỉnh Bình Thuận.

Tàu thủy Pháp tiếp tục cuộc hành quân, khủng bố các xã măng Bắc Tuy Phong. Khi chạy ngang qua vùng biển Bình Thạnh, chúng nã súng vào làng gây tội ác, làm sập một số nhà cửa, rồi cập tàu đổ bộ vào Long Hương. Chúng thẳng tay đàn áp, đốt phá nhà cửa của nhân dân, tìm diệt lực lượng khởi nghĩa. Sau một thời gian khủng bố, lùng sục, chúng bắt được 8 nghĩa quân, trong đó có 3 người thủ lĩnh của phong trào : ông Phạm Doan và anh em ông Phùng Hàn, Phùng Tố.

Ngày 20-8-1886, thực dân Pháp đưa 3 ông thủ lĩnh ra hành quyết tại cồn Phan Rí, đầu của 3 ông chúng bêu lên ở chợ Phan Rí. Gia đình ông Phạm Doan, Phùng Hàn, Phùng Tố xin đưa xác về, chúng chỉ cho nhận thây. Khi tắm liệm các ông, gia đình phải làm đầu già bằng gỗ.

Trên mộ ông Phạm Doan tại xã Bình Thạnh có ghi "Tinh phạm, tự trọng thủy, ôn lương phù quân chi mộ".

Thực dân Pháp tiếp tục khủng bố nhân dân, tổ chức gián tiếp dò la, bí mật dẫn đường cho quân Pháp tấn công lên đánh chiếm căn cứ sơn phòng Kênh Kênh. Căn cứ thất thủ, lãnh binh Nguyễn Văn Luận sa vào tay giặc. Ngày 15-9-1886, chúng đưa ông về Phan Rí trảm thủ, đầu của ông chúng bêu ở bãi biển gần cửa Phan Rí. Gia đình của ông lấy xác về chôn ở vùng Bàu Vua.

Tháng 9-1886, ngọn cờ "Cần Vương" kháng Pháp của nhân dân Tuy Phong chấm dứt, tỉnh thành và các phủ, huyện lọt vào tay giặc. Một số người thủ lĩnh phong trào và nghĩa quân tạm chạy lánh đi các nơi, để tránh sự khủng bố của kẻ thù. Nhân dân sống trong cảnh tủi nhục, dưới hai tầng áp bức, bóc lột của chế độ thực dân, phong kiến.

Cuối thế kỷ XIX, sau khi xâm chiếm hoàn toàn nước ta, chúng chia thành : Bắc kỳ, Trung kỳ và

Nam kỳ để cai trị. Huyện Tuy Phong nằm ở xứ Trung kỳ "bảo hộ", nên ngoài bộ máy cai trị của bọn phong kiến triều Nguyễn vẫn được thực dân Pháp duy trì : Ở huyện có tri huyện, để lại, vài thừa phái và năm, bảy lính lệ. Dưới huyện có chánh, phó tổng và xã có ban lý hương. Còn có bộ máy cai trị trực tiếp của thực dân Pháp, đặt cơ quan đại lý (Délégué) tại Hòa Đa để điều hành 3 huyện phía bắc tỉnh Bình Thuận, gồm: Tuy phong, Hòa Đa, Phan Lý Chàm. Các công chức của Pháp nằm trong các bộ máy giúp việc chuyên môn ở các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội... Cơ quan đại lý, thực chất là bộ máy đàn áp bằng quân sự, có một trung đội lính khố xanh, do tên quan ba Pháp chỉ huy. Cả hai bộ máy này, cùng với thể chế, pháp luật khắt khe, nhất là bộ luật Hồng Đức của chế độ phong kiến, được thực dân Pháp duy trì, ngoài ra chúng còn đặt nhiều luật lệ vô lý khác, nhằm bóc lột đến tận xương tủy nhân dân ta. Bộ máy cai trị của giai cấp phong kiến ở Tuy Phong, thực chất chỉ là tay sai giúp việc cho Pháp, thực hiện ý đồ chính trị : bóc lột và đàn áp.

Những năm đầu thế kỷ XX, Pháp bắt đầu xây dựng các tuyến đường xe lửa, xe hơi chạy ngang qua huyện Tuy Phong, để phục vụ cho việc khai

thác tài nguyên và bóc lột sức lao động rẻ mạt ở thuộc địa. Những công trường xây dựng khai thác đá dăm, đá chẻ, làm đường xe lửa, xe hơi, xây dựng nhà ga, kho tàng... lần lượt ra đời. Và lần đầu tiên ở Tuy Phong xuất hiện một tầng lớp bán sức lao động mới, bọn Pháp gọi là "Cu ly". Số cu ly này, một số được tuyển dụng trong các làng, xã ở Tuy Phong, số khác đưa từ các nơi đến. Vì nghe theo những lời lừa mị sẽ trả lương cao, nhưng thực chất đời sống của những cu ly thật lầm than, đói rách, bệnh tật không thuốc thang, tiền công rẻ mạt, lại thường xuyên bị roi vọt, cúp phạt, chửi bới, chẳng khác nào kiếp ngựa trâu. Nhiều cu ly phần uất trước thái độ khinh miệt, đối xử tồi tệ của bọn ngoại bang đã có những hành động chống đối hoặc bỏ việc.

Năm 1910, đường xe lửa Tháp Chàm - Biên Hòa nối liền và đường xe hơi cũng được xây dựng. Các xí nghiệp kế đó lần lượt ra đời trên đất Tuy Phong.

Năm 1915, nước suối khoáng Vinh Hảo đi vào khai thác, do công ty "Hội nghiên cứu nước suối Vinh Hảo" đầu tư và kỹ sư Geovge Ba Vondenu làm chủ tịch. Sản phẩm của xí nghiệp có nhãn hiệu "Nước suối Vinh Hảo", được lưu hành rộng rãi trên thị trường cả nước.

Bãi cát lồi ở Vinh Hảo, nhân dân thường đến mùa đi hốt về bán lấy tiền kiếm sống, cũng bị một tên tư bản Pháp chiếm đoạt, trưng mua với giá rẻ mạt 200 đồng Đông Dương.

Còn bọn địa chủ, cường hào dựa vào Pháp "làm mưa làm gió" ở nông thôn. Chúng trưng mua, cướp đoạt ruộng đất của người nghèo, có những tên chiếm hữu số ruộng đất lớn từ 70 - 100 ha đã làm cho tình cảnh của người nông dân người Việt và người Chăm ở Tuy Phong ngày một khốn cùng dưới hai tầng áp bức bóc lột của thực dân, phong kiến.

Thực dân Pháp còn giữ độc quyền trong mua bán muối và nấu bán rượu, thuốc phiện, bông vải, thuốc lá.

Dưới cơ quan đại lý Hòa Đa, Pháp đặt các đồn thương chánh, thuế quan tại các trung tâm buôn bán và các xã có sản xuất hàng chúng cấm như : Đồn thương chánh Duông, Phan Rí Cửa, Bình Thạnh... nhằm quản lý, kiểm soát chặt chẽ những mặt hàng : muối, rượu và các loại lâm thổ sản khác. Hàng ngày bọn lính chặn kiểm soát các cửa ngõ buôn bán lũng tục trong các làng, xã tìm bắt những người buôn bán hàng lậu. Nếu ai chứa chấp chúng bắt được, sẽ bị đánh đập tàn nhẫn và lâm vào cảnh tù tội.

Trước những hành động hống hách, ức hiếp trong thu thuế, gian lận về mua bán của bọn Pháp đối với nhân dân Tuy Phong, đã xảy ra nhiều vụ xô xát, đánh nhau giữa người lao động và các tên chủ sự người Pháp. Có những vụ làm ăn gian dối, tiêu cực của bọn Pháp ở đồn thương chánh, Ban lý hương đồng lòng với người lao động đấu tranh chống lại.

Năm 1927, một số điểm dân ở Duông đã đánh gục tên Pauzer, chủ sự thương chánh Phan Rí Cửa tại sở Muối Duông vì tên này lúc ra giám sát nó thường đánh đập, hạch hợ anh em đồng, gánh muối.

Năm 1938, nhân dân Phan Rí Cửa đánh gục tên Plligrini quản lý hãng rượu Biên Hòa vì có hành động hống hách trong lúc đi cổ động cho hãng rượu.

Trước năm 1945, toàn huyện Tuy Phong chỉ có một trường tiểu học ở Long Hương, mỗi xã có một trường sơ học với số lượng học sinh rất ít. Ai muốn học cao thì ra Huế, Hà Nội... cho nên những người có học ở địa phương, phần lớn là gia đình khá giả, địa chủ, quan lại, cường hào, còn hơn 90% nhân dân lao động là mù chữ.

Chính quyền thực dân, phong kiến không xây dựng bệnh viện, thuốc men chữa trị ít, nên các vùng nông thôn, dân tộc ít người, khi có người ốm như trước đây thường mời thầy cúng đến "bốc thuốc", tốn kém nhiều mà vẫn "tiền mất tật mang". Do không chú ý đến chữa trị, đời sống cực khổ, nên dịch bệnh thường xảy ra, lan tràn khắp nơi. Năm 1911, ở Tuy Phong xảy ra một trận dịch hạch lớn, làng Long Phước người chết quá phân nửa, bỏ trống trên 100 nóc nhà. Ở Bình Thạnh cũng trải qua một trận dịch hạch, nhiều người chết đến nổi đường vắng người, xóm làng vắng tiếng. Trong khi đó chính quyền thực dân, phong kiến vẫn làm ngơ, bỏ mặt trước nỗi đau thương, tang tóc của người dân do dịch bệnh giết hại.

Là một nước thuộc địa nên về chính trị, thực dân Pháp thẳng tay đàn áp các phong trào đấu tranh yêu nước, tước hết mọi quyền tự do, dân chủ. Luôn gây sự hiềm khích, chia rẽ, hận thù giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo với nhau, nhằm phá vỡ khối đoàn kết, thống nhất vốn đã tồn tại từ lâu trong cộng đồng cư dân sống ở Tuy Phong.

Với chính sách chuyên quyền về kinh tế, chính trị của thực dân Pháp, các thể chế, pháp luật khắc khe của nhà Nguyễn đã làm cho xã hội ở Tuy Phong có sự phân hóa giữa các giai tầng,

nhưng ngoài giai cấp thống trị quan hệ trong dân chúng với nhau ít căng thẳng, không mang tính đối kháng gay gắt. Trong mỗi quan hệ đó có sự nhân nhượng lẫn nhau, xuất phát từ nguồn gốc hình thành dân cư và đặc điểm của nền kinh tế, xã hội tạo nên. Cư dân Tuy Phong phần lớn làm nông nghiệp, ngư nghiệp, sống trong điều kiện thiên nhiên, vùng đất làm ăn tương đối thuận lợi, dễ sống. Họ là những người từ các tỉnh miền ngoài di cư vào tìm đất sinh sống, gặp nhau cùng cảnh ngộ, nên tình cảm xóm làng gắn bó đậm đà, tương thân, tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống. Đoàn kết trong lao động, đấu tranh để tồn tại và phát triển. Cuộc sống ấy tạo nên tính cách của con người ở đây : Sống có thủy, có chung, yêu điều thiện, lẽ phải, thích tự do, phóng khoáng, ghét bất công, miệt thị và đã hình thành sắc nét riêng của từng giai cấp trong xã hội Tuy Phong.

Ở Tuy Phong chỉ có 1 - 2 địa chủ lớn, chiếm số ruộng từ 70 - 100 ha, còn phần nhiều địa chủ vừa và nhỏ, có số ruộng đất từ 5 - 20 ha. Do chế độ bóc lột của địa chủ đối với tá điền cao, nên người lao động nghèo làm thuê phải gánh chịu chế độ tô tức nặng nề, nhất là đóng bào Chăm. Bản thân địa chủ vẫn có mâu thuẫn với thực dân và chính quyền phong kiến do sự chèn ép,

tranh giành quyền lợi lẫn nhau, nhưng vì quyền lợi ích kỷ, họ vẫn bám theo thực dân để bóc lột, đàn áp. Tuy vậy, trong hàng ngũ địa chủ ở Tuy Phong có sự phân hóa, khi có Đảng trực tiếp lãnh đạo giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, phần lớn số địa chủ có cảm tình với cách mạng, họ cho con em vào các tổ chức hoạt động của Đảng, ủng hộ của cải cho kháng chiến.

Trong nghề biển, có mối quan hệ giữa thợ và bạn. Thợ là người chủ phương tiện, có lưới, có ghe, có tiền của đứng ra thuê mượn bạn. Bạn là những người lao động biển nghèo không có tư liệu sản xuất. Sau mỗi chuyến đi biển về chủ thuyền (thợ) trích ra một phần cá gọi là cá phần và một phần tiền gọi là tiền phần đưa ra chia đều cho thợ và bạn. Sau khi chia cá phần, tiền phần xong, số tiền bán sản phẩm còn lại dồn vào một quỹ chung, báo cho Biện (người ghi sổ) ghi vào sổ theo dõi. Đến cuối năm (thường vào dịp gần tết) số tiền dồn lại sau các chuyến biển đưa ra chia theo tỷ lệ 6/4 (thợ 6, bạn 4), thường thợ chiếm từ 60 - 70% sản phẩm. Trước khi chia theo tỷ lệ ấy thợ đã trích ra các khoản chi : chi cho cúng cần, chi tiền tư nợ, dầu chai, chi cho các phần cần (cần cho thợ, vợ con thợ, cần chèo dục, cần cho người ghi sổ...). Không những

chủ ghe thuyền hưởng lợi nhuận cao, mà còn bóc xén gian lận trong mua bán sản phẩm với người lao động. Mỗi quan hệ giữa thợ và bạn trong đánh bắt hải sản, thực chất là mối quan hệ giữa người bóc lột và người bị bóc lột.

Trong nghề muối, thực dân Pháp giữ độc quyền mua và bán, chúng mua vào với giá rẻ mạt, nhưng lúc bán ra nâng giá lên từ 15 - 20 lần, làm cho chủ ruộng muối và diêm lân lâm vào hoàn cảnh khó khăn, và với chính sách nâng giá lên cao đã kìm hãm nhiều nghề sản xuất truyền thống ở địa phương, đánh trực tiếp vào người tiêu dùng và các tiểu chủ, hàm hộ.

Trong nghề chế biến nước mắm ở Tuy phong, đại bộ phận các tiểu chủ, hàm hộ đều tự đứng ra sản xuất, kinh doanh, chỉ có một số hàm hộ lớn đứng ra thuê mướn công nhân từ 3 - 5 người. Sức lao động của người làm thuê, được chủ thùng lều trả theo kiểu làm công ăn lương. Quan hệ giữa chủ với công nhân thuê ít cách biệt, do điều kiện làm ăn ở đây dễ dàng, nên chủ cũng nói lỏng một phần để tranh thủ người lao động.

Một số tiểu chủ, hàm hộ, hiệu buôn còn đứng ra tậu ruộng, thuê mướn lao động đến canh tác theo kiểu địa chủ, phú nông, thực hiện hình thức chế độ quá điển.

Giai cấp nông dân ở Tuy Phong là lực lượng đông đảo nhất trong xã hội, bị bọn thực dân, phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề. Ngoài hình thức bóc lột phi kinh tế thời trung cổ với thuế khóa nặng nề và vô lý đánh vào người lao động như thuế thân... Ngoài ra hàng năm người nông dân còn phải gánh chịu đóng một suất sưu (xâu), lao động không lương trên các công trường xây dựng của Pháp. Cảnh sưu cao, thuế nặng, bị chiếm đoạt ruộng đất, chế độ địa tô cao, con buôn cho vay nặng lãi... càng đè nặng lên đời sống của người nông dân, vốn đã cơ cực, nay càng điêu đứng hẳn cùng hơn. Nhất là số bản cố nông người Việt lẫn người Chăm. Nên mâu thuẫn giữa nông dân với bọn thực dân phong kiến ngày càng sâu sắc. Nhưng nhờ điều kiện kinh tế làm ăn dễ dàng, nhân lực thiếu thường xuyên, nên các tầng lớp trên cũng phải có sự nhân nhượng nhất định. Giai cấp nông dân ở Tuy Phong phần lớn từ các tỉnh Thanh - Nghệ... bỏ quê hương ra đi để tránh sự áp bức, nên rất thiết tha với độc lập, tự do, có tinh thần yêu nước, căm thù thực dân phong kiến sâu sắc, là lực lượng hùng hậu có nhiều đóng góp to lớn, quyết định trong các cuộc cách mạng. Là người bạn gần gũi, tin cậy của giai cấp công nhân, trong suốt quá trình tiến hành cuộc cách mạng, thực hiện khối liên minh vững chắc.

Giai cấp tiểu tư sản ở Tuy Phong, chiếm một phần nhỏ dân cư trong xã hội, gồm nhiều tầng lớp khác nhau, hoạt động ở các ngành kinh tế, văn hóa - xã hội tại địa phương. Giai cấp tiểu tư sản phần lớn là người có học, làm trong các ngành nghề buôn bán, tiểu thủ công nghiệp, công chức nhỏ, dạy học... Họ từ tầng lớp nông dân đi lên hoặc trong giai cấp bóc lột đi ra, nhưng vẫn là con người nô lệ. Địa vị kinh tế của họ nhìn chung chưa ổn định. Trong tầng lớp tiểu tư sản Tuy Phong, ý thức dân tộc độc lập, dân chủ tự do, biểu hiện rõ nét hơn ý thức giai cấp. Họ oán ghét, căm phẫn những hành động khinh rẻ, miệt thị dân tộc của bọn thực dân, sự hống hách của bọn quan lại. Một số người có học hành, đỗ đạt, không thích ra làm công chức cho Pháp. Những người có địa vị, chức tước phần nhiều là người ở nơi khác bổ nhiệm đến. Tầng lớp tiểu tư sản rất nhạy cảm, thức thời có tinh thần yêu nước, chống đế quốc, tích cực tham gia trong các phong trào đấu tranh yêu nước, là người bạn đồng minh của giai cấp công nhân. Tuy nhiên họ cũng có những mặt hạn chế, do địa vị kinh tế, chính trị của mình, trước những thử thách gay gắt, tư tưởng còn dao động.

Giai cấp công nhân ở Tuy Phong, ra đời đầu những năm của thế kỷ XX, gắn liền với quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp tại địa

phương. Tuy số lượng không đông, ra đời muộn, tuyệt đại đa số là làm nghề thủ công, làm việc cho tư nhân trong các nhà máy xay và làm việc tập trung ở nhà máy nước suối Vinh Hảo, các nhà ga xe lửa, nhưng các hoạt động của công nhân đã có nhiều ảnh hưởng đối với nhân dân Tuy Phong, qua các phong trào đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ. Họ là tầng lớp chịu ba tầng áp bức, bóc lột, lại xuất thân từ người nông dân mặc áo thợ, nên có mối quan hệ máu thịt, gần gũi với quần chúng nhân dân. Đây là điều kiện thuận lợi, khi Đảng thành lập, thực hiện khối liên minh công nông, làm nền tảng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cuối thế kỷ XIX, phong trào "Cần Vương" kháng Pháp để phò vua cứu nước của nhân dân Tuy Phong theo ý thức hệ phong kiến đã thất bại. Bước vào những năm đầu thế kỷ XX, các phong trào đấu tranh yêu nước vẫn tiếp tục phát triển mạnh mẽ, phong phú, kế tục truyền thống anh hùng, bất khuất của dân tộc.

Phong trào Thiên địa hội từ Nam kỳ lan ra, hoạt động ở một số vùng nông thôn trong huyện (như ở Phú Điền) được nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhiều lần tập kích đánh vào huyện lỵ Tuy Phong, gây lên một tiếng vang, đã khơi dậy tinh thần đấu tranh yêu nước trong nhân dân. Phong trào này tồn tại một thời gian ngắn rồi thất bại.

Kế đến là các phong trào đấu tranh yêu nước, theo khuynh hướng dân chủ tư sản, lại diễn ra sôi nổi ở Tuy Phong và các địa phương trong tỉnh Bình Thuận.

Năm 1905, các cụ Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp là những người đề xướng cuộc vận động Duy Tân đã có mặt tại Bình Thuận. Các ông đến liên hệ với những người yêu nước trong tỉnh, tìm gặp những người bạn có cùng chí hướng, quan điểm tiến bộ, để bàn tính việc tổ chức thành lập các công ty, hiệp hội, nhằm chấn hưng nền công nghiệp bản xứ, tuyên truyền tư tưởng yêu nước, mở mang dân trí cho nhân dân.

Cụ Nghè Trương Gia Mô cư trú ở Duông (Chí Công), khi còn làm quan ở Huế có đưa ra 5 điều

trần dâng lên vua, nhằm canh tân đất nước (1) nhưng không được triều đình Huế chấp thuận. Chán nản việc quan trường, cụ cáo quan về nhà, liên hệ với Phan Chu Trinh, Trần Quý Cáp và một số nhân sĩ, trí thức yêu nước ở địa phương, tích cực cổ súy, truyền bá tư tưởng Duy Tân, tổ chức thành lập các hội buôn, các công ty hiệp hội, mở trường dạy học, cải cách ăn mặc, lập hội Ái hữu....

Năm 1908, "Hạnh lan đường" ở Bình Thạnh được thành lập, dùng làm nơi đàm đạo cho các nhà yêu nước địa phương và các nơi khác đến. Đồng thời làm nơi cho đồng bào đến xem sách, báo, bình thơ. Những người trong tổ chức "Hạnh lan đường" góp vốn lại, lập ra hội "Phù Thương" buôn bán trâu, cau... Qua đây làm đường dây liên lạc với tổ chức Liên Thành Phan Thiết. Tiền lãi thu được Hội trích ra một phần ủng hộ cho phong trào du học sinh sang Nhật của cụ Phan Bội Châu.

(1) Năm diều trần của cụ Nghè Trương Gia Mô với triều đình nhà Nguyễn : 1 - Bỏ chữ Hán thay vào chữ Quốc ngữ, 2 - Phá bỏ các tục lệ hủ bại trong triều đình và ngoài dân gian. 3 - Phát minh như các nước Châu Âu, tổ chức lại nền nông nghiệp, công nghiệp hóa đất nước. 4 - Thành lập nghị viện dân cử, dân có quyền diễn đàn và phát biểu ý nguyện của dân...)

Từ năm 1913 trở đi, các thương quán theo hướng Duy Tân lần lượt ra đời ở Tuy Phong. Ở Bình Thạnh, thành lập các thương quán : Phong Thạnh, Đông Thạnh, Hiệp Thạnh, ở Phan Rí Cửa có công ty Hưng Tân, Liên Thành và các chi nhánh ở Long Hương, Long Phước, Duồng cũng được thành lập. Các thương quán, công ty này thu nạp vốn của đại đa số nhân dân trong địa phương, không phân biệt giàu, nghèo, mọi người đều có thể đóng góp cổ phần. Mục đích của các thương quán, nhằm cạnh tranh, hạn chế sự bóc lột của các công ty độc quyền buôn bán hải sản của người Hoa, người Pháp. Ngoài hiệp hội, công ty, các sĩ phu, trí thức còn lập các cơ quan truyền bá tư tưởng Duy Tân trong nhân dân. Bình Thạnh có nhà đọc sách "Hạnh lan đường", "Bình thiện phố" ở Duồng có "Hội bình thơ", Phan Rí Cửa có "Nhà đọc sách" ... Đó là nơi gặp gỡ truyền bá tư tưởng Duy Tân, trao đổi các văn thơ yêu nước như : "Hải ngoại huyết thư", "Lưu cần huyết lệ tân thư" của Phan Bội Châu, "Á tế á ca" của Sào Nam... Và tham khảo các sách, báo như : "Điện tín", "Công luận", "Văn lang", "Dân", "Cùng bạn", "Tiếng dân", "Phong hóa", "Ngày nay", "Chủ nhật", "Con Ong", "Khóc cười"... Các phong trào vận động cắt tóc ngắn, mặc áo kiểu âu, học chữ quốc ngữ... đều diễn ra sôi nổi trong nhân dân.

Cuộc vận động Duy Tân có nhiều ảnh hưởng trong dân chúng, làm cho thực dân Pháp lo sợ, chúng tìm cách dập tắt phong trào.

Năm 1908, những người lãnh đạo chủ chốt của phong trào bị Pháp bắt. Cụ Phan Chu Trinh bị đày đi Côn Đảo xa xôi, cụ Trần Quý Cáp bị chúng xử tử hình, cụ Nghè Trương Gia Mô lãnh án một năm tù giam tại Nha Trang. Tuy phong trào bị Pháp khủng bố, nhưng tư tưởng Duy Tân vẫn ảnh hưởng sâu rộng trong mọi tầng lớp.

Năm 1909, cụ Nghè Mô mãn hạn tù trở về quản thúc tại Duông, hàng ngày bốc thuốc chữa bệnh cho dân. Cuối năm 1909, Nguyễn Tất Thành trên đường ngàn dặm vào Nam tìm đường cứu nước, anh đã ghé lại Duông, tìm gặp cụ Nghè Mô là bạn của cha anh từ thời làm quan ở Huế. Hai bác cháu gặp nhau, cụ Nghè rất mừng, vì biết Nguyễn Tất Thành là con của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Để tránh sự nhòm ngó của mật thám (lúc này cụ Nghè đang bị quản thúc, mật thám thường theo dõi), nên ban ngày cụ Nghè gửi anh ở chùa Phước An, ban đêm về ở nhà cụ Nghè. Đêm đêm, bên ngọn đèn hai bác cháu trò chuyện tâm đắc, tuy tuổi đời chênh lệch, nhưng cả hai đều có một khát vọng, một chí hướng, làm sao tìm được con đường

cứu nước, cứu dân, đánh đuổi hết bọn thực dân và bọn quan lại tham tàn. Nhưng ngày dùng chân ở Duồng, giúp cho anh Thành hiểu sâu thêm về thực tế cuộc sống lam lũ của những người ngư dân, diêm dân ở đây. Qua tiếp xúc với cụ Nghè Mô, anh Thành càng hiểu thêm nỗi day dứt của các sĩ phu yêu nước, đang bế tắc trên con đường đấu tranh cách mạng. Cụ Nghè rất đồng tình với chí hướng cứu nước của anh Thành, cụ tìm mọi cách tạo điều kiện cho Nguyễn Tất Thành ra đi thực hiện hoài bão và ước mơ của mình. Vào khoảng cuối 1909, cụ Nghè Mô đưa anh Thành vào Phan Thiết. Anh Nguyễn Tất Thành được đưa đến dạy học ở trường Dục Thanh, một trường tư thực tiến bộ lúc bấy giờ. Dạy học hơn 8 tháng, sáng ngày 19-9-1910 cụ Nghè từ Duồng vào, cùng với một số người khác đưa Nguyễn Tất Thành rời Phan Thiết vào Sài Gòn với cái tên mới : Văn Ba.

Những năm 1925 - 1926, phong trào đấu tranh của nhân dân ta lại bùng lên mạnh mẽ. Cuối năm 1925, khi nghe tin thực dân Pháp đưa cụ Phan Bội Châu ra xét xử tại tòa án để hình Hà Nội với bản án tử hình, khắp nơi trong nước rầm rộ nổi lên phong trào đòi ân xá cho cụ Phan. Nhân dân Duồng, nhất là số trí thức yêu nước,



*Chùa Phước An (xã Chí Công) nơi Anh Nguyễn Tất
Thành dừng chân trước khi vào Phan Thiết dạy học, cuối
năm 1909.*

thông qua Hội binh thơ cùng với các nơi trong tỉnh Bình Thuận làm đơn gửi cho cụ Phan Bội Châu. Trước sức đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân, thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho cụ. Năm 1926, cụ Phan Chu Trinh mất, một số xã đã tổ chức lễ truy điệu và cử người vào Sài Gòn đưa tang cụ.

Đến đây khuynh hướng cứu nước, theo hướng dân chủ tư sản bất thành. Ở Tuy Phong, cụ Nghè Mô sau khi đưa thầy giáo Nguyễn Tất Thành vào Sài Gòn, rồi cụ vào các tỉnh phía Nam, buồn tủi không làm gì được cho dân, cho nước, căm phẫn những hành động dã man của giặc Pháp giết hại đồng bào ta. Cuối năm 1929, cụ Nghè Mô lên tận chóp tháp núi Sam (Châu Đốc) nhảy xuống tự tử. Cụ để lại 4 câu thơ :

"Ngũ sự khuyến nhơn, nhơn bất hành

Cam vi nô lệ nhật du sinh

Tức kim lão hủ hoàn thiên địa

Hóa tác phong đào đãi hận minh".

Tạm dịch :

"Năm điều khuyên người, người không nghe

Cam phận tôi đòi, chán ngán thay

thân già trở lại đất trời

Hóa ra sóng gió, hận thù thét vang".

Các phong trào đấu tranh yêu nước cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX nổ ra mạnh mẽ. Từ phong trào "Cần Vương" theo ý thức hệ phong kiến, đến hai phong trào Đông Du, Duy Tân theo khuynh hướng dân chủ tư sản diễn ra sôi nổi trong cả nước và ở Tuy Phong, nhưng cuối cùng đều bị thất bại. Do những người lãnh đạo bế tắc, chưa tìm ra một con đường đúng đắn để cứu dân tộc thoát khỏi họa xâm lăng. Phong trào đấu tranh bị thực dân Pháp đàn áp dữ dội, nhưng không thể nào dập tắt được tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường, quật khởi của nhân dân ta, vốn đã được hun đúc qua 4000 năm lịch sử. Tinh thần yêu nước ấy vẫn còn âm ỉ, chờ cơ hội sẽ bùng lên mạnh mẽ.

CHƯƠNG III

CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, GIÀNH CHÍNH QUYỀN KHI CÓ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI (1930 - 1945)

Cuối năm 1909, trên con đường ngàn dặm đi tìm đường cứu nước, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành đã dừng lại ở Tuy Phong một thời gian. Không ai ngờ được, người thanh niên ấy, mười một năm sau (1920) là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người Cộng sản đầu tiên của Việt Nam tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và đứng hẳn về quốc tế thứ III do Lê-nin sáng lập.

Đây là bước ngoặt quan trọng trong nhận thức tư tưởng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, chuyển từ chủ nghĩa yêu nước lên chủ nghĩa cộng sản. Tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác-Lê nin được Người truyền bá về Việt Nam, qua các sách báo bí mật và qua các tổ chức cách mạng do Người thành lập. Quá trình vận động này, tất yếu sẽ dẫn đến sự ra đời một đảng chân chính ở Việt Nam.

Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, đánh dấu một thời kỳ mới trong lịch sử cách mạng Việt Nam, thời kỳ Đảng Cộng sản đội quân tiên phong cách mạng của giai cấp công nhân bước lên vũ đài chính trị, lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam.

Năm 1930 - 1931, ngay sau khi Đảng mới ra đời, đã tổ chức lãnh đạo cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, làm chấn động nền thống trị thuộc địa của thực dân Pháp.

Bọn thực dân, phong kiến ở trong huyện hoang mang lo sợ, tìm cách xuyên tạc, bưng bít sự thật, tăng cường lực lượng bố phòng, đặt nhiều điểm canh trên đường quốc lộ 1 từ Vinh Hảo đến Phan Rí Cửa và dọc đường vào các xã, để kiểm soát nghiêm ngặt người qua lại. Cấm "tùng tam tụ ngũ" (tức là tùm ba tùm năm) và ra sức tuyên truyền nói xấu Đảng Cộng sản. Những người có hoạt động ít nhiều tiến bộ, chúng đều khép vào tội làm cộng sản.

Mặc dù kẻ thù cố tìm cách bưng bít, nhưng ảnh hưởng của "Nghệ An đỏ" vẫn lan truyền đến Tuy Phong, qua các sách báo tiến bộ và qua nhiều người đi đó đây về bàn tán.

Trước sự khủng bố đẫm máu của thực dân Pháp đối với đồng bào ta, những người tiểu tư sản, trí

thức yêu nước ở các xã : Duông, Phan Rí Cửa, Long Phước tập hợp lại, tự đứng ra tổ chức đoàn hát bộ (hát tuồng), trên danh nghĩa hát lấy tiền cứu trợ đồng bào bị nạn bão lụt, nhưng thực chất số tiền đó gửi qua báo "Tiếng dân" của cụ Huỳnh Thúc Kháng, nhờ chuyển đến ủng hộ đồng bào Lâm Thao, Cổ Am và một số vùng ở Nghệ Tĩnh bị Pháp khủng bố trắng. Do hoạt động mang nội dung yêu nước, làm cho thực dân Pháp ở Hòa Đa, Tuy Phong chú ý, điều mật thám theo dõi và tiến hành khủng bố. Tri phủ Hòa Đa Thân Trọng Dực điều lính, mật thám tảo về các xã lùng sục, vây bắt toàn bộ số anh em trong đoàn hát bộ 33 người (bắt được 31, còn 2 người đi vắng chúng không bắt được), cùng với các nhà hàm hộ giàu có ở Duông, Phan Rí Cửa, Long Phước cho là làm cộng sản đưa về lao Phan Thiết giam giữ. Vụ này gây xôn xao dư luận trong huyện, lần đầu tiên hai tiếng "Cộng sản" được nhân dân địa phương nghe đến. Còn anh chị em trong đoàn hát bộ, hành động với tấm lòng yêu nước : "Nhiều điều phủ lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng", chứ không hiểu cộng sản là như thế nào ? Nên qua những ngày tù ngục, tra tấn, xét hỏi đủ điều, bọn chúng không tìm ra một dấu hiệu "Cộng sản" mà chỉ nghi là cộng sản rồi kết án, tù đầy họ.

Trong lúc đó, ở lao Phan Thiết, có một số tù chính trị phạm bị bắt nhân cuộc khởi nghĩa "Nghệ An đỏ" bất thành. Các chiến sĩ Xô Viết Nghệ Tĩnh như : Trần Kiên, Tạ Thúc Cơ... đã tiếp xúc với một số anh em trong đoàn hát bộ để tích cực tuyên truyền giác ngộ cách mạng. Một số thanh niên sau khi ra tù, bước đầu có nhận thức và cảm tình với Cộng sản.

Năm 1932 - 1933, chị Trần Thị Điểm quê ở Long Phước, thuộc nhóm anh em đoàn hát bộ, cùng với chồng Trần Đình Quăng, sau khi ra tù xin vào làm ở ngành hỏa xa, đã tham gia vào tổ chức Công hội đỏ, do các đồng chí đảng viên trong ngành hỏa xa, (đã tham gia vào tổ chức Công hội đỏ, do các đồng chí đảng viên trong ngành hỏa xa,) thuộc Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo. Khoảng năm 1936 - 1937, hưởng ứng cuộc đình công trong ngành hỏa xa do Xứ ủy Nam kỳ lãnh đạo, trên công trường ga sông Lòng Sông, khoảng 200 công nhân (trong đó có 2 đồng chí Trần Đình Quăng và Trần Thị Điểm) tổ chức cuộc bãi công kéo dài một tuần lễ : đòi tăng lương 10% và yêu cầu đổi tên chủ Tây gian ác Brunetrau đi nơi khác. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi, các yêu sách của công nhân được giải quyết.

Tháng 4-1936, Mặt trận bình dân Pháp do Đảng Cộng sản làm nòng cốt, giành thắng lợi trong cuộc tổng tuyển cử vào Quốc hội. Khi lên nắm quyền, Chính phủ Pháp cử phái viên Gô Đa sang điều tra tình hình ở Đông Dương.

Sau Đại hội Quốc tế Cộng sản tháng 7-1935, đến tháng 7-1936, Đảng ta mở Hội nghị Ban chấp hành Trung ương, thành lập Mặt trận nhân dân phản đế hoạt động công khai trong những năm 1936 - 1939 phát động phong trào đấu tranh đòi quyền tự do, cơm áo, dân chủ, hòa bình.

Tháng 8-1936, phong trào Đông Dương đại hội được khởi xướng ở Sài Gòn. Tại Bình Thuận, đồng chí Nguyễn Gia Tú, đảng viên cộng sản, qua theo dõi báo chí công khai, nắm được sự chỉ đạo của Đảng, đồng chí Tú tự đứng ra cùng với một số người ở Bình Thuận thành lập Ủy ban vận động Đông Dương đại hội. Tuy Ủy ban này không được công sứ Pháp ở Phan Thiết thừa nhận, nhưng các đồng chí vẫn tiếp tục cuộc vận động, gây ảnh hưởng chính trị trong quần chúng.

Đồng chí Nguyễn Gia Tú từ Phan Thiết ra Hòa Đa, Tuy Phong tiếp xúc, gặp gỡ các nhân sĩ, trí thức như : Hồ Hữu Ý, Nguyễn Dân (Phan Rí Cửa), Mai Hữu Tịnh, Bùi Hội (Duồng), Lâm

Khuê (Phan Rí Thành), Trương Công Định (Chợ Lầu)... để tuyên truyền cuộc vận động Đông Dương đại hội do Đảng ta phát động và thường xuyên theo dõi, chỉ đạo phong trào đòi quyền tự do, dân chủ. Qua những năm tháng sống trong cảnh ngọt ngạt dưới hai tầng áp bức, nay gặp luồng gió mới, các giới nhân sĩ, trí thức hưởng ứng tích cực, tuyên truyền vận động, phổ biến các sách báo công khai của Đảng. Ở các xã, vận động thành lập Hội Ái Hữu, Hội Tương Tế, Hội Thể dục, thể thao, lập phòng đọc sách... nhằm tập hợp lực lượng yêu nước vào trong các tổ chức xã hội do Đảng lãnh đạo.

Đầu năm 1937, phái viên Gô Đa thay mặt Chính phủ Pháp sang điều tra tình hình Đông Dương đã làm bùng lên một phong trào thu thập "Bản nguyện vọng" (Cahier des vœux) diễn ra sôi nổi khắp các nơi. Ở các xã : Phan Rí Cửa, Dương, Long Phước... ; các "Bản nguyện vọng" đều trình bày các yêu sách của dân chúng trên các mặt : kinh tế, văn hóa, xã hội, nhất là đòi giảm thuế, chấm dứt sự hà khắc của bộ máy cai trị. Các "Bản nguyện vọng" của các xã đều được gửi vào Sài Gòn trao cho phái viên Gô Đa. Thầy giáo Phương, đại biểu của Hòa Đa mang các "Bản nguyện vọng" vào Phan Thiết, cùng với các đại biểu ở đây đưa vào Sài Gòn.

Tiếp đến là phong trào vận động cử người ra tranh cử vào Viện dân biểu Trung kỳ đều được nhân dân tham gia tích cực. Các đảng viên ở Bình Thuận, chọn hai ứng cử viên yêu nước ra tranh cử, trong đó có một ứng cử viên người Phan Rí Cửa là ông Huỳnh Thanh Tông, hiệu trưởng một trường tư ở Phan Rí.

Các phong trào đấu tranh ở Tuy Phong trong giai đoạn 1936 - 1939 đều nằm dưới sự chỉ đạo của Đảng. Tuy nhiên lúc này hệ thống lãnh đạo từ trung ương đến tỉnh, huyện chưa hình thành nhưng nhờ qua báo chí công khai của Đảng, các đảng viên cũ trong tỉnh Bình Thuận nắm tình thần chỉ đạo, tự đứng ra phát động phong trào.

Đến năm 1939, phong trào đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ ở Tuy Phong, cũng như phong trào chung cả nước tạm thời lắng xuống, do thực dân Pháp khủng bố, bắt những người hoạt động tích cực và đóng cửa các cơ quan báo chí của Đảng ở Sài Gòn.

Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, Pháp mở cửa cho Nhật tràn vào Đông Dương, hai tên đế quốc thi nhau bóc lột, đàn áp, phục vụ cho chiến tranh đế quốc. Trước tình hình đó, Đảng có chủ trương hoạt động mới : Từ hình thức đấu

tranh công khai, chuyển sang hình thức hoạt động bí mật, xây dựng cơ sở sâu rộng, vững chắc trong quần chúng, không để địch phát hiện đánh phá cơ sở.

Sau khi phong trào cách mạng bị khủng bố (1939), để khôi phục lại phong trào, Xứ ủy Trung kỳ cử đồng chí xứ ủy viên Trần Hữu Dực vào phụ trách các tỉnh : Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và các tỉnh Tây Nguyên Trung kỳ.

Khoảng tháng 7-1940, đồng chí Trần Hữu Dực đến Tháp Chàm, sau đó được các đồng chí đảng viên của tỉnh Ninh Thuận đưa đến làng Vạn Phước (nay là xã Phước Thuận, huyện Ninh Phước) và sống ở khu rẫy Sông Quao. Rẫy Sông Quao trở thành căn cứ là nơi ở của đồng chí Trần Hữu Dực và là nơi cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo các tỉnh Nam Trung bộ.

Sau một thời gian xây dựng phong trào ở Ninh Thuận, đồng chí Trần Hữu Dực vào Bình Thuận chấp nối với đồng chí Nguyễn Tương (năm 1941). Đồng chí Trần Hữu Dực từ Ninh Thuận đi xe lửa vào ga Sông Lòng Sông, anh Trần Huấn (tức Trần Hiên) đón, đưa đồng chí qua Bình Thạnh và từ Bình Thạnh, theo dọc bờ biển vào Hạnh Lâm, lên

ga Sông Mao vào vùng ngoại ô Phan Thiết gặp đồng chí Nguyễn Tương ở Bình An. Hai bên bàn cách liên lạc giữa Bình Thuận và Ninh Thuận và bàn công việc tiến hành cho phong trào sắp đến.

Đồng chí Trần Hữu Dực giao nhiệm vụ cho anh Trần Huấn chịu trách nhiệm làm cơ sở liên lạc giữa đảng viên Bình Thuận với đại diện cơ quan Xứ ủy Trung kỳ đặt tại Ninh Thuận. Đồng thời, có trách nhiệm tuyên truyền, mở rộng cơ sở cách mạng ở Tuy Phong. Sự chỉ đạo của Xứ ủy thông qua đồng chí Trần Huấn, cơ sở cách mạng ở Tuy Phong từng bước được xây dựng ở các xã ; Anh Trần Huấn bí mật xây dựng cơ sở cách mạng trong các nhóm thanh niên yêu nước ở Long Phước gồm có các anh chị : Trần Xuân Thủ, Nguyễn Xôm, Nguyễn Sửu, Trần Thị Điểm, Nguyễn Bá Xê, Trần Xuân Đoàn. Rồi từ những cơ sở này, phát triển qua Long Hương, móc nối các anh: Lê Bá Nghiêm, Lê Thuyên, anh Sang. Qua anh Sang liên lạc với nhóm thợ may và một số cơ sở ở Bình Thạnh như anh Quế, anh Nghi...

Báo "Chiến Thắng" do đồng chí Trần Hữu Dực chủ bút, in ấn tại rẫy Sông Quao, qua anh Trần

Huấn liên lạc viên của Xứ ủy, bí mật chuyển về cho các cơ sở cách mạng ở Tuy Phong được 5 số. Giúp cho các cơ sở qua tờ báo của Xứ ủy, nâng cao một bước về nhận thức, lập trường, hiểu thêm nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Đồng chí Trần Huấn sau khi ra rẫy Sông Quao gặp đồng chí Trần Hữu Dực để nghe phổ biến một số chủ trương của Xứ ủy, trở về Tuy Phong thì bị mật thám vây bắt tại Ruộng Hoang. Chúng cho 4 người lính lệ trang bị 4 súng, do chánh tổng Bình Thạnh dẫn đi, đưa về Phan Thiết tra khảo. Do không chịu nổi tra tấn, anh Huấn đã khai báo. Ngày 9-9-1941, bọn mật thám Bình Thuận bắt anh Huấn dẫn ra rẫy Sông Quao, chỉ nơi ở của đồng chí Trần Hữu Dực, do bất ngờ đồng chí Dực đã bị bắt.

Tin anh Dực bị bắt làm cho các cơ sở cách mạng ở Ninh Thuận, Bình Thuận căng thẳng, lo âu và chuẩn bị đối phó khi bị địch khủng bố. Nhưng đồng chí Trần Hữu Dực đã giữ vững khí tiết của người cộng sản, không khai báo làm phương hại đến phong trào mà còn phát huy ảnh hưởng của những người cộng sản trong lòng nhân dân.

Sau khi anh Dục, anh Huấn ⁽¹⁾ bị bắt, địch khủng bố phong trào ở Tuy Phong, nhất là ở Lạc Trị, Long Phước, Vĩnh Hảo, Long Hương bằng cách bắt hàng loạt người mà chúng nghi là có liên quan với cộng sản (chúng gọi là bọn áo nâu) đưa về nhà lao Long Hương giam giữ.

Đến đây sự chỉ đạo của Xứ ủy Trung kỳ đối với phong trào cách mạng ở Tuy Phong bị đứt, cơ sở nằm im, mất phương hướng hoạt động.

Trong thời gian các cơ sở cách mạng ở Tuy Phong mất liên lạc với cơ quan Xứ ủy, do Pháp khủng bố, nhưng ảnh hưởng của Đảng vẫn xâm nhập vào Tuy Phong bằng nhiều con đường khác nhau.

Bình Thạnh là đầu mối giao lưu bằng đường thủy thuận lợi, ghe thuyền từ các xã đi các nơi và từ các tỉnh ngoài đến trao đổi mua bán tương đối nhiều. Qua con đường hàng hải này, nhiều

(1) Khi anh Huấn bị địch bắt, các cơ sở cách mạng được anh xây dựng ở Tuy Phong, không ai bị địch bắt do anh khai báo, việc anh dẫn mật thám ra Sông Quao, vì anh nghĩ rằng theo nguyên tắc hoạt động, khi biết anh bị địch bắt, các cơ sở ngoài này đã chuyển nơi khác rồi, nên anh mới dẫn ra, không ngờ anh Dục chưa kịp di chuyển. Anh Huấn sau hoạt động trở lại, trở thành cán bộ đảng viên của Đảng và anh đã hy sinh anh dũng trên chiến trường Tuy Phong.

sách báo, thông tin mới từ các nơi đưa đến, nên Bình Thạnh là cửa ngõ tiếp thu những tư tưởng tiến bộ rất nhạy và cũng là nơi ảnh hưởng của Đảng đến tương đối sớm. Từ năm 1940 - 1941, ông Cửu Quế (Nguyễn Quế) thường đi ra Quảng Nam, được cơ sở cách mạng ở đây bí mật đưa cho ông sách báo, trong đó có bản chương trình Việt Minh, ông đưa về Bình Thạnh, bí mật phổ biến trong một số người yêu nước, nhất là số thanh niên như : Nguyễn Huỳnh Táng, Trần Ngọc Trác...

Tuy chưa bắt được liên lạc với Đảng, nhờ có sách báo tiến bộ và bản chương trình Việt Minh, anh em tham khảo, tranh luận và đã tổ chức nhiều hoạt động xã hội bổ ích tại địa phương. Năm 1942, anh Trần Ngọc Trác về Long Hương, tập hợp một số thanh niên xóm trong như : Bành Khải Tánh, Bành Khải Tình, Nguyễn Nhưong, Phan Xứng, Nguyễn Mua... Nhóm này hoạt động tích cực, tham gia phong trào Thanh niên phòng vệ, chống địch... Nhân lúc địa phương mùa màng thất bát, bọn buôn gạo lậu, vét gạo chở đi ra ngoài tỉnh, làm giá cả tăng vọt. Vì lợi ích của dân, nhóm thanh niên xóm trong tổ chức đi bắt bọn buôn lậu, hằng đêm nằm phục ở Cồn Mắm, Bãi Trọ... Nhiều vụ buôn lậu gạo đã bị anh em bắt đưa về xã, rồi xã giao lên huyện. Tri huyện Mai Xuân

Viên nhiều lần nhận hối lộ, thả bọn buôn lậu về. Biết tin, anh em quyên góp tiền cử anh Trần Ngọc Trác vào Phan Thiết đưa đơn kiện Mai Xuân Viên. Tuần vũ Phạm Phú Tiết, sau khi cho điều tra và đưa vụ án ra xử tại trường tiểu học Long Hương, cách chức tri huyện Mai Xuân Viên. Đến năm 1944, anh Trần Ngọc Trác cùng với số anh chị em như : Võ Thị Năm, Võ Thị Bảy, Trần Quang Thu, Nguyễn Thị Nhân, Nguyễn Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Lan Phương thành lập nhóm "Những kẻ có lòng".

Nhóm "Những kẻ có lòng" với mục đích làm những việc nhân đạo, giúp đỡ tiến bộ, yêu nước, tổ chức hoặc tham gia các tổ chức xã hội ở địa phương như : Tổ chức đoàn hát, hát lấy tiền ủng hộ đồng bào miền Bắc bị thiên tai, làm quỹ cho hoạt động truyền bá chữ Quốc ngữ, tham gia các tổ chức thanh niên phòng vệ... và tham gia vào các tổ chức cứu quốc trước khi cướp chính quyền (8-1945) như ở Bình Thạnh. Sau này một số cơ sở (như Trần Ngọc Trác) bắt liên lạc với anh Võ Đăng là cơ sở cách mạng của đồng chí Nguyễn Tương, tham gia cướp chính quyền của huyện Tuy Phong.

Những năm 1940 - 1941, tình hình cách mạng ở các tỉnh phía Bắc Trung kỳ, bị địch khủng

bố gắt gao, một số cán bộ cơ sở của Đảng phải lánh đi các nơi khác, tránh sự khủng bố của địch. Năm 1942, anh Trương Đình Long từ Quảng Nam đi vào thăm một người bà con ở Phan Rí Cửa là ông Giáo Hòe (Trương Hòe). Trong thời gian ở đây, anh Trương Đình Long vẫn bí mật hoạt động cách mạng, liên lạc với nhóm cảm tình cách mạng Phan Rí Cửa gồm các anh : Ngô Độc, Ngô Vinh, Nguyễn Giác, Võ Hữu Đức, Lê Hòa. Anh Trương Đình Long đã tuyên truyền giáo dục, giác ngộ về chủ nghĩa cộng sản... Sau một thời gian thử thách, anh Long đã tổ chức kết nạp 5 cơ sở ở Phan Rí Cửa vào nhóm Việt Minh. Buổi lễ kết nạp tại sở thương chánh Phan Rí Cửa, các anh nghiêm trang tuyên thệ trước cờ đỏ sao vàng, hứa thực hiện theo cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh. Khi tình hình Quảng Nam bớt căng thẳng, đồng chí Long trở về lại địa phương, nhóm Việt Minh Phan Rí Cửa vẫn tiếp tục hoạt động, tạo ảnh hưởng của Mặt trận trong nhân dân. Đồng chí Ngô Độc thường đi lại liên lạc với các nhóm cảm tình cách mạng ở Bình Thạnh, Duồng, Chợ Lầu.

Đầu năm 1943, tổ Việt Minh Phan Rí Cửa bị địch phát hiện do những hoạt động gây ảnh hưởng cách mạng trong nhân dân, chúng vây bắt được 4 đồng chí đưa vào giam tại lao Phan Thiết. Đồng

chí Ngô Vinh thoát được, lánh vào Sài Gòn, cơ sở Phan Rí tạm thời ngừng hoạt động.

Ở Duồng năm 1943, anh Nguyễn Cao Kiến một trí thức yêu nước, được đồng chí Nguyễn Sinh cán bộ Việt Minh Xứ ủy Trung kỳ giác ngộ cách mạng. Tháng 6-1943, anh Kiến trở về Duồng tập hợp một số thanh niên tiến bộ như : Phạm Đức Chánh, Hồ Giải, Nguyễn Thành Hiếu... thành lập tổ Mặt trận, viết truyền đơn, áp phích kêu gọi nhân dân đấu tranh chống áp bức, bóc lột, ủng hộ Mặt trận Việt Minh. Khẩu hiệu dán ở các ngã đường thôn xóm viết bằng tiếng Pháp và tiếng Việt :

- Đả đảo thực dân Pháp.

- Đả đảo phong kiến Bảo Đại.

- Đả đảo áp bức, bóc lột.

Nhóm này hoạt động được một thời gian thì bị đứt liên lạc với Xứ ủy, vì đồng chí Nguyễn Sinh bị địch bắt, cơ sở tạm ngừng hoạt động.

Đầu năm 1944, các đồng chí trong tổ Việt Minh Phan Rí Cửa mãn hạn tù, bí mật hoạt động trở lại. Lúc này anh Trương Đình Trì (em ruột của Trương Đình Long), từ Quảng Nam vào hoạt động ở vùng Bình Thuận, đến liên lạc và trao cho nhóm Việt Minh Phan Rí Cửa bản chương trình

Việt Minh và một số tài liệu để tuyên truyền. Tổ Việt Minh Phan Rí Cửa thường hội họp ở nhà anh Ngô Vinh dưới hình thức cúng bái, để che mắt mật thám. Đến tháng 4-1944, sau hai tháng hoạt động trở lại, bọn mật thám theo dõi, chỉ điểm cho tên giám binh Pháp Dereyont và tên đồn trưởng Hòa đa dẫn 3 tên lính khố xanh về Phan Rí bắt nhóm của anh Ngô Độc. Sau 6 tháng giam giữ, bọn chúng không có đủ chứng cứ, nên buộc phải thả các anh về.

Ở Long Hương, anh Võ Đăng lúc làm y tá ở bệnh viện Phan Thiết được đồng chí Nguyễn Tương, đảng viên Cộng sản, tuyên truyền giáo dục, anh đã giác ngộ và có cảm tình với cách mạng. Khi chuyển ra làm y tá ở nhà thương Long Hương, anh Võ Đăng luôn được anh Tương liên lạc, gặp gỡ trao đổi để nắm tinh thần chỉ đạo, đồng thời quan hệ với một số anh có cảm tình với cách mạng ở Long Hương như : Lê Bá Nghiêm, Nguyễn Thuyên, Nguyễn Học, Lê Xá...

Nhóm thanh niên Bình Thạnh có cảm tình với cách mạng như các anh : Phạm Văn Xin, Phạm Đơn Quế, Ngô Sâm, Nguyễn Huỳnh Táng, thường liên hệ với tổ Việt Minh Phan Rí Cửa, thông qua anh Ngô Độc. Nhóm cảm tình ở Vĩnh Hảo như : Nguyễn Hữu Nhi, Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn

Thêm có quan hệ với nhóm ở Long Phước gồm các anh chị : Trần Thị Điểm, Trần Đình Quang, Trần Xuân Thủ, Trần Xuân Đoàn...

Điểm nổi bật của phong trào cách mạng trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, là đã có nhiều nhóm, nhiều tổ chức yêu nước, cảm tình với cách mạng, nằm rải rác ở khắp các địa phương trong huyện. Tuy các cơ sở hoạt động thiếu sự lãnh đạo thống nhất của Đảng từ tỉnh xuống huyện (vì lúc này chưa có tỉnh ủy), nhưng các nhóm cách mạng ở các xã, vẫn khao khát tìm cách liên hệ với Đảng qua nhiều đường dây hoạt động khác nhau. Tinh thần yêu nước khát khao độc lập của người dân Tuy Phong như ngọn lửa hồng âm ỉ, dưới rừng cây khô, gặp gió mạnh, ngọn lửa ấy sẽ bùng lên mạnh mẽ.

Năm 1944, thực dân Pháp mở cửa cho Nhật tràn vào Nam Đông Dương. Lực lượng hành quân trên bộ đi ngang qua Vinh Hảo, Phan Rí Cửa đã giở trò cướp giết, cưỡng hiếp phụ nữ, bắt ép dân làm việc không công cho chúng. Hành động phát xít ấy không thể nào che giấu bằng những lời rêu rao của chiêu bài "Đại Đông Á" nhân đạo được.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, dựng lên chính phủ Trần Trọng Kim, làm chiêu bài

chính trị cho Nhật công bố nền "độc lập giả hiệu" ở Việt Nam. Tại Tuy Phong, Hòa Đa bọn hiến binh Nhật lùng bắt những tên Pháp lẩn trốn đưa về giam giữ và tuyên truyền lừa bịp nhân dân ta. Trong bộ máy cai trị, chúng chọn những tên tay sai thân Nhật vào nắm chính quyền các cấp. Ở Hòa Đa đưa Võ Đức Dương lên làm tri phủ, ở Tuy Phong Nhật vẫn giữ nguyên tri huyện Phan Thanh Đạm. Bọn phát xít Nhật cùng bọn tay sai ra sức tuyên truyền thuyết "Đại Đông Á" kêu gọi đồng bào ta hưởng ứng theo Nhật, cùng máu đỏ da vàng "Đông á của người Á Đông", "Nhật giúp ta đánh Pháp giành độc lập". Chúng còn tổ chức lễ mừng "Độc lập" trước chợ Phan Rí Cửa, cho bọn tay chân thân Nhật lên diễn đàn, tuyên truyền kêu gọi nhân dân hưởng ứng thuyết "Đại Đông Á" của Nhật hoàng. Đồng thời Nhật lập ra tổ chức "Thanh niên Phan Anh", phong trào này, đa số thanh niên Tuy Phong, Hòa Đa hưởng ứng, tham gia vào các tổ chức xã hội, thể dục, thể thao... Tuy vậy, một số thanh niên tiến bộ yêu nước ở Tuy Phong, sau khi hiểu bản chất của Nhật cũng giống như của Pháp đều là kẻ xâm lược, cướp nước, nên có các hoạt động chống đối. Nhóm "Hội những kẻ có lòng" ở Long Hương và Long Phước đã tổ chức buổi nói chuyện với nhân dân tại chợ Long Hương (chợ lúc bấy

giờ ở miếu Thanh Minh). Anh Trần Ngọc Trác chuẩn bị nội dung, chị Võ Thị Năm (Long Phước) đứng lên nói chuyện với mục đích : kêu gọi lòng yêu nước, đấu tranh cho độc lập thực sự của Tổ quốc, nhằm làm cho đồng bào đừng hiểu lầm về "Độc lập bán vế" của Nhật.

Thuyết "Đại Đông Á" với nền "Độc lập giả hiệu" dần dần đã bộc lộ nguyên hình bản chất của kẻ cướp nước. Ở Tuy Phong, chúng nắm độc quyền mua bông ở Vinh Hảo, bắt dân ta phải còng lưng gánh chịu sưu cao, thuế nặng, ra sức vơ vét tài nguyên phục vụ cho chiến tranh. Lương thực thiếu thốn, giá cả tăng vọt, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn... Ách áp bức nặng nề, tàn nhẫn của Nhật, không kém gì thời Pháp.

Từ thực tế phủ phàng ấy, làm cho nhiều người trước kia hưởng ứng theo thuyết "Đại Đông Á" nay mất lòng tin với chính phủ Trần Trọng Kim. Số thanh niên đi lính cho Nhật tìm cách bỏ trốn. Thanh niên tham gia trong phong trào "Thanh niên Phan Anh" nay chuyển hướng hoạt động vào những việc làm có ích cho dân. Họ mở các lớp dạy chữ quốc ngữ, tổ chức đoàn hát, biểu diễn các vở tuồng lịch sử, quyên tiền ủng hộ đồng bào những vùng bị thiên tai, tổ chức phòng chống dịch bệnh, bảo vệ tài sản, tính mạng cho dân...

Lẻ tẻ một số nơi có người xông vào đánh Nhật, khi thấy con em mình bị chúng hãm hiếp. Trong dân chúng xuất hiện xu hướng bất hợp tác với Nhật. Nhân dân Long Hương khi thấy lính Nhật kéo đến, mọi nhà đều đóng cửa, làm dấu vôi, báo hiệu có địch tả để tránh tiếp xúc với Nhật.

Đó đây, phong trào vùng dậy đánh Pháp, đuổi Nhật do Đảng lãnh đạo lan truyền đến Tuy Phong: Tin Ba Tư khởi nghĩa, các cuộc đấu tranh của công nhân trong ngành hỏa xa và nhất là nghe tin 6 tỉnh miền Bắc được giải phóng, càng làm náo nức, gây ảnh hưởng ít nhiều trong các tầng lớp nhân dân địa phương.

Trước khi Nhật đảo chính, các cơ sở cách mạng do Đảng tổ chức xây dựng đã được hình thành ở Tuy Phong, nhưng do địch khủng bố, bắt các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, nên cơ sở hoạt động thiếu sự lãnh đạo của Đảng.

Nay phong trào được phục hồi, hoạt động trở lại, từ khi có các đồng chí đảng viên cộng sản ở lao Ly Hy (Thừa Thiên - Huế) và Ban Mê Thuột trở về Bình Thuận, trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng tại địa phương.

Tháng 5-1945, nhóm tù chính trị gồm 5 đồng chí: Nguyễn Sắc Kim, Nguyễn Nhơn, Nguyễn Chúc,

Nguyễn Tương, Thái Hựu do đồng chí Nguyễn Sắc Kim phụ trách từ Buôn Mê Thuật trở về. Trên đường đi, các đồng chí có ghé lại Long Hương, bắt liên lạc với anh Võ Đăng, một cơ sở cũ của anh Nguyễn Tương, để nắm tình hình. Sau đó các đồng chí đến làng Tuy Hòa (Hàm Thuận), trú lại một ngày. Tại đây nhóm cộng sản tổ chức một cuộc họp, phân công tác cho từng đồng chí : Nguyễn Sắc Kim phụ trách chung, Nguyễn Tương phụ trách 4 huyện : Tuy Phong, Hòa Đa, Hàm Thuận, Hàm Tân, tập trung chủ yếu là Hàm Thuận, Nguyễn Chúc phụ trách hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Nguyễn Nhơn phụ trách địa bàn Phan Thiết. Thái Hựu phụ trách để pò xe lửa Mương mán.

Căn cứ vào nhiệm vụ được giao, việc đầu tiên từng đồng chí khẩn trương đi về các huyện, thị liên lạc, móc nối với các cơ sở cũ để xây dựng tổ chức, tạo dựng chỗ dựa, phát triển cơ sở tổ chức lại phong trào đấu tranh.

Cuối tháng 5-1945, đồng chí Nguyễn Chúc được đồng chí Trương Đình Trì giới thiệu lại nhóm Việt Minh hoạt động bí mật Phan Rí Cửa, gồm các đồng chí : Ngô Độc, Ngô Vinh, Lê Hòa, Nguyễn Giác, Võ Hữu Đức. Qua báo cáo của nhóm Việt Minh Phan Rí Cửa, đồng chí Nguyễn Chúc biết được ở đây đã thành lập Phủ ủy lâm thời Việt

minh Hòa Đa. Sau đó, đồng chí Nguyễn Chúc ra Long Hương liên lạc với anh Võ Đăng làm y tá ở nhà thương Long Hương, nắm tình hình, truyền đạt tinh thần chỉ đạo của Tỉnh bộ Việt Minh Bình Thuận. Trong thời gian này đồng chí Nguyễn Tương, có một đôi lần ra Phan Rí, Duông, Long Hương cùng với Nguyễn Chúc thông qua cơ sở cũ, tiếp tục móc nối, xây dựng cơ sở Việt Minh, và bí mật tiếp xúc với những người tham gia tích cực trong các phong trào trước như : Hồ Hữu Ý, Nguyễn Dẫn... Nội dung tuyên truyền phổ biến cho cơ sở hoạt động theo chương trình và khẩu hiệu hành động của Mặt trận Việt Minh.

Sau một thời gian ngắn, cơ sở Việt Minh rải rác ở các xã trong hai huyện Hòa Đa, Tuy Phong đã hình thành, hoạt động theo sự chỉ đạo của Tỉnh bộ Việt Minh Bình Thuận. Các cơ sở Việt Minh ở các xã : Phan Rí Cửa, Chợ Lầu, Bình Thạnh đã có sự liên lạc với nhau. Cơ sở Việt Minh Long Phước như : Trần Thị Điểm, Trần Đình Quảng, Trần Xuân Thủ, Võ Quang Ba... liên hệ với Nguyễn Bá Xề, cán bộ Việt Minh hoạt động bí mật ở Ba Ngòi, nằm dưới sự chỉ đạo của đồng chí Tôn Thất Vỹ (tức Nguyễn Minh Vỹ) ở Khánh Hòa.

Chương trình Việt Minh đang ảnh hưởng, dẫn đến thu hút sự chú ý của nhân dân Tuy Phong,

Hòa Đa. Mặc dù lúc này ở Hòa Đa có tổ chức thân Nhật "Ủng hộ chính phủ, phụng sự quốc gia" của bọn Tâm, Lý... đang hoạt động tuyên truyền ủng hộ cho chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim, nhưng nhân dân vẫn làm ngơ, số người thân Nhật, theo Nhật không nhiều.

Tình hình chuyển biến nhanh chóng, ngày 9-5-1945, phát xít Đức đầu hàng. Hồng quân Liên Xô tại Béc-lin, ở miền Đông Bắc Trung Quốc Hồng quân Liên Xô giành thắng lợi quyết định, đánh tan một đạo quân Quan Đông, phát xít Nhật hạ vũ khí, đầu hàng Liên Xô không điều kiện.

Quân Nhật rút lui, hành quân qua Tuy Phong, bị máy bay Đồng Minh (máy bay Mỹ) chặn đánh tới tấp, cầu Đại Hòa liên tục bị ném bom. Một số tàu chiến trên đường rút chạy, trúng đạn, chìm trước biển Tuy Phong, lính Nhật sống sót bơi dạt vào bờ (vào Bình Thạnh) và một số dạt ra đảo Lao Cau (Long Phước). Bọn chỉ huy bắt ngư dân đưa thuyền ra đảo chở số lính Nhật sống sót vào bờ, đồng bào Long Hải tìm cách trốn tránh, không chịu đưa thuyền ra đảo, do căm tức hành động phát xít chúng đã gây ra.

Thời cơ thuận lợi cho cách mạng, tháng 6-1945, Ban vận động Việt Minh lâm thời tỉnh Bình Thuận

thành lập, chuẩn bị lực lượng, tổ chức khởi nghĩa khi có điều kiện.

Ở Phan Rí Cửa, đồng chí Nguyễn Chúc triệu tập một cuộc họp với nhóm Việt Minh tại nhà anh Ngô Vinh, quyết định thành lập Ban vận động Việt Minh lâm thời kết nạp thêm một số cơ sở như : Phan Thanh Cáp (viên chức trong chính quyền địch), Trần Như Ni, chị La Ánh Sơn và một số quần chúng lao động tốt. Đồng thời móc nối phát triển một số cơ sở trong chính quyền địch như các anh Trương Cửu, Phan Tấn Trình...

Tình hình một số nơi đã có biến động sau Nhật đảo chính, đồng chí Nguyễn Chúc đi ngay vào Phan Thiết gặp tình bộ Việt Minh nắm tình hình, vừa đúng lúc đồng chí Nguyễn Tương đi Nha Trang gặp đồng chí Bùi San trở về, báo tin Nhật đã đầu hàng Đồng Minh, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, lệnh cho quốc dân đồng bào tiến hành tổng khởi nghĩa.

Ngày 18-8-1945, đồng chí Nguyễn Chúc trở về Hòa Đa, Tuy Phong tập hợp các đồng chí trong Ban vận động Việt Minh lâm thời phủ Hòa Đa, phổ biến tình hình chỉ đạo của các cấp trên và liên lạc báo tin cho anh Võ Đăng ở Long Hương nắm tình hình mới, chuẩn bị lực lượng tiến tới khởi

nghĩa giành chính quyền từ tay Nhật, khi có lệnh của cấp trên.

Ngày 20-8-1945, Ban vận động Việt Minh lâm thời phủ Hòa Đa, phát động một đợt rải truyền đơn, treo băng, cờ khắp nơi ở xã Phan Rí Cửa, gây khí thế cách mạng trong quần chúng.

Ngày 21-8-1945, các đồng chí Tỉnh bộ Việt Minh Bình Thuận tổ chức một cuộc họp tại lò bún Đức Nghĩa, Phan Thiết bàn kế hoạch khởi nghĩa.

Ngày 22-8-1945, Ban vận động Việt Minh lâm thời phủ Hòa Đa cử anh Trần Như Ni vào Phan Thiết gặp Tỉnh bộ Việt Minh, nắm tình hình nhận chủ trương chỉ đạo kế hoạch cướp chính quyền sắp tới, Lúc này tại Phan Thiết, ngày 23-8-1945, tỉnh trưởng Huỳnh Dư chấp thuận giao chính quyền cho Việt Minh. Tối đó, Ủy ban Việt Minh lâm thời tỉnh bộ tổ chức một cuộc họp mở rộng, bàn kế hoạch giành chính quyền vào ngày hôm sau. Trong cuộc họp này, đồng chí Cổ Văn An được tỉnh phân công phụ trách chỉ đạo cướp chính quyền các huyện vùng Bắc Bình Thuận, thay đồng chí Nguyễn Chúc về chỉ huy số lính bảo an ở Phan Thiết.

Ngày 24-8-1945, cùng với việc chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền ở cấp tỉnh (Phan Thiết) sau khi nhận nhiệm vụ, anh Trần Như Ni về lại

Phan Rí, truyền đạt chỉ thị của cấp trên cho Ban vận động Việt Minh lâm thời phủ Hòa Đa. Đồng thời tình cử anh Hanh ra Long Hương cùng với anh Võ Đăng chuẩn bị tổ chức khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân.

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa ở hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa thật khẩn trương, rầm rộ. Khí thế cách mạng của quần chúng lên cao, khi nghe tin Việt Minh khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi từ các nơi lan về : Phan Rang (21-8), Phan Thiết (24-8)...

Bộ máy cai trị cũ từ huyện xuống xã rệu rã từ lâu, nay nghe tin tình trưởng Huỳnh Dư giao chính quyền cho cách mạng, càng làm cho bọn chúng hoang mang, lo sợ. Bọn tri phủ, tri huyện cùng Ban lý hương các xã đã biết việc chúng phải làm gì, nên khi có người của Mặt trận Việt Minh đến tiếp thu, tri phủ, tri huyện cùng nha lại đứng sẵn sàng dâng ấn tín và bàn giao cho cán bộ Việt Minh kho tàng, tài sản, vũ khí...

Tại Hòa Đa, sau khi nhận được chỉ thị của cấp trên, qua anh Trần Như Ni báo cáo lại, ngay trong đêm 24-8-1945, Ban vận động Việt Minh lâm thời nhóm họp ở nhà anh Ngô Vinh, phân công các bộ phận giành và tiếp quản chính quyền phủ bộ ngày mai.

- Bộ phận tiếp quản đồn Hòa Đa gồm các đồng chí : Ngô Độc, Trần Như Ni, Võ Hữu Đức và 8 lao động biển, do anh Ngô Độc phụ trách.

- Phan Thanh Cáp phụ trách một bộ phận tiếp quản chính quyền phủ bộ (trong đó có một số cơ sở của ta đã được báo trước trong bộ máy chính quyền địch như : Trương Cừu, Phan Tấn Trình).

- Cử một đồng chí mang lệnh khởi nghĩa và truyền đơn trong đêm đó ra giao cho tổ Việt Minh Duông.

- Cử một bộ phận khẩn trương may băng cờ, viết truyền đơn, khẩu hiệu...

Ngày 25-8-1945, các bộ phận được phân công đi tiếp quản chính quyền phủ bộ và đồn Hòa Đa giành được thắng lợi một cách nhanh chóng, không xảy ra đụng độ gây đổ máu gì. Tri phủ Nguyễn Đạm và đội Cận quân trại đồn Hòa Đa chấp nhận đầu hàng, giao ấn tín, vũ khí cho chính quyền cách mạng. Các xã trong phủ Hòa Đa, sau đó lần lượt giành được chính quyền về tay nhân dân. Cờ đỏ sao vàng tung bay phấp phới, làng quê tưng bừng nhộn nhịp trong sự đổi mới, đường sá người đi lại tấp nập đông vui như ngày hội. Sáng ngày 26-8-1945, hàng ngàn người từ các làng xã : Phan Rí Cửa, Duông, Cam Lâm, Tăng Lộc, Hội Tâm, Hòa

Phú... với đội ngũ chính tề, đi theo các ngành giới của mình, tay cầm cờ đỏ sao vàng, biểu ngữ, gươm, giáo oai nghiêm nối tiếp nhau đi về sân vận động Chi Lăng dự mít tinh hô vang các khẩu hiệu :

- Việt Nam độc lập muôn năm.
- Việt Minh muôn năm.
- Đả đảo thực dân phong kiến.

Trong cuộc mít tinh, đồng chí Ngô Độc thay mặt Việt Minh phủ Hòa Đa phát biểu ý kiến, nói lên ý nghĩa lịch sử của ngày trọng đại này : Nhân dân ta từ đây thoát khỏi cuộc đời nô lệ của bọn thực dân phong kiến, bước sang một cuộc đời mới, sống trong một nước độc lập, tự do. Đồng thời kêu gọi toàn dân tham gia vào các hoạt động của Mặt trận Việt Minh, gia nhập vào các đoàn thể cứu quốc, tự vệ chiến đấu.

Sau khi giành được chính quyền, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện thành lập, thành phần Ủy ban gồm có :

- Ông Cổ Văn An : Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Thanh Tân : Phó Chủ tịch.
- Ông Võ Đình Vinh : Thư ký.

- Ông Phạm Duy Hiền : Ủy viên quân sự (sau đó anh Cao Phước thay).

- Ông Hồ Hữu Trung : Ủy viên tài chính.

- Ông Mai Nhân : Ủy viên.

Tiếp theo các địa phương ở các xã đều thành lập Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời để điều hành chính quyền cách mạng non trẻ.

Tại Tuy Phong, khi được tin các nơi Việt Minh giành chính quyền thắng lợi, đang cố vũ mạnh mẽ khí thế cách mạng của quần chúng, Bộ máy cai trị của địch ở huyện, xã hoang mang, dao động, khi nghe tin tỉnh trưởng Huỳnh Dư giao chính quyền cho Việt Minh. Một số viên chức trong chính quyền xã, huyện, sau khi nghe cán bộ Việt Minh tuyên truyền, giải thích đường lối Việt Minh đã có người tự giác ngộ, tham gia vào các công việc của Việt Minh giao cho. Ban lý hương xã Long Hương giao trụ sở xã cho Việt Minh làm nơi chuẩn bị tổ chức ngày khởi nghĩa và một số hương chức cùng tham gia vào các hoạt động của cách mạng. Tri huyện Phan Thanh Dạm và nha lại trong huyện đường biết chúng phải làm gì, khi Việt Minh đến tiếp quản chính quyền.

Thời cơ thuận lợi đã đến, sau khi nhận được thông báo của tỉnh, tổ chức khởi nghĩa giành

chính quyền ở các huyện, thị do anh Hành đưa ra, đồng chí Võ Đăng tập hợp một số người quen biết ở Long Hương phân công chuẩn bị cho ngày giành chính quyền sắp tới ; giao cho anh Lê Xá phụ trách đánh máy Bản chương trình Việt Minh, giao cho vợ chồng thầy Hải phụ trách may cờ Tổ quốc...

Ngày 26-8-1945, tại nhà ông Xu Duyệt ở xã Long Hương, anh Võ Đăng được Ủy ban Việt Minh tỉnh giao nhiệm vụ tiếp thu chính quyền huyện Tuy Phong, đã tổ chức một cuộc họp bàn kế hoạch, chuẩn bị ngày khởi nghĩa giành chính quyền.

Tham dự cuộc họp gồm có : Võ Đăng, Lê Xá, Thầy Hải, Xu Duyệt, Nguyễn Học, Dương Ngọc A, anh Hành (cán bộ Việt Minh ở Phan Thiết ra)... Anh Võ Đăng chủ trì, giải thích Bản chương trình Việt Minh, báo cáo tình hình giành chính quyền các nơi và phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng người phụ trách từng bộ phận trong ngày khởi nghĩa giành chính quyền. Anh Võ Đăng phụ trách bộ phận lên gặp tri huyện Phan Thanh Đạm, yêu cầu giao chính quyền cho Việt Minh. Một bộ phận do anh Lê Xá phụ trách, tổ chức vận động quần chúng đi biểu tình. Anh Dương Ngọc A phụ trách đội thanh niên phòng vệ và đội này đi đầu đoàn biểu tình, để làm áp lực cho cán bộ Việt

Minh đến tiếp thu huyện đường. Cử người đi các làng, xã báo tin cho đồng bào đi cướp chính quyền ở huyện...

Không khí chuẩn bị khởi nghĩa diễn ra thật khẩn trương, sôi động, quần chúng phấn khởi chờ đợi ngày vùng dậy giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày đêm 26-8-1945, anh Lê Xá phân công anh Trần Ngọc Trác sang Long Phước vận động đồng bào trưa ngày 27-8 đi biểu tình cướp chính quyền ở huyện.

Trưa ngày 27-8-1945, xã Long Hương rực rỡ cờ đỏ sao vàng, nhân dân vui mừng khôn xiết, nô nức đổ ra đường tiến về sân vận động xã Long Hương dự mít tinh do Việt Minh tổ chức. Lá cờ đỏ sao vàng từ từ kéo lên, tung bay phấp phới dưới trời thu lồng lộng, xanh trong báo hiệu ngày đổi đời. Các đoàn thể quần chúng đứng theo ngành giới của mình, hàng ngũ chỉnh tề, tay giương cao cờ Tổ quốc, biểu ngữ... đây tự hào hướng về khán đài, nghe cán bộ Việt Minh phát biểu. Đồng chí Võ Đăng thay mặt Việt Minh huyện đứng lên đọc Bản chương trình Việt Minh và báo cáo cho toàn thể đồng bào biết, tỉnh trưởng Huỳnh Dư đã giao chính quyền cho Việt Minh

tinh... Và đồng chí tuyên bố giờ khởi nghĩa cướp chính quyền huyện đã đến, lệnh xuất phát bắt đầu. Từ cuộc mét tinh trở thành cuộc tuần hành thị uy giành chính quyền huyện. Đoàn người rầm rập bước đi, hiên ngang dưới rừng cờ, biểu ngữ rợp trời, hô vang khẩu hiệu :

- Việt Nam độc lập muôn năm.
- Mặt trận Việt Minh muôn năm.
- Đả đảo chính quyền Trần Trọng Kim.

Đoàn biểu tình tiến đến trước cổng huyện đường, đã nhìn thấy tri huyện Phan Thanh Đạm cùng với bọn nha lại đợi sẵn, chờ Việt Minh đến tiếp thu chính quyền. Đồng chí Võ Đăng thay mặt Việt Minh huyện bước vào gặp tri huyện Phan Thanh Đạm nhận ấn tín, sau đó tiến đến nhà lao thả tù nhân, bắt tên cai ngục, tịch thu vũ khí... Chính quyền cũ quy hàng nhanh chóng, không xảy ra một cuộc đụng độ nào.

Ngày 27-8-1945, nhân dân Tuy Phong dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh (lúc này Đảng thông qua Mặt trận Việt Minh để lãnh đạo nhân dân kháng chiến), đã vùng dậy giành độc lập, tự do, sau mấy mươi năm trường sống trong kiếp đời nô lệ lầm than. Ngày lịch sử trọng đại này,

nhân dân tận mắt chứng kiến sự đầu hàng, sụp đổ của chế độ thực dân, phong kiến tại địa phương.

Ngày tối 27-8, tại trường tiểu học Long Hương, cán bộ Việt Minh huyện tổ chức một cuộc họp bầu Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện, Thành phần dự : có các thân hào, nhân sĩ, thầy cô giáo trường tiểu học Long Hương và một số đồng bào Long Hương đến dự. Cuộc họp đã bầu các thành viên của Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời gồm :

- Ông Võ Đăng : Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Thành Tâm : Phó Chủ tịch.
- Ông Nguyễn Học : Ủy viên tịch thu tài sản Việt gian, thực dân.
- Ông Phạm Quỳnh Đồng, Lê Xá : Ủy viên tuyên truyền, giáo dục.
- Nguyễn Thanh Hải : Ủy viên.
- Ông Dương Ngọc A : Phụ trách thanh niên, quân sự.
- Ông Phạm Xin : Phụ trách về y tế.

Một vài ngày sau, lần lượt ở các xã chính quyền cũ bị xóa bỏ, chính quyền mới được xác lập.

Đảo Phú Quý lúc này thuộc huyện Tuy Phong, khi hay tin trong đất liền Việt Minh giành được

chính quyền. Các anh em yêu nước, tập hợp nhau lại, liên lạc với Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện, bố trí đưa 1B lính GI vào đất liền tước vũ khí và tổ chức tiếp thu chính quyền cũ, thành lập chính quyền mới ở đảo.

Sau khi xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền mới, Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện tổ chức một cuộc mít tinh toàn dân phổ biến cương lĩnh, 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh, kêu gọi đồng bào tích cực hưởng ứng các hoạt động của Mặt trận Việt Minh.

Những ngày tháng Tám mùa Thu, rực rỡ cờ đỏ sao vàng và ảnh Bác Hồ, là ngày hội lớn của nhân dân Tuy Phong, chuyển từ cuộc sống tủi nhục sang cuộc đời của người làm chủ quê hương đất nước.

Thắng lợi đó kết tinh từ truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân Tuy Phong trong sự nghiệp cứu nước và giải phóng dân tộc. Đó cũng là kết quả của cuộc đấu tranh anh dũng, kiên cường dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Bác Hồ, của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thắng lợi này là "một cuộc đổi đời chưa từng có đối với nhân dân Việt Nam" (Lê Duẩn). Vì vậy, toàn thể nhân dân Tuy Phong cùng với cả nước "quyết đem tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy". (Hồ Chí Minh).

CHƯƠNG IV

XÂY DỰNG VÀ CÙNG CỐ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN

(27-8-1945 - 31-01-1946)

Cách mạng tháng Tám thành công đã mang lại cho nhân dân Tuy Phong một cuộc đổi đời, từ địa vị nô lệ tủi nhục, trong cảnh nước mất nhà tan, trở thành người làm chủ quê hương, trong một nước tự do, độc lập.

Niềm vui khôn xiết ấy, hiện lên trên mỗi ánh mắt, nụ cười, trên mỗi việc làm đầy tinh thần làm chủ, tự nguyện, thể hiện lòng tự hào của người dân được sống và làm việc trong một nước độc lập.

Chính quyền dân chủ, nhân dân vừa mới thành lập, còn nhiều bở ngỡ, lúng túng, chưa có kinh nghiệm trong việc chỉ đạo quản lý, xây dựng xã hội mới, lại đứng trước bao khó khăn chống chọi, thiếu thốn bộn bề. Nền kinh tế còn nghèo nàn lạc hậu, tài chính kiệt quệ. Nhân dân vừa lâm vào nạn đói khổ cực và thất học nhiều, do ách áp bức nặng nề và chính sách ngu dân của

thực dân phong kiến để lại. Lực lượng vũ trang của ta còn non yếu, trong khi ở phía Nam, thực dân Pháp nấp dưới bóng quân đội Đồng Minh, âm mưu trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Ở miền Bắc quân đội Tưởng tìm mọi cách "tiêu diệt Đảng ta, phá tan Việt Minh, giúp bọn phản động Việt Nam đánh đổ chính quyền dân chủ nhân dân". Số lính Nhật sau cách mạng tháng Tám thành công, chúng rút đi nay trở lại chiếm thị xã Phan Thiết, Phan Rang và một số nơi khác trong nước đang có những hành động chống phá lại chính quyền cách mạng. Trong tình hình đó, bọn phản động các nơi ngóc đầu trở dậy. Tất cả đều nhằm mục đích tìm cách tiêu diệt chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Tình thế cách mạng "ngàn cân treo sợi tóc".

Để đối phó với tình hình khó khăn, phức tạp này, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng Chính phủ, Bác Hồ đưa ra 6 nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết : 1. chống đói ; 2. Xóa nạn mù chữ ; 3. Tổng tuyển cử ; 4. Xây dựng đời sống mới ; 5. Bỏ các thứ thuế vô lý và cấm hút thuốc phiện ; 6. Tự do tín ngưỡng và đoàn kết lương giáo.

Tiếp đến, ngày 25-11-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị : "Kháng chiến, kiến quốc".

Chỉ thị chỉ rõ : "Kẻ thù chính của nhân dân lúc này là thực dân Pháp xâm lược" và nhiệm vụ cần kíp : "Củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân".

Các Nghị quyết, Chỉ thị được Tỉnh ủy Bình Thuận và các huyện, thị vận dụng vào thực tế địa phương. Phản ánh sự chỉ đạo nhanh nhạy, kịp thời về mặt chiến lược của Đảng trong giờ phút hiểm nghèo.

Tình hình lúc bấy giờ, Đảng bộ địa phương ở hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa chưa thành lập. Cơ sở đảng viên Cộng sản ở từng huyện chưa xây dựng. Hai huyện chỉ có đồng chí Cổ Văn An là đảng viên được Tỉnh ủy Bình Thuận phái ra, chỉ đạo việc cướp chính quyền và xây dựng chính quyền ở các huyện phía Bắc Bình Thuận, đồng thời trực tiếp giữ chức chủ tịch Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện Hòa Đa. Trong tình hình thiếu lực lượng nòng cốt của Đảng lãnh đạo, nhưng với tinh thần vùng dậy của người làm chủ, mọi chủ trương của Đảng và Chính phủ được thực hiện một cách nhanh chóng.

Vừa mới ra đời, chính quyền cách mạng phải bắt tay vào giải quyết nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp như tình hình chung ở các nơi. Vừa xây

dựng củng cố chính quyền, đoàn thể từ huyện xuống xã, vừa tổ chức cho quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ và Trung ương đề ra.

Ngay sau khi chính quyền về tay nhân dân, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc ra đời. Ban vận động Việt Minh lâm thời huyện Hòa Đa hình thành trước cách mạng, nay củng cố lại tổ chức ; đồng chí Phan Thanh Cáp : Chủ nhiệm Việt Minh ; Ngô Độc : Phó chủ nhiệm và 4 đồng chí ủy viên : Ngô Vinh, Nguyễn Giác, Võ Hữu Đức, chị La Ánh Sơn.

Cuối tháng 9-1945, Mặt trận Việt Minh huyện Tuy Phong thành lập do đồng chí Trần Xuân Thủ làm chủ nhiệm Việt Minh, Lê Thuyên : phó chủ nhiệm và các ủy viên : Trần Ngọc Trác, Trần Đình Quảng, Nguyễn Hữu Chung, Trần Thị Điểm...

Trước vận mệnh lịch sử, đòi hỏi sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng phải thật sự vững vàng, nội bộ phải thống nhất, phát huy khí thế vùng dậy làm chủ của toàn dân, thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trong giai đoạn đầy khó khăn, thử thách này.

Sau khi chính quyền về tay nhân dân, thực hiện chủ trương của tỉnh, huyện sắp xếp lại các đơn

vị hành chính, lập các xã cho thuận lợi trong chỉ đạo, xây dựng bộ máy cơ sở. Bãi bỏ các tổng : Tuy Tịnh, Bình Thạnh, Phú Quý... thành lập Ủy ban Nhân dân xã ⁽¹⁾.

Để bảo vệ chính quyền còn non trẻ, chấp hành chủ trương của Trung ương và tỉnh Bình Thuận, huyện Tuy Phong, Hòa Đa khẩn trương triển khai công tác quân sự và an ninh. Chủ yếu tổ chức lực lượng dân quân tự vệ ở các xã, kết hợp đồng thời với công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

Tại Tuy Phong, trong tháng 9-1945, huyện giao cho đồng chí Dương Ngọc A, phụ trách quân sự, liên tiếp mở 4 lớp huấn luyện quân sự, chính trị tại trường tiểu học Long Hương. Mỗi lớp học khoảng trên 100 học viên, thời gian huấn luyện mỗi lớp 10 ngày. Toàn bộ chi phí đều do các xã cử học viên đi học dài thọ. Số anh em sau khi học xong về lại địa phương, trở thành lực lượng nòng cốt cho phong trào xây dựng, huấn luyện dân quân tự vệ các xã. Đồng thời tỉnh còn cử cán bộ về từng xã, như : Bình Thạnh, Long Phước, Vinh

(1)

Huyện Tuy Phong, trước tháng 8-1945 có 20 làng, xã. Nay huyện sắp xếp lại thành 11 xã và 4 xã của Hòa Đa : Chí Công, Phan Rí Cửa, Hòa Ninh, Hòa Phú (nay thuộc huyện Tuy Phong)

Hảo... mở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị cho lực lượng dân quân tự vệ.

Tháng 10-1945, huyện Tuy Phong chủ trương xúc tiến xây dựng đội tự vệ chiến đấu tập trung của huyện, giao cho đồng chí Dương Ngọc A phụ trách về quân sự, đảm nhiệm tổ chức xây dựng. Sau đó công tác này giao lại cho đồng chí Phạm Xín phụ trách.

Tại Hòa Đa, những ngày sau khởi nghĩa, công tác quân sự cũng được chính quyền cách mạng hết sức quan tâm. Ban quân sự huyện mở các lớp huấn luyện quân sự, chính trị, phối hợp cùng với các xã xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ cơ sở.

Có thể nói, những ngày đầu cách mạng thành công, phong trào luyện tập quân sự ở hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa diễn ra thật rầm rộ, sôi nổi. Tự vệ chiến đấu ở các xã là lực lượng cả nam lẫn nữ tuổi từ 18 đến 50 tham gia. Trên cơ sở đó, mỗi xã thành lập từ 2 trung đội đến 3 trung đội. Bước đầu trang bị vũ khí còn thô sơ, một vài cây súng, lưới lê lấy được của địch, gậy gộc, gươm, giáo, mã tấu... nhưng anh chị em không quản ngại gian lao, vất vả, hằng hái luyện tập quân sự, đêm ngày tuần tra canh gác, bảo vệ xóm làng, bảo vệ chính quyền cách mạng.

Từ Hòa Đa ra Tuy Phong đâu đâu cũng thấy anh chị em dân quân tự vệ luyện tập quân sự, lúc ở bãi biển, lúc trên đồng ruộng, lúc ven rừng, sân trường, bãi cỏ... Nghe rộn rã tiếng hô một, hai, hòa trong tiếng hát đồng ca vang dậy, sự sôi tinh thần cách mạng. Tinh thần ấy, càng nhân lên mạnh mẽ, khi đồng bào Tuy Phong, Hòa Đa nghe tin tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp nổ ra ở Nam bộ (ngày 23-9-1945). Đồng thời phong trào "Nam tiến" theo tiếng gọi của Đảng, đang giục giã lớp lớp thanh niên vào Nam giết giặc, cứu nước. Đồng bào ta, ai nấy đều uất hận, căm thù bọn thực dân cướp nước, càng tham gia tích cực hơn vào mọi mặt kháng chiến do huyện tổ chức.

Để khắc phục khó khăn, chống đói, ổn định một bước đời sống của nhân dân, chính quyền địa phương thực hiện chương trình Việt Minh: Tuyên bố bãi bỏ các thứ thuế vô lý do thực dân, phong kiến đặt ra tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc, thực dân chia cho dân nghèo, cho phép nhân dân tự do khai khẩn đất hoang, thực hiện giảm tô, giảm tức, xóa nợ nần cũ, phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp....

Ở Tuy Phong, chủ trương giảm tô 25% tạm gác lại, mà vận động địa chủ, hàm hộ chủ ghe thuyền,

nhân nhượng quyền lợi với người lao động. Tuy chưa thực hiện giảm tô, nhưng các chủ ruộng bước đầu có nới tay với tá điền và nông dân. Chủ ghe thuyền trước ăn chia theo tỷ lệ 6/4 (thợ 6, bạ 4 phần) nay giảm còn lại 4/6 (bạ 6, thợ 4)...

Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh, đã đáp ứng được nguyện vọng thiết tha, lâu đời của nhân dân lao động. Nên dù khó khăn đến mấy, họ vẫn tin tưởng vào nền cộng hòa mới thành lập, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân dân Tuy Phong tham gia hăng hái các phong trào do Mặt trận Việt Minh và chính quyền các cấp phát động. Trước mắt hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa", thực hành tiết kiệm, tổ chức lạc quyên, cứu đói. Các đoàn thể cứu quốc hoạt động tích cực, tuyên truyền vận động quần chúng tham gia, hưởng ứng phong trào. Đồng bào các dân tộc Kinh, Chăm ở Tuy Phong, thực hiện "Tắc đất, tắc vàng", thi đua sản xuất, khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích gieo trồng. Chú ý trồng thêm nhiều hoa màu phụ : bắp, mì, lang, đậu... để giải quyết khó khăn, ổn định đời sống. Đồng bào dân tộc Chăm ở Phú Lạc, ngoài trồng lương thực, thực phẩm cứu đói, còn tổ chức khôi phục lại nghề truyền

thống trông bông, dệt vải ; phổ biến ở Thành Vụ, Đốc Trang. Bà con ngư dân thực hiện khẩu hiệu "Biển năng hành", đánh bắt thêm nhiều tôm cá.

Phong trào tăng gia sản xuất giải quyết nạn đói, phát triển rộng khắp trên mọi vùng : miền núi, đồng bằng, miền biển, mọi ngành giới đều tham gia. Sau một thời gian, nguy cơ nạn đói được đẩy lùi, đời sống nhân dân có phần ổn định, Hội Nông dân cứu quốc đóng vai trò quan trọng trong cuộc vận động hội viên của mình tham gia, thực hiện các chủ trương của huyện đề ra.

Mặc dù đời sống còn nhiều khó khăn, có vùng như ở thôn Đông Bình (Bình Thạnh), nhân dân còn ăn khoai, mì thay cơm. Nhưng với tinh thần "lá lành đùm rách", "một năm khi đói, bằng gói khi no" trước cảnh đồng bào Bắc Bộ đang gặp nạn đói đe dọa nghiêm trọng nhân dân trong huyện hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra sức thi đua tiết kiệm, thực hiện "hủ gạo cứu quốc", "hủ gạo nuôi quân". Nhà giàu cho đến nhà nghèo đều có hủ gạo cứu đói. Cứ mỗi bữa nấu ăn, bớt ra từng nắm gạo bỏ vào hủ, đến tháng Ủy ban Nhân dân cách mạng Lâm thời cử người đến từng gia đình thu gom, góp chung với đồng bào Bình Thuận gửi ra miền Bắc cứu đói và

một phần dành nuôi bộ đội đánh giặc. Phong trào hũ gạo cứu quốc, nhường cơm xẻ áo thấm nhuần tinh thần hữu ái, truyền thống lâu đời của người dân đất Việt, luôn thương yêu đùm bọc lấy nhau, giúp đỡ nhau trong lúc gặp hoạn nạn, khó khăn.

Để khắc phục những khó khăn về tài chính, bảo đảm mọi chi tiêu cho đất nước sau ngày độc lập. Nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa hăng hái thực hiện cuộc vận động xây dựng "Quỹ độc lập", tổ chức quyên góp "Tuần lễ vàng" do Chính phủ phát động.

Tại sân vận động Chi Lăng, huyện Hòa Đa, chính quyền tổ chức lễ mít tinh phát động quần chúng hưởng ứng "tuần lễ vàng". Đồng bào Phan Rí Cửa, Duông, Hòa Minh, Hòa Phú sau khi hiểu rõ hoàn cảnh của đất nước, bằng tấm lòng của mỗi người dân yêu nước, tự nguyện ủng hộ cho chính phủ để bảo đảm chi tiêu trong lúc khó khăn này.

Tại huyện Tuy Phong, nhân ngày Nam Kỳ khởi nghĩa (23-11), Mặt trận Việt Minh và Ủy ban Nhân dân cách mạng tổ chức cuộc mít tinh ở sân vận động Long Hương. Nhân dân các xã tập trung về sân vận động dự lễ trong đội ngũ chinh tề, tay cầm : gươm, đao, giáo, mác, gậy gộc, cuốc xẻng... kiên quyết chống giặc cứu nước, ủng hộ Chính

phủ Hồ Chí Minh, Tại sân lễ và dọc đường tuần hành biểu dương lực lượng trong thôn xóm, đồng bào hô vang các khẩu hiệu : "Hồ Chí Minh muôn năm", "thà chết chứ không chịu làm nô lệ"... phản đối hành động xâm lược của Pháp, ủng hộ đồng bào Nam bộ kháng chiến. Đồng thời nhân buổi lễ này, vận động toàn dân, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức quyên góp "tuần lễ vàng", xây dựng "quỹ độc lập". Cán bộ Việt Minh nói rõ ý nghĩa, mục đích của cuộc vận động, nêu lên tình hình khó khăn của đất nước và kêu gọi mọi người dân yêu nước, thiết tha với độc lập, tự do, vì nền cộng hòa còn non trẻ, hãy sẵn sàng hiến dâng vàng cho chính phủ để mua vũ khí, nuôi bộ đội đánh giặc. Đồng thời trong dịp này, huyện Tuy Phong tổ chức một phòng triển lãm để vận động tuần lễ vàng.

Các buổi lễ tổ chức quyên góp "tuần lễ vàng" ở huyện và các xã được tổ chức một cách trang nghiêm. như một ngày hội lớn. Đồng bào ta ai nấy đều thông cảm với hoàn cảnh khó khăn của Chính phủ, tự nguyện ủng hộ vàng, nào : dây chuyền, xuyến, bông tai vàng... kể cả nhẫn cưới là kỷ niệm thiêng liêng của đời mình cũng cởi ra ủng hộ. Điều xúc động, trong những buổi lễ tổ chức ở các xã, có nhiều em thiếu nhi tự cởi đồ trang

sức bằng vàng của mình ra ủng hộ Chính phủ. Những hành động đáng quý đó, thể hiện tình cảm cao đẹp của mọi người dân yêu nước đối với Tổ quốc. Thật là :

Vàng, máu đem đổi tự do

Xây nên độc lập, chung cho giống nòi.

Sau "tuần lễ vàng", nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa tiếp tục hưởng ứng "tuần lễ đồng". Nhiều gia đình mang cả chân đèn, cổ đồng, mâm, thau, nồi đồng, tam sự, ngũ sự... ra ủng hộ Chính phủ. Giới công nhân ở Bình Thạnh, Long Phước, Chí Công vận động anh em lao động biển lận lấy đồng và vũ khí ở các tàu Nhật chìm chuyển ra công binh xưởng Kiểu Đức Thắng. Phong trào "Tuần lễ đồng" thu được kết quả tương đối lớn, số đồng ủng hộ của mỗi xã cỡ từ 2 - 4 xe trâu mới hết. Tất cả số đồng thu được đều vận chuyển ra công binh xưởng cung cấp cho bộ đội sản xuất khí giới, đạn dược phục vụ cuộc kháng chiến tại địa phương và các tỉnh vùng Cực Nam Trung bộ.

Song song với các phong trào luyện tập quân sự, tăng gia sản xuất, lạc quyền cứu trợ... Phong trào chống "giặc đốt" "xóa nạn mù chữ" diễn ra sôi nổi, rầm rộ lúc bất giờ.

Do chính sách ngu dân của bọn thực dân, phong kiến để lại trên 90% dân số của huyện mù chữ. Để nâng cao văn hóa ; mở mang sự hiểu biết cho nhân dân lao động, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Những người biết chữ dạy cho những người chưa biết chữ... Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, anh chưa biết thì em bảo, cha mẹ không biết thì con bảo...".

Chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cứu quốc đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động mọi người ; bất kể già trẻ, gái trai, đều phải đi học... Biện pháp vận động vừa tự giác, vừa bắt buộc, Ai không đi học thì dư luận chê bai : "Cô kia má đỏ hồng hồng, cô không biết chữ nên chồng cô chê". Ai học hành tốt thì biểu dương, khen ngợi trên loa, để động viên cổ vũ phong trào. Khẩu hiệu cổ động dán ở khắp nơi, kêu gọi toàn dân chống giặc đốt. Các lớp bình dân học vụ được tổ chức rộng rãi, bằng nhiều hình thức: học ở trường, học ở đình làng, học ở rẫy, học trên thuyền, học ở nhà... cho phù hợp với điều kiện làm ăn của người lao động, để mọi người có thời gian vừa học vừa làm. Phương châm dạy và học : Người biết chữ dạy cho người không biết chữ, chồng dạy vợ, em dạy anh... Thật cảm động

khi nhìn vào lớp học, thấy nhiều cụ già, cùng học chung với con cháu trong tiếng đọc y, t. Trên các ngã đường đi chợ, ra ruộng, ra giếng gánh nước, đi rẫy... thường xuyên tổ chức kiểm tra giảng dạy chữ. Câu ca dao : "Biết chữ thì bước qua đây, ai không biết chữ thì quay trở về", là khẩu hiệu tuyên truyền cho các cuộc giảng dạy, đố chữ, bắt buộc mọi người đều phải thực hiện. Ai biết đọc thì cho đi, ai không biết đọc buộc quay về nhà. Mọi người dân đều chấp hành nghiêm túc. Đến kỳ, huyện tổ chức thi cấp bằng bình dân học vụ cho những ai thi đậu : Phong trào này duy trì từ tháng 9-1945 đến cuối năm 1946. Mỗi người dân phần lớn đã biết đọc, biết viết. Tình hình làm chủ của người dân được nâng cao hơn trong mọi mặt kháng chiến ở địa phương.

Bên cạnh phong trào diệt giặc dốt, phong trào đời sống mới, thể dục, thể thao, vệ sinh phòng bệnh diễn ra khá mạnh. Các đội tuyên truyền vệ sinh, phòng dịch hoạt động tích cực trong thôn xóm, vận động mọi người sửa sang lại đường sá, làm sạch đẹp làng quê, ăn ở sạch sẽ theo đời sống mới. Nhiều xã lập ban bài trừ xóa bỏ thói hư, tật xấu, rượu chè, cờ bạc, mê tín dị đoan, đồng bóng bói toán, những phong tục lạc hậu trong ma chay, cưới xin. Lúc này những tệ nạn xã hội,

tập tục lạc hậu do chế độ cũ để lại được khắc phục, nhân dân chấp hành tốt chủ trương vận động đời sống mới của Đảng.

Quan niệm trọng nam khinh nữ đã bao đời nay đè nặng lên người phụ nữ, nay được giải phóng. Chế độ mới xác định quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Chị em mạnh dạn tham gia vào các hoạt động xã hội, thoát ly gia đình tham gia cách mạng...

Phong trào văn hóa, văn nghệ cũng được đẩy mạnh. Thôn xóm nào cũng có bản tin, khẩu hiệu, loa truyền thanh, thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, động viên cổ vũ phong trào cách mạng. Huyện tổ chức Đội tuyên truyền xung phong, vừa diễn kịch vừa tuyên truyền gồm có các anh chị : cô Ánh, anh Đông, anh Hòa, anh Sanh, anh Nam (Bình Thạnh), anh Năm (Long Hương), cô Phương (Long Phước) và nhiều xã thành lập đội văn nghệ ca hát phục vụ đời sống tinh thần cho nhân dân lao động. Đồng thời làm công tác tuyên truyền động viên quần chúng hăng hái thực hiện các phong trào xóa nạn mù chữ, đời sống mới, luyện tập quân sự... Lực lượng thanh thiếu niên các xã tham gia hoạt động sôi nổi, tự giác trong các phong trào. Ở Hòa Đa nổi lên đội thiếu niên "Cờ

Lau" ở Phan Rí Cửa, vốn xuất thân từ đoàn hướng đạo sinh Trần Hưng Đạo trường Hòa Đa. Buổi đầu tập hợp 30 em có khả năng văn nghệ làm công tác tuyên truyền lưu động, sau phát triển lên 100 em đội viên, thành lập thành đại đội do : Huỳnh Đẩu làm đội trưởng, Nguyễn Quán chính trị viên, Bên cạnh đó, lực lượng nữ thiếu niên cũng thành lập một đội do Nguyễn Thị Hà phụ trách. Các em thiếu nhi trong thời bình cũng như trong thời chiến, tham gia tích cực trong các phong trào : xóa mù chữ, văn hóa văn nghệ, làm giao liên, liên lạc, đưa đường chỉ lối cho cán bộ, bộ đội vào hoạt động trong vùng địch hậu... xứng đáng với truyền thống, đưa con cháu lòng của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh sau này.

Để phát huy hơn nữa phong trào cách mạng của quần chúng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Vấn đề đặt ra cấp bách lúc này, là phải củng cố lại sự đoàn kết, thống nhất nội bộ giữa Mặt trận Việt Minh và Ủy ban Nhân dân cách mạng lâm thời huyện. Các ủy viên trong các ngành Ủy ban và Mặt trận là những người được quần chúng tín nhiệm bầu vào, gồm nhiều thành phần : số cơ sở Việt Minh cũ và nhiều người vừa tham gia khởi nghĩa, phần lớn là thanh niên có học con em địa chủ, viên chức, tổng lý cũ... Trong

quá trình tổ chức hoạt động do chưa nắm vững mối quan hệ công tác giữa Mặt trận Việt Minh và Ủy ban Nhân dân nên đã xảy ra nhiều vụ va chạm, bất đồng, ngờ vực, không tin, không phục nhau, tranh giành ảnh hưởng cá nhân... làm cho nội bộ mất đoàn kết và xảy ra nhiều vụ bắt bớ sai trái ảnh hưởng đến phong trào chung lúc bấy giờ nhất là ở Hòa Đa. Tình hình này còn xảy ra ở Tuy Phong, cá nhân một số cán bộ Việt Minh huyện ra lệnh cho Ban công an bắt giam một số ủy viên trong Ủy ban nhân dân huyện và bắt giam Chủ tịch Ủy ban Nhân dân một số xã như : Bình Thạnh, Đại Hòa... (Những người này trước cách mạng tháng Tám có tham gia làm việc trong chính quyền cũ) gây nên sự xáo động trong tâm tư của nhiều người có nhiệt tình yêu nước.

Tình hình nội bộ có nhiều mâu thuẫn đã gây tác động không tốt đến phong trào cách mạng, nhất là chính quyền đang trong thời kỳ mới được xây dựng. Trước tình hình lúc đó, Tỉnh ủy Bình Thuận rất quan tâm, cử nhiều cán bộ có năng lực, uy tín tăng cường cho huyện Tuy Phong, Hòa Đa để lo việc xây dựng cơ sở Đảng, củng cố chính quyền, các đoàn thể quần chúng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, đẩy mạnh hơn

nửa phong trào cách mạng. chuẩn bị đối phó với hành động xâm lược của bọn Pháp, Nhật.

Tháng 11-1945, Tỉnh ủy Bình Thuận điều đồng chí Hứa Tự Nhung, tỉnh ủy viên, làm phái viên của Tỉnh ủy và Tỉnh bộ Việt Minh ra Tuy Phong, Hòa Đa nắm tình hình và trực tiếp chỉ đạo phong trào ở đây. Sau đó lần lượt tỉnh tăng cường thêm các đồng chí : Trần Nhật Tân, Nguyễn Tiến Quý, Nguyễn Hương, Mai Hảo... về giúp Tuy Phong lo các mặt công tác tại địa phương.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Thuận, Ủy ban Nhân dân và Ủy ban Việt Minh dần dần được củng cố, đồng chí Trần Quang Ngọc thay Võ Đăng giữ chức chủ tịch ; Nguyễn Trọng Du : phó chủ tịch ; Trần Đình Quang : chủ nhiệm Việt Minh, Lê Thuyên : phó chủ nhiệm, Huyện Hòa Đa, đồng chí Trương Cửu thay đồng chí Cổ Văn An giữ chức chủ tịch, Phan Tấn Trình phó chủ tịch.

Sau khi củng cố xong chính quyền các cấp, Tỉnh ủy cũng nhận thấy : trước những nhiệm vụ đặt ra ngày càng nặng nề, toàn dân sắp bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp, đòi hỏi phải nhanh chóng thành lập một cơ quan lãnh đạo của Đảng ở cấp huyện làm lực lượng nòng cốt lãnh đạo toàn dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng tại địa phương.

Đồng chí Hứa Tự Nhung tiếp thu tinh thần chỉ đạo, nhận nhiệm vụ của Tỉnh ủy giao, ra phụ trách công tác xây dựng cơ sở Đảng ở Tuy Phong, đồng thời kiêm luôn cả Hòa Đa. Do điều kiện buổi đầu công tác có nhiều khó khăn, nên đồng chí Nhung chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở ở Tuy Phong, còn Hòa Đa giao cho đồng chí Khanh phụ trách.

Đồng chí phái viên của Tỉnh ủy nhanh chóng tìm hiểu, lựa chọn một số người tích cực tham gia phong trào Việt Minh trước, có năng lực uy tín đối với quần chúng, tuyên truyền giáo dục chuẩn bị cơ sở, tiến tới thành lập tổ trung kiên nòng cốt (coi như chi bộ Đảng) làm hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương.

Đến tháng 12-1945, sau một thời gian ngắn tổ chức tuyên truyền vận động, giác ngộ Chủ nghĩa Cộng sản, đồng chí Hứa Tự Nhung triệu tập một cuộc họp gồm 5 đồng chí : Trần Đình Quảng, Trần Thị Diễm, Võ Thị Năm, Trần Xuân Thủ, Võ Quang Ba tại nhà ông Hương Bộ Cho ở Long Phước, tổ chức thành tổ trung kiên và học tập điều lệ Đảng Cộng sản Đông Dương, tư tưởng của Chủ nghĩa Mác-Lênin, đấu tranh giai cấp... Qua trao đổi, tất cả các đồng chí đều tán thành điều lệ, đồng chí phái viên tuyên bố kết nạp 5 đồng chí vào Đảng và giao nhiệm vụ cụ thể cho

tùng đồng chí lo các công tác chủ chốt trong Mặt trận, đoàn thể huyện.

Tổ trung kiên nòng cốt đầu tiên của huyện Tuy Phong ra đời sau cách mạng chưa đầy 5 tháng đánh dấu một ý nghĩa quan trọng, sự trưởng thành về chất của phong trào cách mạng địa phương. Được Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, thông qua đồng chí phái viên, cơ sở Đảng Tuy Phong dần dần hình thành và phát triển rộng rãi ở các xã, trong những ngày khói lửa của cuộc chiến tranh sau này. Chuẩn bị điều kiện cho sự thành lập Huyện ủy Tuy Phong lâm thời.

Các tổ chức Hội Cứu quốc trong huyện được thành lập như : Hội Nông dân cứu quốc, Công nhân cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Phật giáo cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc... nhằm tập hợp rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân tham gia. Sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, chính quyền thông qua các hội Cứu quốc, đã tích cực động viên tinh thần yêu nước, nâng cao vai trò trách nhiệm của mọi người đối với Tổ quốc, tạo nên phong trào toàn dân hăng hái hưởng ứng các chủ trương nhiệm vụ của Đảng và Chính phủ.

Hội Phụ nữ cứu quốc là lực lượng chủ chốt trong việc phục vụ nuôi quân, đón khách. Hết ngày này

qua ngày khác, nhiều đoàn cán bộ Trung ương, khu, tỉnh qua lại, nhiều đoàn quân Nam Tiến từ các tỉnh phía Bắc vào, lực lượng bộ đội Vệ quốc quân đóng quân ở huyện... đều được đồng bào các dân tộc ở Tuy Phong, Hòa Đa đón tiếp chu đáo, lo ăn ở trong thời gian đoàn dừng lại nghỉ chân, đóng quân. Nhất là các xã Bình Thạnh, Vinh Hảo... nơi có trạm giao liên Bắc Nam qua lại.

Điều rất phấn khởi cho nhân dân Tuy Phong trong thời gian này, đồng bào Bình Thạnh được vinh dự đón tiếp Bác Tôn Đức Thắng trên đường đi ra Bắc ghé lại thăm và gặp gỡ nói chuyện thân mật với cán bộ nhân dân địa phương. Bác Tôn nói về tình hình đất nước lúc này, âm mưu xâm lược của thực dân Pháp... và động viên tinh thần chuẩn bị kháng chiến của nhân dân, dù khó khăn gian khổ đến mấy, cách mạng nhất định thắng lợi. Rồi Bác kể chuyện những ngày ở tù Côn Đảo đầy gian lao, khổ ải, hằng đêm nằm trong tù, nghe tiếng con tắc kè kêu "Tắc kè, tắc kè" anh em liên tưởng nghĩ đến ngày mai "chắc về". Bác đọc 4 câu thơ:

Năm năm, tháng tháng, ngày ngày

Lần lần, lửa lửa, rây rây, mai mai

Bóng chim tăm cá còn dài
Cách mạng thắng lợi ngày mai chắc về.

Buổi gặp gỡ của Bác Tôn với nhân dân Bình Thạnh càng động viên toàn dân, chính quyền, mặt trận ra sức phấn đấu, khắc phục những khó khăn, luôn luôn cảnh giác âm mưu hành động của thực dân đế quốc, tin tưởng vào thắng lợi của cách mạng. Hội cứu quốc đóng vai trò tích cực, hoạt động sôi nổi khắp các xã. Các đồng chí phụ trách hội : Võ Quang Ba, Trần Thị Điểm, Võ Thị Năm... phối hợp cùng với cán bộ tỉnh tăng cường hoạt động nhiệt tình khắp các làng xóm, tuyên truyền vận động quần chúng hưởng ứng các chủ trương của Đảng và chính phủ.

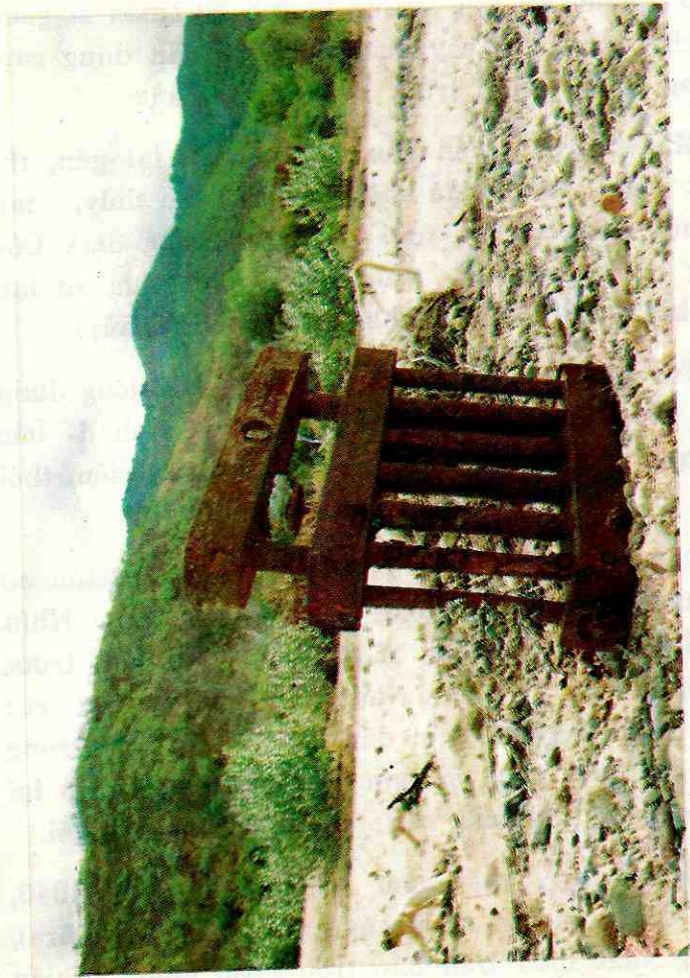
Cuối năm 1945, tình hình có nhiều diễn biến phức tạp hơn, bọn Nhật ở Phan Thiết tìm cách chống phá chính quyền cách mạng địa phương, bọn thực dân Pháp sắp sửa đánh ta từ Nam bộ ra...

Để chuẩn bị đối phó với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, tỉnh điều một đại đội Vệ quốc đoàn ra đóng ở địa bàn huyện Hòa Đa, Tuy Phong : 1B đóng ở Chợ Lầu, 1B đóng ở Phan Rí Cửa, 1B đóng ở Long Hương và chuyển Công binh xưởng Kiểu Đức Thắng lên đóng ở vùng núi Kênh Kênh. Huyện tập trung củng cố Ban công an,

lực lượng tự vệ. Đơn vị Tôn Thất Tri đóng ở Tuy Phong khẩn trương triển khai lực lượng phối hợp cùng với lực lượng dân quân tự vệ các xã : Chí Công, Bình Thạnh, Long Hương, Vinh Hảo... ngày đêm đào công sự, đắp ụ đất làm chướng ngại vật trên đường quốc lộ 1 từ Vinh Hảo, Bàu Đá đến dốc Tư Hồng. Các xã vùng biển tổ chức lực lượng chiến đấu, thường xuyên tuần tra canh gác để phòng địch đổ bộ bằng tàu thủy vào. Tinh thần sẵn sàng chiến đấu chống quân thù của quân và dân ta bao trùm khắp hai huyện Hòa Đa, Tuy Phong.

Một hình ảnh sinh động của ngày đầu chuẩn bị kháng chiến, thể hiện tinh thần "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" của dân quân tự vệ xã Chí Công. Tháng 11-1945, Ban quân sự huyện Hòa Đa thông báo khẩn cấp cho các xã ven biển biết có một vật lạ ngoài biển từ Cà Ná di chuyển về hướng Nam, có thể là tàu thủy Pháp. Huyện ra lệnh cho Ban quân sự xã Duồng, Phan Rí Cửa tổ chức tuần tra dọc bờ biển, kịp thời báo cáo về huyện và sẵn sàng chiến đấu.

Ban quân sự Duồng triển khai phương án, tổ chức lực lượng chặn đánh tàu giặc. Ban quân sự chọn hai tiểu đội trong số trung đội tự vệ chiến đấu thường trực để xung trận, nhưng tất cả anh em tự vệ đều xung phong lên đường chiến



Công binh xưởng Kiều Đức Thắng đóng cần cẩu tại
núi Kênh trong những năm 1945 - 1947.

đấu, nên Ban chỉ huy quyết chỉ định 20 người, chia thành hai tổ, lên hai chiếc ghe lưới hôi tiến ra tàu giặc. Vũ khí trang bị cho 20 chiến sĩ gồm: 20 chai xăng, 20 cây giáo và tinh thần dũng cảm không sợ hy sinh trước kẻ thù xâm lược.

Khi thuyền chiến đấu của ta tiến lại gần, thì phát hiện vật lạ đó không phải là tàu thủy, mà là một chiếc xà lan (dài 20 m, rộng 8m). Các đồng chí tự vệ dùng thuyền cập mạn, đưa xà lan vào bờ, neo lại ở bến Thanh Minh (Hà Thủy).

Tuy không gặp tàu giặc, nhưng hành động dũng cảm đó thể hiện tinh thần dám hy sinh để bảo vệ quê hương, bờ cõi, nó càng động viên, thôi thúc toàn dân tham gia kháng chiến.

Đầu tháng 11-1945, ta tổ chức cho dân tản cư và tập trung lực lượng đánh, vây ép bọn Nhật ở Phan Thiết. Đến giữa tháng 12-1945, trước sức ép của ta, bọn lính Nhật đã xuống tàu rút khỏi Bình Thuận. Nhân dân trong tỉnh tập trung sức lo đối phó với thực dân Pháp quay trở lại và chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội sắp tới.

Những ngày cuối năm 1945, đầu năm 1946, Pháp dùng những chiếc máy bay "Mũi đỏ" (Spitfire), thường xuất hiện trên bầu trời, báo hiệu chiến tranh đã lan đến Tuy Phong, nên việc tổ chức

bố phòng báo động khi có máy bay được chuẩn bị chu đáo, bảo đảm an toàn trong ngày bầu cử.

Không khí chuẩn bị Tổng tuyển cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa diễn ra thật sôi động khắp mọi làng quê.

Ứng cử viên đại biểu Quốc hội tỉnh Bình Thuận gồm có 14 vị, đại biểu ứng cử ở khu vực Tuy Phong gồm có 4 ông : Nguyễn Tương, Huỳnh Tấn Đối, Nguyễn Tương Lai, Ngô Hữu Thời, danh sách các ứng cử viên được Mặt trận Việt Minh thông báo rộng rãi cho các cử tri lựa chọn trước ngày bầu cử.

Mặt trận Việt Minh và Ủy ban nhân dân cách mạng tổ chức vận động tuyển cử bằng nhiều hình thức phong phú : Huyện lập đội tuyên truyền xung phong đi về các thôn, xóm tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia cuộc Tổng tuyển cử và vừa tổ chức cho các ứng cử viên tiếp xúc, gặp gỡ cử tri. Nhân dân lao động sau khi hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của cuộc tổng tuyển cử, càng thấy vinh dự, tự hào và trách nhiệm lớn lao của mình đối với Tổ quốc.

Ngày 6-1-1946 là ngày hội lớn của dân tộc, ngày toàn thể công dân Việt Nam thực hiện quyền làm chủ của mình về mặt chính trị, tiến hành cuộc

Tổng tuyển cử, bầu ra cơ quan quyền lực cao nhất của một nước. Tại Tuy Phong, Hòa Đa từ sáng sớm trên các nẻo đường thôn xóm, mọi người nô nức đi về địa điểm bầu cử trong niềm vui, phấn khởi, niềm tin tưởng sâu sắc vào Chính phủ do Hồ Chí Minh lãnh đạo. Lần đầu tiên trong đời, người dân nô lệ được làm người công dân của một nước độc lập, thực hiện quyền làm chủ của mình, cầm lá phiếu bầu cử Quốc hội, làm cho nhiều người không ít ngỡ ngàng, nhưng rất sung sướng tự hào.

Kết quả trúng cử vào Quốc hội khóa đầu tiên của tỉnh Bình Thuận gồm hai ông : Nguyễn Tương, Huỳnh Tấn Đối.

Thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội càng động viên tinh thần yêu nước, thể hiện ý chí và niềm tin của toàn dân vào chính phủ mới do Hồ Chủ tịch sáng lập. Chế độ mới mang đến quyền làm chủ đất nước cho nhân dân lao động, nên dù khó khăn, gian khổ đến mấy, mọi người dân đều sẵn sàng "đem hết tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải" để giữ vững quyền làm chủ ấy.

CHƯƠNG V

NHÂN DÂN TUY PHONG BƯỚC VÀO CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1946 - 1954)

I - PHÁP ĐẾN TUY PHONG :

Nhân dân Tuy Phong đang sống trong niềm vui phấn khởi của những ngày độc lập, tự do, cùng nhau góp sức xây dựng xã hội mới và chuẩn bị đón một cái tết độc lập đầu tiên thì thực dân Pháp nấp dưới bóng quân đội đồng minh Anh, trở lại xâm lược nước ta một lần nữa.

Ngày 23-9-1945, Pháp gây hấn ở Sài Gòn rồi sau đó đánh chiếm các tỉnh Nam bộ và đang ráo riết đánh ra các tỉnh Trung bộ.

Ngày 19-10-1945, Pháp từ Xuân Lộc đánh ra Bình Thuận nhưng cầu bị ta phá sập nên địch quay về lại. Tháng 10-1945, Pháp đánh lên Nha Trang và ngày 4-12-1945 Pháp đánh lên Buôn Mê Thuột... Các mũi tiến công của Pháp đều bị lực lượng bộ đội và tự vệ các tỉnh chặn đánh quyết liệt, chặn đứng không cho địch mở rộng vùng chiếm đóng.

Song song với các cuộc hành quân đánh chiếm, thực dân Pháp còn dùng quân Nhật chưa bị giải giáp làm tên xung kích đánh chiếm một số tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh Nam Trung bộ. Kế hoạch này bọn chúng bị thất bại ở Bình Thuận và Ninh Thuận. Giữa tháng 12-1945, trước sức ép của quân và dân ta, buộc bọn Nhật phải xuống tàu rút khỏi thị xã Phan Thiết.

Trước tình hình quân Pháp tiến hành xâm lược các tỉnh Cực Nam Trung bộ, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Bình Thuận chỉ đạo cho các huyện, thị, các đơn vị bộ đội hãy chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, tổ chức cho đồng bào tản cư, xây dựng căn cứ, triển khai lực lượng phòng thủ ở những nơi xung yếu.

Chấp hành lệnh của trên, trong tháng 11-1945 dân quân tự vệ huyện Tuy Phong, Hòa Đa phối hợp cùng với Đại đội 3 Vệ quốc đoàn khẩn trương xây dựng công sự chiến đấu, bố chướng ngại vật trên nhiều đoạn đường dọc quốc lộ 1 từ Vinh Hảo đến Cầu Nam. Đồng thời các chiến sĩ Vệ quốc đoàn cùng với dân quân tự vệ bố trí xây dựng trận địa ở các xã vùng biển : Chí Công, Bình Thạnh, Long Hương, Long Phước, Phan Rí Cửa để đề phòng địch từ hướng Sài Gòn theo quốc lộ 1 đánh ra, hoặc đổ bộ bằng tàu thủy vào các

xã dọc ven biển. Vì lúc này ta thấy bọn địch tăng cường hoạt động ở những hướng này.

Trước họa xâm lăng, nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa quyết không chịu làm nô lệ một lần nữa. Người người như một, đoàn kết một lòng, hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng lên chống giặc cứu nước.

Sau khi âm mưu dùng quân Nhật đánh chiếm các tỉnh Cực Nam Trung bộ thất bại và cuộc hành quân từ Biên Hòa theo quốc lộ 1 đánh ra Bình Thuận không thành. Cuối tháng 1 năm 1946, thực dân Pháp mở cuộc hành quân "Gô" (Gaur) tiếp tục đánh ra các tỉnh Nam Trung bộ. Lực lượng tham gia cuộc hành quân 15.000 tên, có nhiều quân - binh chủng phối hợp, tất cả đặt dưới sự chỉ huy của tên tướng Loccolét (Lecler). Chúng chia làm hai cánh : cánh thứ nhất từ Sài Gòn hành quân đánh chiếm các tỉnh Tây Nguyên. Cánh thứ hai, từ Biên Hòa địch dùng lực lượng cơ giới tiến theo đường 20, đánh chiếm các tỉnh Nam Tây Nguyên rồi thọc xuống đánh chiếm các tỉnh Cực Nam Trung bộ.

Ngày 25-1-1946, một cánh của cuộc hành quân "Gô" khoảng 140 xe cơ giới từ Biên Hòa đánh lên chiếm Di Linh (tỉnh lỵ Đồng Nai Thượng) và

chiều 27-1-1946 địch chiếm Đà Lạt (tỉnh ly Lâm Viên).

Ngày 28-1-1946, Pháp từ Đà Lạt theo đường 11 tiến xuống chiếm Phan Rang (tỉnh ly Ninh Thuận), mặc dù quân ta có chặn đánh địch ở Cầu Đất và dọc đường 11. Ngày 29-1-1946, địch dừng lại Phan Rang để phân quân. Tại đây chúng chia làm hai cánh : một cánh tiến ra Ba Ngòi, Cam Ranh, phối hợp với lực lượng từ Tây Nguyên xuống đánh giải tỏa Nha Trang. Một cánh đánh chiếm Bình Thuận.

Để chặn đánh cuộc hành quân của địch, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Bình Thuận sau khi nhận được tin từ anh em công nhân ở ga Sông Mao chuyển tin từ Ninh Thuận điện vào thông báo : "Pháp chiếm Đà Lạt và đang tiến xuống Phan Rang", đã lệnh cho các huyện, thị, các đơn vị bộ đội chuẩn bị chiến đấu, phá cầu Vinh Hảo, cầu Đại Hòa. Tổ chức cho đồng bào tản cư, cất giấu tài sản, thực hiện "vườn không nhà trống".

Ủy ban Việt Minh lâm thời huyện được tin giặc Pháp đã chiếm Phan Rang và đang chuẩn bị tiến quân vào Phan Thiết. Các đồng chí lãnh đạo Ủy ban Việt Minh và chính quyền huyện bàn bạc chủ trương đối phó : Cần di chuyển cơ quan lãnh đạo của huyện về nông thôn, hướng trước mắt là

về Phú Điền. Lệnh cho đồng bào ở huyện lỵ (xã Long Hương) tản cư, làm vườn không, nhà trống, lực lượng tự vệ chiến đấu cùng một số dân quân ở lại tổ chức phá hoại giao thông (quốc lộ 1) và chuẩn bị bố trí đánh địch. Đồng thời thông tin cho các xã phá đường và chuẩn bị đánh địch. Tổ chức một bộ phận ra tiếp tế cho Đại đội 3 Vệ quốc đoàn ở Vinh Hảo để động viên tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ.

Lúc này, Đại đội 3 Vệ quốc đoàn đang đóng quân ở Chợ Lầu, Phan Rí Cửa, Long Hương khẩn trương chuyển toàn bộ lực lượng ra xây dựng phòng tuyến dọc quốc lộ 1 gần chùa Dinh Cố (Vinh Hảo) giáp giới giữa hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận. Lực lượng dân quân tự vệ hai huyện tổ chức xây dựng công sự, lập chướng ngại, đào phá đường dọc quốc lộ 1. Lực lượng tự vệ xã Vinh Hảo, Long Phước, tự vệ chiến đấu huyện phối hợp cùng với Đại đội 3 Vệ quốc đoàn bố trí đánh địch từ Dinh Cố và dốc Núi Tàu. Lực lượng tự vệ xã Long Hương bố trí chặn đánh địch từ dốc Đại Hòa đến ngã tư Long Hương, tự vệ chiến đấu xã Bình Thạnh chặn đánh địch trên dốc Tư Hồng. Lực lượng tự vệ chiến đấu xã Chí Công xây dựng phòng tuyến từ ngã ba Duồng đến dốc Hối Long... Nhân dân các xã đang được các ban, ngành

hướng dẫn tản cư, thực hiện vườn không nhà trống, các cơ quan chuẩn bị chuyển về vùng căn cứ ở nông thôn, miền núi.

Ngày 30-01-1946, một đoàn xe địch có thiết giáp dẫn đầu từ Phan Rang tiến vào đánh Bình Thuận. Chiều tối 30-1, quân địch đến Vinh Hảo, lọt vào phòng tuyến phục kích của ta, tiếng súng kháng chiến chống xâm lược ở Tuy Phong bùng nổ, mở đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Bình Thuận.

Đại đội 3 cùng với tự vệ chiến đấu huyện Tuy Phong lợi dụng công sự đào ở sườn núi, đường xe lửa, đường ô tô sát biển chặn đánh quyết liệt, đẩy lùi nhiều đợt tấn công, gây cho địch một số thiệt hại, buộc chúng phải dừng lại một đêm để đối phó với ta. Hai cầu Vinh Hảo, Đại Hòa, tỉnh có chủ trương phá nhưng do cật rập ta phá không sập. Sáng ngày 31-1-1946, địch củng cố lực lượng, mở đợt tấn công tràn qua phòng tuyến của ta tiến vào địa phận Tuy Phong, Đại đội 3 rút lui vào khu rừng Vinh Hảo.

Ngay từ đầu địch đặt chân đến Tuy Phong, chúng đã bị lực lượng tự vệ xã Vinh Hảo, Long Phước chặn đánh trên nhiều đoạn dọc quốc lộ 1 từ Vinh Hảo đến dốc Núi Tàu, gây cho địch một

số thiệt hại. Về ta, tự vệ xã Long Phước hy sinh một đồng chí (Nguyễn Tiếng). Đây là đồng chí tự vệ anh dũng hy sinh đầu tiên của huyện Tuy Phong.

Sau khi vượt qua các trận địa phục kích của ta và các đoạn đường bị đào phá ở dốc Đại Hòa, dốc Tư Hồng, dốc Bàu Đá, đoàn xe địch tiến đến dốc Hối Long lại gặp hầm hào, chướng ngại vật ngăn chặn. Hơn 1 trung đội tự vệ xã Chí Công, tuy trang bị còn thô sơ : mã tấu, mác nhọn, giáo dài, dao găm, chai xăng... đã dũng cảm xông lên chiến đấu, chống chọi với xe tăng, thiết giáp một cách kiên cường, quyết liệt. Hơn một giờ bị ta chặn đánh, bọn địch dùng mọi thủ đoạn và vũ khí hiện đại mới tràn qua được phòng tuyến, ta hy sinh 11 đồng chí. Đoàn xe địch tiến vào Hòa Đa, để lại 1 đại đội chốt giữ, rồi tiếp tục hành quân đánh vào Phan Thiết chiếm tỉnh lỵ Bình Thuận.

Chiều 31-1, Ủy ban xã Chí Công tổ chức lễ truy điệu 11 đồng chí đã anh dũng hy sinh, trên bàn thờ Tổ quốc có câu đối : " - Gương sáng đời đời bia ghi tạc. - Tên vàng kiếp kiếp sử lưu danh", thúc giục lớp lớp thanh niên hăng hái tham gia kháng chiến.

Thực dân Pháp, bằng cuộc hành quân cơ giới, cầm cờ đỏ sao vàng dùng nghi binh đánh lừa

nhân dân và du kích hai bên đường tiến quân và trong một ngày (31-1) chúng đã chiếm xong thị xã Phan Thiết và một số vùng quan trọng của tỉnh Bình Thuận.

Tại Hòa Đa, đại đội Âu - Phi do tên quan ba Calver chỉ huy, sau khi tạm ổn định, đã mở các cuộc hành quân mang tính chất khủng bố ra các vùng xung quanh, nhằm thăm dò lực lượng ta và uy hiếp tinh thần của nhân dân.

Ngày 3-2-1946 (tức mồng 2 tết), quân Pháp từ đồn Hòa Đa dưới sự chỉ huy của tên đại úy Can-vê (Calver), mở cuộc hành quân càn quét ra các xã phía Bắc huyện Hòa Đa : Phan Rí Cửa, Hòa Minh, Hòa Phú với chủ trương : đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Cuộc càn quét diễn ra ngay trong những ngày dân ta đang đón tết cổ truyền dân tộc. Đi đến đâu chúng không trừ những hành động man rợ nào, gây biết bao cảnh đau thương, tang tóc cho đồng bào ta.

Tiếp đến, ngày 7-2-1946 (tức mồng 6 tết), quân Pháp từ Hòa Đa hành quân ra Tuy Phong, bắt ngờ nổ súng càn vào Long Hương. Phần lớn nhân dân đã tản cư, một số người về cúng tạ ngày tết và một số cán bộ ở lại chưa kịp tránh lánh đã bị bọn Pháp bắn chết 6 người, trong đó có

đồng chí Lê Thuyên Phó Chủ nhiệm Việt Minh huyện. Cùng ngày bọn Pháp tràn vào Duông, nhân dân đã tản cư ra hướng Bàu Khoai, một bộ phận lính Âu - Phi tiến ra Đá Bô, Gành Sơn xả súng bắn về khu tản cư, làm một người bị thương.

Tiếp đến, ngày 16-2-1946, Pháp đưa quân ra đóng đồn cầu Đại Hòa và ga Sông Lòng Sông, nhằm bảo vệ cầu, giữ con đường giao thông huyết mạch Bắc Nam. Từ đây, bọn chúng thường nống ra càn quét vào các xã : Long Phước, Đại Hòa, Long Hương, Phú Điền và các thôn dọc quốc lộ 1.

Trước sự khủng bố dã man của thực dân Pháp, đồng bào các xã, thực hiện triệt để lệnh của chính quyền cách mạng, kịp thời tản cư về vùng nông thôn, miền núi, thực hiện "vườn không nhà trống" bất hợp tác với địch. Đồng bào Vinh Hảo tản cư vào các khu rừng Suối Cang, Cây Me. Đồng bào Long Phước tản cư ra ven động và khu đồng ruộng. Đồng bào Long Hương tản cư ra vùng Long Thạnh (tức là xóm Gò Xang), một số ra vùng ruộng cách làng 3 - 4 km. Đồng bào Duông tản cư ra vùng Bàu Khoai, Trại Lưới. Đồng bào Phan Rí Cửa tản cư xuống Gành Đá (Tăng Phú), một số sang xóm Cụp (Lâm Lộc) hoặc lên Thái An, Ngọc Sơn. Đồng bào Phú Điền tản cư lên vùng Đất Đỏ. Đồng bào dân tộc Chăm ở Lạc

Trị chuyển lên vùng ruộng Chớ Rai, Dóc Trang. Đồng bào Tuy Tịnh tản cư ra ruộng Ông Nai... Nhiều xã trước khi tản cư, nhân dân còn thực hiện "tiêu thổ kháng chiến" đốt phá nhiều nhà cửa kiên cố, không cho địch lợi dụng làm căn cứ đóng quân: đốt chùa Long Tự xã Long Phước, đốt miếu Long Thanh xã Long Hương. Đồng bào Chăm Lạc Trị nhiều nhà cửa, đình làng, chùa, đền Bà Chúa đều dỡ bỏ, đốt cháy... Cơ quan huyện Tuy Phong chuyển lên Phú Điền, cơ quan huyện Hòa Đa chuyển lên Bá Ghe, Thái An xây dựng căn cứ tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến tại địa phương.

Đại đội 3 Vệ quốc đoàn từ phòng tuyến chùa Dinh Cố rút lên vùng núi Kênh Kênh củng cố lực lượng một thời gian rồi trở về vùng Bình Thạnh, Phú Điền, Long Hương, Phan Rí bám đất, bám dân, tạo chỗ đứng chân hoạt động.

II - ĐẢNG BỘ TUY PHONG ĐƯỢC THÀNH LẬP VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG CUỘC BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH (1946 - 1948)

Ngày 30-1-1946, các cơ quan dân quân chính Đảng huyện Tuy Phong đóng ở Long Hương rút lên Phú Điền. Tại đây, các đồng chí trong lãnh đạo huyện đã nêu ra hai ý kiến: Nên chọn vùng

rừng núi để đóng cơ quan hay xuống ở trong dân ? Trước mắt, huyện cử đồng chí Trần Ngọc Trác ủy viên tuyên truyền Việt Minh huyện về Bình Thạnh nắm tình hình, dựa vào cơ sở, chuẩn bị chu đáo nơi đóng cơ quan huyện. Sau nửa tháng, các đồng chí lãnh đạo như : Hứa Tự Nhung, Trần Đình Quảng... về bám hoạt động tại Bình Thạnh và cho đến tháng 4-1946, lần lượt các cơ quan đều chuyển về căn cứ La Gà (Bình Thạnh). Tuy nhiên, lúc còn đóng ở Phú Điền, huyện cử đồng chí Võ Đăng và Nguyễn Học lên vùng La Giã, La Bá, Kênh Kênh để tìm địa điểm đóng cơ quan huyện. Các đồng chí đã tiến hành trồng bông, dự kiến nơi sản xuất tự túc. Sau một thời gian xem xét tình hình, huyện thấy rằng có thể dựa vào dân, dựa vào Bình Thạnh bám trụ được, vì ở đây thuận lợi về tiếp tế, chỉ đạo và tổ chức đánh địch, nên cuối năm 1947 huyện rút ra hai đồng chí Võ Đăng, Nguyễn Học về Bình Thạnh. Các cơ quan huyện Hòa Đa cũng chuyển lên Bá Ghe, Thái An xây dựng căn cứ, củng cố lại tổ chức, tiếp tục lãnh đạo cuộc kháng chiến của nhân dân chống thực dân Pháp.

Để bảo vệ an toàn khu căn cứ Bình Thạnh, ta xây dựng 1 đại đội tự vệ chiến đấu do đồng chí Hồ Kiệt làm đại đội trưởng, đồng chí Phạm Khả làm chính trị viên. Lực lượng tự vệ chiến đấu xã

Bình Thạnh cùng phối hợp với bộ đội Vệ quốc đoàn (C3), đứng chân tại địa phương, do đồng chí Đoàn An, Phan Hạo chỉ huy, thường xuyên tổ chức luyện tập quân sự, đêm ngày tuần tra canh gác bảo vệ căn cứ. Mối quan hệ giữa huyện và bộ đội ngày thêm chặt chẽ, tình cảm quân dân gắn bó đậm đà. Giữa lúc địch tăng cường khủng bố quyết liệt, đồng bào vẫn tìm mọi cách vượt qua sự phong tỏa của kẻ thù, tiếp tế, nuôi dưỡng, che giấu cán bộ, bộ đội về hoạt động. Phân đội của đồng chí Ngô Thuộc, Đại đội 3 Vệ quốc đoàn hoạt động ở vùng Phan Rí Cửa, Hòa Phú, Hòa Minh... đang gặp khó khăn, bế tắc về tiếp tế, đơn vị có nguy cơ giải tán, nhờ dựa vào dân, chỉ trong một thời gian ngắn, nhân dân Phan Rí Cửa đã tiếp tế cho đơn vị những nhu yếu phẩm cần thiết. Đơn vị của đồng chí Trần Quốc Thái, sau khi rút khỏi phòng tuyến Chùa Dinh Cỏ (Vinh Hảo) lên ga Sông Lòng Sông và một số còn lại ở Phú Điền, Long Phước, Vinh Hảo chính nhờ nhân dân Tuy Phong tiếp tế, nuôi dưỡng, đơn vị mới dần dần củng cố lại, bước đầu có những hoạt động quân sự, tổ chức chống càn đánh địch.

Đầu tháng 2-1946, các chiến sĩ Vệ quốc đoàn do Đoàn Ân, Phan Hạo chỉ huy, tổ chức chặn đánh các cuộc càn của địch vào các thôn : Long Thạnh, Long Phước, Phú Điền, tiêu hao một số địch tạo khí thế phấn khởi trong nhân dân.

Tiếp tục tiến công tiêu diệt địch, thực hiện chủ trương của huyện, đêm 19 rạng ngày 20-2-1946, Đại đội tự vệ chiến đấu xã Bình Thạnh phối hợp với Phân đội Vệ quốc đoàn tổ chức tiến công tiêu diệt đồn địch tại cầu Đại Hòa.

Đồn địch ở cầu Đại Hòa là một vị trí quan trọng, ở xa đồn chính Hòa Đa khoảng 30 km, nên bọn Pháp tập trung ở đây hỏa lực mạnh, có 1 trung đội lính Âu - Phi chốt giữ.

Trong đêm, lực lượng ta bí mật từ Bình Thạnh hành quân lên Phú Điền, từ đây chia làm 3 mũi tiếp cận đồn địch.

So với địch, lực lượng ta đông hơn, nhưng trang bị vũ khí còn thô sơ, lực lượng tự vệ chiến đấu sử dụng phần lớn : giáo, mác, mã tấu, tầm vông vạt nhọn, trống, mõ, phèng la... chỉ có một ít khẩu súng trường, tiểu lên, lựu đạn, ưu tiên cho mũi đánh chính diện và hai tổ xung phong ở sườn trái, sườn phải.

Rạng sáng ngày 20-2-1946, đúng 3 giờ, khẩu lệnh phát lên, các mũi đồng loạt nổ súng. Các chiến sĩ xông lên, trong tiếng hô xung phong "quyết chiến, tiến lên" hòa trong tiếng mõ, tiếng trống, tiếng phèng la nổi lên giục giã, uy hiếp tinh thần giặc Pháp trong đồn cầu Đại Hòa.

Trận đánh diễn ra bất ngờ, phút đầu có làm cho địch lúng túng, hoảng hốt nhưng sau một thời gian ngắn, chúng ổn định lại lực lượng tổ chức bắn trả quyết liệt, ta hy sinh 1 đồng chí (đồng chí Đắc tự vệ chiến đấu), 1 đồng chí khác bị thương : Qua một giờ chiến đấu, các mũi vẫn chưa đột nhập được vào đồn, trời lại sáng dần, nếu kéo dài trận đánh sẽ bất lợi cho ta. Ban chỉ huy lệnh cho các mũi rút lui để bảo toàn lực lượng. Khi nhận được lệnh, các mũi rút lui về căn cứ La Gàn, chỉ còn 4 đồng chí tự vệ : Lê Chà, Huỳnh Dậu, Nguyễn Dây, Lê Hiếu do tiến lên ém quá sát đồn, không nghe được khẩu lệnh rút lui, nên sáng sớm giặc Pháp nổ súng ra, sục sạo quanh đồn bắt được.

Lọt vào tay giặc, các anh đã nêu một tấm gương bất khuất trước mọi cực hình tra tấn của chúng: đánh đập, đóng đinh vào vai, bàn tay... ngắt đi, tỉnh lại nhưng không một ai khuất phục, khai nơi đóng quân của bộ đội, du kích, các cơ quan huyện, xã, tất cả thà hy sinh chứ không đầu hàng giặc. Phẩm chất anh hùng ấy, được truyền tụng, nhân dân khâm phục, tự hào về những người con của quê hương Tuy Phong kiên cường. Đồng chí Lê Hiếu lợi dụng lúc địch sơ hở, tìm cách chạy thoát trở về căn cứ an toàn, trên mình còn mang nhiều thương tích qua những trận đòn tra tấn của kẻ thù. Ba đồng chí còn lại địch xả súng bắn chết.

Nhân dân vùng căn cứ Bình Thạnh cùng với các ban ngành, đoàn thể của huyện, xã, bộ đội Vệ quốc đoàn tổ chức lễ truy điệu cho những người đã khuất, trong tình cảm tiếc thương, ai nấy đều hứa dù hy sinh gian khổ đến mấy vẫn kiên quyết kháng chiến, trả thù cho những người đã mất.

Đây là trận đánh đòn đầu tiên của lực lượng bộ đội, tự vệ chiến đấu huyện Tuy Phong, cũng là trận đánh đòn đầu tiên diễn ra ở Bình Thuận. Lực lượng bộ đội, tự vệ vừa mới thành lập, còn nhiều ấu trĩ, thiếu kinh nghiệm chiến đấu, vũ khí thô sơ, nhưng với tinh thần quyết tâm kháng chiến cao, dũng cảm chiến đấu, gây cho địch một số thiệt hại. Trận đánh tuy chưa giành được thắng lợi, ta có sự tổn thất, nhưng phần nào tạo nên khí thế trong nhân dân, làm cho địch hoang mang, lo sợ, không còn ngang nhiên ruồng bố như trước nữa.

Đầu tháng 3-1946, đơn vị bộ đội Vệ quốc đoàn của đồng chí Trần Quốc Thái tổ chức phục kích, chặn xe địch trên đường quốc lộ 1, tiêu diệt 2 xe ở Long Hương, làm cho địch sợ hãi mỗi khi chạy qua đoạn đường này. Cũng trong tháng ba, địch mở càn quét vào La Gàn, tại đây chúng đã bị bộ đội Vệ quốc đoàn (C.3) diệt 9 tên, thu 1 xe jeep.

Những trận chống càn, đánh đồn, phục kích xe địch trên quốc lộ 1 của bộ đội Vệ quốc đoàn và tự vệ chiến đấu huyện Tuy Phong trong những ngày đầu kháng chiến, tuy chưa làm cho địch thiệt hại nặng, nhưng đó là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân Tuy Phong.

Trước tình hình giặc Pháp tăng cường khủng bố, nhằm thực hiện nhanh chóng cuộc bình định cấp tốc. Nhiệm vụ đặt ra lúc này của huyện là phải: củng cố lại chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới, từ thời bình chuyển sang thời chiến. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng để làm lực lượng nòng cốt trong phong trào đấu tranh của quần chúng. Phát triển lực lượng quân sự, công an, tổ chức tuần tra canh gác, chống địch càn quét. Chỉ đạo cho các xã lo ổn định một bước nơi ăn, chốn ở của nhân dân ở các vùng tản cư, tiến hành đẩy mạnh tăng gia sản xuất để giảm bớt khó khăn về đời sống. Vận động phong trào quyên góp ủng hộ cán bộ, bộ đội đang hoạt động tại địa phương. Chỉ đạo thực hiện chủ trương giảm tô.

Ở Tuy Phong, đồng chí Hứa Tự Nhung phái viên của tỉnh rất chú ý đến công tác xây dựng Đảng. Đồng chí tiến hành xây dựng theo phương pháp: nơi nào chưa có cơ sở cũ thì việc phát triển Đảng

bí mật để chậm lại, đợi khi có phong trào và qua thử thách sẽ chọn sau. Nơi có cơ sở cũ, ta đưa điều lệ Đảng thảo luận, nếu ai nhất trí thì cho vào nhóm nòng cốt của Mặt trận Việt Minh. Qua thời gian công tác nếu họ hăng hái, tích cực tán thành điều lệ Đảng thì tuyên bố kết nạp Đảng chính thức. Lấy Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác để xây dựng tư tưởng, lập trường, trang bị kiến thức về Đảng. Đồng chí Nhung đã đưa 10 cuốn điều lệ Đảng cùng với Bản Cương lĩnh Mặt trận Việt Minh về Tuy Phong làm công cụ tuyên truyền xây dựng Đảng.

Từ 5 đồng chí đảng viên đầu tiên ở Tuy Phong, được đồng chí Hứa Tự Nhung lựa chọn kết nạp tại xã Long Phước, đến tháng 2 và tháng 3-1946 nhiều cơ sở Đảng và các nhóm trung kiên nòng cốt lần lượt được xây dựng và thành lập ở các xã. Ở Long Hương có nhóm cơ sở Đảng nòng cốt gồm các đồng chí : Nguyễn Thuyên, Lê Bá Nghiêm, Lê Xá, Phạm Quỳnh Đồng, Dương Quang Châu. Ở Vinh Hảo có nhóm cơ sở Đảng gồm : Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Hữu Nhi, Nguyễn Xôm. Bình Thạnh có nhóm : Trần Ngọc Trác, Nguyễn Chay, Dương Thúc Thị, Phạm Đơn Quế, Ngô Đơn Sâm, Nguyễn Thị Tây. Tuy Tịnh, Lạc Trị có nhóm : Trần Quang Ngọc, Trần Hiền, Trần

Tự, Kinh Lý, Long Tỉnh, Long Thanh, Phú Điền có nhóm : Nguyễn Văn Chương, Dương Văn Bảo, Nguyễn Thị Thuyết, Nguyễn Ký, Nguyễn Bé...

Công tác xây dựng cơ sở Đảng ở Tuy Phong đã phát triển rộng khắp, các tổ trung kiên nòng cốt (coi như chi bộ) được thành lập ở các xã.

Sau khi Trung ương Đảng tuyên bố tự giải tán (sự thật là Đảng tạm thời rút vào hoạt động bí mật). Đảng chủ trương lập Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác để lấy danh nghĩa công khai hoạt động ở trên chính trường cũng như ở quốc hội. Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác là nơi tuyên truyền giác ngộ về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, về lập trường, quan điểm, tư tưởng Mác - Lê nin, nơi tập hợp những người tiến bộ, yêu nước để học tập chủ nghĩa cộng sản, nâng cao trình độ chính trị cho những người cảm tình Đảng.

Chấp hành chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy Bình Thuận, cuối tháng 2-1946, Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác huyện Tuy Phong được thành lập, trụ sở đóng ở Bình Thạnh do đồng chí Hứa Tự Nhung làm Hội trưởng, đồng chí Trần Ngọc Trác thơ ký hội. Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác là nơi học tập, rèn luyện nâng cao trình độ chính trị cho các cảm tình Đảng. Giúp cho

các đảng viên bước đầu hiểu về Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tìm hiểu về tôn chỉ, mục đích của Đảng và học tập điều lệ Đảng... Đảng chính thức hoạt động sau danh nghĩa Hội nghiên cứu Chủ nghĩa Mác, dưới hình thức "Hội Cứu quốc". Công tác xây dựng Đảng, chọn đối tượng kết nạp đảng viên mới, thành lập chi bộ được đề ra cấp thiết.

Được Thường vụ Tỉnh ủy Bình Thuận thông qua và chỉ định, ngày 2-4-1946, Huyện ủy lâm thời Tuy Phong thành lập, đồng chí Hứa Tự Nhung, tỉnh ủy viên, phụ trách Tuy Phong làm bí thư, đồng chí Nguyễn Hương phó bí thư và các ủy viên là : Trần Nhật Tân, Nguyễn Quý, Trần Đình Quảng, Nguyễn Hữu Chung, Trần Thị Điểm, Phan Văn Hảo.

Huyện ủy Tuy Phong lâm thời thành lập, là một bước ngoặt quan trọng, làm hạt nhân lãnh đạo phong trào đấu tranh của quần chúng. Từ đây, phong trào đấu tranh cách mạng ở Tuy Phong đã có Đảng bộ địa phương lãnh đạo, vượt qua những khó khăn, thử thách, ngày một trưởng thành trong khói lửa chiến tranh.

Công tác chính quyền cũng được củng cố lại : Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời đổi thành Ủy ban hành chánh, đồng chí Nguyễn Hữu Chung

được chỉ định làm chủ tịch. Đồng chí Trần Đình Quảng vẫn giữ chức Chủ nhiệm Việt Minh huyện.

Trước tình hình địch đánh phá dữ dội, cơ quan huyện không thể tập trung làm việc như trước, Huyện ủy chủ trương chia huyện thành nhiều khu vực, phân tán cán bộ xuống từng khu để chỉ đạo sát cơ sở, sát nhân dân. Ủy ban hành chánh và Ủy ban Việt Minh huyện, sau khi họp bàn thống nhất, chia huyện Tuy Phong thành 5 khu hành chánh và cử cán bộ các ban ngành của huyện về phụ trách : Khu 1 gồm các xã : Vinh Hảo, Long Phước, Đại Hòa, do đồng chí Nguyễn Hữu Chung, Nguyễn Hương phụ trách. Khu 2 gồm : Long Hương do các đồng chí Lê Xá, Nguyễn Quý phụ trách. Khu 3 gồm : Long Thạnh, Long Tĩnh, Phú Điền do các đồng chí Trần Nhật Tân, Lê Bá Nghiêm phụ trách. Khu 4 gồm : Lạc Trị, Long Càn, Tuy Tịnh, La Bá, do các đồng chí Trần Quang Ngọc, Trần Hiến phụ trách. Khu 5 gồm : Bình Thạnh, Vinh Giang, Xuân Long, Hạnh Lâm do các đồng chí Trần Đình Quảng, Trần Ngọc Trác phụ trách. Đảo Phú Quý do đồng chí Phan Văn Hảo phụ trách.

Các xã trên địa bàn của huyện Hòa Đa chia thành 10 khu hành chánh. Khu 1 là xã Chí Công và khu 2 gồm : Phan Rí Cửa, Tăng Phú (nay là



Đồng chí Hứa Tự Nhung, Bí thư Huyện ủy Lâm thời
Tuy Phong đầu tiên (1946).



*Tiền Việt Nam và tiền tin phiếu được nhân dân Tuy
Phong sử dụng trong những năm kháng chiến chống Pháp.*

Phan Rí Cửa, Hòa Minh, Hòa Phú thuộc huyện Tuy Phong) do đồng chí Võ Văn Tường phụ trách.

Sau khi chính quyền khu thành lập, các đoàn thể : Thanh niên, phụ nữ, thiếu niên, phụ lão... nhanh chóng được tổ chức.

Nhân dân sống trong hoàn cảnh tản cư còn tạm bợ, thiếu thốn đủ bề, lại thường xuyên bị địch đe dọa, nhưng đồng bào không hề nao núng, cùng chia xẻ những đắng cay, ngọt bùi, đoàn kết tương trợ lẫn nhau, động viên nhau khắc phục khó khăn, vượt qua giai đoạn thử thách này. Chính quyền Khu vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của huyện : Không cho địch lập bộ máy kèm kẹp từ huyện đến xã, thực hiện bất hợp tác với địch. Tổ chức việc tiếp tế cho lực lượng vũ trang, cán bộ thoát ly đứng trên địa bàn huyện. Vận động nhân dân làm hầm bí mật, tổ chức tốt việc bảo vệ dân, giữ vững phong trào bình dân học vụ. Gây cảm thù đối với giặc qua các cuộc càn quét... Huyện còn mở các lớp tuyên truyền, đào tạo cán bộ cho các xã, tại chùa Hang, với tài liệu học tập chủ yếu là 5 bước công tác và người cán bộ tốt.

Nhân dân ở các vùng tản cư bước đầu ổn định nơi ăn, chốn ở, tăng gia sản xuất như làm vườn,

rẫy, đánh bắt cá... nhằm giải quyết những khó khăn về đời sống, kiên quyết thực hiện chủ trương bất hợp tác với địch. Các điểm cao đều có dựng các cây "Bù" giao cho lực lượng dân quân thay nhau canh gác, khi có địch báo cho cán bộ, đồng bào tìm chỗ ẩn nấp. Ở Phan Rí Cửa, chính quyền khu 2 còn tổ chức họp chợ cho nhân dân đi lại mua bán và tổ chức lễ kỷ niệm 8-3 Quốc tế phụ nữ, nhằm động viên tinh thần kháng chiến của nhân dân.

Ngày 6-3-1946, Chính phủ ta ký Hiệp định sơ bộ với đại diện chính phủ Pháp tại Hà Nội. Sự thỏa thuận của Hiệp định tạo điều kiện cho ta tranh thủ thời gian hòa hoãn củng cố, xây dựng lại lực lượng. Hiệp định sơ bộ được ký kết, đã được tuyên truyền rộng rãi, nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa phấn khởi, tin tưởng, ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh, nghiêm chỉnh thi hành hiệp định.

Ở Bình Thuận, cuối tháng 3-1946, một số đồng chí lãnh đạo chính quyền, quân sự có tiến hành ký Hiệp định địa phương giữa ta với Pháp. Hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa theo đề nghị của Pháp cũng có một số đồng chí lãnh đạo chính quyền, quân sự liên lạc, trao đổi thư từ qua lại với các tên Billođót, Calver chỉ huy đồn Hòa Đa, để chuẩn bị đi đến ký hiệp định địa phương.

Qua thư từ, hai bên đã có sự thỏa thuận về thời gian, địa điểm gặp và các điều kiện cần thiết phải tuân thủ : Khi gặp không được mang vũ khí, không dùng lực lượng quân sự...

Ở Hòa Đa, địa điểm tiếp xúc giữa ta với Pháp tại Phan Rí Cửa. Ta thực hiện đúng sự cam kết, nhưng bọn Pháp đã có mưu đồ sẵn, bất ngờ đánh úp tại địa điểm gặp, một số đồng chí bị bắt, ta tổn thất nặng. Tiếp sau cuộc gặp ở Hòa Đa, bọn Pháp ra Tuy Phong. Như đã được thỏa thuận, đại diện bên địch có các tên Calver, Billodot và đại diện bên ta có các đồng chí : Đoàn An, Phạm Xin thay mặt cho huyện và Ban chỉ huy đại đội Quang Trung. Địa điểm gặp tại Long Hương.

Trước khi tổ chức cuộc gặp để ký Hiệp định địa phương, ta thấy bọn Pháp đã vi phạm những điều kiện đã cam kết, cho xe chở lính đến gần địa điểm họp. Nhờ tinh thần cảnh giác, ta chủ động bố trí lực lượng nổ súng tiêu diệt địch. Bọn Pháp bị ta đánh bất ngờ, hoảng loạn bỏ xe tháo chạy về đồn Hòa Đa, để lại một xác chết và 1 xe quân sự, ta lấy 4 bánh xe đưa về căn cứ Bình Thạnh. Cuộc tiếp xúc không thực hiện được, âm mưu của địch đã bị thất bại trước sự cảnh giác của ta.

Tuy nhiên những cuộc trao đổi, chuẩn bị đi đến ký Hiệp định địa phương không đúng với chủ trương của trên là cơ sở không ký hiệp định với địch ; phần nào ta có bị động, chủ quan, mất cảnh giác, không đánh giá đúng bản chất của kẻ thù, không quán triệt đúng ý nghĩa của Hiệp ước 6 - 3, đó là Hiệp ước "Lùi để tiến" nhằm tranh thủ thời gian để xây dựng, tạo điều kiện đi vào cuộc kháng chiến lâu dài. Đã tạo sơ hở cho địch dò la nắm tình hình những nơi tập kết của bộ đội Vệ quốc đoàn ở Bình Thạnh, Nha Mé, Vinh Hảo, Phú Điền, Cây Cà, vùng núi Kênh Kênh... Sau khi nắm được một số nơi của ta, với âm mưu đã có sẵn, thực dân Pháp xé toạc hiệp định, tổ chức tấn công vào các vị trí đóng quân của ta, nhằm diệt gọn lực lượng Vệ quốc đoàn, nhanh chóng mở rộng vùng chiếm đóng.

7 giờ sáng ngày 9-5-1946, thực dân Pháp phối hợp lực lượng ở Hòa Đa, Tuy Phong khoảng 2 đại đội bộ binh, có 4 xe bọc thép yểm trợ từ hướng Long Hương tràn qua Bình Thạnh. Dân quân tự vệ chiến đấu xã Bình Thạnh phối hợp với các phân đội của đại đội Quang Trung tổ chức phục kích chặn đánh địch ở Long Thanh, tại đây ta tiêu diệt được một số. Bọn chúng thúc nhau tiến ra khỏi Long Thanh 1km, lại bị ta chặn đánh, mãi

đến 2 giờ chiều chúng mới đến gần dốc Đồng Mông, bọn Pháp lại lọt vào ổ phục kích của ta. Tiếng súng của bộ đội và tự vệ chiến đấu lại một lần nữa giáng trả quyết liệt vào đầu quân xâm lược, hòa cùng với tiếng mõ, phèng la của dân quân du kích nổi lên vang dậy. Trong lúc cuộc chiến đấu đang diễn ra quyết liệt, phụ nữ xã Bình Thạnh băng qua dưới làn đạn địch tiếp tế cơm, nước tải thương cho anh em chiến sĩ tuyến trước. Bị chặn đánh liên tiếp, bọn Pháp hết hoảng tìm đường tháo chạy về co cụm lại ở đồn cầu Đại Hòa. Cuộc hành quân càn quét của địch qua Bình Thạnh đã bị bẽ gãy, ta tiêu diệt tại chỗ một số tên, trong đó có một tên quan hai Pháp, thu 4 súng.

Trước thất bại nhục nhã trong cuộc càn đầu tiên đánh vào căn cứ Bình Thạnh, cách hai ngày sau (11-5-1946) địch lại điều động một lực lượng quân sự lớn hơn từ Phan Thiết ra phối hợp với bọn lính ở Hòa Đa, Tuy Phong khoảng 200 tên, có xe thiết giáp, tàu chiến và máy bay yểm trợ, tiếp tục đánh vào khu căn cứ Bình Thạnh. Bọn địch chia làm hai cánh : 1 cánh quân từ đường quốc lộ 1 đổ xuống Trại Lưới đánh lên ; 1 cánh quân khác từ Long Hương đánh qua và trên bầu trời 4 chiếc máy bay quần đảo bắn phá, ngoài biển

tàu thủy nã đạn vào chi viện cho cuộc hành quân
càn quét.

Dân quân tự vệ xã Bình Thạnh cùng anh em
chiến sĩ Đại đội 3 Vệ quốc đoàn, được sự động
viên, cổ vũ, hỗ trợ tích cực của nhân dân đã tổ
chức chặn đánh quyết liệt các cánh quân của
địch ở Trại Lưới, Long Thạnh, ta tiêu diệt được
một số, cầm chân chúng lại một buổi. Đến 3 giờ
chiều cùng ngày, do tương quan lực lượng
giữa ta với địch không cân sức nên ta tạm thời
rút lui. Bọn địch tràn được vào thôn xóm, chúng
thẳng tay đốt phá, bầu trời Bình Thạnh chìm
trong khói lửa, nhà cửa, thùng lều nước mắm
rừng rục bốc cháy trước hành động phát xít của
giặc Pháp. Nhân dân phần lớn đã tản cư ra vùng
vườn, rẫy chỉ còn lại một số ở lại trông coi
nhà cửa, bọn Pháp sục sạo, bất kỳ gặp ai địch
đều xả súng bắn chết. Bốn mươi bảy người dân bị
địch sát hại, khi rút chúng còn bắt theo 55 người,
đưa về Hòa Đa giam giữ.

Sau cuộc càn vào Bình Thạnh, ngày 16-5-1946,
Pháp đưa một trung đội Lê Dương từ Hòa Đa ra
đóng đồn ở Long Hương - huyện lỵ Tuy Phong.
Địch tiến hành xây dựng công sự, lập 1 lô cốt cao
để quan sát khu vực xung quanh Long Hương. Sau
đó chúng đưa quân đến đóng ở ga Sông Lòng

Sông (1B), Cầu Đen (1A), cầu 15 (1A), ga Vinh Hảo (1B), cầu Đen Vinh Hảo (1A). Chi huy đồn Long Hương do tên đại úy Đờ-la-sôn.

Như vậy, từ tháng 2 đến tháng 5-1946 Pháp đã xây dựng được một hệ thống đồn bót ở Phan Rí Cửa, Duông, Long Hương và một số đồn bót đóng dọc các trục đường giao thông xe lửa, quốc lộ 1. Hệ thống này chịu sự điều hành của Chi khu quân sự Hòa Đa.

Chi khu Hòa Đa là một vị trí quân sự quan trọng của địch, án ngữ các huyện Bắc Bình Thuận. Chúng hiểu, nếu bình định nhanh được vùng này sẽ chặn đứng con đường tiếp tế nhân tài, vật lực của ta từ Bình Thuận ra Ninh Thuận và lên Lâm Đồng, chia cắt sự hỗ trợ giữa 3 tỉnh, nên chúng cố sức bình định cho được địa bàn huyện Tuy Phong. Chúng liên tiếp mở các cuộc càn quét đánh vào vùng căn cứ, đánh vào các khu đông dân, nhằm đánh bật lực lượng ta ra khỏi dân, uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân, buộc dân phải hồi hương.

Quân Pháp từ đồn Đại Hòa liên tiếp càn qua Long Phước vây ráp tìm bắt cơ sở, đốt phá nhiều nhà cửa. Trong trận càn đầu vào Long Phước, địch bắt được 7 thanh niên và càn bộ địa phương,

trong đó có 1 đồng chí là chủ tịch xã, đưa về đồn Đại Hòa tra khảo bắt họ khai ai là cơ sở, ai là chủ tịch xã. Tất cả 7 người dù là người dân thường hay là cán bộ đều nhất quyết không khai và đồng dục thét vào mặt chúng : "Tao là Chủ tịch đây". Bất lực và thất bại, địch dùng hành động dê hèn xả súng bắn chết 7 anh em. Tội ác quân cướp nước chỉ khơi thêm lòng căm thù chứ không hề làm cho cán bộ, nhân dân ta nhụt chí. Những tấm gương đánh giặc cứu nước mãi mãi còn in đậm trong lòng nhân dân địa phương.

Lính Pháp ở đồn Hòa Đa đi ra các hướng Hưng Long, Bàu Trắng càn xuống vùng tản cư của đồng bào Phan Rí, bắn chết 3 thanh niên, rồi cho lính bao vây, thúc ép đồng bào tập trung để nghe "quan lớn" nói chuyện. Trong cuộc càn này, có tên đội Càn đi theo chỉ điểm và làm phiên dịch cho Pháp. Tên chỉ huy yêu cầu : "Mọi người phải trở về lại làng cũ, nếu sau 3 ngày không về, chúng sẽ cho quân đến bắn không còn một người". Lời hăm dọa đó không khuất phục được tinh thần kháng chiến của nhân dân Phan Rí Cửa, đồng bào vẫn kiên quyết thực hiện chủ trương : Bất hợp tác với địch.

Trước các hoạt động quân sự ngày càng ráo riết của thực dân Pháp, nhiều cuộc khủng bố, tàn sát

đồng bào ta liên tiếp diễn ra và trước sức ép ngày càng mạnh của địch buộc dân phải hồi cư. Chính quyền ta cũng nhận thấy : Nhân dân sống trong điều kiện tạm bợ ở vùng tản cư, nếu bám trụ lâu, đồng bào sẽ gặp nhiều khó khăn về đời sống, bệnh tật, nhất là các cụ già, trẻ thơ và việc duy trì tiếp tế cho bộ đội, cán bộ sẽ gặp nhiều khó khăn. Trước tình hình ấy Ủy ban hành chánh huyện chủ trương cho đồng bào trở về lại làng cũ, cán bộ các ban ngành bám theo dân, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh trong vùng địch hậu.

Trong tháng 4 và tháng 5 năm 1946, nhân dân các xã ở Hòa Đa, Tuy Phong lần lượt hồi cư, trở về lại làng cũ làm ăn. Tuy ở trong vùng kiểm soát của địch, ta vẫn có thế mạnh là dân có sự lãnh đạo của chính quyền, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể quần chúng, có lực lượng tự vệ chiến đấu, dân quân... Và ta vẫn có ưu thế chính trị lớn là nhân dân tin tưởng tuyệt đối vào cách mạng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lực lượng cách mạng tồn tại trong dân dựa vào dân để hoạt động, bí mật với địch, công khai với dân. Sau khi tản cư về, nhân dân đã tích cực đấu tranh đòi đi biển, chống địch cướp giạt ở các chợ, bắt đồng bào, giết cán bộ, vận động tiêu tiền Việt Nam, nạt

các thứ thuế cho chính quyền cách mạng, trừng trị những tên Việt gian chỉ điểm. Đồng bào còn tiếp tế đầy đủ cho các nhu cầu của cơ quan, bộ đội. Chính nhờ sự đùm bọc, giúp đỡ của dân, ta đã vượt qua những khó khăn trong những ngày đầu kháng chiến.

Dân đã hồi cư, địch tiến hành lập bộ máy kềm kẹp để nắm dân, khống chế sự liên hệ, tiếp tế giữa dân với cách mạng.

Về bộ máy ngục quyền cấp huyện, xã, Pháp tuyển chọn số quan lại cũ đưa vào làm công cụ tay sai, phục vụ cho kế hoạch bình định của chúng.

Tháng 6-1946, bộ máy ngục quyền ở Tuy Phong được xây dựng, Pháp lập một Nha bang tá tại Long Hương, đưa Võ Xuân Diên lên làm đại diện. Nha bang tá tại Phan Rí Cửa, Pháp đưa bang tá Ngử lên làm đại diện... Các nha bang tá này đều nằm dưới sự kiểm soát của tên chỉ huy quân sự Pháp và sự quản lý của phủ Hòa Đa. Dưới tri huyện, bang tá, chúng còn lập các bộ phận giúp việc như : thu thuế, làm thẻ tùy thân, tuyển lính... ở các xã, dưới sức ép quân sự của Pháp bắt ép dân phải lập cho được bộ máy tế (tức là ngục quyền xã).

Những âm mưu, thủ đoạn chính của Pháp lúc này là : tiếp tục đánh phá các khu dân cư, để

phá cơ sở kháng chiến của ta, đánh phá căn cứ để làm cho ta khó khăn về vật chất, cắt đứt nguồn tiếp tế nhân tài vật lực cho kháng chiến. Tăng cường kèm kẹp các vùng địch hậu, kiểm soát con người và các hoạt động của dân tham gia kháng chiến để tiến hành khủng bố. Tăng cường tổ chức tế điệp phản động để dùng người Việt đánh người Việt, thực hiện chiêu an, chiêu hồi, dùng những lời tốt đẹp mị dân, hòng lung lạc tinh thần của những người kháng chiến về đầu hàng làm tay sai cho giặc.

Về hoạt động quân sự, địch vẫn sử dụng lực lượng ứng chiến kết hợp với lực lượng chốt tại chỗ, lùng sục, càn quét tìm diệt bộ đội và du kích, đánh phá ác liệt vào dân, buộc các xã phải lập tế. Chúng thường tung con tin, gián điệp đi dò la nắm tình hình những nơi cơ quan, bộ đội đóng và dùng lực lượng cơ động đột kích đánh phá.

Trung tuần tháng 6-1946, bọn gián điệp rình mò, dò la biết lực lượng Vệ quốc đoàn đang huấn luyện ở vùng Phú Nhiêu, La Bá. Sáng sớm, chúng điều một toán Âu - Phi, do tên Bộ Thá dẫn đường đột kích lên Phú Nhiêu, nhưng lực lượng Vệ quốc đoàn đã rút về vùng Bàu Nhiêu Mẹ, không thiệt hại gì đáng kể.

Tháng 6-1946, Pháp càn sâu lên vùng núi Vinh Hảo, bắt được đồng chí Nguyễn Hữu Chung, chủ tịch huyện tại chùa Núi Vinh Hảo (do anh đang bị sốt nặng trên đường về cơ quan nằm lại ở đây) đưa về Hòa Đa tra khảo. Trước những ngón đòn tra tấn dã man, địch không khuất phục được khí tiết bất khuất của người Cộng sản. Đồng chí tấn công lại địch ngay trong phòng tra. Bất lực trước tinh thần dũng cảm, kiên cường của đồng chí chủ tịch huyện Tuy Phong, bọn Pháp đưa đồng chí Nguyễn Hữu Chung về Long Hương xử bắn. Đứng ở pháp trường, trước lúc hy sinh, đồng chí hiên ngang hô to các khẩu hiệu : "Việt Nam độc lập muôn năm", "Hồ Chí tịch muôn năm". Đồng bào Long Hương chứng kiến hôm địch xử bắn đồng chí chủ tịch huyện, họ rất xúc động, khâm phục về tinh thần trung kiên của đồng chí, càng quyết tâm tham gia kháng chiến.

Tháng 6-1946, địch càn lên vùng núi Kênh Kênh, đốt phá tan tành công binh xưởng Kiều Đức Thắng.

Đêm 12-6-1946 (13 tháng 5 âm lịch), Pháp điều lực lượng ở Hòa Đa, Tuy Phong được hơn 1 tiểu đoàn, chia làm 2 cánh : 1 cánh đánh vào Bàu Nhiêu Mệ và 1 cánh đánh vào trụ sở xã Bình Thạnh, nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của huyện, xã và lực lượng bộ đội Vệ quốc đoàn. Lúc 2 giờ

sáng, địch tập kích vào nơi đóng quân của C.3 Vệ quốc đoàn ở Bàu Nhiêu Mệ, bắn chết đồng chí Cơ liên lạc, bắt đồng chí Đoàn Ân, chính trị viên C.3, lực lượng Vệ quốc đoàn còn lại rút khỏi vòng vây của địch. Ở cánh quân còn vào Bình Thạnh, địch từ mũi La Gàn tiến vào xóm, đánh vào trụ sở xã nhằm tiêu diệt cơ quan đầu não của huyện, chúng bắn chết đồng chí Thân chính trị viên và đồng chí Tân trung đội phó Vệ quốc đoàn. Sau trận này, lực lượng Vệ quốc đoàn đóng ở Tuy Phong rút về vùng Hòa Đa, lực lượng của huyện chỉ còn 1 tiểu đội để bảo vệ.

Các xã vùng ven, tiếp giáp với các khu căn cứ như : Vĩnh Hảo, Lạc Trị, Phú Điền, địch tăng cường càn quét, khủng bố, bắt cán bộ, nhân dân, nhằm khống chế các hoạt động kháng chiến của ta. Tuy vậy, phong trào nhân dân tham gia kháng chiến vẫn phát triển mạnh, chính quyền cách mạng vẫn bám sát dân hoạt động, tổ chức đấu tranh chống địch.

Do sơ hở trong ký hiệp định địa phương, bọn Pháp nắm được nơi đóng quân của ta nên tổ chức nhiều cuộc càn quét, tìm diệt cơ quan, bộ đội ta, còn bên trong chúng khủng bố, bắt dân lập cho được bộ máy kềm kẹp, khống chế sự hoạt động, tiếp tế giữa dân với cách mạng.

Từ đây, trên địa bàn huyện Tuy Phong, hình thành 2 vùng : vùng nhân dân bị địch kềm kẹp và vùng không có đồn địch do ta làm chủ. Trong tình hình mới này, Huyện ủy lâm thời và Ủy ban hành chính huyện vận dụng theo tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Thuận, đề ra phương châm, phương pháp hoạt động đấu tranh trong mỗi vùng có khác nhau.

Đối với vùng bị địch tạm chiếm, huyện có chủ trương : vận động nhân dân đấu tranh bất hợp tác với địch, không làm tề ngụy. Nếu bị địch buộc phải làm và dùng chính sách khủng bố để thúc ép, thì bố trí người của ta vào nắm các ban hội tề, chịu sự lãnh đạo của ta. Tổ chức phát triển danh dự đội, du kích vũ trang, công an, tìm mọi cách phá cho được mạng lưới điệp báo của địch và số tay sai ngoan cố. Vận động nhân dân tiêu tiền ngân hàng Việt Nam, ủng hộ nhân tài vật lực cho kháng chiến. Tổ chức nhân dân đấu tranh với địch đòi đi lại làm ăn bình thường, duy trì bình dân học vụ, củng cố chính quyền, các đoàn thể hoạt động bí mật.

Ở vùng căn cứ nông thôn không có đồn địch kiểm soát : củng cố lại chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ, du kích thoát ly. Tổ chức các

đoàn thể hoạt động công khai, mở rộng phong trào
bổ túc văn hóa, khuyến khích sản xuất nông nghiệp,
bảo đảm nhiệm vụ tiếp tế, vận tải, nuôi dưỡng
cán bộ, bộ đội, bảo vệ căn cứ. Lực lượng quân
sự địa phương cùng phối hợp với bộ đội Vệ quốc
đoàn tổ chức đánh địch tạo khí thế trong nhân dân.

Trước hết huyện tiếp tục củng cố lại Đảng,
chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cứu quốc.
Vì nhiều đồng chí chủ chốt làm việc trong các
ban ngành đã anh dũng hy sinh trong các cuộc
càn quét, khủng bố, liên miên của địch trong thời
gian qua ; một số đồng chí được điều về tỉnh và
một số đi ra vùng tự do Liên khu V. Về Đảng :
Đồng chí Võ Quang Ba và Trần Ngọc Trác được
bổ sung vào Ban chấp hành huyện ủy lâm thời. Về
chính quyền : đồng chí Phạm Quỳnh Đông giữ
chức Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện (thay
đồng chí Nguyễn Hữu Chung đã hy sinh tại Long
Hương), đồng chí Lê Xá, phó chủ tịch. Về Mặt
trận Việt Minh, đồng chí Trần Ngọc Trác làm
Chủ nhiệm Việt Minh huyện. Về đoàn thể quần
chúng : đồng chí Võ Quang Ba được giao làm Bí
thư và đồng chí Lê Khá làm Phó bí thư thanh niên
cứu quốc. Đồng chí Võ Thị Năm làm bí thư Phụ
nữ cứu quốc huyện. Ở huyện Hòa Đa, đồng chí Văn
Quyên, chủ tịch, Nguyễn Quốc Thịnh, Phó chủ tịch
Ủy ban hành chính huyện.

Đến tháng 9-1946, huyện điều đồng chí Võ Quang Ba bí thư Thanh niên cứu quốc huyện về làm chủ tịch xã Long Phước thay cho đồng chí Trần Xuân Đoàn đi ra vùng tự do Liên khu V. Đồng chí Lê Khá giữ chức bí thư Thanh niên cứu quốc huyện. Đối với các xã cũng tiến hành củng cố lại tổ chức chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cứu quốc.

Nhờ củng cố tổ chức, các mặt công tác ở địa phương được đẩy mạnh lên, mặc dù địch vẫn ráo riết đánh phá phong trào, song cuộc kháng chiến của toàn huyện đi vào nề nếp hơn, không phải bị động lúng túng trong chỉ đạo đấu tranh như trước nữa.

Để tiến hành cuộc kháng chiến lâu dài, Đảng bộ huyện Tuy Phong rất quan tâm đến công tác xây dựng khu căn cứ. Ngoài khu căn cứ La Gàn (Bình Thạnh), còn có các chiến khu La Già, Tăng Kim, chiến khu suối Cây Xanh, La Bá, Phú Điền. Do công tác bảo vệ chưa tốt, các chiến khu này thường bị địch phát hiện đánh phá, ta có sự tổn thất. Để tiện cho công tác chỉ đạo sát dân, sát phong trào, nguồn tiếp tế thuận lợi, các cơ quan lãnh đạo của huyện dời về khu căn cứ La Gàn nơi nhân dân có truyền thống đấu tranh bất khuất, kiên cường.

Căn cứ địa La Gàn, nơi tập trung dân cư của xã Bình Thạnh. Nhìn về mặt quân sự, La Gàn ở vào địa thế bất lợi cho ta, dường như bị cô lập. Căn cứ La Gàn nằm sát biển, cách đồn Long Hương và đồn Duồng khoảng 7 đến 9 cây số, về phía Tây 4 km, có đường quốc lộ 1 chạy qua nối liền hai đồn, chặn con đường từ căn cứ rút lên núi, và hướng biển bị tàu thủy phong tỏa. Diện tích căn cứ nhỏ, hẹp, nằm trên dãy cát trắng, rải rác đó đây từng mảnh rừng thưa, ôm theo chiều dài ven biển một dãy vườn trầu, cau, đu đủ, chanh... Nhưng các đồng chí lãnh đạo Tuy Phong lấy La Gàn làm căn cứ cách mạng và trong suốt quá trình kháng chiến, La Gàn vẫn đứng vững trong thế trận chiến tranh nhân dân. Có thể nói căn cứ địa La Gàn là căn cứ trong lòng dân. Vì vậy, xây dựng và bảo vệ an toàn khu căn cứ La Gàn, bảo đảm cho sự lãnh đạo của huyện đối với phong trào kháng chiến ở Tuy Phong là một nhiệm vụ hết sức quan trọng.

Trong khu căn cứ Bình Thạnh, ta tổ chức 6 vọng gác bù và nhà nào cũng có hầm bí mật, có nhà 3 đến 4 cái; hầm làm đủ kiểu: cái làm dưới cối giã gạo, dưới thùng lều nước mắm, dưới giếng nước, trong vách đôi, ranh hàng rào, máng thượng... Khi có địch càn "Bù" hạ ("Bù" là vật báo

hiệu, đặt ở các điểm cao, khi có địch qua, thì hạ bù xuống, nhân dân, cán bộ nhanh chóng tìm nơi trú ẩn). Nên trong dân, khi thấy bù hạ thì loan báo khắp làng : "Bà Ngū" (bù ngā), "Ta quā" (Tây qua), cán bộ huyện, xã, thanh niên nam nữ xuống hầm bí mật, chỉ còn lại cụ già, phụ nữ có thai, con mọn, trẻ thơ. Nếu địch có hành động bất bớ, hăm hiếp thì phong trào níu kéo của chị em phụ nữ lại nổi lên, giằng co với địch, không cho chúng bất bớ, hoặc giữ những hành động dâm loàng. Phong trào này của chị em phụ nữ rất mạnh và thu được nhiều thắng lợi. Khi địch đi thì "Bù" lại dựng lên, cán bộ nhân dân trở lại làm việc bình thường.

Lực lượng dân quân tự vệ xã căn cứ do đồng chí Nguyễn Thanh Đức phụ trách, không những tổ chức bảo vệ căn cứ, mà còn tiến hành diệt ác trừ gian, phá rối đồn địch, phá hoại giao thông, để hạn chế địch càn quét kềm kẹp nhân dân ta.

Các lực lượng quân sự của tỉnh, của huyện như công an, danh dự đội từ vùng ta tấn công vào các thị trấn, hỗ trợ cùng phong trào bên trong thực hiện diệt ác, phá lỏng kềm. Đồng thời khu căn cứ còn là nơi cất giấu kho tàng, trạm tiếp tế, đón khách, hành lang đi lại của các lực lượng bộ đội, cán bộ từ Trung ương, Khu V vào và từ Nam bộ ra.

Đối với chính quyền ở các vùng do ta làm chủ như : Hội Tâm, Cam Lâm, Phú Hải, Nha Mé, Vinh Hảo, Long Phước, Hạnh Lâm, Lạc Trì... các cơ quan, đoàn thể cứu quốc hoạt động công khai, nhân dân đi lại làm ăn bình thường. Các xã đều thành lập lực lượng dân quân tự vệ, tổ chức gác bù và đào hầm bí mật để trốn tránh và cất giấu tài sản mỗi khi địch cần.

Ngoài khu căn cứ Bình Thạnh và các vùng nông thôn ta làm chủ, ở trong các xã đông dân (thị trấn) vùng địch kiểm soát, ta còn xây dựng các khu căn cứ lỏm. Ở Long Hương có khu căn cứ lỏm Long Hải, ở Phan Rí Cửa có căn cứ lỏm Côn Lưới Hai, Chí Công có căn cứ thôn Hà Thủy. Các ban, ngành của xã đều đứng chân tại các căn cứ lỏm này để hoạt động chỉ đạo phong trào đấu tranh của quần chúng trong vùng địch hậu.

Giữa vùng nông thôn ta làm chủ, nối liền với các căn cứ lỏm của các xã cắm sâu trong lòng địch, tạo thành thế liên hoàn, uy hiếp các vùng đồn địch đóng quân.

Từ tháng 6-1946 trở đi, phong trào đấu tranh trong vùng địch kiểm soát diễn ra mạnh mẽ. Trong 3 xã : Long Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công chính quyền ta vẫn hoạt động công khai với dân, nhưng

bí mật với địch, các chủ trương huyện, xã để ra đều được nhân dân thực hiện. Các xã này đều thành lập lực lượng du kích thoát ly, công an, danh dự đội làm nhiệm vụ diệt ác, phá tề, trừ gian hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

Chính quyền, mặt trận được củng cố. Các đoàn thể cứu quốc hoạt động mạnh, nhất là : Hội Phụ lão cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, Thiếu niên cứu quốc, Phụ nữ cứu quốc. Vận động thanh niên tòng quân nhập ngũ, tham gia lực lượng du kích thoát ly, bộ đội Vệ quốc đoàn. Chính quyền các xã đều tạo được cơ sở trong nội bộ địch, nắm chắc các tin tức hành động của chúng, để kịp thời đối phó. Các Ban đại diện hội tề đều do ta cài người vào hoạt động, làm theo sự chỉ đạo của ta. Chính quyền của ta tìm cách lôi kéo những tên tề do địch đưa ra, làm cho họ trung lập, cảm tình với cách mạng. Tên tề nào phản động cố ý làm tay sai cho địch thì ta tìm cách giáo dục hoặc thủ tiêu. Do đó bọn Pháp không thể phá được cơ sở kháng chiến của ta, phong trào đấu tranh vẫn diễn ra sôi nổi. Ở trong vùng địch kiểm soát mà ta vẫn duy trì được bình dân học vụ, huy động hàng chục thuyền, hàng trăm người đi dân công vận tải. Trong mua bán trao đổi, nhân dân

bí mật tiêu dùng bạc Cự Hồ, tin phiếu, dù tờ bạc có rách nát miễn sao còn thấy râu Cự Hồ là tiêu dùng được. Đây là cuộc đấu tranh gay gắt, mặc cho những lời hăm dọa, lục soát, bắt bớ, bỏ tù, có khi bị bắn chết, nhân dân vẫn tìm mọi cách để trao đổi, mua bán với nhau bằng đồng bạc Cự Hồ, thể hiện tình cảm, tinh thần yêu nước, tin tưởng vào Chính phủ Hồ Chí Minh. Tuy nhiên việc vận động đồng bào tiêu tiền ngân hàng và bạc tin phiếu của ta không phải được dễ dàng, mà còn nhiều trở ngại. Một số người sợ bị Pháp khủng bố không chịu bán hàng cho người tiêu dùng đồng bạc Cự Hồ, hoặc không lấy tiền thừa bằng đồng tiền ngân hàng và bạc tin phiếu... Để giải quyết vấn đề này, từng xã phải cử cán bộ đi tuyên truyền, can thiệp. Đồng thời vận động Hội viên phụ nữ gương mẫu tiêu dùng, giúp cho đồng tiền của ta lưu thông, góp phần vào cuộc kháng chiến giành độc lập của dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào kháng chiến của nhân dân Tuy Phong trong vùng địch kềm kẹp ngày một vững mạnh, chính quyền ta nắm được dân, tổ chức nhiều hoạt động khá sôi nổi.

Xóm biển Long Hải, nơi đứng chân của lực lượng kháng chiến xã Long Hương, cách đồn địch không

đây 1 km, chính quyền vẫn tổ chức mítting quần chúng. Từ căn cứ lỏm, các lực lượng du kích, danh dự đội, công an thường xuyên tiến vào ra bám đồn địch. Một số tên Việt gian chỉ điểm đã bị lực lượng công an bắt thủ tiêu hoặc cảnh cáo về hành động phản dân, hại nước của chúng rồi thả về, nếu còn tiếp tục làm tay sai thì phải đền tội. Ủy ban hành chánh Long Hương còn tổ chức nhiều hoạt động trong địch hậu : vào trung tuần tháng 9-1946, chính quyền xã thực hiện theo sự chỉ đạo của huyện, tổ chức treo băng cờ, biểu ngữ ở các nẻo đường lớn, hoan nghênh Tạm ước 14-9 và đòi Pháp phải thi hành Hiệp ước 6-3 đã ký giữa ta với Pháp. Những giải băng ghi hàng chữ lớn căng lên trong vùng địch hậu : "Việt Nam độc lập muôn năm", "Hồ Chủ tịch muôn năm", càng củng cố lòng tin sắt đá của nhân dân vào cuộc kháng chiến và vào sự lãnh đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tháng 11-1946, nắng hạn mất mùa, nhân dân đói kém, giá thóc gạo cao, một số địa chủ lớn giữ lúa lại không đưa ra bán. Trước tình hình đó, huyện chủ trương và cử đồng chí Trần Ngọc Trác xuống cùng với chi bộ, chính quyền xã Long Hương bàn kế hoạch vận động một số địa chủ giàu có khai kho thóc bán cho dân. Một số địa chủ lớn,

ta chủ động khai kho thóc lấy lúa bán cho người nghèo, đã tác động đến nhiều gia đình khá giả, họ tự nguyện đưa lúa ra bán. Long Hương giải quyết được nạn đói. Giữa mua và bán đều sử dụng đồng bạc Cự Hồ.

Công tác tổ chức đào hầm bí mật cũng rất được chú ý để cho cán bộ bám dân hoạt động.

Thôn Hà Thủy, căn cứ lỏm của xã Chí Công, cách đồn địch 800m, mọi mặt hoạt động kháng chiến của ta ở đây diễn ra khá mạnh. Nhiều phong trào do địa phương phát động : hủ gạo nuôi quân, thanh niên tòng quân nhập ngũ thu được kết quả. Đoàn thanh niên cứu quốc xã còn ra được tờ báo "Mạnh", viết bằng tay, mỗi tháng 2 kỳ, mỗi kỳ 8 số, để động viên khích lệ tinh thần kháng chiến của nhân dân... Tuy ở sát đồn địch nhưng công tác bảo vệ làm rất chu đáo. Ở đây xã đã đón tiếp nhiều đoàn cán bộ Trung ương ghé lại nghỉ chân, rồi ra đi an toàn, như đoàn của Quốc Chính... Những ghe thuyền chở vũ khí, đạn được từ Liên khu vào Nam ghé lại Chí Công tránh sóng gió, có khi đậu lại một vài ngày vẫn được bảo vệ an toàn. Ở đây cũng là nơi nghỉ ngơi bồi dưỡng của bộ đội ta sau những trận đánh địch. Hàng trung đội bệnh binh Ninh Thuận

vào cũng ghé lại được các mẹ chiến sĩ đùm bọc, nuôi dưỡng...

Côn Lưới Hai căn cứ lỏm của Phan Rí Cửa. Phong trào kháng chiến vùng địch hậu ở đây phát triển khá sôi nổi, các Hội cứu quốc hoạt động mạnh. Chính quyền ta tổ chức được trạm thu thuế ở các bến đò, nơi ghe thuyền vào ra buôn bán, thu cả ngày lẫn đêm. Lực lượng du kích bắt sống tên Tây thương chánh giữa ban ngày tại Phan Rí.

Trong lúc đi xây dựng, chỉ đạo phong trào đấu tranh vùng địch hậu, nhiều đồng chí cán bộ huyện, xã đã anh dũng hy sinh. Đồng chí Trương Bá Cường, chủ tịch xã Chí Công đi công tác bị địch vây bắt, đem về đồn Hòa Đa tra tấn dã man, rồi đưa vào Phan Thiết tiếp tục tra khảo, nhưng đồng chí nhất định không khai và đã hy sinh (9-4-1946). Ngày 7-9-1946, Pháp đang lúc đi khủng bố bắn chết anh Phạm Ba cán bộ xã Long Hương. Ngày 18-9-1946, đồng chí Lê Xá phó chủ tịch huyện trên đường đi công tác từ khu căn cứ Bình Thạnh vào Long Hương, bị địch phục kích bắn chết, cùng với đồng chí Nguyễn Mua liên lạc...

Ở Tuy Phong, giữa ta và địch lúc này đã hình thành thế càn răng lược. Phong trào kháng chiến của nhân dân Tuy Phong trong vùng địch vững

mạnh, một phần cũng do vùng ta làm chủ phong trào quần chúng kháng chiến lên cao, đã ảnh hưởng trực tiếp đến tinh thần của nhân dân trong các vùng địch chiếm đóng. Bộ máy tề (ngụy quyền) các xã địch lập khó khăn, mặc dù đã dùng lực lượng quân sự khủng bố, thúc ép, cố lập cho được bộ máy tề để khống chế, kiểm soát dân, nhưng tề mới dựng lên một thời gian ngắn thì bị giải tán. Do nhân dân vùng địch kềm kẹp cũng như vùng ta làm chủ, thực hiện triệt để chủ trương của huyện, kiên quyết không lập tề. Nếu xã nào địch thúc ép bằng súng đạn, thì cài người của ta vào bộ máy tề, làm tề hai mặt, chịu sự chỉ đạo của ta. Hoặc số tề do địch đưa người ra lập thì bị ta khống chế, nên họ làm việc tiêu cực cho chúng và dần dần chịu sự hướng dẫn của ta.

*
* *
* *

"Chúng ta đã nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới" (1) xé bỏ Hiệp ước sơ bộ 6-3 và Tạm ước 14-9-1946, tiếp tục càn quét mở rộng vùng chiếm đóng, thực hiện nhanh kế hoạch "bình định cấp tốc" ở Bình Thuận và một số tỉnh Nam Trung bộ. Ở miền Bắc, chúng đưa quân

(1) Lời Hồ Chủ tịch kêu gọi toàn quốc kháng chiến.

khieu khích lực lượng ta, nhất là ở thủ đô Hà Nội. Ngày 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Ngày 20-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi khẳng định quyết tâm của dân tộc Việt Nam : "Không ! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ". (2)

Hưởng ứng lời kêu gọi "Toàn quốc kháng chiến" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cùng với cả nước, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân dân Tuy Phong ngày càng phát triển mạnh, liên tục tiến công địch trên các mặt, gây cho địch nhiều thiệt hại, lúng túng trong đối phó với ta.

Năm 1947, thực dân Pháp thực hiện âm mưu củng cố vùng chiếm đóng, xây dựng bộ máy ngụy quyền từ tỉnh xuống huyện, xã. Địch đưa Lưu Bá Châm lên làm tỉnh trưởng Bình Thuận. Ở Tuy Phong, địch đưa Võ Xuân Diên lên làm tri huyện và các xã chúng xúc tiến lập bộ máy tề (hội đồng hương chính).

Cùng với xây dựng bộ máy kềm kẹp, Pháp tăng cường bắt lính, xây dựng ngụy quân. Lúc đầu chúng chỉ bắt số thanh niên người Chăm, Rắc Lây, K'ho vào lính.

Từ năm 1947 - 1948, quân số địch ở địa bàn Bình Thuận không ngừng tăng lên, từ 1D tăng

lên 2D đưa tổng số quân các loại lên 2.000 tên, trong đó có 700 lính ngụy. Quân số địch ở Tuy Phong được bổ sung, các đồn Long Hương, Duông, Phan Rí Cửa từ 1B tăng lên 2B và các đồn lẻ ở ga Sông Lòng Sông, ga Vinh Hảo, đồn Đại Hòa, Lạc Trị... cũng được tăng quân số. Số lính ngụy ở Tuy Phong ngày càng tăng, thay dần lính Âu - Phi đưa đi chiến trường khác. Các trung đội lính ngụy có các tên Chang Mai, Ách Đồng, Ách Tuệ chỉ huy, hoạt động đánh phá phong trào cách mạng ráo riết.

Chúng vẫn thực hiện âm mưu củng cố vùng chiếm đóng, xây dựng bộ máy tế điệp, kiểm soát chặt dân vùng địch hậu. Tăng cường các hoạt động quân sự càn quét, khủng bố vào khu dân cư, căn cứ của ta. Tìm cách phá hoại kinh tế, để gây khó khăn cho ta trong việc tiếp tế, chia cắt sự liên hệ giữa dân với cách mạng.

Sau khi có lệnh toàn quốc kháng chiến, cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Tuy Phong đã tiến hành được một năm, nay phong trào đấu tranh vẫn tiếp tục phát triển, thế cầm cự giữa ta và địch đã nổi rõ.

Năm 1947, để tiếp tục chỉ đạo phong trào, trong điều kiện dân đã hồi cư, các khu hành chánh cũ

không còn phù hợp trong tình hình mới. Huyện tiến hành giải thể khu, thành lập lại các xã : xã Vinh Hảo (bí danh là xã Tương Lai hay V1), xã Long Hòa (bí danh là xã Thống Nhất hay V2), xã Long Hương (bí danh là xã Đoàn Kết hay V3), xã Long Tĩnh, Phú Điền, Bình Hòa hợp nhất lại (bí danh là xã Phú Lộc hay V4), xã Bình Thạnh (bí danh là xã An Ninh hay V5), xã Hạnh Long (bí danh là xã Trung Kiên, hay V6), Khu Tân Trung đổi thành xã Phú Tịnh, còn La Bá, Phú Quý huyện cử cán bộ về phụ trách.

Huyện Hòa Đa cũng tiến hành giải thể khu, thành lập xã : Phan Rí Cửa từ 7 thôn, nay thống nhất lại thành 1 xã, lấy tên là xã Minh Tân. Khu 1, Duông đổi thành xã Chí Công. Khu Tự Cường B đổi thành xã Chấn Thạnh là xã Hòa Minh và xã Hải Thạnh là xã Hòa Phú bây giờ.

Sau khi chính quyền các xã củng cố lại, công tác xây dựng Đảng phát triển đảng viên mới, tiến hành thành lập chi bộ được xúc tiến.

Trong 2 năm 1947 - 1948, chi bộ Đảng ở các xã trong hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa lần lượt được thành lập : Chi bộ xã Long Phước thành lập tháng 5-1947 do đồng chí Võ Quang Ba làm bí thư. Chi bộ xã Bình Thạnh thành lập tháng 9-1947 do

đồng chí Lê Khả làm bí thư. Năm 1947, chi bộ các xã : Long Hương, Vinh Hảo, Phú Lộc, Phú Thịnh được thành lập. Ở Hòa Đa, chi bộ xã Chí Công, Chấn Thạnh (Hòa Minh) thành lập năm 1947; chi bộ xã Phan Rí Cửa thành lập năm 1948 do đồng chí Ngô Vinh làm bí thư.

Các đoàn thể cứu quốc ở các xã không ngừng được củng cố và hoạt động tích cực, sôi nổi trong các phong trào. Từ năm 1946 trở đi, để không ngừng động viên anh em bộ đội đang đứng chân hoạt động tại địa phương, các xã đều tổ chức thành lập "Hội mẹ chiến sĩ". Mỗi mẹ nhận từ 1 đến 2 đồng chí bộ đội làm con nuôi, thương yêu như con ruột của mình. Khi thương tật, ốm đau thì chăm sóc, nuôi dưỡng, khi lên đường chiến đấu thì động viên khích lệ tinh thần, tặng quà bánh, thuốc men, lương thực... Thậm chí nhiều mẹ chiến sĩ đã tìm vợ, gả con, tổ chức cưới hỏi cho anh em bộ đội. Lúc lên đường chiến đấu, vợ con của các anh ở nhà được các mẹ, các chị động viên, giúp đỡ trong lúc khó khăn, để ngoài mặt trận anh em bộ đội yên tâm chiến đấu. Tình cảm gắn bó đậm đà giữa quân và dân, càng thôi thúc tinh thần chiến đấu của anh em chiến sĩ.

Về xây dựng lực lượng quân sự : Ngay từ khi thành lập chính quyền cách mạng, Ủy ban nhân

dân cách mạng lâm thời huyện giao cho đồng chí Dương Ngọc A phụ trách về quân sự. Một thời gian sau, nhiệm vụ này giao lại cho anh Dương Quang Châu. Huyện thành lập 1 tiểu đội du kích thoát ly giao anh Dương Quang Châu phụ trách và lập Ban ám sát làm nhiệm vụ diệt ác, phá tề. Năm 1947, thành lập Ban chỉ huy quân sự huyện, đồng chí Phan Thân, đại đội phó Vệ quốc đoàn làm chỉ huy trưởng, đồng chí Võ Tờ, chỉ huy phó, Lê Hoàng Đạt làm chính trị viên.

Hoạt động của ta lúc này nổi lên việc chống càn quét, bảo vệ dân, bảo vệ căn cứ, tích cực tấn công bằng nhiều trận phục kích, đánh giao thông, đột vào vùng tạm bị chiếm, đẩy mạnh chiến tranh du kích diệt ác, phá tề, bảo vệ mùa màng và tiếp tục đẩy mạnh các mặt công tác khác trong vùng địch cũng như ở vùng căn cứ của ta.

Cùng với cả nước hưởng ứng lệnh "Toàn quốc kháng chiến", Đại đội Quang Trung ⁽¹⁾ đứng chân hoạt động ở Tuy Phong, Hòa Đa phối hợp với tự vệ chiến đấu các xã liên tục tấn công địch, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng.

(1) Khi tỉnh thành lập Trung đoàn 82, đại đội 3 đổi thành Đại đội Quang Trung.

Sáng ngày 12-1-1947, Đại đội Quang Trung do đồng chí Đinh Ngọc Hằng chỉ huy, bố trí lực lượng, chặn đánh 1 xe GMC của địch từ Hòa Đa chạy xuống, tại chợ Phan Rí Cửa. Nhân dân phấn khởi đổ ra đường hoan hô, cổ vũ bộ đội Vệ quốc đoàn. Đơn vị tiếp tục hành quân nhanh chóng tập kích vào đồn Thương Chánh (Phan Rí), diệt 1 tiểu đội lính đang chào cờ. Sau đó bộ đội Vệ quốc đoàn rút qua xã Hải Thạnh (Hòa Phú bây giờ) an toàn. Đồng bào ở đây phấn khởi, mang nhiều quà bánh, thuốc men, kể cả lương thực đến tặng anh em chiến sĩ. Quân dân gặp nhau tay bắt, mặt mừng, chúc nhau giành nhiều thắng lợi mới. Để phòng địch kéo xuống khủng bố, hàng trăm đồng bào theo bộ đội đi xuống Gành Đá tránh lánh, được bộ đội bảo vệ chu đáo.

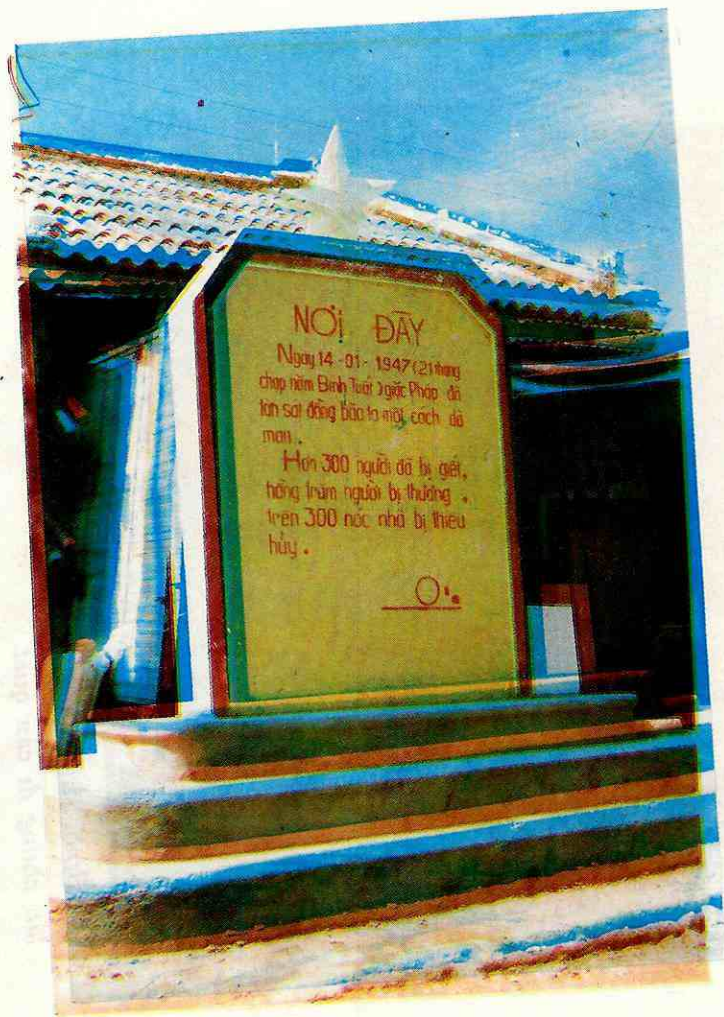
Địch phản ứng, ngày 14-1-1947, theo lệnh của tên đại úy Calver, chúng đưa 1 đại đội Lê Dương và 1 trung đội lính ngự xuống càn quét, khủng bố đồng bào ở khu vực Phan Rí Cửa. Trước hòng súng của kẻ xâm lược, chúng không trừ một hành động man rợ nào, thẳng tay bắn giết, đốt phá, hãm hiếp phụ nữ. Cảnh đau thương, hoang tàn bao trùm Phan Rí Cửa, hơn 300 người bị giặc Pháp giết hại, hàng trăm người bị thương, trên 300 nóc nhà bị thiêu hủy, xác người nằm ngổn ngang trên các nẻo đường thôn xóm.

Để khắc sâu hận thù với quân xâm lược, sau ngày giải phóng miền Nam, tại chợ cũ, nhân dân Phan Rí Cửa dựng lên tấm bia "Căm thù giặc Pháp".

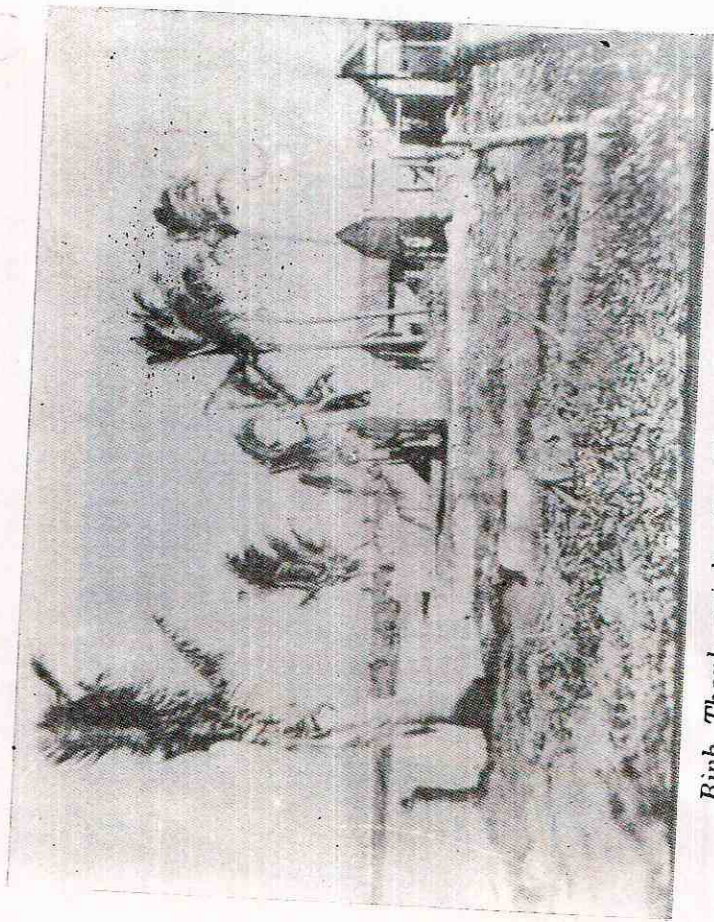
Sau trận đánh đồn Thương Chánh, đại đội Quang Trung rút về Nha Mé, phối hợp với xã đội du kích xã Chí Công tiếp tục phục kích, chặn đánh địch trên đường giao thông quốc lộ 1.

Ngày 17-1-1947, Đại đội Quang Trung do đồng chí Phạm Xuân Ngô chỉ huy, tổ chức phục kích địch ở dốc Bàu Đá, diệt 3 xe chở đầy lính đang trên đường từ Hòa Đa ra Tuy Phong gây tội ác. Tên Calver thoát chết, cởi bỏ quần áo ngoài, chỉ mặc độc cái quần đùi, cắt rùm chạy thục mạng về đồn.

Sau đó 3 ngày (nhằm ngày 29 tết), quân địch điều một tiểu đoàn tổ chức bao vây bộ đội Vệ quốc đoàn ở Nha Mé trong 3 ngày, tàn sát đồng bào. Lực lượng ta tổ chức đánh phá vây, đồng chí Châu và 1 đồng chí trung đội phó hy sinh. Tiếp đến ngày 28-1-1947, chúng lại tiếp tục càn Nha Mé dưới, với chính sách : đốt sạch, giết sạch, phá sạch. Chúng đốt hết nhà cửa, bắn giết người, trâu bò và khi rút đi chúng còn bắt hơn 10 người đưa về đồn Hòa Đa. Làng mạc, nhà cửa của đồng bào Nha Mé, Thuận Long bị địch đốt sạch. Địch rút,



Bia "Căm thù" ở xã Phan Rí Cửa.



*Binh Thanh nơi bị giặc Pháp tàn phá trong những
lần chúng đi càn quét.*

bộ đội trở về lại Nha Mé, chia xẻ nỗi đau cùng với đồng bào. Và lúc này, một tai họa ập đến, đồng bào, bộ đội ở đây không có lương thực để ăn, nghe tin nhân dân Duông, Phan Rí Cửa tổ chức quyên góp áo quần, lương thực mang ra tận nơi ủng hộ. Trước cảnh đổ nát, hoang tàn, nhân dân Nha Mé rời bỏ thôn xóm thân yêu của mình, tản cư về Hội Long, Thanh Lương, Hiệp Đức được đồng bào ở đây cứu mang, đùm bọc, dần dà ổn định nơi ăn, chốn ở.

Bộ đội chủ lực còn đột nhập vào trong các vùng tạm bị chiếm phối hợp với du kích, công an tổ chức phục kích diệt tế, trừ gian, quấy rối đồn địch, gây cho chúng nhiều thiệt hại, nhất là ở 3 xã Long Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công.

Địch có nhiều phản ứng trước hoạt động quân sự của ta, nhiều cuộc càn quét, khủng bố, tàn sát đã xảy ra, nhưng phong trào kháng chiến của nhân dân Tuy Phong vẫn phát triển mạnh. Lực lượng du kích tập trung ở huyện, xã liên tiếp tổ chức nhiều trận phục kích tiêu diệt địch, phá hoại giao thông, diệt tế, trừ gian... Thế giao tranh giữa ta và địch càng trở nên quyết liệt.

Đầu năm 1947, thực hiện chủ trương diệt tế của huyện, đồng chí Lê Bá Nghiêm, trưởng công an

huyện, cùng với chi bộ, Ủy ban kháng hành xã Đoàn Kết (Long Hương) họp bàn kế hoạch trừ khử tên bang tá Đề Diên đại diện cho phủ Hòa Đa tại Long Hương. Đồng chí Nguyễn Nghị, cán bộ Ban ám sát được giao nhiệm vụ này, vào ngay hang ổ địch diệt tên bang tá Diên. Bằng sự khôn khéo, đồng chí Nghị dùng mưu xin gặp bang tá Diên để đăng lính, nhân dịp lúc này có chủ trương tuyển bắt lính. Sau khi nghe trình bày, tên lính gác đồng ý cho anh Nghị vào gặp bang tá Diên tại phòng làm việc. Trao đơn cho Đề Diên xong, nhanh như cắt, anh dùng dao xông vào đâm Đề Diên ngã xuống, anh vượt thành tẩu thoát an toàn. Do vết thương nhẹ, sau mấy ngày điều trị tại Phan Thiết, Đề Diên thoát chết. Tin bang tá Diên bị lực lượng cách mạng vào ám sát giữa ban ngày tại đồn bang tá Long Hương, làm cho bọn tay sai hoang mang, bộ máy tê lung lay, ách kềm kẹp có nói lỏng một phần, nhân dân phấn khởi khâm phục về tinh thần dũng cảm, gan dạ của người chiến sĩ cách mạng.

Trong cuộc ruồng bỏ của Pháp xuống Long Hương, do gặp địch bất ngờ, anh Nghị chạy vào nhà anh Xướng, địch phát hiện đuổi theo bắt được anh tại nhà anh Xướng, lúc này trong nhà chỉ có một mình chị Dương Thị Kha, địch đưa anh Nghị về đồn Long Hương. Sau đó chúng cho lính xuống bắt luôn chị Kha và phóng hỏa đốt nhà (chị

Kha lúc này là cán bộ phụ nữ Long Hương) do quen biết với Đê Diên, nên được Đê Diên bảo lãnh nói với tên chỉ huy Pháp, chị không phải là Việt Minh, do vậy chúng thả về.

Khi bắt được anh Nghị, bọn Việt gian mật báo với Pháp : anh Nghị chính là người ám sát Đê Diên lần trước tại đồn bang tá Long Hương. Bọn Pháp dùng mọi thủ đoạn tra khảo, nhằm tìm cho được cơ sở cách mạng, cán bộ thành, nhưng anh nhất định không khai. Ngày 12-1-1947, một tiểu đội lính Lê Dương dẫn đồng chí Nghị về Long Tĩnh, nơi chôn rau cắt rốn của anh xứ bản, để uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân. Súng nổ, anh ngã xuống, dòng máu đỏ của anh tô thêm truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của quê hương Tuy Phong. Tên chỉ huy rút gươm chặt đầu anh Nghị, dùng sào cắm vào, cho lính đưa lên cao, đi khắp các nẻo đường Long Hương. Hành động dã man ấy càng làm cho nhân dân Tuy Phong thêm uất hận, căm thù, họ tìm mọi cách tham gia ủng hộ cách mạng, quyết tâm kháng chiến đến cùng, đánh đuổi bọn thực dân cướp nước.

Vào trung tuần tháng 2-1947, công an di động xã Chí Công, phục kích bọn lính đồn Duồng đi gánh nước diệt 3 tên thu 4 súng.

Nhân ngày 1-5-1947, kỷ niệm ngày Quốc tế lao động, thực hiện chủ trương của huyện Hòa Đa, xã Chí Công tiến hành một cuộc đình công, bãi thị, chợ không đông, trường không học, ghe thuyền không đi biển. Lực lượng du kích tiến hành treo băng cờ, rải truyền đơn và phục kích ở thôn Hà Thủy chặn đánh, nếu bọn địch từ đồn Duông đi xuống. Sáng sớm bọn Pháp từ đồn Duông đi ra thấy đường sá, chợ búa vắng vẻ, truyền đơn rải đầy đường, chúng hoảng sợ rút về đồn, không dám có động tĩnh gì trong ngày 1-5.

Ở các xã Long Hương, Bình Thạnh, Long Phước, Phú Lạc (lúc ấy là 2 xã : Phong Điền, Phú Lộc), Phan Rí Cửa, Hòa Phú (lúc ấy là xã Hải Thạnh)... trong các ngày lễ lớn của ta như : 1-5 (Quốc tế lao động), 19-8 (cách mạng thành công), ngày 23-11 (Nam kỳ khởi nghĩa), 19-5 (sinh nhật Bác Hồ)... đều có tổ chức treo băng cờ, biểu ngữ nhằm nuôi dưỡng, khơi dậy tinh thần kháng chiến của nhân dân ta.

Ngày 2-6-1947, một tiểu đội của Đại đội Quang Trung phối hợp với một tổ du kích xã Chấn Thạnh (Hòa Minh) phục kích trên đoạn quốc lộ 1 ở Lâm Lộc, đánh chiếc xe ngựa chở 6 tên lính, trong đó có 2 tên lính Pháp từ đồn quân vụ Phan Rí Cửa đi ra Duông. Ta nổ súng bắt được 2 tên, thu 2

súng, 4 tên còn lại chạy thoát về đồn quân vụ. Hai ngày sau tên Calver chỉ huy một đại đội lính Lê Dương, kết hợp với 1 trung đội lính ngự ở Phan Rí Cửa mở cuộc hành quân bố ráp ra nơi xảy ra trận phục kích của ta đánh úp chúng lần trước (từ cầu Nam đến ngã ba Duồng) gây ra nhiều hành động dã man đối với đồng bào ta ở đây và bắt đi 6 thanh niên (trong đó có 2 đồng chí cán bộ thôn Hội Tâm) đưa về đồn Duồng tra khảo. Chúng tra tấn suốt đêm, mong tìm ra cơ sở, cán bộ, hầm bí mật nhưng các anh nhất quyết thà chết không khai. Sáng sớm, chúng đưa 6 thanh niên này ra cách đồn Duồng 100 m bắn từng người một. Riêng anh Trần Lâm chúng bắn 3 viên nhưng đạn không nổ, chúng nói với anh : "Mày may còn sống tao cho mày về", nên anh được thả ra. Hành động dửng dưng, bất khuất đó đã cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, và niềm tự hào của nhân dân địa phương, không chịu khuất phục trước kẻ thù hung bạo.

Trong những năm 1947 - 1948, cùng phối hợp với các hoạt động của bộ đội chủ lực, Ban chỉ huy quân sự huyện, chỉ đạo cho các xã đội : Long Hương, Bình Thạnh, Vinh Hảo (thuộc huyện Tuy Phong), Chí Công (Hòa Đa)... tổ chức huy động lực lượng du kích, dân công các xã đi phá hoại giao

thông, các đoạn đường trên quốc lộ 1 từ Hòa Đa ra Tuy Phong, nhằm hạn chế khả năng cơ động, tiếp tế giữa các vùng của địch. Đoạn đường này liên tiếp bị ta phá, địch bắt dân các xã ra san lấp lại, ta lại phá, cứ nhiều năm như vậy. Để ngăn chặn các hoạt động phá hoại giao thông của ta, địch bắt dân Long Hương, Long Tĩnh đi san lấp những hố do ta đào phá trên dốc Tư Hồng, rồi xả súng bắn chết, vùi thây xuống hố phá hoại. Hành động ấy không ngăn được tinh thần kháng chiến của nhân dân Tuy Phong, phong trào phá hoại giao thông vẫn tiếp tục diễn ra. Nhân dân căm thù giặc Pháp, thương xót những người bị địch giết hại, đồng bào ta lập miếu thờ ở dốc Tư Hồng và từ đó đến nay đoạn đường này mang tên là Dốc Cúng.

Ngoài các đợt phá hoại giao thông, du kích tập trung huyện và tự vệ chiến đấu các xã còn tổ chức các cuộc phục kích, chặn đường bắn tia xe địch chạy qua các đoạn : Bàu Đá, Dốc Cúng, Đá Chẹt gây cho địch một số thiệt hại, bọn chúng lo sợ mỗi khi đi qua đoạn đường này.

Ở Tuy Phong, Hòa Đa, suốt trong các năm 1946 - 1948, phong trào chống địch lập tế, thực hiện theo chủ trương của huyện đã diễn ra một cuộc đấu

tranh giành co quyết liệt với địch. Các xã vùng du kích mạnh, địch không lập được tề. Các xã vùng chúng kiểm soát, Pháp dùng khủng bố, gây sức ép về mặt kinh tế và việc đi lại của nhân dân, buộc một số người phải ra làm tề. Khi thấy tình hình gây sức ép căng thẳng của địch, đồng bào đang sống trong cảnh "cá chậu, chim lồng" rất khó khăn nếu không cho chúng lập ra Hội tề. Nên cán bộ các xã thực hiện theo chủ trương của huyện bằng cách cho ra tề kiểu "hữu danh vô thực", gài người của ta vào. Tuy có tề, nhưng do ta nắm, tề hai mặt hoặc kiểu lập rồi phá, phá rồi lập để hạn chế sự khủng bố của địch đối với nhân dân ta. Nếu Pháp bắt các hội tề lập danh sách để nắm dân, phát thẻ tùy thân, nhằm kiểm soát chặt chẽ sự đi lại, làm cho hoạt động của ta gặp khó khăn, thì ta cho giải tán tề. Lúc này các ban hội tề ở hầu hết các xã trong hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa đều thực hiện theo sự chỉ đạo của ta, làm cho địch phải lập tề nhiều lần, có xã từ 3 đến 4 lần như : Long Hương, Chấn Thạnh (Hòa Minh), Phan Rí Cửa, Chí Công, Long Phước... Mỗi lần ta giải tán tề là Pháp lại khủng bố, nhưng phong trào tru gian, diệt tề vẫn diễn ra mạnh mẽ, trong vùng địch kiểm soát gặt gao như : Long Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công và các xã vành đai :

Phú Lạc (Phong Điền, Phúc Lộc), Vinh Hảo, Long Phước, Hải Thanh (Hòa Phú), Chấn Thanh (Hòa Minh). Nhiều tên tể, việt gian chỉ điểm đã bị lực lượng du kích, công an các xã phối hợp cùng với bộ đội từ ngoài đột vào tiêu diệt. Ở Long Hương, công an phục kích bắt được tên chỉ điểm (gọi là "Ông Hù") và bắt thằng con nuôi của tên Xét-găng (Sergent), đưa ra ngoài thủ tiêu. Bộ đội Vệ quốc đoàn kết hợp với công an, du kích bên trong, nhiều lần phục kích bắn thằng Tập, thằng Xét-găng và số lính Pháp thường đi rình rập bắt bớ cơ sở, hù dọa đồng bào làm cho nhiều tên chết và bị thương. Ở Phan Rí Cửa, công an, quân báo bắn chết tên "Kẹo Kéo", tên Tiên Việt gian chỉ điểm. Tổ quân báo Hải Tân gồm các đồng chí : Trương Đãi, anh Huệ, Đinh Thị Nà liên hệ với anh Huỳnh Trung (Chát) và 4 tù nhân đang nấu cơm cho bọn lính trong đồn Hòa Đa. Tổ quân báo bí mật từ ngoài đưa mật cá nóc cho số anh em này, bỏ vào thức ăn của tù lính, lần đầu giết được 7 tên Pháp, lần bỏ thứ hai bọn lính Pháp và nguy chỉ đau bụng, không chết. Chúng bắt 5 người phục vụ nấu ăn cho chúng, đưa đi bắn giữa đêm khuya, có một anh chạy thoát được. Công an Phan Rí Cửa còn tổ chức bắt bọn làm bạc tín phiếu giả đưa về căn cứ Thái An xét xử.

Sau các đợt diệt ác, phá tề của ta, địch có phản ứng, chúng cấm biển, cấm chợ, khủng bố, bắt bớ, nhằm gây khó khăn về kinh tế, uy hiếp tinh thần kháng chiến của nhân dân.

Trước âm mưu và thủ đoạn ấy của địch, nhiều phong trào đấu tranh chống khủng bố của nhân dân ta đã nổ ra ở các xã.

Tháng 5-1947, nhân dân Phan Rí Cửa bất chấp lệnh cấm biển, cấm chợ của địch, vẫn tổ chức cho ghe thuyền đi biển, họp chợ bình thường. Địch tức tối đưa quân xuống phục ở cửa biển Phan Rí Cửa, chờ thuyền đánh cá vào. Sáng sớm đoàn ghe đi đánh cá vừa vào bờ, họng súng của kẻ thù đã chờ sẵn, bắn xối xả vào đoàn thuyền làm cho một số người chết và bị thương. Anh Nguyễn Bản hy sinh, chị Nguyễn Thị Lữ bị thương nặng, chúng phải đưa chị lên Hòa Đa nhưng chị em phụ nữ Phan Rí Cửa đấu tranh đòi đưa chị Lữ vào Phan Thiết điều trị, bọn Pháp buộc chúng phải thực hiện theo yêu cầu của chị em chuyển chị Lữ đi. Những ngày tiếp theo, ghe thuyền tiếp tục ra khơi đánh cá, địch lại khủng bố, chị Mao hy sinh ngay trên thuyền, không sợ, đồng bào vẫn đưa thuyền ra khơi cuối cùng bọn Pháp phải nhượng bộ trước tinh thần đấu tranh gan dạ, kiên cường của nhân dân Phan Rí Cửa. Trong cuộc đấu tranh chống

cấm chợ, nòng cốt là chị em phụ nữ, được sự trợ lực của du kích, thiếu niên và phụ lão. Để chống lại hành động cướp giật, lật đổ, phá hợp chợ của bọn Pháp, chị em làm số bánh giả, nếu địch có cướp phá không thiệt hại gì và có đưa ra một ít thứ hàng thật để trao đổi mua bán. Một hôm khi có tin báo Pháp đến, chợ vẫn họp bình thường, chúng vừa giữ hành động cướp giật, anh du kích Trần Nở xông vào giật súng tên Pháp, bị chúng bắn chết, bỏ xác lên xe đưa về đồn Hòa Đa. Chị em phụ nữ lại kéo lên Hòa Đa đấu tranh, nhận anh Nở là chồng, con, em mình để đòi xác lại. Bọn Pháp buộc phải chỉ mộ anh, chị em kéo ra làm lễ truy điệu trước mặt quân thù.

Ở Long Phước, đồng bào ta chống lệnh cấm biển của địch, chúng quay sang khủng bố, đốt cháy hàng chục ghe, xuống đang đậu ở bãi biển.

Không thực hiện được lệnh cấm biển, bọn Pháp quy định cho các ghe thuyền không được đánh cá xa bờ quá 1km, nếu vượt khỏi giới hạn này, sẽ bị tàu tuần tiễu bắn chìm. Lập tức nhân dân Bình Thạnh, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, tổ chức đấu tranh chống địch phong tỏa trên biển, với lý lẽ: "Làm gần bờ không có cá, dân đói", đòi địch mở rộng giới hạn ra 3km để dân đi lại làm ăn.

Long Hương, nơi cơ quan đầu não của địch đóng ở Tuy Phong, nên ở đây chúng thực hiện chính sách kiểm soát dân rất chặt. Tuy vậy, chỉ bộ, chính quyền, các đoàn thể quần chúng của ta bên trong vẫn hoạt động công khai với dân, bí mật với địch, bám sát dân lãnh đạo đấu tranh chống ách kềm kẹp của địch. Thực hiện chủ trương tăng gia sản xuất, chỉ bộ Long Hương chỉ đạo cho Hội Nông dân cứu quốc, tổ chức đưa dân đi sửa đập Bá Ra và nạo vét Mương Cái ở gần chân núi. Mỗi lần đi làm, dân đều báo cho tên quan hai Lờ-cốc biết. Tên Lờ-cốc đồng ý cho đi, nhưng tối đến buộc dân phải vào đồn ga Sông Lông Sông ngủ, nhằm tránh sự tiếp xúc giữa dân với Việt Minh. Hội Nông dân cứu quốc thấy âm mưu của địch như vậy sẽ nguy hiểm cho ta, nhất là số cán bộ nông cốt đang cùng đi lao động với dân. Các đồng chí trong Ban chấp hành Nông dân cứu quốc đã đấu tranh bằng lý lẽ với địch : "Dân đi làm trên 300 người, xe bò trên 300 chiếc, bò 60 - 70 con vào ở trong đồn gặp nhiều khó khăn, lại nữa trâu bò rất sợ nơi lạ, chúng không chịu ở, sẽ tháo chạy gây ra tai nạn cho cả lính và dân". Trước lý lẽ đấu tranh của ta, cuối cùng địch phải chấp thuận, cho dân ở lại nơi làm việc.

Trong giai đoạn này còn nổi lên phong trào đấu tranh níu kéo của chị em phụ nữ ở các xã, nhất là ở các vùng căn cứ, vùng tranh chấp.

Khi có cuộc càn của địch, chị em tập trung lại gần nhau để dễ bề tiếp ứng trong đấu tranh và ta chọn một số chị em phụ nữ gan dạ, ăn nói lưu loát đi đấu trong các cuộc đấu tranh níu kéo, giành giật lại những người bị địch bắt. Đội quân tóc dài với phong trào níu kéo đã thu được nhiều thắng lợi, ngăn chặn các cuộc vây ráp, không cho địch bắt cán bộ, thanh niên đưa đi và giữ các hành động hăm hiếp phụ nữ. Trong một cuộc càn vào Bình Thạnh, năm 1947, lính Pháp bắt được chị Võ Thị Năm cán bộ phụ nữ huyện, các mẹ, các chị ở Bình Thạnh tổ chức đấu tranh giành giật với địch không cho chúng đưa chị Năm đi, mặc cho bọn lính hăm dọa bằng súng đạn, lưỡi lê, cuối cùng chị Năm được giải thoát khỏi nanh vuốt của kẻ thù.

Cùng với tiếng mõ Thái An ở Hòa Đa, tiếng trống, tiếng mõ, tiếng phèng la... của đồng bào Tuy Phong vẫn rộ lên trong đêm ở nơi này, nơi khác, báo hiệu cho ta kịp ứng phó với các cuộc ruồng bố, đột kích gây tội ác của giặc Pháp. Vào thời kỳ này, bọn Pháp ở Long Hương, thường đưa quân đột kích vào các vùng căn cứ, giáp ranh để khủng bố, rình bắt cán bộ ta vào ba đêm, nhất là đội kỵ binh do tên quan hai Lơ-cốc chỉ huy, hoạt động rất mạnh gây cho ta nhiều

tổn thất về người và tài sản. Để chống lại âm mưu này, ta vận động đồng bào chuẩn bị sẵn mìn ; trống, phèng la, thùng thiếc... khi phát hiện địch, đánh lên báo tin và hô to "ăn cướp, ăn cướp", liền sau đó cả xóm đều rộ lên tiếng mìn, tiếng trống, tiếng mâm đồng, nồi thau, làm cho Pháp hoảng hốt, run sợ, trước một trận đánh bất ngờ có thể xảy ra của ta. Khi nghe tiếng mìn, lực lượng ta có thời gian chuẩn bị phục kích chiến đấu hoặc tìm chỗ ẩn nấp an toàn. Bọn Pháp rút lui trong sự hoảng hốt. Ban đêm đã vậy, còn ban ngày ở các vùng căn cứ, tranh chấp ta canh gác, bảo vệ bằng hệ thống "cây Bù" đặt ở các điểm cao rất có kết quả, tránh được nhiều thiệt hại trong các cuộc càn của địch. Mỗi lần địch càn, dân quân phát hiện, liền hạ Bù xuống, hệ thống thông tin nhân dân truyền nhau báo tin "bà gửi" (tức bù ngã", "ta quây" (tức Tây qua) để ta kịp thời đối phó.

Trong đấu tranh chống khủng bố của địch, nhân dân Tuy Phong, dưới sự lãnh đạo của huyện Đảng bộ, đã tổ chức nhiều hình thức đấu tranh linh hoạt, tập hợp được sức mạnh toàn dân vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Nhân dân Tuy Phong, dù ở vùng căn cứ kháng chiến hay trong vùng địch kiểm soát, vẫn một

lòng, một dạ tin tưởng vào cuộc kháng chiến nhất định thắng lợi, tham gia tích cực vào các phong trào do Đảng bộ địa phương lãnh đạo.

Khi huyện có chủ trương phát động phong trào tổng quân nhập ngũ, thanh niên các xã trong huyện đều hăng hái ra chiến khu xin vào bộ đội chủ lực và du kích tập trung ngày một đông. Thanh niên Phan Rí Cửa hưởng ứng phong trào này rất sôi nổi, nhiều gia đình có 3 anh em tình nguyện gia nhập bộ đội nó có tác động rất lớn đối với thanh niên huyện Hòa Đa lúc bấy giờ. Có lần bộ đội chủ lực tình về hoạt động và ra mắt đồng bào Tuy Phong, nhân dân Long Hương bí mật vượt qua sự kiểm soát của kẻ thù, mang theo nhiều quà bánh, áo quần, thực phẩm... ra Long Thành dự lễ, ủng hộ bộ đội. Nhiều thanh niên ra dự lễ, tình nguyện ở lại tham gia bộ đội. Lớp thanh niên Tuy Phong, Hòa Đa tham gia quân đội trong những ngày đầu kháng chiến, nhiều đồng chí đã trưởng thành, trở thành cán bộ trung cao cấp của Đảng.

Trong hoàn cảnh kháng chiến còn nhiều khó khăn nhưng công tác bình dân học vụ và văn hóa vẫn được duy trì thường xuyên. Ở Tuy Phong, thành lập Phòng Giáo dục, do anh Phạm Minh Chính, trưởng phòng, ông Giáo Du, phó phòng, sau đó đồng chí Lê Chọi, Nguyễn Thanh Vân phụ

trách. Các xã đều có Ban giáo dục thông tin, tuyên truyền để chăm lo phong trào bình dân học vụ trong nhân dân, lấy các đoàn thể cứu quốc làm lực lượng nòng cốt. Ở Hòa Đa, Phan Lý Chàm công tác bình dân học vụ cũng được đẩy mạnh. Phong trào bình dân học vụ không chỉ tổ chức ở vùng căn cứ và các xã vành đai tranh chấp, mà nó được đẩy mạnh ngay trong vùng địch kiểm soát chặt, như : Long Hương (Tuy Phong), Chí Công, Phan Rí Cửa (Hòa Đa). Phòng Giáo dục cũng mở các lớp huấn luyện giáo viên cho các xã. Công tác y tế, thông tin báo chí cũng được huyện quan tâm chỉ đạo. Các xã đều có ban y tế, mở nhà hộ sinh để chăm lo sức khỏe nhân dân. Nhiều xã ở Hòa Đa, đoàn thanh niên, thiếu niên cứu quốc ra được các tờ báo như : Đoàn Thanh niên Phan Rí Cửa ra được tờ báo "Tiến bước", "Đội Thiếu niên Cờ Lau ra tờ "Tuổi trẻ". Đoàn thanh niên cứu quốc xã Chí Công ra tờ báo "mạnh"... để động viên tinh thần cách mạng và vận động mọi người tham gia tích cực vào các mặt hoạt động của cuộc kháng chiến.

Năm 1947, ở Tuy Phong có chủ trương bao vây kinh tế địch. Mỗi xã thành lập Ban kiểm soát việc mua bán hàng xa xỉ phẩm, tổ chức các đội công an kiểm soát các đường giao thông giữa ta và

địch, bắt và tịch thu các thứ hàng mà người mang đi không có giấy phép của Ban Kinh tế xã cấp. Ta tổ chức các đoàn thể tuyên truyền, vận động nhân dân không dùng hàng ngoại hóa của địch. Các em thiếu niên thấy ai mặc đồ ngoại hóa thì chê bai. Đồng thời ta vận động nhân dân ăn mặc bằng loại vải của đồng bào Phú Quý dệt và khuyến khích trồng bông, dệt vải nhằm đẩy mạnh sản xuất trong vùng ta.

Các hoạt động kháng chiến còn diễn ra sôi nổi ở vùng đồng bằng dân tộc Chăm Phong Điền (Phú Lạc). Đồng bào Chăm luôn hướng theo cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bất chấp hiểm nguy, kê vai sát cánh cùng với đồng bào Kinh các xã : Long Hương, Long Phước, Phú Lộc, Vĩnh Hảo, Bình Thạnh thực hiện các chủ trương của Đảng, trực tiếp là sự chỉ đạo của chi bộ địa phương trong việc : chống lập tế, đẩy mạnh du kích chiến tranh, đào hầm bí mật che giấu cán bộ, bộ đội, tiếp tế, nuôi quân... Chi bộ, chính quyền, các đoàn thể cứu quốc xã, vận động bà con tăng gia sản xuất, canh tác hết toàn bộ diện tích của xã và còn làm thêm nhiều thửa ruộng bỏ hoang mà bà con Long Hương, Long Phước không có điều kiện sản xuất. Phú Lạc trở thành vựa lúa của huyện Tuy Phong, đồng bào

dân tộc Chăm vượt qua sự phong tỏa của địch, chở hàng chục xe trâu lúa về Bình Thạnh tiếp tế cho cán bộ, bộ đội.

Qua hơn một năm kháng chiến, kể từ khi Pháp đến Tuy Phong, phong trào kháng chiến ở đây vẫn tiếp tục củng cố và phát triển, tấn công địch trên các mặt, tạo thế cầm cự giằng co giữa ta và địch.

Thực dân Pháp bổ sung thêm quân đến địa bàn chiến lược Tuy Phong, phát triển nguy quân và tăng cường đánh phá ta trên các mặt :

Về kinh tế : Chúng tiếp tục phong tỏa mặt biển làm cho ghe thuyền của ngư dân hoạt động gặp khó khăn. Máy bay, tàu tuần tiễu của địch thường bắn phá các bãi đánh lưới (như Bãi Trọ, Trại Lưới) và ghe thuyền đánh cá ngoài biển. Địch tăng cường hoạt động phá hoại mùa màng của ta, như cho toán lính hành quân ra đồng ruộng bắn phá vô tội vạ, dẫm nát hoa màu vào mùa lúa chín. Đoàn tàu hỏa bọc thép tuần tra đường sắt, thường xuyên lùng sục, buộc nông dân trước khi gặt phải xin phép chúng. Địch chặn bắt các xe bò chở lúa mà không có giấy phép. Pháp cấm dân dùng bạc Việt Nam, ai dùng sẽ bị đánh đập, bắn chết.

Chủ trương này, địch gây nhiều khó khăn cho nhân dân và lực lượng cách mạng tại chỗ, làm ảnh hưởng không ít đến việc tiếp tế cho các chiến trường khác.

Về quân sự : Pháp đẩy mạnh xây dựng đồn bót, bổ sung quân, tăng cường các hoạt động càn quét, khủng bố. Đội kỵ binh cơ động của chúng ban đêm đánh chớp nhoáng vào căn cứ và các vùng xung quanh gây cho ta nhiều thiệt hại. Các trung đội lính ngự do các tên : Chang Mai, Ách Đông, Ách Tuệ, Bộ Thả, tên Bai, tên Sặt chỉ huy có nhiều hành động khủng bố dã man đồng bào Tuy Phong, Hòa Đa, chúng chặt đầu, mổ bụng, hãm hiếp phụ nữ, bắt người cột vào ngựa cho kéo chạy đến khi chết. Pháp còn tổ chức các cuộc phục kích đồn bắt cán bộ ta, nhiều đồng chí đã bị bắt và hy sinh. Đồng chí Kinh Lý chủ tịch xã Phú Tịnh và đồng chí Chương chủ tịch xã Phú Lộc trên đường đi công tác bị địch phục bắn chết. Đồng chí Nguyễn Sửu, công an huyện, đi công tác thực hiện chủ trương diệt ác, phá tề đã bị địch bắt tại Hốc Trôm, đưa về Hòa Đa. Địch dùng đủ cực hình tra tấn, nhưng anh nhất định không khai, mà còn nhổ toẹt nước miếng vào mặt chúng. Tinh thần dũng cảm, bất khuất của anh là một tấm gương sáng cho mọi người học tập. Tên Pháp đang

tra tấn anh hần học thét lên : "Tao sẽ mổ bụng
mày xem gan mày có lớn không" và chúng đã
hành động, anh Sáu hy sinh một cách dũng cảm.
Hành động hiên ngang của anh trước kẻ thù được
truyền tụng trong nhân dân, cán bộ Tuy Phong
và Liên hiệp Công đoàn huyện, lấy tên anh đặt
cho tổ chức của mình là Công đoàn Nguyễn Sưu.

Các hoạt động quân sự của địch nhằm thực
hiện âm mưu bình định, giải quyết nhanh gọn địa
bàn Bắc Bình Thuận, nhất là vùng Tuy Phong,
vì Tuy Phong là cầu nối giữa hai tỉnh Bình Thuận
và Ninh Thuận. Nếu nắm được vùng này, sẽ chia
cắt sự liên hệ của ta giữa 3 tỉnh : Bình Thuận,
Ninh Thuận và Lâm Đồng.

Huyện Tuy Phong ở vào vị trí có tầm chiến lược
quan trọng nên địch tập trung lực lượng ở đây
tương đối lớn. Nhưng trong gần hai năm thực
hiện kế hoạch bình định, bộ máy kèm kẹp luôn
bị lung lay, tề các xã địch lập đi, lập lại nhiều
lần, do ta giải tán. Để củng cố vùng chiếm đóng,
địch quyết tâm thực hiện cho được chủ trương
lập tề ; chúng chọn Bình Thạnh làm trọng điểm,
vì chúng biết cơ quan chỉ đạo của huyện phần
lớn nằm ở đây.

Nếu lập được tề ở Bình Thạnh, thì các nơi
khác trong huyện sẽ lập theo. Chúng đánh vào

Bình Thạnh, là đánh vào cơ quan đầu não của huyện Tuy Phong. Kiểm soát được Bình Thạnh, tức là sẽ phá tan ảnh hưởng của cách mạng trong lòng nhân dân Tuy Phong, Bình Thạnh trở thành một cái gai trước mắt Pháp. Nên suốt trong những năm 1946 - 1947, chúng tổ chức từng đại đội, tiểu đoàn liên tiếp càn vào Bình Thạnh, trận nào ta cũng bị tổn thất từ 5 đến 7 người trở lên, nhà cửa, thùng lều nước mắm bị đốt phá, tài sản bị chúng cướp đi. Mặc cho bom dội, đạn réo, Bình Thạnh vẫn đứng vững trong thế trận chiến tranh nhân dân, liên tục tổ chức các trận đánh tiêu hao địch. Từ năm 1946 - 1948, địch không lập được tề ở Bình Thạnh, một đôi lần chúng có lập được tề, nhưng số tề này là của ta đưa ra để đối phó. Cuộc chiến tranh giữa ta với địch ở đây diễn ra quyết liệt, nên trên bản đồ hành quân, địch khoanh Bình Thạnh và gạch chéo, ghi "máu và lửa" (Sang et feu).

Tuy bị địch đánh phá dữ dội, nhưng Bình Thạnh vẫn đứng vững, phong trào đấu tranh của quần chúng tiếp tục được đẩy mạnh. Thanh niên lên đường nhập ngũ, những người ở lại bí mật đào hầm che giấu cán bộ, bộ đội, đi dân công tải đạn, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Các đoàn thể cứu quốc hoạt động sôi

nổi ; tham gia tích cực trong các phong trào. Bình Thạnh là một trạm của đường giao thông liên lạc Bắc - Nam, Trung ương đi qua. Trước khi đến chiến khu Ô rô, phải qua trạm 50 (Vinh Hảo), trạm Bình Thạnh. Nhiều đoàn cán bộ Trung ương đi trên đường dây giao thông liên lạc từ Bắc vào, Nam ra ở lại Bình Thạnh ; tháng 6-1947, đoàn đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Bạch, đoàn Ba Dương ghé lại. Do tình hình địch đánh phá căng, đồng chí Lê Duẩn chưa đi vào chiến khu Ô rô được, đã ở lại Bình Thạnh gần một tháng, tại nhà ông Bốn Tiếng (Huỳnh Tiếng, bà Phạm Thị Nhưông). Trong thời gian đồng chí Lê Duẩn còn lưu lại ở Bình Thạnh, được gia đình ông Bốn Tiếng, địa phương bảo vệ, chăm sóc chu đáo. Các đồng chí cán bộ lãnh đạo huyện Tuy Phong như : Trần Đình Quảng (ở Hội Các-Mác), Phạm Quỳnh Đông, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện) cùng một số cán bộ xã đến thăm và trao đổi ý kiến. Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo địa phương báo cáo tình hình kháng chiến ở đây, đồng chí Lê Duẩn đã có nhiều ý kiến đóng góp quan trọng về chiến tranh nhân dân, công tác quần chúng, bồi dưỡng sức dân, đoàn kết dân tộc. Do buổi đầu công tác lãnh đạo kháng chiến của ta còn nhiều ấu trĩ, nên các ý kiến đóng góp của

đồng chí Lê Duẩn giúp cho địa phương nhiều điều thấm thía. Trong quá trình kháng chiến, các quan điểm của đồng chí Lê Duẩn nêu ra, giúp cho cán bộ huyện tháo gỡ nhiều khó khăn trong lãnh đạo, chỉ đạo. Đến Bình Thạnh còn có đoàn của đồng chí Cao Văn Thìn, Phạm Ngọc Thạch, Phạm Ngọc Thuận, Lê Đức Thọ... Các đoàn đến và đi đều được bảo vệ an toàn, lo nơi ăn chốn ở, ủng hộ lương thực, quần áo, thuốc men khi đoàn đi, dù địch lúc này đánh phá khu căn cứ liên miên.

Cũng như Bình Thạnh, Vĩnh Hảo là một trạm đường dây quan trọng, các đoàn đến Bình Thạnh đều phải qua trạm này. Chính xã Vĩnh Hảo đã cử 4 tự vệ (hiện nay ông Lê Thâm, một trong 4 người đó còn sống) bí mật dùng ghe chở đồng chí Lê Duẩn vào trạm Bình Thạnh).

Đứng trước phong trào đấu tranh của nhân dân Tuy Phong, chủ trương lập tế, tổ chức bộ máy cai trị khó thực hiện nhanh chóng, địch quay sang khủng bố càng khốc liệt hơn, trọng điểm đánh vào căn cứ Bình Thạnh.

Sáng ngày 2-10-1947, Pháp tổ chức một cuộc hành quân càn quét lớn, đánh vào căn cứ Bình Thạnh. Lực lượng tham gia cuộc hành quân có 1 tiểu đoàn, gồm nhiều thứ quân : Pháp, Lê Dương, Ra Đê, có xe thiết giáp đi đầu yểm trợ. Các mũi

tấn công của Pháp vào khu căn cứ, đã bị lực lượng du kích huyện và xã Bình Thạnh chặn đánh, kìm chân địch lại mấy tiếng đồng hồ. Đến 14 giờ, địch vượt qua các mui phục kích chặn đánh của ta, tiến vào Bình Thạnh. Xe thiết giáp gầm rú, nhả từng loạt đạn xuống xóm làng ; từng toán lính tỏa theo các ngã đường vào thôn, xóm gặp bất kỳ ai đều nổ súng bắn chết. Chúng lục vào nhà dân gặp người bắn gục, châm lửa đốt luôn nhà. Ngã trên xóm lưới, nhiều tiếng la hét thất thanh, thấy người ngã xuống, phần lớn là cụ già, trẻ em, phụ nữ có thai, những người tàn tật, trời Bình Thạnh âm đạm một màu tang tóc. Qua cuộc khủng bố đẫm máu, chúng dồn dân Bình Thạnh đến trước trụ sở xã để nghe : "Ông lớn" chỉ bảo. Súng ống địch lăm lăm trong tay chia vào đám đông đồng bào đang đứng, tên chỉ huy bằng những lời nói hăm dọa, buộc dân Bình Thạnh phải lập tế, nhưng đồng bào vẫn im lặng đầy thách thức với chúng. Tối ngày 02-10-1947, Pháp chia ta từng nhóm chặn các ngã đường vào ra và đóng quân tại Bình Thạnh. Ngày 03-10-1947 cuộc khủng bố tiếp tục, cho lính sục sạo lừa dân Bình Thạnh vào chùa Phật học nổ súng tàn sát một cách dã man. Trong hai ngày khủng bố, giặc Pháp đã tàn sát 121 người dân Bình Thạnh ở chùa Phật học và xung quanh thôn xóm, do không chịu lập tế và 25 người khác bị thương.

Nghe tin giặc Pháp tàn sát đồng bào Bình Thạnh, nhân dân Tuy Phong cũng như toàn tỉnh Bình Thuận rất căm giận và đau thương, tổ chức lễ cầu nguyện cho những người đã khuất vì sự nghiệp chung.

Các xã vùng ven : Hòa Phú (lúc ấy gọi là xã Hải Thạnh), Phú Lạc (là 2 xã tên gọi lúc ấy là : Phong Điền, Phú Lộc), Vinh Hảo (Tương Lai), Long Phước (Thống Nhất) ; nơi có phong trào du kích chiến tranh mạnh, là bàn đạp cho lực lượng ta từ bên ngoài đột kích vào bên trong hoạt động đánh địch. Đây cũng là địa bàn địch tăng cường các hoạt động quân sự, càn quét khủng bố liên miên, nhất là các vùng có vị trí quan trọng : xã Hòa Phú là bàn đạp của ta từ Khu Lê Hồng Phong đánh vào Phan Rí Cửa, Chí Công, Xã Vinh Hảo là bàn đạp, địa bàn chiến lược, cầu nối giữa hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận... Ở Vinh Hảo, chỉ trong một thời gian ngắn, địch liên tiếp tổ chức 2 cuộc hành quân càn quét lớn, gây cho ta nhiều tổn thất. Trận càn tháng 9-1947, đúng lúc lực lượng CK50 về nhận gạo, cá và nhiều nhu yếu phẩm khác chuyển ra cho trung đoàn 81 Ninh Thuận, làm chết 14 người. Ngày 12-10-1947, Pháp huy động lực lượng phối hợp bộ binh, xe tăng, bọc thép và ngoài biển tàu thủy nã đạn vào



Căn cứ kháng chiến của huyện Tuy Phong ở xã
Bình Thạnh.



*Chùa Phật Học, xã Bình Thạnh nơi thực dân Pháp
tàn sát đồng bào ta trong tháng 10-1947.*

chi viện, bao vây Vinh Hảo, càn quét khủng bố trong 2 ngày, làm 18 người chết. Hành động giết người man rợ của giặc Pháp và bọn lính nguy Chang Mai như : cắt cổ, mổ bụng, xả đầu làm hai... dội vào lòng chúng ta nỗi đau thương và lòng căm hận đối với bọn cướp nước và lũ tay sai bán nước.

Thực dân Pháp điên cuồng đánh phá phong trào cách mạng, nhiều cuộc khủng bố tàn sát diễn ra ở Bình Thạnh, Vinh Hảo, Long Phước. Mức độ ngày càng quyết liệt hơn.

Để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh chống lại những âm mưu thủ đoạn mới của địch, huyện Tuy Phong củng cố lại công tác tổ chức về Đảng, chính quyền, mặt trận. Sau khi đồng chí Hứa Tự Nhung phái viên của tỉnh kiêm Bí thư Huyện ủy lâm thời và đồng chí Trần Ngọc Trác, chủ nhiệm Việt Minh huyện được tỉnh rút vào Phan Thiết vào khoảng giữa năm 1947, huyện Tuy Phong chuẩn bị mở đại hội Đảng bộ huyện lâm thời.

Sau vụ địch tàn sát đồng bào ta ở chùa Phật học (3-10-1947), khoảng một tuần, tỉnh Bình Thuận, cử đồng chí Lâm Hồng Phấn, Thường vụ Tỉnh ủy ra Tuy Phong thăm viếng, động viên đồng bào Bình Thạnh. Đồng thời đồng chí được Tỉnh ủy giao chấn chỉnh lại tổ chức Đảng ở Tuy Phong. Trước

mất đồng chí Lâm Hồng Phấn tiến hành làm lễ chuyển Đảng chính thức cho các đảng viên đã kết nạp và thành lập chi bộ Đảng ở các xã : Bình Thạnh, Long Phước, Long Hương, Phú Lạc (Phong Điền, Phú Lộc), Vĩnh Hảo. Sau đó, đồng chí Lâm Hồng Phấn thay mặt Tỉnh ủy Bình Thuận chỉ đạo Đại hội Huyện ủy lâm thời Tuy Phong. Cuối tháng 10-1947 Đại hội họp tại nhà ông Huỳnh Kiệt xã Bình Thạnh, có khoảng 20 đồng chí tham dự (đến dự phần lớn số đảng viên Tuy Phong lúc bấy giờ, chỉ trừ một số đồng chí bận công tác không đến được).

Đây là Đại hội Huyện ủy lâm thời đầu tiên của Đảng bộ Tuy Phong được tổ chức (Huyện ủy lâm thời trước do Tỉnh ủy chỉ định). Đại hội bầu ra Ban chấp hành gồm 7 đồng chí, được phân công phụ trách như sau :

- Đồng chí Trần Đình Quảng, Bí thư, kiêm chủ nhiệm Việt Minh.
- Đồng chí Võ Quang Ba, Phó bí thư, sau đó kiêm luôn phụ trách Liên Việt.
- Đồng chí Lê Khả, Ủy viên Thường vụ.
- Trần Hiến (Huấn), huyện ủy viên.
- Nguyễn Thanh Bình, huyện ủy viên, giữ chức chủ tịch Ủy ban kháng hành.

Các cơ quan quân sự, công an và ban ngành huyện, phân công các đồng chí phụ trách như: Đồng chí Lê Đắc Định, thay đồng chí Lê Bá Nghiêm đã hy sinh, làm trưởng công an huyện, Đồng chí Chính, phụ trách quân sự, đồng chí Lê Choi, trưởng Phòng giáo dục, đồng chí Phạm Đăng Quế Trưởng phòng tiếp tế, đồng chí Phạm Từ Hiếu trưởng phòng kinh tế, chị La Ánh Sơn phụ trách công tác phụ nữ...

Hội nghị quan tâm đến nhiều vấn đề trong lãnh đạo, chỉ đạo nhiệm vụ sắp tới, nhất là : Cần chăm lo công tác xây dựng Đảng, củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Đẩy mạnh chiến tranh du kích, chống địch khủng bố : phát triển lực lượng du kích ở các xã và du kích thoát ly của huyện ; chuẩn bị kế hoạch bảo vệ mùa màng...

Sau Đại hội, các đồng chí lãnh đạo huyện đi dự lớp huấn luyện do đồng chí Nguyễn Côn, Thường vụ Liên khu ủy Khu 5 vào giảng tại Cốc Chua (thuộc căn cứ Lê Hồng Phong sau này) đã nắm bắt được các quan điểm, chủ trương của Trung ương và Khu ủy. Nên công tác xây dựng Đảng của huyện dần dần đi vào nề nếp, công tác chính trị tư tưởng, phương pháp lãnh đạo không còn lúng túng như trước nữa.

Đảng bộ thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng chính trị ngắn ngày cho cán bộ, đảng viên để nắm tình hình và nhiệm vụ mới, về cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, trích từ tác phẩm "Kháng chiến nhất định thắng lợi" của đồng chí Trường Chinh, học tập cuốn "Sửa đổi lối làm việc" của Hồ Chủ tịch và học điều lệ Đảng.

Từ khi Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể được củng cố, phong trào cách mạng của quần chúng phát triển sâu rộng trên các mặt.

Năm 1947, thực hiện chủ trương bảo vệ mùa màng của tỉnh, công tác bảo vệ mùa lúa ở Tuy Phong diễn ra quyết liệt, giành giật với địch trong mùa lúa chín. Để có lương thực tiếp tế cho cách mạng, ta phải làm tốt công tác bảo vệ mùa màng, nên nhiệm vụ đó tỉnh và huyện hết sức quan tâm. Ở huyện và xã đều thành lập Ban bảo vệ mùa màng, cử cán bộ chuyên lo công việc này và lập phòng tiếp tế để lo kho tàng, đào hầm cất giấu lúa, điều ghe thuyền, dân công chuyên chở ra chiến khu dự trữ. Nguồn lương thực ở Tuy Phong không những cung cấp cho trong huyện, mà còn tiếp tế cho Ninh Thuận và Lâm Đồng. Cho nên, đến mùa lúa chín, ta huy động tất cả cán bộ dân quân chính tham gia, có lúc bộ đội thuộc đơn vị Như Hồ ở Lâm Đồng cùng xuống sát cánh

với bộ đội địa phương chiến đấu giành lúa với địch... Huyện thành lập các đoàn gặt xung phong cùng với dân giải quyết tốt việc thu hoạch, lúc cao điểm tỉnh còn điều đoàn gặt xung phong ở Hàm Thuận ra giúp Tuy Phong. Trong lúc ta thực hiện chủ trương bảo vệ mùa màng, địch cũng huy động lực lượng càn quét, khủng bố giành giặt lúa lại với ta, nhưng do chuẩn bị tốt, quyết tâm cao, nhân dân hưởng ứng, nên công tác bảo vệ mùa màng thu được nhiều kết quả. Nhiều ban bảo vệ mùa màng ở các xã hoạt động tích cực. Xã Long Phước, tổ chức đào hầm bí mật khoét sâu vào lòng đá quánh, mỗi hầm chứa từ 50 - 70 giạ, lúc có điều kiện ta vận chuyển ra căn cứ hoặc tiếp tế cho bộ đội E.81 Ninh Thuận đang gặp khó khăn. Đồng bào dân tộc Chăm ở Lạc Trị, vượt qua sự khống chế của địch, gặt xong cất giấu lúa ở ruộng, rồi bí mật điều dân công chuyển ra căn cứ bằng xe trâu.

Vừa tổ chức bao vây kinh tế địch, thực hiện tốt công tác bảo vệ mùa màng, ta còn tổ chức các hoạt động quân sự bao vây đánh địch. Ngày 10-12-1947, Đại đội Quang Trung phục kích chặn đánh ở dốc Tư Hồng diệt 30 tên, thiêu hủy 1 xe, thu trên 10 cây súng và một số đạn dược, quân trang, quân dụng, ta không tổn thất gì.

Phong trào đấu tranh hưởng ứng lệnh "Toàn quốc kháng chiến" của nhân dân Tuy Phong trong một năm qua đã diễn ra mạnh mẽ trên nhiều mặt, dồn địch vào thế bị động, đối phó, cuộc binh định của địch không thực hiện được dễ dàng. Chính quyền ta ở vùng căn cứ, tranh chấp cũng như trong vùng địch kiểm soát ngày càng được củng cố vững mạnh, phong trào du kích chiến tranh phát triển, các chủ trương đề ra đều được nhân dân hưởng ứng tích cực. Đảng bộ ngày một trưởng thành trong khói lửa chiến tranh, tiếp tục lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn mới của địch, đưa phong trào kháng chiến đi lên giành nhiều thắng lợi mới.

III- NHÂN DÂN TUY PHONG DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA HUYỆN ĐẢNG BỘ TIẾP TỤC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH DỒN DÂN, DỒN LÀNG (1948 - 1951)

Sau thất bại ở Việt Bắc (10-1947), Pháp từ mở rộng phạm vi chiếm đóng, quay sang củng cố, bằng các cuộc hành quân nhỏ, nhằm phá hoại kinh tế, phá hoại cơ sở hạ tầng của ta. Mặt khác chúng ra sức củng cố ngụy quân, ngụy quyền, thực hiện chính sách "Lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt".

Pháp cũng có bộ máy ngục, quyền các cấp từ xã đến phủ, huyện. Các xã đông dân thành lập Nha bang tá như : Nha bang tá Long Hương, Duông, Phan Rí Cửa, các xã ít dân thành lập Ban đại diện hội tế, tất cả đều chịu sự chỉ đạo của tri phủ Hòa Đa.

Năm 1948, kế hoạch "Đờ-la-tua" của Pháp được thực hiện ở Hòa Đa, Tuy Phong với biện pháp đóng đồn bót dày đặc ở các vùng chúng kiểm soát. Ở Phan Rí Cửa ngoài hai đồn chính : Quân vụ và đồn Bang tá, còn có 11 bót canh, kết hợp với 1 đồn ở Phú Hải tạo thành một thế bao vây, kiểm soát chặt chẽ Phan Rí Cửa. Địch gọi Phan Rí Cửa là vùng xung yếu đáng gờm. Ở Chí Công, địch xây dựng hai đồn lớn và nhiều bót canh bảo vệ chắc chắn. Do địa thế Tuy Phong ở vào vị trí quan trọng, nên địch thực hiện kế hoạch "Đờ-la-tua" ở đây rất quyết liệt. Chúng ta xây dựng phòng tuyến Đá Chẹt, Bực Lở ở các xã Long Hương, Lạc Trị, Đại Hòa, Long Phước đều có đồn bót lớn bảo vệ và nhiều tua gác, tháp canh. Ngoài ra ở các vị trí xung yếu đều có đóng đồn : ga Sông Lòng Sông, Tháp Ông Gủ...

Địch tăng cường đồn quân từ các nơi về Tuy Phong, Hòa Đa ngày càng đông. Đồn Hòa Đa, Pháp có một đại đội nay tăng lên 1 tiểu đoàn

(tức tiểu đoàn 11 (BMEO) và 1 đại đội lính ngự người Ra Đê, gần 1 đại đội lính ngự người Chăm do tên Chang Mai chỉ huy. Ở Tuy Phong địch cũng tăng quân số từ 1 trung đội lên 2 trung đội ở các đồn chính và các bót đều được bổ sung quân. Chúng rút dần lính Âu-Phi tăng cường cho chiến trường khác, thay vào đó là lính ngự.

Đối với ta, được Đảng bộ huyện trực tiếp lãnh đạo, công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên mới ở các xã được đẩy mạnh. Năm 1947 - 1948, chi bộ Đảng ở các xã thành lập. Khi có chủ trương mới "Phát triển Đảng rộng rãi" số lượng đảng viên trong huyện không ngừng tăng lên, xã ít nhất có 50 đảng viên, xã nhiều có 100 đảng viên trở lên. Đảng viên phát triển đều khắp ở mọi ngành : chính quyền, quân đội, công an, mặt trận ; đoàn thể và các khu dân cư để tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện chủ trương của Đảng, làm hạt nhân lãnh đạo phong trào kháng chiến ở địa phương.

Về xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, năm 1948 thành lập huyện đội Tuy Phong đồng chí Phan Lâm huyện đội trưởng ; Võ Tờ, huyện đội phó ; Lê Hoàng Đạt làm chính trị viên. Sau đó đồng chí Hồ Tôn Nam được tỉnh điều ra Tuy Phong bổ sung vào làm huyện đội phó. Đồng thời

huyện rút du kích các xã lên thành lập một trung đội du kích tập trung, gồm 2 tiểu đội (1 tiểu đội lấy tự vệ chiến đấu xã Bình Thạnh, 1 tiểu đội lấy ở các xã Long Hương, Vinh Hảo, Phú Điền). Ban chỉ huy trung đội gồm : đồng chí Liêu, trung đội trưởng, Lê Hiếu, trung đội phó và anh Bạc chính trị viên (tên này sau đầu hàng giặc, sung vào lính ngụy từ năm 1951). Giữa năm 1948, trong đợt công tác đồng ruộng, đồng chí Liêu trung đội trưởng hy sinh, đồng chí Lê Hiếu đi học lớp quân sự Hàm Tân 3 tháng. Do yêu cầu của huyện. Đại đội Quang Trung thuộc tiểu đoàn 89 đã cử đồng chí Nguyễn Thanh Đức về Tuy Phong nhận nhiệm vụ làm trung đội trưởng du kích tập trung huyện (8-1948).

Năm 1948, trung đội du kích tập trung huyện phối hợp với bộ đội, du kích, công an các xã, thường xuyên tổ chức phá hoại giao thông, chặn đường bắn tỉa xe địch, đột nhập vào địch hậu đẩy mạnh du kích chiến tranh, quấy rối tiêu hao địch.

Tháng 1-1948, Đại đội Quang Trung phục kích diệt một xe địch, thu một trung liên ở núi Nạn (đường số 1). Cuối 1947 đầu năm 1948 ở Tuy Phong địch thường đột kích và đuổi bắt nhân dân, cán bộ ta bằng đội kỵ binh đóng ở Long Hương do tên Lơ-cốc chỉ huy, gây cho ta nhiều khó khăn, tổn

thất. Để phá thủ đoạn này của địch, huyện chủ trương tổ chức một đội "chống lính ngựa", chỉ hơn 1 tháng sau, 7 con ngựa của giặc bị ta bắt hết, một số con tốt ta sử dụng, số còn lại giết ăn thịt dần, ở tại động Bà Tỳ, nên động này có tên là "đội giết ngựa" (hay đổi sát mã). Lúc này máy bay địch thường bay trình sát vào các vùng căn cứ, cung cấp tình hình cho địch ở Tuy Phong đi càn quét, bắn giết đồng bào ta, huyện đội Tuy Phong và Ban chỉ huy đại đội 214 bàn kế hoạch tiêu diệt chiếc máy bay thường hạ xuống sân banh Long Hương. ⁽¹⁾.

Ngày 2-3-1948, ba em thiếu niên Nguyễn Phước, Nguyễn Mao, Đinh Ngọc Hoàng đã mưu mẹo, dùng cảm đóng vai chăn bò, xua đàn bò đồng hàng chục con, chạy lung tung vào hướng sân banh Long Hương, nơi có chiếc máy bay đa-cô-ta của địch đang đậu. Các em tiếp cận mục tiêu, nhanh chóng tung chai xăng và lựu đạn vào máy bay. Lựu đạn nổ, máy bay bốc cháy, hỏo lực địch từ các tua gác bắn ra dữ dội, nhưng tổ thiếu niên diệt máy bay rút lui an toàn, trong sự vui-mừng, chào đón của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ta ở vùng căn cứ. Chiến công tuy nhỏ, nhưng nó có ảnh

(1) Đại đội 214, lực lượng tinh hoạt động ở Hòa Đa, Tuy Phong.

hưởng lớn đối với đồng bào Bình Thuận và cả nước, đang hưởng ứng "phong trào thi đua" do Chính phủ phát động. Từ chiến khu Việt Bắc xa xôi, nhận được tin này, Bác Hồ rất vui mừng, thay mặt Đảng và Chính phủ gửi tặng 3 bằng khen cùng với 3.000 đồng, ủy nhiệm cho bác sĩ Phạm Ngọc Thạch trên con đường công tác vào Nam ghé lại Tuy Phong trao tặng cho 3 em thiếu niên dũng cảm. Đồng thời Bác gửi lời hỏi thăm, động viên quân dân Tuy Phong phát huy các thành tích đã đạt được, lập nhiều chiến công mới.

Du kích tập trung huyện mới thành lập, ngoài nhiệm vụ huấn luyện du kích, bảo vệ căn cứ, chống địch càn quét, còn phối hợp với Đại đội Quang Trung trong các trận phục kích đánh địch.

Trong tháng 9-1948, đồng chí Nguyễn Thanh Đức đưa 1 tiểu đội vào Tà Bo cùng với Đại đội Quang Trung phục kích đánh chiếc xe lửa đổ quân xuống Tà Bo gây tội ác, trận này ta tiêu diệt một số, thu 3 súng. Tiếp đến cuối năm 1948, một bộ phận của đại đội Quang Trung phối hợp với tiểu đội du kích tập trung Tuy Phong phục đánh giao thông (đoạn dưới ngã tư Long Hương) đánh 1 xe vận tải tiếp tế từ Long Hương lên ga Sông Lòng Sông, diệt 1 tiểu đội, thu toàn bộ vũ khí.

Được sự hỗ trợ của lực lượng ta bên ngoài, phong trào du kích chiến tranh trong vùng địch hậu cũng diễn ra không kém phần quyết liệt. Bộ đội Vệ quốc đoàn, đội cảm tử, quân báo phối hợp với du kích, chính quyền ta bên trong, tổ chức nhiều cuộc đột kích phá rối đồn địch, thực hiện diệt ác, phá tề ở vùng địch kiểm soát mạnh : Long Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công.

Ở Tuy Phong, xã Long Hương là một địa bàn địch tập trung lực lượng tương đối lớn để kềm kẹp dân, có hệ thống đồn bót bảo vệ vững chắc. Mặc dù vậy, các tổ cảm tử đội, Vệ quốc đoàn vẫn bí mật đột kích vào cùng với du kích, công an xã phục kích chặn đánh nhiều cuộc ruồng bố của địch, nhiều tên giặc Pháp, Việt gian thiệt mạng hoặc bị thương vong. Một số tên tề thực hiện chủ trương của địch như bắt dân lập thẻ tùy thân... thì bị ta khống chế bắt đi. Ở Hòa Đa, phong trào du kích chiến tranh bên trong cũng diễn ra khá mạnh. Ngày 20-4-1948, bộ phận cảm tử đội Ký Con phối hợp với xã đội Chí Công phục kích đánh một tiểu đội địch từ đồn Duồng đi xuống chợ, diệt tên Xếp Đoàn, thu 2 súng. Ngày 8-6-1948, trung đội một thuộc đại đội 214 đánh một trận ở Gành Sơn, diệt 2 tên Việt gian. Ở Phan Rí Cửa, lực lượng du kích phục kích bắn chết tên

Hương Việt gian gian ác và ngày 2-6-1948, bắn chết tên Đội Ba trong lúc nó đi từng nhà kiểm tra hộ khẩu, xét thẻ tùy thân. Ngoài ra còn tổ chức lực lượng đốt cầu Bà Bón... Các cuộc phục kích đánh địch, diệt ác không chỉ xảy ra ở Long Hương, Phan Rí Cửa, Chí Công mà phong trào này còn diễn ra ở hầu hết các xã trong hai huyện Tuy Phong, Hòa Đa.

Chúng ta vừa tổ chức quấy rối, tiêu hao địch vừa động viên nhân dân hưởng ứng phong trào thi đua ái quốc, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Người người thi đua, ngành ngành thi đua, ta nhất định thắng, địch nhất định thua", nhằm khích lệ tinh thần kháng chiến của nhân dân Tuy Phong, thực hiện cuộc kháng chiến "toàn dân, toàn diện" trên các mặt trong vùng địch chiếm đóng.

Dù ở vùng địch chiếm đóng hay ở vùng căn cứ và giáp ranh, chính quyền ta vẫn len lỏi bám dân hoạt động, đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, tấn công địch trên nhiều mặt. Kế hoạch "Đờ-la-tua" của địch nhằm kiểm soát chặt dân, nhưng chúng không kiểm soát lòng tin của dân đối với Bác Hồ, đối với cách mạng. Nên dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, mặc cho địch khủng bố, tù đày, kể cả hy sinh tính mạng, nhân

dân vẫn tìm mọi cách ủng hộ sức người, sức của cho kháng chiến, tích cực tham gia vào các phong trào do Đảng lãnh đạo.

Năm 1948, nhân dân huyện Tuy Phong tiếp tục thực hiện chủ trương : Chống dôn dân, chống địch khủng bố, vận động thanh niên tòng quân nhập ngũ, tổ chức xây dựng hầm bí mật, hầm chiến đấu để bảo vệ cán bộ, bảo vệ căn cứ. Đẩy mạnh phong trào du kích chiến tranh, binh địch vận, bảo vệ mùa màng, kêu gọi đồng bào hưởng ứng phong trào thi đua ái quốc... Các chủ trương này đều được nhân dân hưởng ứng, tạo bước chuyển biến mới trong phong trào đấu tranh của quần chúng.

Để làm suy yếu nội bộ địch, công tác binh địch vận là một mũi đấu tranh góp phần quan trọng vào việc vận động binh lính bỏ ngũ, cung cấp súng đạn cho lực lượng kháng chiến. Ở Phan Rí Cửa, theo sự chỉ đạo của ta, chị Lê Thị Nhị vừa làm trinh sát nắm tình hình địch báo cáo cho ta vừa dùng "mỹ nhân kế" có quan hệ "tình yêu" với tên xếp Lùn, sau đó với tên Ma Rốc, chị lấy được hai khẩu súng trung liên gửi ra cho ta. Năm 1948, ở Tuy Phong công tác binh địch vận nổi lên ở vùng đồng bào Kinh, Chăm Lạc Tri, Tuy Tịnh, Phú

Điền (Phú Lạc). Huyện cử đồng chí Mạnh trưởng ban binh dịch vận huyện về Phong Điền (Lạc Trì, Tuy Tịnh), Phú Điền tổ chức các tổ binh dịch vận. Sau một thời gian, tại các nơi này, đã hình thành ba tổ dịch vận : 1 tổ ở Lạc Trì gồm các chị : Thanh Thị Nga, Nguyễn Thị Bép ; 1 tổ ở ga Sông Lòng Sông gồm các chị : Kiêm Thị Chôi, Chế Thị Kim Đô ; 1 tổ ở Phú Điền có chị Đặng Thị Luận. Các chị làm công tác dịch vận đều là thanh niên, dựa vào điều kiện làm ăn, quan hệ quen biết với địch để xây dựng. Sau một thời gian tổ chức, hoạt động của các tổ dịch vận thu được kết quả. Tổ Tuy Tịnh kết hợp với đồng chí Bồ Xuân Đồng đã vận động được 1 tên lính Đức đi lính cho Pháp, mang súng ra với cách mạng. Ngoài ra tổ còn vận động 6 thanh niên Chăm đi lính cho Pháp ở đồn cầu 90 Sông Lòng Sông bỏ ngũ sang hàng ngũ ta, mang theo 1 súng máy, 2 tiểu liên, 4 thùng đạn và một số thùng lựu đạn. Ở Phú Điền, chị Đặng Thị Luận vì sự nghiệp chung, chấp nhận lấy thàng Tây đồn trưởng tháp Ông Gủ để tìm cách đưa súng đạn ra cho du kích và bố trí cho lực lượng ta hạ đồn này. Công tác binh dịch vận còn diễn ra ở nhiều xã, bằng các hình thức phong phú, tác động đến tinh thần, làm suy yếu nội bộ địch.

Đứng trước phong trào kháng chiến của nhân dân Tuy Phong lên cao, để dập tắt phong trào, địch tăng cường đánh phá liên miên trong các vùng địch hậu, vùng vành đai và nhất là vào căn cứ Bình Thạnh, nơi cơ quan đầu não của huyện Tuy Phong đóng. Cứ mỗi trận càn quét bằng chính sách "tam quang", chúng thẳng tay bắn giết, đốt phá, gieo bao nỗi đau thương cho nhân dân Tuy Phong. Ở địch hậu, mỗi lần ta phục kích đánh đồn, phá tề diệt ác là địch tổ chức khủng bố. Ở Long Hương chúng bắt tất cả người lớn đưa lên đồn cho bọn chỉ điểm (còn gọi là "Ông Hù") tìm bắt cơ sở, cán bộ nằm vùng. Xã Chí Công địch tổ chức nhiều cuộc càn quét, chỉ trong 4 năm (1946 - 1949), địch đã giết hại nhiều cán bộ, cơ sở, đồng bào ta, nhất là bắn chết 4 đồng chí chủ tịch xã : Trương Bá Cường (1946), Nguyễn Nửa (1947), Nguyễn Khách (1948), Phạm Dư (1949)...

Tháng 9-1948, địch huy động lực lượng hàng đại đội, có xe bọc thép yểm trợ tổ chức càn phá, dẫm nát cánh đồng Long Phước đang mùa lúa chín, nhằm gây khó khăn kinh tế cho dân, cắt đứt nguồn tiếp tế cho cách mạng. Cuối năm 1948, địch bao vây chòi ruộng Lạc Trị bắn chết đồng chí Kinh Liên, bí thư chi bộ xã Phong Điền (Phú Lạc):

Nhất là trận càn lớn vào căn cứ Bình Thạnh trong tháng 8-1948, với mục đích thúc ép nhân dân Bình Thạnh phải dồn dân vào tập trung ở Long Hương. Do đã chứng kiến các cuộc tàn sát trước, nay địch đang thúc ép, nếu không thực hiện chủ trương của chúng thì bị tàn sát hết, nên dân có phần lo lắng, một số tự động gồng gánh chuyển qua Long Hương, một số khi nhận được chủ trương của huyện đã trụ lại ở các vành đai. Từ đây nhân dân Bình Thạnh phân thành 3 vùng cư ngụ : một ở xóm Gộp (Đông Bình), một ở xóm Mới (tức là Cát Bay) và một nhóm lớn ở trong Long Hương. Đến tháng 10-1948, xã Bình Thạnh không còn dân.

Trước các cuộc càn quét mạnh vào khu căn cứ Bình Thạnh của địch, cơ quan huyện Tuy Phong dời lên Tăng Kun. Ở đây, ta cũng bị địch càn quét liên tục, chúng bao vây chiến khu Tăng Kun, lực lượng ta phần lớn thoát ra được, một số đồng chí bị địch bắn chết như : ông Sáu Già, một chiến sĩ trung thành với cách mạng và đồng chí Nguyễn Xôm cùng một số đồng chí khác. Cơ quan huyện một lần nữa lại chuyển về căn cứ Bình Thạnh xây dựng lực lượng. Xây dựng vùng bàn đạp Cát Bay, Gộp, lập chợ kháng chiến cho nhân dân đi lại buôn bán, tiêu dùng bằng đồng bạc Củ Hồ, tin phiếu.

Đi đôi với khủng bố Bình Thạnh, ngày 1-2-1948, địch đưa tàu chiến chở quân đổ bộ lên đảo Phú Quý, một xã của huyện Tuy Phong, bắn giết cán bộ, khủng bố nhân dân và đóng đồn, thành lập bộ máy cai trị do 1 tên bang tá đứng đầu. Từ đó cán bộ huyện Tuy Phong không ra đảo nữa, giao Phú Quý lại cho tỉnh quản lý.

Để tiếp tục bám trụ đánh địch, cuối năm 1948, huyện Tuy Phong chủ trương xây dựng hầm chiến đấu vừa làm nhiệm vụ trú ẩn, bảo vệ cơ quan, tổ chức chống càn đánh địch. Ban quân sự huyện giao nhiệm vụ này cho đồng chí Lê Hoàng Đạt - huyện đội phó trực tiếp chỉ đạo, huy động mỗi ngày hàng trăm dân công lấy từ Long^{*}Hương ra, đào gần 1 năm mới hoàn thành. Hầm dài 1 km, sâu 1,4 m, rộng 0,8 m có 10 cửa, 7 ngách ra. Hầm này vốn là hầm bí mật của dân để cơ quan huyện và du kích, thanh niên ẩn mình khi địch càn, phát triển thành hầm chiến đấu. Mục đích xây dựng hầm để cho bộ đội địa phương trụ lại đánh địch và cơ quan ẩn nấp làm việc. Nhưng hầm xây dựng không còn bí mật nữa, vì lực lượng lấy dân trong vùng địch kiểm soát ra đào, dễ bị bọn gián điệp trà trộn, phát hiện và do công tác bảo vệ lúc này còn yếu, chưa cần nhắc kỹ khi thực hiện. Để xây dựng hầm, huyện huy động một lực lượng

dân công lớn trên mười ngàn lượt người đi đào, hàng trăm mét khối gỗ, gỡ từ thùng lều nước mắm, kéo cột, tường nhà của Bình Thạnh. Ngoài hầm chiến đấu, ta còn đào nhiều hầm bí mật khác cho cán bộ các ban ngành ẩn nấp khi có địch càn.

Để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh, huyện chuẩn bị tổ chức mở đại hội, đề ra chủ trương, đẩy mạnh các mặt kháng chiến trong giai đoạn mới.

Tháng 8-1949, tỉnh Bình Thuận mở Đại hội Đảng bộ, đồng chí Trần Đình Quảng, bí thư huyện ủy trúng tỉnh ủy viên, được tỉnh rút về làm Chánh văn phòng Tỉnh ủy, đồng chí Võ Quang Ba thay làm Huyện bí thư huyện ủy.

Tháng 10-1949, Tỉnh ủy chỉ thị cho Huyện ủy lâm thời Tuy Phong mở Đại hội Huyện ủy chính thức và tỉnh phân công đồng chí Nguyễn Chúc, Tỉnh ủy viên ra chủ trì, chỉ đạo đại hội. Số đại biểu mời về dự khoảng 80 đồng chí. Đại hội đã nghe : Báo cáo phổ biến Nghị quyết của Tỉnh ủy, Báo cáo tổng kết chung. Báo cáo công tác xây dựng Đảng, Báo cáo về quân sự, về dân quân, về địch vận. Đại hội đề ra chủ trương mới : Đẩy mạnh du kích chiến tranh, làm tốt công tác bảo vệ mùa màng, huy động nhân tài vật lực cho

kháng chiến. Tiếp tục củng cố Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng...

Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban chấp hành Huyện ủy :

- Đồng chí Võ Quang Ba, bí thư huyện ủy, phụ trách chung và trực tiếp phụ trách công tác quân sự.

- Đồng chí Lê Khả, phó bí thư, phụ trách xây dựng Đảng gồm tổ chức, tuyên huấn.

- Đồng chí Lê Bá Độ, ủy viên thường vụ, phụ trách công tác văn phòng và một số mặt khác.

Ủy viên Ban chấp hành gồm có : Võ Tờ, Nguyễn Chay, Dương Chúc Thị, Trần Hiến (Huấn), Phạm Quỳnh Đông, Huỳnh Bá, Nguyễn Thân (Thân Thọ)...

Đầu năm 1950, đồng chí Võ Quang Ba được tỉnh điều về làm Chánh văn phòng, thay đồng chí Quảng chuyển ra Khu V ; Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Lê Khả làm Quyền bí thư huyện ủy. Tháng 2-1950, tỉnh điều đồng chí Hồ Viết Hách ra Tuy Phong, bổ sung vào thường vụ huyện ủy.

Đối với thực dân Pháp ở địa bàn Tuy Phong trong thời gian này, chúng chuyển hướng binh định với nhiều thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác hơn,



*Đồng chí Võ Quang Ba, được đại hội Đảng bộ huyện
chính thức năm 1949 bầu làm Bí thư huyện ủy.*

tăng thêm quân, mở thêm đồn bót, tích cực dồn dân. Trong vùng địch hậu, địch dùng các toán lính nhỏ phục kích, kết hợp với phát triển gián điệp, ngày đêm lùng bắt cán bộ, du kích, đánh phá cơ sở. Tăng cường chiêu an, chiêu hồi, tuyên truyền Bảo Đại về làm Quốc trưởng với chiêu bài độc lập giả hiệu.

Chúng thực hiện chính sách "tam quang", đã đánh bật lực lượng ta giãn ra vùng núi, vành đai, đốt 172 nhà ở xóm biển Long Hải, đốt sạch Côn Lưới Hai căn cứ lỏm đứng chân của Phan Rí Cửa. Các ban ngành của 3 xã Long Hương, Chí Công, Phan Rí Cửa chuyển ra vùng ven lập căn cứ, tiếp tục chỉ đạo phong trào. Dựa vào màn lưới mật, ta vẫn duy trì đấu tranh hợp pháp với địch, đòi cải thiện dân sinh, dân chủ, buộc chúng phải cho đi làm ruộng, làm biển. Tuy ta đã ra vùng ven, dân bị địch kiểm soát chặt, nhưng chính quyền ta đã thu được đảm phụ kháng chiến, rút thanh niên bổ sung vào lực lượng vũ trang, huy động dân công tái thương, tiếp tế.

Trước tình hình ấy, Huyện ủy có chủ trương : Đẩy mạnh phong trào đấu tranh quân sự trong lòng địch bằng lực lượng du kích thoát ly, thực hiện diệt ác, trừ gian, hạn chế địch phá hoại kinh tế, bảo vệ mùa màng không cho địch cướp lúa. Ở

Long Hương, xã thành lập một tiểu đội du kích mật, phối hợp với lực lượng vũ trang bên ngoài vào hoạt động thường xuyên trong Long Hương. Lúc này do phong trào du kích chiến tranh của ta chưa đủ mạnh, nên địch đã thực hiện được kế hoạch dồn dân.

Chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" của địch bắt đầu thực hiện ở Liên khu V và đầu tiên chúng tiến hành ở Ninh Thuận. Cuối năm 1949, địch bình định xong ở Ninh Thuận, chúng triển khai chính sách đó ra Khánh Hòa và vào Bình Thuận, đồng thời tăng cường chống phá cơ sở ta ở Tây Nguyên và phát triển chiêu an ở Quảng Nam - Đà Nẵng.

Địch thực hiện chính sách dưới mọi hình thức dồn dân, chiêu an, lập ổ vũ trang chiến đấu ở khắp chiến trường Khu V, sự liên hệ chặt chẽ giữa cứ điểm lô cốt, tháp canh, quân ứng chiến và quân chiếm đóng, liên hệ giữa kiểm soát và lùng bố tạo thành một hệ thống phòng ngự để đủ sức đối phó với các hoạt động của ta.

Tỉnh Bình Thuận một vị trí quan trọng của Liên khu V, ảnh hưởng đến toàn bộ vùng Cực Nam Trung bộ. Do vậy, bộ chỉ huy Pháp đặc biệt chú ý xây dựng Bình Thuận thành một khu tự trị

do 1 tên trung tá chỉ huy. Lực lượng địch ngày một gia tăng, nhưng có xu hướng rút dần lính Âu - Phi đi tăng viện cho chiến trường Bình Trị Thiên và chiến trường Bắc bộ. Đồng thời chúng củng cố và xây dựng lực lượng quân sự làm áp lực hỗ trợ cho việc xây dựng chính quyền cơ sở đang bị lung lay.

Tháng 8-1949, quân số địch trong toàn tỉnh là 2.450 tên, trong đó lính Âu - Phi chiếm 60% cứ điểm có 60 cái. Đến tháng 12-1950 quân số tăng lên 3.800 tên, lính Âu - Phi giảm còn lại 10%, cứ điểm có 293 cái, phần lớn là loại nhỏ và vừa.

Vùng Bắc Bình Thuận (Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý Chàm) tiếp giáp với Ninh Thuận hậu phương an toàn của địch, có Chi khu quân sự Hòa Đa tương đối lớn, một phòng tuyến chiến lược về mặt quân sự "Đá Chẹt Bực Lỡ" chắn ngang con đường Bắc Nam, ở đây có đồng ruộng phì nhiêu, hải sản dồi dào. Nên ngay từ đầu chính sách "bình định" được địch thi hành trước tiên, nhằm biến các huyện Bắc Bình Thuận thành Ninh Thuận thứ hai rồi loang dần vào các huyện miền Nam tỉnh.

Bước vào giai đoạn 1949 - 1950, thực dân Pháp tiến hành kế hoạch bình định quyết liệt hơn, bằng

các hành động dã man, tào bạo hơn, với một chính sách thâm độc được qua thử nghiệm trên chiến trường Ninh Thuận. Hòa Đa, Tuy Phong là điểm nóng, đồng thời đây cũng là điểm khởi đầu thực hiện chính sách bình định của địch đầu tiên ở Bình Thuận, nhằm làm giảm sút ý chí đấu tranh, tinh thần kháng chiến của quần chúng, và ảnh hưởng của cách mạng trong lòng nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa. Kế hoạch bình định được chúng sắp đặt từ trước, bằng các thủ đoạn vô cùng nguy hiểm về quân sự, chính trị và kinh tế.

Ngày 15-7-1949, một đại đội lính ngự tử Phan Rang được điều vào phối hợp với Chi khu quân sự Hòa Đa, Phan Rí Cửa càn quét khủng bố bán giết đồng bào ta rất dã man. Nhân dân Phan Rí Cửa, Chí Công, Hải Thạnh (Hòa Phú), Chận Thạnh (Hòa Minh) còn ghi sâu mối thù và cảnh tượng đau thương mà bọn đao phủ tàn bạo gây ra.

Ngày 15-9-1949, địch thực hiện bình định ở Hòa Đa, theo kinh nghiệm của Ninh Thuận với chính sách "Tiến từng bước, gặm từng miếng" dồn dân các thôn Lâm Lộc, Cam Lâm (Hòa Minh bây giờ) về tập trung tại xóm Cầu Nam và dồn một số dân ở Hội Tâm, Thanh Lương, Phú Hải vào khu vực Phan Rí Cửa. Một số nhân dân bị dồn tập trung vào khu vực Duồng. Hai khu này tạo

thành hai khu tập trung lớn, bao bọc bởi một hệ thống đồn bót dày đặc, và hàng rào kẽm gai. Tính đến tháng 5-1950, đồng bào Hòa Đa bị dồn trong khu tập trung có trên 20.000 so với 25.000 người dân trong huyện.

Ngày 19-9-1949, kế hoạch bình định của chúng thực hiện loang dân ra Tuy Phong. Dịch bắt đầu dồn nhân dân ở Vinh Hảo về Long Phước, Long Hương và liên tiếp tổ chức các cuộc càn quét khủng bố giết hại đồng bào ta, làng mạc, ruộng vườn bị tàn phá điêu tàn. Cảnh đau thương, tang tóc, càng làm cho ý chí căm thù giặc sục sôi trong lòng mỗi người dân Tuy PHong, đối với bọn thực dân và bọn tay sai bán nước. Mặc dù phải chịu nằm trong sự kềm kẹp của hàng rào, lô cốt tháp canh ở Long Hương, Lạc Trị, ga Sông Lòng Sông, nhưng tinh thần của nhân dân vẫn hướng theo cách mạng, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đến đầu năm 1951 nhân dân Tuy Phong hầu hết nằm trong 3 khu tập trung với sự kiểm soát chặt chẽ của hệ thống lô cốt, tháp canh, hàng rào kẽm gai và chính quyền thực dân hung bạo. Bộ máy ngục quyền cơ sở cũng được thiết lập, dịch đưa những tên đầu hàng, chiêu hồi, những tên sĩ quan ác ôn vào nắm chính quyền, bọn này là công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình thôn tính và bóc lột nhân dân ta.

Trong các khu tập trung, địch tăng cường củng cố hội đồng hương chính, tuyên truyền cho sức mạnh của Pháp, của chính quyền bù nhìn Bảo Đại. Ra sức nói xấu cách mạng, nói xấu Đảng ta, chia rẽ đồng bào các dân tộc Kinh, Chăm, Rắc Lây, tổ chức chiêu hồi, phát triển con tin gián điệp để nhằm làm cho tinh thần đấu tranh của quần chúng ngày một suy yếu dần. Để tạo ra không khí thái bình cho dân chúng, địch cho tổ chức Hội chợ, Hội thể thao, Hội văn nghệ...

Về kinh tế : chúng tăng cường bao vây kinh tế ta, đánh phá chợ kháng chiến ở Long Thạnh (đến tháng 1-1951 chợ ngừng hoạt động). Giá đồng bạc Việt Nam và tín phiếu ngày càng sụt giá, tháng 1-1951, một đồng Đông Dương bằng 30 đồng Việt Nam và bằng 100 đồng tín phiếu, đến tháng 4 năm 1951, một đồng Đông Dương bằng 100 đồng Việt Nam và bằng 400 đồng tín phiếu. Địch tăng cường cần quét đốt phá mùa màng, bắt trâu bò về nhốt ở đồn Long Hương, làm cho đời sống của nhân dân ngày một bản cùng hóa. Ở Phan Rí Cửa chúng cấm biển, cấm chợ. Ở Tuy Phong đốt lưới, bắn chìm ghe thuyền ngoài biển Long Hương, Bình Thạnh. Đặt Bình Thạnh là vùng cấm địa không cho nhân dân qua lại làm ăn. Sở nước suối, sở thuốc lá MIC Vinh Hảo ngừng hoạt

động. Địch đánh nặng các thứ thuế môn bài, thuế muối, thuế nước mắm và còn đặt ra nhiều thứ thuế mới như thuế hạt dưa... Các cuộc càn quét, bắn giết, cướp phá tài sản, làm cho nhiều gia đình không còn nghề để làm ăn, một số đồng bào Duồng phải chuyển ra vùng Bàu Khoai sinh sống.

Cuối năm 1949 đến đầu năm 1951, tình hình cách mạng Tuy Phong gặp nhiều khó khăn do kế hoạch bình định của Pháp. Địch đánh phá ác liệt các khu dân cư, bần đạp, rừng núi nghi có lực lượng ta hoạt động. Lúc này các cơ quan huyện, xã ở xa dân nên rất khó khăn trong chỉ đạo và giáo dục quần chúng. Đời sống của anh em ta ở vùng căn cứ ngày một kham khổ, có một số cán bộ dao động chạy về đầu hàng giặc, gây cho ta nhiều trở ngại trong việc nắm dân, bám cơ sở, làm cho lòng dân có phần hoang mang. Bởi những người đó mới đây được dân đùm bọc, nuôi nấng, không sợ hy sinh gian khổ để bảo vệ, nay phản bội, trở thành kẻ thù gian ác giết hại đồng bào, bắt họ tra tấn, tù đày ở trong các nhà tù Hòa Đa, Phan Thiết hay Côn Đảo xa xôi.

Đứng trước tình hình khó khăn ấy, để củng cố lại tổ chức Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quần chúng trong lúc cam go này. Tháng 10-1950, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình

Thuận, Huyện ủy Tuy Phong tổ chức Hội nghị Huyện ủy mở rộng, địa điểm tại Bình Thạnh. Hội nghị bầu lại Ban chấp hành thành phần gồm :

- Đồng chí Hồ Viết Hách - bí thư huyện ủy, kiêm chính trị viên huyện đội.

- Đồng chí Lê Bá Độ - phó bí thư.

- Đồng chí Phạm Quỳnh Đồng - ủy viên thường vụ, kiêm chủ tịch Ủy ban kháng hành huyện (tháng 11-1950, đồng chí Phạm Quỳnh Đồng chuyển về tỉnh, đồng chí Đoàn Quang ra thay, bổ sung vào huyện ủy).

- Đồng chí Nguyễn Chay - ủy viên thường vụ phụ trách dân vận.

- Nguyễn Chính - ủy viên thường vụ phụ trách quân sự. Và các ủy viên Ban chấp hành gồm : Trần Hiền, Nguyễn Thanh Chặt, Dương Thị, Bành Khải Tánh...

Tiếp thu sự chỉ đạo của Khu ủy, Tỉnh ủy Bình Thuận, Hội nghị đề ra chủ trương, nhiệm vụ mới là :

- Tập trung sức lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống địch đồn dân rào làng, phá khu tập trung.

- Xây dựng vùng ta thành căn cứ vững chắc, đặc biệt xây dựng Bình Thạnh thành căn cứ đứng chân của huyện.

- Tăng cường công tác kinh tế, tài chính, tiếp tế, vận động phong trào tăng gia sản xuất ở vùng ta và vận động vùng địch hậu đóng góp nhân tài vật lực. Trước mắt coi trọng bảo vệ mùa màng, củng cố Đảng, xây dựng đoàn kết nội bộ từ huyện ủy cho đến các chi bộ và coi trọng việc phát triển Đảng, củng cố các đội võ trang công tác...

Hội nghị diễn ra trong bối cảnh, nhân dân hầu hết bị địch dồn vào các khu tập trung, chính quyền ta đã chuyển ra ngoài, nằm ở các căn cứ lỏm, xa dân, nên việc chỉ đạo phong trào bên trong gặp nhiều khó khăn. Đời sống cán bộ, du kích thiếu thốn lại thường xuyên bị địch đột kích đánh phá. Trước tình hình ấy, các chủ trương nhiệm vụ mới của Đảng bộ huyện đề ra, có một tầm quan trọng trong chỉ đạo phong trào đấu tranh lúc này.

Được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bình Thuận, trực tiếp là Ban cán sự Bắc Bình Thuận, ⁽¹⁾ Huyện đảng

(1) Để chỉ đạo sát 3 huyện : Hòa Đa, Phan Lý, Tuy Phong tỉnh thành lập Ban cán sự Đảng do đồng chí Nguyễn Tu phụ trách.

bộ tiếp tục chỉ đạo tiến hành xây dựng căn cứ làm chỗ đứng chân cho các cơ quan huyện, xã bám trụ hoạt động ở Bình Thạnh và ở huyện Hòa Đa có các khu căn cứ lỏm của các xã Bình Phong (Phan Rí Cửa), Hòa Tiến (Hòa Minh, Chí Công), làm chỗ dựa để xây dựng thực lực cách mạng, phát triển lực lượng. Hai huyện đều đẩy mạnh đào hầm bí mật (ở Bình Thạnh ngoài hầm bí mật còn xây dựng hầm chiến đấu) ở căn cứ, đồng thời phát triển ra các bàn đạp như Cát Bay, Gộp... và trong các vùng địch hậu.

Về quân sự, coi trọng phát triển du kích tập trung huyện, tiến tới thành lập bộ đội địa phương và xây dựng lực lượng du kích các xã. Tổ chức nhiều tổ công tác đi vào hoạt động trong các vùng địch hậu : Phan Rí Cửa, Chí Công, Long Hương, Lạc Trị để bám dân, xây dựng cơ sở mật, củng cố lại phong trào đấu tranh của quần chúng. Chi bộ đảng cơ sở ở các xã đều hoạt động tích cực, len lỏi vào bên trong bám dân chỉ đạo, phát triển thực lực. Lấy phương châm hoạt động : Xây dựng vùng địch hậu và phát triển vùng du kích là chính. Vận động nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm tiếp tế ra bên ngoài.

Để chống kế hoạch bình định, ta tổ chức các cuộc đột nhập vào các khu tập trung, thực hiện

diệt ác, phá tề, tuyên truyền, vận động, tổ chức meeting, treo băng cờ thu được kết quả. Trong dịch hậu nổi lên phong trào chống dôn dân, dôn làng bằng cách dân thực hiện theo chủ trương của ta giãn ra các vành đai Cát Bay, Long Thạnh, Bàu Khoai sinh sống, để lực lượng cách mạng có điều kiện làm bàn đạp tiến vào bên trong hoạt động. Các nơi này ta lập chợ kháng chiến cho nhân dân mua bán, như chợ kháng chiến Long Thạnh... các chợ đều tiêu dùng đồng bạc Cụ Hồ, tín phiếu. Ở Chí Công, trung đội du kích tập trung huyện Hòa Đa phối hợp với xã đội, ngày 20-1-1950 đột kích vào thôn Hà Thủy, bắt toàn bộ hội tề đưa ra ngoài giáo dục rồi thả về. Trung đội du kích tập trung huyện Tuy Phong thường xuyên vào Long Hương vận động, mở meeting tuyên truyền. Nhân dân Phan Rí Cửa hưởng ứng chủ trương của ta, bỏ khu tập trung ra ngoài làm ăn, bất chấp sự khủng bố của kẻ thù (cuối năm 1949).

Để hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của các huyện Bắc Bình Thuận, tỉnh chủ trương mở chiến dịch Hè với mật danh "BTN".

Tham gia chiến dịch "BTN" gồm bộ đội chủ lực tỉnh, lực lượng du kích địa phương Hòa Đa, Tuy Phong, do đồng chí Nguyễn Minh Châu phụ trách,

lấy đồn Quân vụ Duông làm trận mở màn cho chiến dịch. Sau khi nắm tình hình, vẽ sơ đồ, chuẩn bị chu đáo, đồng chí Trương Văn Ly được giao nhiệm vụ chỉ huy trận đánh "kỳ tập" vào đồn quân vụ.

Đúng 5 giờ 30 sáng ngày 25-7-1950, một tiểu đội cải trang thành phụ nữ, do đồng chí Cam trung đội trưởng phụ trách. Sau khi được chị Nguyễn Thị Vị cơ sở chỉ đường, như bao người đi chợ khác "chị em" gánh hàng đi xuống chợ Duông. Đến cửa đồn Quân vụ chị em gánh hàng xuống cho địch kiểm soát. Bất ngờ 13 đồng chí cầm tiểu liên, nhanh chóng đột kích vào đồn, tên lính gác hoảng hốt bỏ chạy, qua 15 phút chiến đấu, ta làm chủ hoàn toàn đồn quân vụ, tiêu diệt 1 đại đội địch, tên đồn trưởng đội Hiến đến nợ máu. Nhân dân Chí Công phấn khởi đưa củi, tàu dừa kéo lên đồn cùng với bộ đội thiêu hủy đồn quân vụ. Chiến dịch "BTN" tiếp diễn, ngày 28-7-1950 du kích huyện Hòa Đa, Tuy Phong phối hợp với quân chủ lực chiến đấu đánh tan đồn bang tá Duông và 6 tua gác còn lại, tên bang tá Phong bị ta tiêu diệt. Toàn bộ hệ thống đồn bót ở Duông chỉ trong vòng 4 ngày bị ta quét sạch. Chiến thắng đồn Duông làm cho nhân dân Tuy Phong, Hòa Đa cũng như nhân dân Bình Thuận rất vui mừng, phấn khởi. Đó là kết quả của sự chỉ đạo đúng đắn của Đảng ta,

tinh thần đoàn kết toàn dân, huy động sức người, sức của phục vụ cho chiến dịch. Thắng lợi đó thể hiện ý chí kiên cường, tinh thần quật khởi của quân và dân trong huyện. Đồng thời có sự đóng góp đáng kể về lương thực, thực phẩm, di dân công, tải đạn của đồng bào ở các vùng địch hậu.

Chiến thắng đồn Duồng cùng với chiến thắng ở Lương Sơn trong hè năm 1950 làm thay đổi kế hoạch bình định của địch trên chiến trường Bình Thuận. Chúng dừng bình định, chiêu an ở Hàm Thuận, di chuyển quân từ phía Nam ra Bắc Bình Thuận để củng cố, xây dựng công sự, giữ các khu tập trung. Đồng thời điều động quân từ Sài Gòn ra, rút 300 lính Lê Dương từ Nha Trang đưa vào để đối phó và củng cố tinh thần nguy quân, nguy quyền đang hoang mang dao động. Chúng tiếp tục càn quét dồn hết dân còn lại nằm rải rác bên ngoài vào các khu tập trung của chúng. Hoạt động lùng bố, giết chóc đồng bào ta ngày càng tăng hơn, nhất là hoạt động của bọn lính Commăngđô. Các cuộc hành quân lưu động kéo dài khoảng 10 ngày, nửa tháng lên các vùng rừng núi, ruộng rẫy từ Phú Diễn, Nha Mè, Trại Lưới, Bình Thạnh đến Vĩnh Hảo. Nhiều đồng bào và cán bộ ta bị chúng giết hại.

Sau thất bại trong chiến dịch Hè, địch huy động lực lượng càn quét, khủng bố dã man đồng bào

ta. Nhưng với hành động đó, chúng không làm giảm các hoạt động kháng chiến của nhân dân.

Cuối năm 1950, tổ binh địch vận của huyện cùng với Huyện đội Tuy Phong phối hợp vận động bọn lính bót cầu 15 lấy ra được 3 khẩu súng. Địch dùng hải thuyền bắn vào căn cứ ta ở Bình Thạnh bị lực lượng ta bắn trả, địch hốt hoảng tháo chạy, 1 tên rơi xuống nước bị ta bắt sống.

Lực lượng quân sự địa phương được tôi luyện qua khói lửa chiến tranh, ngày một trưởng thành và phát triển. Vũ khí ban đầu chỉ vài cây súng, qua đánh địch lấy súng địch tự trang bị cho mình. Từ đánh nhỏ nay có khả năng tổ chức những trận đánh lớn, tạo phần khởi cho phong trào đấu tranh bên trong của quần chúng. Một niềm vinh dự cho lực lượng vũ trang, ngày 20-12-1950, bộ đội địa phương huyện Tuy Phong thành lập. Đơn vị tổ chức lễ ra mắt tại Cát Bay. Ban chỉ huy bộ đội địa phương gồm các đồng chí : Hồ Tôn Nam đại đội trưởng, Nguyễn Thanh Đức đại đội phó, Lê Chặt chính trị viên. Đơn vị mới thành lập, bước ngay vào hoạt động, tham gia chiến dịch Đông xuân 1950 -1951. Được sự lãnh đạo của Đảng bộ địa phương, cùng với các ban ngành, hơn 2/3 lực lượng mạnh của đại đội ra đồng bảo vệ dân xay lúa, làm gạo để phục vụ cho chiến dịch Đông xuân của ta mở ra ở Ninh Thuận.

Cuối tháng 12 đầu tháng 1 năm 1951, trong lúc ta tập trung gần 300 dân công tại vùng giữa Cửa Súc và Vinh Hảo đang xay giã lúa và đang tải gạo lên dốc 50, thì địch phát hiện được. Chúng dùng nhiều cánh quân bao vây đánh phá : quân địch ở Hòa Đa, Tuy Phong phối hợp tập trung thành 1 tiểu đoàn đánh từ núi Tàu ra Cửa Súc và một cánh theo đường biển từ Long Phước đánh ra Đầm Thộc tiến luôn ra Cửa Súc. Cánh quân của Ninh Thuận có hơn 1 đại đội dùng 10 xe chở quân cắt từ Sân Tàu đánh xuống xóm cũ Vinh Hảo. Trước thế mạnh bao vây nhiều mặt của địch, lực lượng ta nhanh chóng cất giấu, ngụy trang lúa gạo và phân tán lực lượng bộ đội ra nhiều tổ đánh địch kéo địch về hướng mình, để bảo vệ cho dân công rút đi vào chân núi Ông Thủ an toàn. Tuy trận chống càn không diệt được nhiều địch nhưng nó thể hiện sự mưu trí của bộ đội địa phương, tinh thần bảo vệ dân công, bảo đảm bí mật phục vụ chiến dịch của cấp trên để ra. Sau trận chống càn bảo vệ dân, bộ đội địa phương lại tập trung sức cho công tác bảo vệ mùa màng.

Trong chiến dịch Đông Xuân 1950 - 1951, địch kết hợp chặt chẽ giữa các hoạt động càn quét, chiêu an, cướp phá mùa màng. Chúng tập trung lực lượng càn quét cướp lúa liên miên ở cánh

đồng lúa sớm Lạc Trị, Long Phước và đánh vào khu vực Vĩnh Hảo nơi ta đang tập trung lực lượng chuẩn bị cho chiến dịch Đông xuân ở Ninh Thuận.

Tình hình ngày một khó khăn, Tỉnh ủy chuyển hướng chỉ đạo, động viên toàn đảng huy động lực lượng bảo vệ mùa màng. Các đơn vị cơ quan của Ninh Thuận, Lâm Đồng, E.812 đang đứng chân ở Bình Thuận đều tăng cường phục vụ chiến dịch. Ninh Thuận điều vào Tuy Phong 1 trung đội bộ đội địa phương và 50 dân công để hỗ trợ cho công tác bảo vệ mùa màng ở đây.

Huyện Đảng bộ Tuy Phong động viên toàn Đảng, toàn dân tích cực tham gia giữ lúa, huy động 1 lực lượng lớn 8.700 công phục vụ chiến dịch và bổ sung vào các Ban gặt lúa xung phong, Ban vận tải xung phong của huyện. Với chủ trương, kế hoạch đúng đắn sát với thực tế, hợp với lòng dân, nên thu được kết quả. Quá trình ta chuẩn bị khẩn trương cũng là lúc địch tăng cường càn quét, khủng bố : Giữa ta và địch đã diễn ra nhiều trận đánh quyết liệt trên cánh đồng lúa sớm Long Phước, Lạc Trị.

Trước phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển mạnh, bọn địch thấy rằng : Bình Thạnh là một cái gai cần phải nhổ đi, phá tan căn cứ Cộng sản này tình hình mới yên ổn được.

Sau một thời gian thả gián điệp dò la tin tức, nắm được tình hình hãm chiến đấu Bình Thạnh không có lực lượng bảo vệ và chúng chuẩn bị kế hoạch đánh vào khu căn cứ kháng chiến này của ta.

Ngày 21-1-1951, sau khi nhận được tin của quân báo, địch sẽ càn vào Bình Thạnh, các đồng chí lãnh đạo đang ở lại Bình Thạnh gồm : Hồ Viết Hách, bí thư huyện ủy kiêm chính trị viên huyện đội, đồng chí Dương Quang Thái trưởng ban quân sự huyện, đồng chí Uẩn tham mưu phó trung đoàn 812, đã họp bàn kế hoạch đối phó và gấp rút chuyển lực lượng dân công, thương bệnh binh đến đồi Ông Bang tránh lánh giữ gìn lực lượng. Ngày hôm đó, không thấy địch càn, lực lượng ta ở đồi Ông Bang trở về Bình Thạnh làm việc bình thường.

Ngày 22-1-1951, huyện lại nhận được tin địch chuẩn bị càn Bình Thạnh, lúc này ta không chuyển đi nữa mà trụ lại, bố trí lực lượng chiến đấu. Bộ đội địa phương huyện lúc này hầu hết tập trung về Vinh Hảo, Long Phước tham gia bảo vệ mùa màng, ở lại căn cứ chỉ còn một tiểu đội cùng với số dân công, thương bệnh binh và một số anh em cơ quan huyện và du kích xã.

Ngày 23-1-1951, địch tập trung gần 1 trung đoàn, đa phần là lính Âu - Phi đánh vào hầm chiến đấu Bình Thạnh. Lực lượng ta chỉ còn một tiểu đội trực tiếp chiến đấu, cùng với số anh em bệnh binh tham gia chống càn. Do lực lượng không cân sức, ta vừa đánh vừa rút vào hầm tổ chức chiến đấu, nhưng lực lượng của địch đông áp đảo đã bao vây phá các cửa hầm do một số tên đầu hàng chỉ điểm khai báo, ta bị tổn thất, một số cán bộ, chiến sĩ tìm cách phá ngách vượt ra khỏi vòng vây của địch. Hầm chiến đấu Bình Thạnh bị vỡ, 7 đồng chí bị địch bắn chết và hàng chục cán bộ, chiến sĩ, dân công bị bắt đưa về đồn Hòa Đa tra khảo, đánh đập dã man. Cơ quan huyện có tổn thất, nhưng các đồng chí lãnh đạo chủ chốt không bị bắt, giấy tờ tài liệu không bị địch lấy là nhờ các đồng chí nằm ở nhiều hầm bí mật lẻ tẻ trong nhà dân bỏ trống. Sau trận càn của địch, cơ quan huyện rút lên Bá Ra để củng cố lại thực lực. Địch tiếp tục các hoạt động khủng bố, dồn hết dân Bình Thạnh vào khu tập trung Long Hương.

Ngày 20 và 21-2-1951, địch huy động lực lượng gần một trung đoàn phần đông là lính Lê Dương và lính Thượng càn qua vùng Cát Bay với chủ trương "đốt sạch, phá sạch, giết sạch". Du kích xã Đoàn Kết (Bình Thạnh, Long Hương) tổ chức chặn đánh, nhưng do địch đông lại bị đánh tập

hậu, nên ta rút. Chúng tràn vào xóm Cát Bay, thực hiện chính sách "tam quang", không trừ một hành động man rợ nào, thẳng tay bắn giết người già, trẻ thơ, phụ nữ có thai, người tàn tật... giết hết trâu, bò, heo, gà, đốt sạch nhà cửa. Chúng xé trẻ em ném vào lửa, có những cháu 5 - 6 tháng tuổi chúng dõ lên cao rồi hứng lưỡi lê xuyên thủng, hãm hiếp phụ nữ rồi bắn ngay tại chỗ, có những chị còn nằm trên giường để chúng lao vào hãm hiếp xong bắn chết, châm lửa đốt luôn nhà. Chúng vừa giết người, đốt nhà vừa uống rượu, càng hùng hổ như con ác thú mặt người. Có những hình ảnh thật thương tâm : người mẹ bị địch bắn chết, lỗ đạn trên ngực máu đầm đìa, bên cạnh đứa con còn ôm mẹ bú. Nhiều gia đình bị chúng giết sạch : gia đình anh Năm Chính bị giết 7 người, gia đình anh Tám Tôn có 16 người bị chúng giết sạch... xác người, xác súc vật nằm la liệt, hoa màu chúng cào bới, phá tan hoang, trong các bụi rậm, hàng rãnh bọn lính tổ chức xăm hãm tìm nơi trú ẩn của cán bộ, du kích, tìm chỗ cất giấu tài sản của dân.

Đêm đó, địch đóng lại từng cụm sát bên các hàng keo ở đỉnh đồi, không dám lúng lúng, một đại đội khác đóng ở mũi La Gàn. Hôm sau chúng sục sạo các hang đá ở mũi La Gàn bắn, cất cố nhiều đồng bào ta đang ẩn nấp ở đây. Rồi chúng càn lại vùng Cát Bay một lần nữa, mới rút

về Long Hương. Xóm Cát Bay đêm đó tràn ngập mùi tử khí, u uất, hận thù quân xâm lược khát máu, dã man.

Trận tàn sát Cát Bay giặc Pháp đã giết hại 178 người và làm bị thương trên 50 người khác. Nhà nào cũng có người chết và bị thương. Chúng đốt hơn 200 nóc nhà, giết hàng trăm trâu bò và dồn số đồng bào còn sống sót ở các thôn xung quanh như Gộp, Long Thạnh về lại Long Hương.

Vì căm thù giặc dày xéo quê hương, không can tâm cúi đầu làm nô lệ, nhân dân Cát Bay (Bình Thạnh) kiên quyết bất hợp tác với địch, nghe theo tiếng gọi của Đảng đã anh dũng hy sinh cho nền độc lập nước nhà. Tinh thần kháng chiến và sự hy sinh lớn lao ấy của đồng bào Cát Bay mãi mãi được ghi vào trang sử vàng chói lọi của quê hương, đất nước.

Để trả thù cho đồng bào Cát Bay, biết được âm mưu càn quét đồng ruộng, phá các kho tàng cất giấu lúa của ta. Đêm 24 rạng ngày 25-2-1951, bộ đội địa phương huyện Tuy Phong bố trí hai trung đội do đồng chí Nguyễn Thanh Đức, Hồ Tôn Nam chỉ huy phục kích đánh địch tại cầu Mương Lo (trục quốc lộ 1). Lúc 2 giờ sáng ngày 25-2-1951, địch dùng hai đại đội Lê Dương do tên quan ba chỉ huy tổ chức càn ra đồng ruộng, lọt vào ổ phục

kích của ta. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt, kết quả ta diệt được 29 tên, trong đó có một tên quan ba, ta hy sinh 2 đồng chí và 1 đồng chí bị thương.

Sau cuộc tàn sát Cát Bay, địch tăng cường càn quét vào các khu du kích của ta ở Hòa Đa, Tuy Phong, nhiều cuộc đổ vỡ cơ sở ta ở vùng địch hậu Long Phước, Phan Rí Cửa... làm cho phong trào cách mạng địa phương đi xuống dần.

Đứng trước tình hình đó, Ban cán sự Bắc Bình Thuận nhận thấy rằng : phong trào cách mạng ở ba huyện Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý Chàm lúc này gặp khó khăn, nhân dân hầu hết nằm trong các khu tập trung bị địch kiểm soát gắt gao. Chính quyền ta không nắm được dân, nên sự liên hệ giáo dục chưa được thường xuyên. Cán bộ lãnh đạo ở huyện và xã đều thiếu, làm cho công tác tổ chức, công tác chỉ đạo phong trào khó khăn, thiếu kịp thời. Tình thế cách mạng bây giờ vẫn đầy mạnh phong trào du kích chiến tranh nhưng chuyển phương thức, phương châm hoạt động vùng tạm bị chiếm. Vì vậy, cần phải thống nhất 3 huyện phía Bắc để có đủ lực lượng mà tổ chức kháng chiến, có sự chỉ đạo tập trung theo phương thức mới, trong điều kiện ta tạm thời mất dân.

Đồng chí Nguyễn Tu phụ trách Ban cán sự Bắc Bình Thuận đã đề nghị lên Tỉnh ủy và Tỉnh ủy

thấy được tình hình các huyện phía bắc cần phải tổ chức củng cố lại, để tăng cường chỉ đạo của Đảng trong tình hình cách mạng đang gặp khó khăn.

Tháng 3-1951, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng đề ra các chủ trương để giải quyết tình hình khó khăn và nhiều cán bộ được đưa về xã hoạt động. Tỉnh ủy quyết định sát nhập 3 huyện : Hòa Đa, Tuy Phong, Phan Lý Châm thành huyện Bắc Bình cho phù hợp với việc chỉ đạo ở vùng tạm bị chiếm. Chiến khu mới của huyện đóng ở Dốc Găng thuộc Khu Lê Hồng Phong. Đồng chí Kiều Hoàng làm bí thư huyện ủy, đồng chí Hồ Viết Hách phó bí thư.

IV - THỜI KỲ PHONG TRÀO CÁCH MẠNG HUYỆN BẮC BÌNH TẠM THỜI LẮNG XUỐNG (1951 - 1952)

Sau những thất bại trên chiến trường Bắc bộ, địch đi vào thế bị động đối phó, ta chuyển sang thế tấn công địch về mặt chiến lược. Phong trào cách mạng phát triển rộng khắp trong toàn quốc, nhất là sau chiến thắng giòn giả của ta trong các chiến dịch biên giới năm 1950... Pháp muốn giành lại thế chủ động trong lúc tình hình quân sự, chính trị và kinh tế đang bị suy yếu.

Năm 1951, trên chiến trường Liên khu V, thực dân Pháp đẩy mạnh binh định theo hình thức :

Dồn dân, chiêu an, lập ổ võ trang của chính sách "dùng người Việt đánh người Việt, lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" trong điều kiện lực lượng địch trong cả nước nhìn chung đã suy yếu về mọi mặt. Riêng ở Bình Thuận địch tương đối còn mạnh hơn ta. Huyện Tuy Phong, Hòa Đa, Phan Lý Châm cuối năm 1949 đến đầu năm 1951, địch đẩy mạnh chính sách bình định lên thành quốc sách, điều linh quốc gia được qua thử nghiệm ở Ninh Thuận vào Bình Thuận thực hiện kế hoạch bình định ở đây.

Đầu năm 1951 ở chiến trường Bình Thuận, địch điều thêm 11 B VBD (Việt binh đoàn) ở Huế và đại đội số 2 ở Nha Trang vào tăng cường cho Bình Thuận. Trong mùa lúa chín, điều thêm 2C từ Ninh Thuận vào càn quét cướp cánh đồng lúa Long Phước, Lạc Trị, đồng thời đẩy mạnh dồn dân chiêu an ở Hàm Thuận.

Huyện Bắc Bình (Tuy Phong - Hòa Đa - Phan Lý Châm) từ lúc liên huyện đến cuối năm 1952, là thời kỳ phong trào cách mạng đang gặp khó khăn nhất, cán bộ nằm ở các khu căn cứ thiếu sự tiếp tế, không liên lạc được với cơ sở bên trong hoặc liên lạc khó khăn.

Địch tiếp tục củng cố, càn quét, chiêu an, kềm kẹp chặt khu tập trung. Phương thức hoạt động

của địch có sự thay đổi trong tình hình tương quan so sánh lực lượng giữa ta và chúng. Chúng thành lập các đơn vị Biệt động đội hoạt động sâu vào nội địa ta, phục kích ngăn chặn các ngã đường, cắt đứt việc liên lạc, tiếp tế và sự tiếp cận của ta với cơ sở. Ở đồn quân vụ Phan Rí Cửa có 1C ứng chiến, mỗi khu tập trung đều có 1B lưu động. Khu tập trung Long Hương, Lạc Trị, Duồng ngoài bảo vệ, tuần tiễu bằng lực lượng biệt động đội, địch còn dùng 1B lưu động, 1C ứng chiến kiểm soát làm hàng rào ngăn chặn lực lượng ta đột nhập từ bên ngoài vào khu đồn dân.

Chủ trương của địch : Đẩy mạnh xây dựng phòng tuyến, tăng cường bắt lính (từ ngày 1-8 - 2-8-1952 địch bắt 531 lính mới ở Bắc Bình), rào thêm các khu địch hậu. Bên ngoài tập trung lực lượng cướp phá mùa màng, mở nhiều cuộc càn quét đánh phá vào căn cứ và hành lang Miền Tây. Tổ chức Hải thuyền vũ trang phong tỏa mặt biển, dùng máy bay oanh tạc trở lại vào các khu đông dân. Bên trong ra sức phát triển tế điệp dò la tin tức, kiện toàn chính quyền bù nhìn, củng cố hội tế cùng với việc nâng cao uy tín của Bảo Đại, rây ra trong dân chúng, ngụ quân, ngụ quyền một lý tưởng quốc gia giả hiệu.

Tuy nhiên, chiến trường toàn quốc ta đã chuyển sang thế phản công, song trong từng vùng ở Bắc Bình chúng vẫn giữ được ưu thế. Các đơn vị biệt động đội thường xuyên luôn sâu vào rừng núi đánh phá các căn cứ lùm như Đá Chẹt (Vinh Hảo), Bình Tiến (Hòa Minh) và ngày 19-10-1951 tên Đức Û, Tạ Chi Lăng dẫn lính đột kích vào chiến khu Thái An (Khu Lê) bắn chết đồng chí Nguyễn Hy, Chủ tịch Ủy ban kháng hành huyện Bắc Bình. Bọn địch thường phục kích ven các bìa rừng Vinh Hảo, Lạc Trị, Chí Công gây cho ta nhiều trở ngại và tổn thất trong hoạt động bám cơ sở. Các đồng chí trong Ban cán sự Bình Phú Hải (Tuy Phong), Bình Minh (Chí Công), Bình Tiến... vào địch hậu xây dựng cơ sở, nhận tiếp tế của đồng bào gửi ra, bị địch phục kích bắn chết. Ngày 2-9-1951, địch bắn chết đồng chí Nguyễn Hòa cán bộ xã Bình Minh (Chí Công), năm 1952 địch bắn chết đồng chí Nguyễn Thông ở dốc Nhỏ Long Hương... Các ban cán sự đứng chân ngoài căn cứ, còn gặp nhiều thiếu thốn, cơm không đủ ăn, nước không đủ uống, phải hái lá rau rừng, đào củ, mò cua, bắt ốc để sinh sống. Đang lúc ta gặp khó khăn về kinh tế, trong Đông xuân 1951 - 1952, địch tăng cường cướp các đồng lúa Hòa Đa, Tuy Phong làm cho ta không kịp chuyển lượm

để đối phó với âm mưu này, 50% lúa bị địch cướp đưa về đồn.

Ở miền Tây Bắc Bình, nơi tương đối an toàn của ta, nay địch tập trung đánh mạnh nhằm tạo ra hành lang ngăn cắt giữa Lâm Đồng và Bình Thuận, khống chế mặt phía Tây của ta. Trong 7 ngày, từ 21 đến 27-2-1952 chúng điều động 2C phối hợp ở Hòa Đa, Tuy Phong càn quét lên hai xã miền Tây Xu-xăng-ta-mau (Rousantamau), Oanta-líp (Oantalip) của huyện Bắc Bình dồn 300 dân về M'lon (Lâm Đồng) và 150 dân ở Bình Sơn về Sông Lòng Sông, còn một số chạy vào rừng trốn tránh sống bất hợp tác với địch. Các vùng đông dân cư ở Phan Rí Cửa, Long Hương bị máy bay ném bom, bọn chiêu hồi rắp tâm làm tay sai cho Pháp quay lại đánh phá cách mạng, gây nhiều nợ máu đối với nhân dân ta, như các tên Tạ Chi Lăng, Nguyễn Đức... ngày đêm rình rập cùng với bọn ác ôn Ách Đông (Nguyễn Đông), đội Hùng, đội Quốc truy tìm đánh phá cơ sở, càng làm cho lửa căm thù của nhân dân Tuy Phong sục sôi, chờ cơ hội vùng lên giết bọn thực dân và bọn tay sai khát máu.

Tình hình cách mạng khó khăn hơn bao giờ hết, Tỉnh ủy Bình Thuận đề ra chủ trương, nhiệm vụ đáp ứng đúng với thời kỳ cách mạng đang

đòi hỏi là chuyển hướng công tác vùng tạm bị chiếm theo phương châm dân vận trước hết và kiên trì vận động quần chúng. Các vùng tạm bị chiếm hoạt động theo phương thức vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng dần dần phát triển mạnh ra, tiến lên đấu tranh phá các khu tập trung của địch. Xây dựng cơ sở chính trị, tiến lên xây dựng cơ sở dân quân du kích, phối hợp hoạt động bí mật với hoạt động công khai hợp pháp, phát triển chiến tranh du kích sâu rộng, lãnh đạo nhân dân từng bước đấu tranh từ thấp lên cao.

Để tăng cường hơn nữa sức chiến đấu của Đảng, tỉnh thành lập đoàn đi xây dựng Chi bộ tự động công tác về các huyện với nhiệm vụ : Hướng dẫn giúp đỡ các chi bộ học tập tự phê bình căn cứ vào điều lệ, nhiệm vụ của Đảng mà củng cố lập trường chiến đấu, tăng cường đoàn kết nội bộ, bám sát lãnh đạo quần chúng. Đưa những quần chúng ưu tú vào Đảng kết hợp loại trừ những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng, thực hiện cuộc vận động chỉnh Đảng của Trung ương.

Bộ máy lãnh đạo, tổ chức gọn nhẹ có chất lượng bảo đảm được yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của chiến trường. Càng xuống dưới càng đơn giản để hợp khả năng đóng góp của nhân dân.

Tiếp thu quan điểm mới của trên, nhiệm vụ trọng tâm của huyện lúc này là : Tập trung sức chỉ đạo công tác vùng tạm bị chiếm theo phương thức mới, xây dựng chi bộ tự động công tác cho phù hợp với tình hình vùng địch hậu. Cụ thể làm sao xây dựng được cơ sở mật bên trong, tạo điều kiện càng sớm càng tốt phá cho được khu tập trung của địch, từng bước tuyên truyền giáo dục quần chúng đấu tranh giải phóng vùng vành đai. Vì vậy, vấn đề xây dựng cơ sở mật bên trong để chuẩn bị phá khu tập trung là một yêu cầu rất lớn và quan trọng.

Huyện ủy tiến hành cải tổ bộ máy cho gọn nhẹ, tập trung củng cố, xây dựng Đảng, nhất là coi trọng việc củng cố, xây dựng tổ chức Đảng ở các xã. Tổ chức đi xây dựng những chi bộ tự động công tác để tăng cường hơn nữa sự chỉ đạo của Đảng. Phương thức, phương châm công tác bây giờ thay đổi do địch dồn hết dân vào trong các khu tập trung.

Huyện chủ trương chia lại đơn vị hành chính cho phù hợp với tình hình ta tạm thời mất dân và tăng cường sự chỉ đạo của các Ban cán sự : xã Hòa Tiến tách thành 2 xã Bình Minh (Chí Công) và Bình Tiến (Hòa Minh), xã Bình Phong (Phan Rí Cửa) giữ nguyên. Huyện Tuy Phong cũ chia thành

3 xã : Bình Phú (gồm Long Hương, Bình Thạnh, Bình Hòa), Bình Hải (gồm Vinh Hảo, Long Phước, Đại Hòa), Bình Điền (gồm Lạc Trị, Tuy Tịnh, Càng Rang).

Các xã đều thực hiện tinh giảm bộ máy công tác cho gọn nhẹ, đưa một số đồng chí vào bộ đội, một số đi tăng gia sản xuất, còn lại thống nhất tất cả bộ máy chính quyền, các đoàn thể, lực lượng vũ trang và bán vũ trang thành những Đoàn cán bộ xây dựng (hay Ban cán sự) về phụ trách các xã, xây dựng lại cơ sở, gây dựng lại phong trào đấu tranh, sau một thời gian dài bị địch đánh phá ác liệt đã ngừng hoạt động.

Huyện ủy chuyển hướng chỉ đạo công tác, đã có một tác động lớn đối với phong trào cách mạng huyện Bắc Bình. Sự khéo léo, bí mật, bất ngờ trên cơ sở tổ chức gọn nhẹ, dần dần luồn sâu, bám rễ trong quần chúng ở các vùng địch hậu, củng cố lòng tin vào sự tất thắng của cách mạng trong lòng nhân dân vùng tạm bị chiếm Bắc Bình.

Các đồng chí cán bộ tinh tăng cường về cơ sở và cán bộ huyện đều thực hiện đi về cơ sở xây dựng chi bộ tự động công tác, trực tiếp chỉ đạo phong trào đấu tranh ở các xã : Đồng chí Vũ Châu cán bộ tinh và đồng chí Văn Chu huyện

ủy viên phụ trách Bình Phong (Phan Rí Cửa), đồng chí Lê Bá Độ thường vụ huyện ủy về phụ trách Bình Phú Hải, đồng chí Lê Liễu về phụ trách Bình Tiến (Hòa Minh), đồng chí Yên về phụ trách xã Bình Minh (Chí Công), đồng chí Lâm Gửi cán bộ tỉnh, Khê Bồi, Đặng Tú về phụ trách xã Bình Điền. Đối với miền núi huyện cử đồng chí Nguyễn Văn Kiện lên xây dựng phong trào ở xã Bình Sơn (đến đầu năm 1953 đồng chí Nguyễn Chay lên thay, đồng chí Kiên về Bình Phú Hải)... Các đồng chí Kiều Hoàng bí thư, đồng chí Hồ Viết Hách phó bí thư huyện ủy Bắc Bình tăng cường bám cơ sở chỉ đạo, các ban cán sự quyết tâm tiến sâu vào địch hậu, tuy gặp nhiều khó khăn, nhưng cũng tạo được chỗ dựa bên trong, qua các cơ sở cũ rồi loang rộng ra.

Thực dân Pháp không chế mạnh các chiến khu cách mạng của huyện và các chỗ đứng chân của Ban cán sự xã như : Khu Lê Hồng Phong và các căn cứ lỏm của các xã ở Đá Chẹt (Vinh Hảo), Bình Tiến (Hòa Minh), Bình Phong (Phan Rí Cửa), Bình Minh (Chí Công), Bình Điền (Lạc Trì, Tuy Phong)... bằng các cuộc đột kích, càn quét gây cho ta khó khăn trong công tác bám địch hậu, xây dựng cơ sở. Ban cán sự các xã : Bình Phú, Bình Điền, Bình Hải thường xuyên đi vào móc nối,

xây dựng cơ sở bên trong các khu tập trung Long Hương, Lạc Trị, Sông Lòng Sông gặp nhiều khó khăn do địch bao vây, kiểm soát chặt. Anh em ở ngoài căn cứ thiếu thốn lương thực, thực phẩm phải tự túc tăng gia sản xuất, vỡ hoang trồng khoai mì ở Vĩnh Hảo, Bình Thạnh, đào củ hái rau rừng ăn thay cơm mà bám địch chiến đấu. Có những đồng chí đã anh dũng hy sinh trên các vành đai hay trong lòng địch hậu, khi đi móc nối cơ sở. Các ban cán sự Bình Tiến, Bình Minh cũng cùng chung cảnh ngộ, bị địch bao vây đánh phá căn cứ nhiều lần, phải di chuyển nhiều nơi, trước khó khăn một số cán an, dao động chạy về đầu hàng giặc, trở thành những tên ác ôn, chỉ điểm.

Trong khó khăn và thử thách, phong trào cách mạng của nhân dân Tuy Phong lắng xuống, do các cuộc càn quét, tàn sát đẫm máu với chính sách "tam quang" của địch. Song trong lòng dân, ngọn lửa cách mạng vẫn âm ỉ cháy, vẫn ngày đêm dùm bọc, nuôi nấng những cán bộ trung kiên của Đảng trong hầm bí mật bám trụ hoạt động. Nhiều đồng chí ở các Ban cán sự lúc hoạt động bị địch bắt, tra tấn dã man vẫn giữ một lòng trung kiên với Đảng, không khai báo cơ sở để làm phương

hại đến phong trào, gây được lòng tin tưởng của nhân dân đối với cách mạng.

Mặc dù kẻ thù điên cuồng đánh phá, nhưng do có chủ trương kiên trì bám trụ, phối hợp giữa các hoạt động bên trong và bên ngoài, giữa liên hệ và móc nối, dần dần phong trào đấu tranh được khôi phục và phát triển trong những năm về sau. Từ hè năm 1951 trở đi, ta bắt đầu liên lạc được với cơ sở bên trong địch hậu. Ở Bình Phú ta móc nối xây dựng được 130 cơ sở, Bình Điền có 4 thôn trong 5 thôn cơ sở được xây dựng. Bình Hải ta tổ chức được 12 tổ cơ sở chính trị, chính quyền thôn được thành lập, 1/2 số cán bộ ủy ban đã vào nằm bên trong chỉ đạo. Xã Bình Minh, Bình Phú tổ chức được cơ sở Đảng bên trong, tập hợp quần chúng rộng rãi thành từng tổ tiếp tế, tổ binh vận. Tính chung toàn huyện Bắc Bình có trên 4.000 cơ sở chiếm khoảng 10% dân số. Nổi hơn cả là công tác xây dựng cơ sở ở xã Bình Phong (Phan Rí Cửa), 50% nhân dân có tổ chức, gần 100 dân quân nòng cốt và 13 du kích mật. Dân quân nòng cốt làm nhiệm vụ canh gác, trinh sát và bắt mối liên lạc, một số ít cơ sở có thể tác chiến bằng lựu đạn phối hợp với du kích đánh ở vòng ngoài. Số người sống ở vùng tự do không chịu nổi kham khổ đã bỏ về Phan Rí Cửa

làm ăn, chịu ảnh hưởng của phong trào đấu tranh chống địch ở đây, nên khi bị bắt vào lính, anh em thấy hối hận, đã tự động dùng lựu đạn giết chết 2 tên Bùi Xuân Diên và Lê Bá đại đội trưởng và đại đội phó, khi bọn này dẫn lính đi càn quét tên Nguyễn Văn Minh, một tên đầu hàng phần bội rất nguy hiểm, anh em còn giết chết tên đại đội trưởng người Chăm gian ác và tên Trưởng sở công an Nha Trang, thu một súng lục tặng cho Ủy ban xã Bình Phong. Nhân dân Bình Phong còn đấu tranh đòi địch kéo dài thời gian làm giấy cư trú, chống địch cướp cá, bắt lính...

Phong trào đấu tranh của nhân dân bên trong có một bước chuyển biến mới, do có chủ trương đúng dẫn tiến sâu vào địch hậu, nhân dân phần khởi tin tưởng, hăng hái đóng góp, ủng hộ sức người, sức của cho cách mạng. Đưa con em tham gia vào lực lượng vũ trang, dân quân du kích, đi dân công tải gạo. Trong mùa đông binh sĩ, đồng bào Chăm Lạc Trị ủng hộ hàng tấn gạo, 600 kg cá khô cho kháng chiến. Du kích Long Hương đưa 12 cối xay ra vùng Trại Xay Bình Thạnh và hàng trăm dân công đi xay lúa, tải gạo phục vụ cách mạng, vượt qua sự kiểm soát của địch, không sợ hy sinh, gian khổ. Phong trào đấu tranh chính trị bước đầu có tiến bộ nhân dân Vĩnh Hảo

đấu tranh không chịu treo cờ Pháp, không bán lương thực cho Pháp, nhân dân Bình Thạnh, Phan Rí Cửa đấu tranh đòi đi biển theo con nước, đấu tranh không mua vé số, chống bắt lính... Tiêu biểu là phong trào đấu tranh kỷ niệm ngày 1-5-1951 diễn ra rộng khắp trong toàn huyện từ Bình Phong (Phan Rí Cửa) cho đến Bình Phú Hải (Tuy Phong cũ). Mạnh nhất là ở Phan Rí Cửa, dưới sự chỉ đạo của Ban cán sự, lễ kỷ niệm tổ chức một cách công khai giữa vùng địch tạm chiếm. Nhân dân hưởng ứng đông đảo và có tấn công vũ trang giết chết hai tên cai binh của Pháp. Khí thế kỷ niệm sôi nổi và rầm rộ diễn ra trong nanh vuốt của kẻ thù làm cho địch có phần hoang mang. Thực dân Pháp phản ứng, bắn chết 2 đồng chí du kích đang làm nhiệm vụ. Ban cán sự thành nhanh chóng lãnh đạo đồng bào Phan Rí Cửa đấu tranh, 800 đồng bào đi đưa đám, an táng 2 đồng chí hy sinh vì sự nghiệp cách mạng, bằng hình thức công khai, hợp pháp giữa vùng địch hậu, thể hiện tinh thần yêu nước nồng nàn dù có hy sinh, gian khổ vẫn một lòng hướng theo cách mạng.

Dù ở trong vùng kềm kẹp của địch, nhân dân Phan Rí Cửa đã đùm bọc, che chở, nuôi giấu cán bộ ta hoạt động. Khi cán bộ ta bị địch bao vây,

hai chị Võ Thị Tập và Nguyễn Thị Ân đã sáng tạo ra một loại "hầm di động" bằng cách dùng giỏ đựng cá giấu cán bộ vào rồi khiêng đi vượt qua vòng lục soát của kẻ thù ra ngoài an toàn. Hình thức này đã giúp cho nhiều cán bộ ta thoát khỏi tay giặc, tiếp tục bám trụ lại hoạt động. Ban cán sự làm tốt công tác vận động quần chúng, nên phong trào phát triển, nhất là các tổ chức phụ nữ, thiếu niên, phụ lão. Nhân dân tìm mọi cách tiếp tế ra bên ngoài, báo cho cán bộ ta trừ khử những tên Việt gian chỉ điểm và số ác ôn có nợ máu với nhân dân.

Đồng bào Chăm Lạc Trị, Tuy Tĩnh bị địch dồn vào các khu tập trung, sống trong cảnh ngột ngạt "cá chậu chim lồng", o ép, khống chế đủ bề bằng hệ thống đồn bót và hàng trung đội lính ngày đêm lùng sục nhưng không khuất phục được tinh thần yêu nước, đồng bào vẫn một lòng hướng về với cách mạng, với Bác Hồ kính yêu. Cán bộ xã, sau khi thực hiện phương châm công tác mới, bí mật len lỏi vào các khu tập trung Sông Lòng Sông, Lạc Trị móc nối lại cơ sở, tuyên truyền, vận động quần chúng đấu tranh, tích cực tham gia ủng hộ cách mạng. Nhiều cơ sở hết lòng nuôi dưỡng, che giấu cán bộ về hoạt động, như bà má Nhuận ở Phú Điền, chi Đô, chị Kiều ở Tuy Tĩnh. Có chị phá bỏ tập tục khát khe, đưa cán bộ người Kinh

che giấu trong phòng riêng của mình... Ngoài ra, nhiều người còn đi làm giao liên, tiếp tế cho kháng chiến không quản ngại gian khổ, hy sinh, như ông Mai Bền, Lý Láo ở Lạc Trị, ông Mai Sáu ở Tuy Tịnh, chị Xiếu, chị Quyên khi bị địch bắt, tra tấn dã man, vẫn một lòng kiên định không khai báo cho giặc bắt các cơ sở, cán bộ nằm vùng hoạt động. Chính nhờ sự nuôi dưỡng, che chở của đồng bào, cán bộ ta đã bám được vào dân hoạt động gây dựng được phong trào, tổ chức quần chúng đấu tranh phá thế kềm kẹp của địch. Nhiều truyền đơn vận động quần chúng đấu tranh của ta đã được tung ra trong các khu tập trung với nội dung : Đòi quyền dân sinh, dân chủ ; chống bắt lính, bắt phu, đòi tự do đi làm ruộng xa, cất chòi trại và ngủ đêm lại ngoài đồng. Ta còn thực hiện trừ gian, diệt tề, vận động các gia đình có chồng con, người thân đi lính cho giặc trở về nhà làm ăn. Các hoạt động của ta bên trong, phần nào tạo khí thế cách mạng trong quần chúng ở các khu đồn dân của địch. Để đối phó lại các hoạt động của ta, bọn địch tăng cường đánh phá căn cứ đứng chân của ta bên ngoài, lùng sục tìm bắt cơ sở, cán bộ ta bên trong, nhưng nhờ lòng thủy chung của đồng bào đối với cách mạng, nên cán bộ, cơ sở được bảo vệ an toàn hoạt động. Được sự chỉ đạo của ta, cuộc đấu tranh kiên trì của đồng

bào Chăm Lạc Trị, Tuy Tịnh thu được kết quả : Địch phải nhượng bộ cho đồng bào đi làm ruộng xa, cất chòi trại và được ngủ đêm lại ngoài đồng. Khi nghe tin Pháp bắt số đồng bào Long Phước đi gặt lúa đưa về giam tại đồn Lạc Trị, bà con ở đây tổ chức đấu tranh đòi Pháp phải thả những người bị bắt ra và còn lo tiếp tế cơm nước cho số người bị giam ăn uống đầy đủ, thể hiện tình yêu thương, đoàn kết cùng chống kẻ thù chung của đồng bào các dân tộc ở Tuy Phong. Đồng bào ở bên trong còn bí mật tiếp tế cho kháng chiến hàng trăm tấn gạo, hàng trăm tấm vải tự dệt, trâu bò, gà vịt... Phong trào đấu tranh của đồng bào đã có bước chuyển biến, cơ sở ngày một phát triển.

Sau khi thực hiện chủ trương mới của huyện đối với vùng tạm bị chiếm, ở hầu hết các xã : Bình Phú Hải, Bình Phong, Bình Minh, Bình Tiến cơ sở cách mạng được xây dựng lại, cán bộ vào được bên trong hoạt động, phong trào đấu tranh của quần chúng có bước chuyển biến mới.

Cuối năm 1951, huyện chủ trương thành lập các đội vũ trang công tác ở các xã, cử một đồng chí huyện ủy viên về phụ trách.

Đội vũ trang công tác Bình Phú Hải, do đồng chí Lê Bá Độ, thường vụ huyện ủy làm đội trưởng,

kiêm bí thư chi bộ, đồng chí Nguyễn Thanh Đức làm đội phó. Đơn vị có 40 đồng chí, đóng ở vùng Bực Lỡ - Đá Chọc (Vinh Hảo), địa bàn hoạt động là toàn bộ vùng Tuy Phong cũ. Đội vũ trang công tác xã Bình Phong (Phan Rí Cửa) do đồng chí Vũ Châu làm đội trưởng, kiêm bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Cung làm đội phó, đơn vị đóng ở vùng Bàu Trắng. Đội vũ trang công tác Bình Minh (Chí Công), có 33 đồng chí do đồng chí Phan Thanh Hải huyện ủy viên làm bí thư, kiêm chính trị viên đội, đồng chí Phạm Đức Chánh làm đội trưởng, đơn vị đóng ở Lán Cây Cây. Đội vũ trang công tác Bình Tiến (Hòa Minh) do đồng chí Nguyễn Huynh phụ trách, đơn vị đóng ở vùng rừng ven xã mình.

Các đội vũ trang công tác hoạt động trong hoàn cảnh vô cùng khó khăn, đời sống thiếu thốn, kham khổ, anh em phải tự túc sản xuất để sinh sống mà hoạt động. Nhân dân sống trong khu tập trung ra vào làm ăn, như đi ruộng, rẫy, củi... đều có sự theo dõi của địch, nên việc liên hệ với dân rất khó khăn nếu có tiếp xúc phải thận trọng, không khéo bọn gián điệp cài vào trong số người đi làm phát hiện, chỉ điểm cho địch đánh phá. Mặc dù công tác phòng gian bảo mật được chú ý, nhưng vẫn còn sơ hở, nên các căn cứ đứng chân

của đội vũ trang công tác thường bị địch đột kích đánh phá, gây cho lực lượng ta nhiều tổn thất hy sinh, Tuy vậy, anh em đoàn kết thương yêu nhau, động viên nhau cố gắng khắc phục khó khăn, quyết tâm bám địch hậu xây dựng phong trào.

Về hoạt động của lực lượng bộ đội địa phương : Cuối tháng 4-1951, huyện tiến hành làm lễ sát nhập lực lượng bộ đội địa phương các huyện cũ thành bộ đội địa phương huyện Bắc Bình. Tuy vũ khí còn ít nhưng với tinh thần tự lực tự cường, lấy súng địch đánh địch, khôn khéo, mưu mẹo, anh dũng tiến công địch trong mọi tình huống, nhằm vào sơ hở địch mà đánh, làm cho chúng lúng túng, phân tán lực lượng để đối phó với ta.

Hoạt động của bộ đội địa phương Bắc Bình đã đánh nhiều trận chủ yếu là chống càn quét ở vùng Bá Ghe, Ngã Hai, Châu Khâm... bảo vệ khu căn cứ Bình An. Ở Tuy Phong cũ, ta đánh chống càn quét của địch ở Bình Thạnh, Trại Lưới, Phú Điền, Đầm, Cửa Sứ tiêu hao địch cho dân vùng địch hậu bung ra làm ăn và phục vụ dân công, tải gạo cho kháng chiến.

Để tăng cường hoạt động quân sự, hỗ trợ cho phong trào đấu tranh của quần chúng phá thế kềm kẹp của địch, tỉnh Bình Thuận điều một

đại đội cảm tự đội ra Bắc Bình lấy phiên hiệu là 216, đứng chân hoạt động ở vùng Lương Sơn, Bá Ghe và Tuy Phong cũ. Trong thời gian hoạt động ở chiến trường Bắc Bình, đại đội 216 đánh được nhiều trận càn quét của địch ở vùng Lương Sơn và Bình Thạnh, trừ gian diệt ác trong vùng địch chiếm đóng, phát triển bắt các ổ gián điệp ở Long Phước, Bình Thạnh giữ được địa bàn đứng chân cho các xã Bình Phú, Bình Hải, Bình Điền.

Đại đội 216 hoạt động ở chiến trường Bắc Bình được một thời gian, đến cuối năm 1951, phần lớn cán bộ, chiến sĩ đại đội 216 rút về thị xã Phan Thiết, chỉ còn một trung đội đứng chân lại hoạt động.

Tháng 10-1951, sau khi một số cán bộ, chiến sĩ tăng cường về cho các đội vũ trang công tác, số còn lại kết hợp cùng với một trung đội cảm tử đội của C.216, tổ chức thành một đại đội bộ đội địa phương 216 Bắc Bình. Đơn vị có 3 trung đội, mỗi trung đội có 2 tiểu đội bộ binh và 1 tiểu đội đặc công trinh sát. Trang bị vũ khí : có trung liên, tiểu liên, cối 60, súng trường, phóng lựu và lựu đạn. Ban chỉ huy : đồng chí Võ Khắc Kế huyện đội trưởng, đồng chí Phan Thân (Thân Thọ) huyện đội phó, kiêm đại đội trưởng bộ đội địa phương 216 Bắc Bình ; đồng chí Đinh Khuế

chính trị viên huyện đội, kiêm chính trị viên đại đội, đồng chí Mai Văn Ha chính trị viên phó đại đội. Đến năm 1952 ; tỉnh rút đồng chí Phan Thân và Mai Văn Ha, điều đồng chí Nguyễn Công Chuyên về làm đại đội phó, Nguyễn Học Thức làm chính trị viên phó đại đội.

Bộ đội địa phương 216 Bắc Bình hoạt động tác chiến trong điều kiện khó khăn, gian khổ, địch bao vây phong tỏa các mặt tạo thành hành lang ngăn cách nhân dân ở hầu hết các khu tập trung, khu tiếp tế, nhưng nhờ cán bộ, chiến sĩ thông suốt tư tưởng, nhiệm vụ, thấy được cuộc kháng chiến của ta trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nên phải kiên trì bám trụ chiến đấu hỗ trợ cho các đội vũ trang công tác thọc vào vùng sâu xây dựng cơ sở, thực lực cách mạng. Đơn vị cũng đẩy mạnh tăng gia sản xuất giải quyết vấn đề lương thực, vừa hoạt động theo phương thức cơ động, linh hoạt tích cực tiến công tiêu diệt địch, xây dựng lực lượng ta, đẩy mạnh du kích chiến tranh rộng rãi. Đồng thời phối hợp với đội vũ trang công tác, du kích xã xây dựng và tác chiến với địch. Mỗi xã ta xây dựng được 2 tiểu đội du kích mật hoạt động diệt ác trừ gian, tuyên truyền, vận động hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng.

Cuối tháng 11 năm 1951, đại đội bộ đội địa phương 216 Bắc Bình do đồng chí Phan Thân chỉ huy tổ chức trận tập kích chống càn quét, bảo vệ mùa màng trên cánh đồng ruộng Câm, Long Phước. Sau khi trinh sát nắm rõ quy luật hoạt động của địch, đơn vị chia làm hai bộ phận : một bộ phận gồm 15 đồng chí do đồng chí Lê Hạnh Phúc chỉ huy bố trí cách quốc lộ 1 về phía Tây 700m, một bộ phận gồm 2 trung đội do đồng chí Phan Thân chỉ huy hành quân xuống ém quân ở Gò Sạn thuộc vùng ruộng Câm. Sáng sớm, đúng như dự kiến của ta, 1 đại đội địch từ Long Hương hành quân càn quét ra vùng ruộng Long Phước. Khi địch hành quân vào đúng vị trí phục kích, đơn vị nổ súng quyết liệt vào đội hình hành quân của địch, nhiều tên bị tiêu diệt ngay từ phút đầu, địch hoảng hốt lui dần về quốc lộ 1, dựa vào địa thế tuyến đường tổ chức chống trả. Kết quả: địch chết và bị thương gần 1 trung đội, lực lượng ta an toàn rút về căn cứ.

Đầu năm 1952, đội vũ trang công tác Bình Phú Hải phối hợp với 1 trung đội bộ đội địa phương 216 Bắc Bình, tổ chức kèm chế bót Tháp Ông Gù, đánh diệt 1 xe và 2 tiểu đội địch, ta thu 13 súng các loại. Bộ đội địa phương 216 Bắc Bình còn chặn đánh nhiều cuộc càn quét của địch ở Bàu Khoai,

Bầu Sấm... phần nào làm hạn chế sự lúng lúng của địch ra bàn đạp đứng chân của ta, hỗ trợ cho đội công tác bám dân hoạt động.

Bộ đội địa phương 216 Bắc Bình hoạt động đánh địch trong 2 năm 1951 - 1952 trên địa bàn huyện thu được nhiều kết quả, hỗ trợ cho các đội công tác bám địa bàn hoạt động, tạo khí thế phấn khởi trong nhân dân ở các vùng địch hậu đẩy mạnh phong trào kháng chiến sau một thời gian lắng xuống từng bước phát triển. Các đội vũ trang công tác hoạt động trong hoàn cảnh khó khăn, nhưng nhờ tinh thần quyết tâm cao, anh em đã bám được địa bàn hoạt động, tiếp xúc được với nhân dân ở khu tập trung ra bên ngoài làm ăn, tuyên truyền vận động, hướng dẫn cho quần chúng đấu tranh với địch. Đồng thời thường xuyên đột kích vào địch hậu diệt ác, trừ gian, nhằm nói lỏng một phần ách kềm kẹp, tạo thuận lợi cho nhân dân đi lại làm ăn. Ngày 30-6-1952, đội vũ trang công tác xã Bình Tiến (Hòa Minh) đột nhập vào khu tập trung Phan Rí Cửa bắt các tên Nguyễn Nuôi, Nguyễn Go... và đốt trụ sở làm việc của bọn nguy quyền xã Hòa Minh. Ở Bình Minh (Chí Công), đội vũ trang công tác nhiều lần vào khu tập trung thực hiện diệt ác và tổ chức mét tinh quần chúng tại ruộng muối Hồi Long.

Đến cuối năm 1952, cơ sở được phục hồi và phát triển rộng khắp, nhiều xã chi bộ bên trong được thành lập, đẩy phong trào đấu tranh của quần chúng lên một bước mới.

Để tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh, thực hiện chỉ thị của tỉnh ủy Bình Thuận, huyện ủy Bắc Bình tiến hành tổ chức mở Đại hội huyện Đảng bộ. Vào tháng 11-1952, Đại hội huyện Đảng bộ Bắc Bình tổ chức họp tại Dốc Vung (Khu Lê), đồng chí Trần Như Khuông (Năm Lự), Thường vụ tỉnh ủy xuống trực tiếp chỉ đạo đại hội.

Tiếp thu tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ II Tỉnh Đảng bộ Bình Thuận (8-1952), căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Đại hội huyện Đảng bộ đã triển khai các chủ trương lớn : Thay đổi phương thức, phương châm hoạt động vùng tạm bị chiếm ; đẩy mạnh xây dựng cơ sở mật trong vùng địch, các đội vũ trang công tác phải bám chặt địa bàn, thâm nhập vào bên trong xây dựng cơ sở tại chỗ... Đại hội đã bầu lại các đồng chí : Kiều Hoàng làm bí thư, đồng chí Hồ Viết Hách làm phó bí thư, đồng chí Lê Thượng Ích, ủy viên thường vụ, đồng chí Lê Bá Độ ủy viên Thường vụ phụ trách Bình Phú Hải...

Đại hội mở ra một bước quan trọng trong chuyển hướng chỉ đạo, đúng lúc phong trào cách mạng ở địa phương được phục hồi và có bước

chuyển mình đi lên, đáp ứng sự lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới.

Trong lúc Đại hội đang họp, Huyện ủy nhận được điện của đồng chí Nguyễn Côn bí thư tỉnh ủy báo : Đồng bào 3 xã miền núi ở Bắc Bình đã bỏ buôn làng trốn vào rừng, yêu cầu huyện cử ngay 1 đồng chí lãnh đạo cùng với một số cán bộ đi gặp lên các xã ấy để tìm dân, Huyện ủy hội ý, thống nhất cử đồng chí Hồ Viết Hách, phó bí thư huyện ủy cùng một số cán bộ và 1 trung đội bộ đội địa phương 216 đi lên 3 xã : Ru-xăng-tà-mâu, Oan-tà-líp, Gia-ca-xơ-nan để tìm dân. Tình hình 3 xã miền núi lúc này : Sau khi địch dồn dân về khu tập trung Sông Lòng Sông và số lớn M'lo (Lâm Đông), số còn lại khoảng 100 đồng bào dân tộc vẫn bám buôn làng ở lại, kiên quyết không hợp tác với địch. Không đồn được, địch tung tin hù dọa : "Việt Minh sẽ bắn chết hết số đồng bào này", cũng với thời gian này, đồng bào bất mãn với một số cán bộ và bộ đội. Như Hồ đứng chân hoạt động ở đây gây nhiều thiệt hại cho đồng bào, nên đồng bào bỏ trốn vào rừng sâu, không chịu hợp tác với ta.

Đồng chí Hồ Viết Hách (Sơn Ca Cao) cùng với một số cán bộ, chiến sĩ đi tìm dân trong núi thẳm, hang sâu rất vất vả, hơn 1 tháng trời.

Gặp được đồng bào, ta tuyên truyền giáo dục vạch rõ âm mưu thủ đoạn của địch nhằm chia rẽ đồng bào với cách mạng. Đồng thời ta tuyên truyền gây lại lòng tin cách mạng, xin lỗi đồng bào về những sai lầm của cán bộ, chiến sĩ trước đây và vận động, đưa đồng bào trở về lại buôn làng cũ sản xuất, xây dựng chính quyền, lập làng chiến đấu hỗ trợ cho bà con ở khu tập trung trở về.

Cuối năm 1952 tình hình cách mạng ở Bắc Bình đã chuyển mình đi lên, chuẩn bị cho một cao trào cách mạng đang hình thành và bùng nổ trong Đông xuân 1953 - 1954.

V - PHONG TRÀO ĐẤU TRANH MẠNH MỀ CỦA NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH TRONG ĐÔNG XUÂN 1953 - 1954 HIỆP ĐỊNH GIÒ-NE-VO ĐƯỢC KÝ KẾT

Đại hội Đảng bộ đầu tiên của huyện Bắc Bình (11-1952), đánh dấu một mốc son quan trọng trong việc chuyển hướng chỉ đạo. Cơ sở cách mạng bị vỡ lở do địch đánh phá dồn vào các khu tập trung, đến nay được khôi phục trở lại, nhờ ta có chủ trương đúng đắn, với công tác vùng tạm bị chiếm.

Bước vào năm 1953 trở đi, phong trào đấu tranh qua nhiều năm đã chuyển mình vùng dậy mạnh

mê, Đấu tranh chính trị của quần chúng bên trong kết hợp với đấu tranh vũ trang liên tục mở ra, dồn địch vào thế bị động đối phó, phân tán lực lượng cố thủ trong các lô cốt, tháp canh ở vùng sâu địch hậu. Các cuộc càn quét của địch ra vành đai, khu căn cứ đứng chân của ta giảm dần, mức độ kềm kẹp không gay gắt như trước nữa.

Năm 1953, trên chiến trường Bình Thuận quân số địch có 4.289 tên, trong đó Âu-Phi có 2 tiểu đoàn. Đến đầu năm 1954 quân số địch có 5.000 tên, trong đó Âu-Phi chiếm 1% quân số. Hoạt động của địch nổi lên ở Bình Thuận là tập trung lực lượng liên tục càn quét đánh phá, nhằm xóa khu du kích Tam Giác ở Hàm Thuận và Khu căn cứ Lê Hồng Phong. Địch tăng cường đồn quân bắt lính, phát triển lực lượng ngụy quân để thay dần cho lính Âu-Phi, chuyển đi chiến trường khác. Chúng thiết lập các Hội đồng hương chính, Hội đồng quản hạt, Hội đồng thành phố... đưa tên trung tá Giắc-Kim (Jacquin) từ Ninh Thuận vào phụ trách quân khu Bình Thuận. Về kinh tế : chúng nâng lãi suất hàng hóa bằng cách hạ giá bạc Đông Dương, tăng các thuế cũ lên 100 - 300%, lập thêm các thứ thuế mới, nhằm vơ vét thật nhiều cung cấp cho chiến tranh. Phá vỡ mọi nỗ lực cho cuộc chiến tranh hao người, tốn của này ;

vẫn không giúp chúng giành được thế chủ động ở chiến trường, mà ngược lại làm cho nền kinh tế Pháp kiệt quệ, phải cầu xin viện trợ của Mỹ (năm 1954 Mỹ cung cấp cho Pháp phục vụ chiến tranh lên tới 78% toàn bộ tổng chi phí). Đến năm 1954, ta liên tiếp tấn công, làm cho phạm vi kiểm soát của địch thu hẹp ở Tánh Linh, Di Linh, Blao... Chính quyền vùng bản lẻ bị giải tán và khắp khắp ở nhiều nơi, các cuộc hành binh, nặng về phòng ngự.

Bọn địch ở Bắc Bình càng suy yếu, chúng càng quấy mạnh, tăng cường kềm kẹp dân, lập các Hội đồng hương chính, đưa phần lớn số địa chủ vào nắm và còn giở trò lừa bịp mị dân ; tổ chức cứu tế : vải, thuốc men, phân phát nông cụ... để mua chuộc quần chúng. Thường xuyên tổ chức các cuộc vây ráp bắt lính bổ sung cho lực lượng thiếu hụt và lính Âu-Phi rút đi chiến trường khác.

Bọn ác ôn Ách Đông (Nguyễn Đông), Nguyễn Hoàng, Trương Du... và bọn tay sai chỉ điểm ngày đêm rình rập bắt bớ cơ sở, cán bộ hoạt động bên trong, gây cho ta nhiều trở ngại trong tiếp tế, liên lạc, móc nối cơ sở. Một số cán bộ xã Bình Tiến (Hòa Minh) hoạt động trong lòng địch bị bắt tra tấn, giam hãm ở các nhà tù Hòa Đa,

Phan Thiết vẫn giữ vững khí tiết cách mạng, không khai báo cơ sở, cán bộ nằm vùng. Các căn cứ lỏm, nơi đứng chân của các đội vũ trang công tác, địch thường tổ chức các toán Com-măng-đô đột kích vào, nhưng nay có phân giám sát, hoạt động mang tính chất phòng ngự.

Đối với ta, công tác bám địch hậu xây dựng cơ sở, đưa phong trào đấu tranh của quần chúng phát triển là nhiệm vụ trọng yếu. Được Đảng bộ địa phương trực tiếp chỉ đạo, các đội vũ trang công tác thường xuyên bám bàn đạp, gặp nhiều gian khổ hy sinh, vẫn quyết tâm móc nối cơ sở, vận động quần chúng đấu tranh với địch, ngoài ra còn tổ chức các hoạt động đánh địch. Đội vũ trang công tác Bình Phú Hải tổ chức phục kích chặn đánh các toán Com-măng-đô do tên Đức Ủ (tên đầu hàng phản bội) chỉ huy ở Bàu Khoai và đánh bọn Com-măng-đô hoạt động ở Đầm, ở vùng Bàu Sấm gây cho chúng một số thiệt hại, hạn chế một phần lung sục các bàn đạp của đội vũ trang công tác, tạo thuận lợi cho ta bám xây dựng cơ sở. Lúc địch bao vây đánh phá dữ dội, ta đẩy mạnh phong trào diệt ác, trừ gian làm cho tinh thần bọn ngụy quân, ngụy quyền hoang mang, dao động, nói lỏng kềm kẹp, tạo cơ hội cho ta xây dựng cơ sở, không những trong quần chúng

mà còn móc nối xây dựng cơ sở nội tuyến trong binh lính, chính quyền, địch, như ở Bình Tiến công tác này làm đạt kết quả.

Khi tinh thần địch ở Bắc Bình sa sút, ta lợi dụng tổ chức quần chúng đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp với địch. Nông dân đấu tranh chống tập trung lúa, không nộp đảm phụ quốc phòng, đòi ra ruộng rẫy làm ăn. Ngư dân Phan Rí Cửa (lúc đó là xã Bình Phong), Long Hương, Bình Minh (Chí Công) đấu tranh chống tập trung ghe, đòi đi đánh cá xa bờ, làm theo con nước. Vận động thanh niên đấu tranh chống bắt lính bằng cách trốn lính. Khi bị bắt thì gia đình, thân nhân và nhân dân xung quanh kéo lên đồn phản đối, giằng co không cho địch đưa con em của mình đi : Nổi lên là cuộc đấu tranh chống bắt lính của nhân dân xã Bình Minh. Tháng 6 năm 1953 địch lùng bắt được 20 thanh niên đưa về đồn Duông nhất, chờ xe ở Hòa Đa xuống đưa đi. Anh em đã bàn bạc và quyết định một kế hoạch táo bạo đấu tranh trực diện với kẻ thù, cương quyết không đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng. Anh em nhờ 1 người lính quen biết ra ngoài mua giấy mực đưa vào để viết truyền đơn, khẩu hiệu chờ cơ hội để đấu tranh. Sáng ngày 25-6-1953, xe Hòa Đa xuống chờ đi. Tại bến xe chợ Duông, thân nhân

những người bị bắt và đồng bào chờ sẵn đã đấu tranh quyết liệt, không cho đưa con em mình đi. Tên Ách Đông chỉ huy hai trung đội lính hù dọa xô đẩy đồng bào, dọn đường cho xe chở đi. Khi xe nổ máy chạy, anh em đồng loạt hô vang các khẩu hiệu : Đả đảo thực dân Pháp ; Ủng hộ Hồ Chí Minh... Khi lên đến phủ Hòa Đa anh em vẫn kiên quyết đấu tranh không chịu đi lính, bọn địch đánh đập rất tàn nhẫn, cuối cùng bọn chúng đành phải thả tất cả anh em ra về. Cuộc đấu tranh giành thắng lợi có một tác dụng rất lớn đối với phong trào chống bắt lính lúc bấy giờ. Các xã đều đã đẩy mạnh phong trào binh địch vận, lôi kéo binh lính đi làm đường lạc lối trở về với cách mạng, hay làm cơ sở nội tuyến cho ta.

Trong quá trình thực hiện chủ trương bám địch hậu, xây dựng phong trào quần chúng đấu tranh chống địch, phá thế kềm kẹp, các đội vũ trang công tác đã bị nhiều tổn thất hy sinh. Có những đội vũ trang công tác lúc mới thành lập (10-1951) có biên chế từ 30 - 40 đồng chí, qua 1 - 2 năm hoạt động, quân số còn không quá phân nửa, như : Đội vũ trang công tác Bình Phú hải, Bình Tiến, Bình Minh...

Xương máu của các đồng chí đổ xuống cho sự nghiệp chung, đã gieo mầm cho hạt giống cách

mạng địa phương ngày một sinh sôi, nảy nở, chờ dịp là bùng lên quật nhào bọn thực dân và bọn tay sai bán nước. Một tin rất xúc động và tổn thất lớn cho đội vũ trang công tác Bình Phú Hải : Ngày 24-11-1953, đồng chí Lê Bá Độ, Thường vụ huyện ủy, đội trưởng đội công tác trên đường đi vào cơ quan huyện (đóng ở Khu Lê) họp, đã bị địch phục kích bắn chết tại rừng Cây Xộp (Vinh Hảo), gần 1 tháng mới tìm thấy xác đồng chí. Đồng chí Độ người của con quê hương Tuy Phong nêu một tấm gương rất kiên trung, gan dạ, dũng cảm có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng địa phương, đồng chí hy sinh làm cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân rất thương tiếc, xúc động.

Được Đảng bộ lãnh đạo, lực lượng vũ trang địa phương ngày một trưởng thành qua đấu tranh cách mạng. Đơn vị từ phục kích, đánh nhóm chống càn nay có khả năng tổ chức những trận đánh lớn.

Ngày 13-4-1953, lực lượng bộ đội địa phương 216 Bắc Bình phối hợp với bộ đội tỉnh đánh tiêu diệt chi khu Mũi Né, chiến thắng Mũi Né giúp cho bộ đội có kinh nghiệm trong đánh đồn, đồng thời nâng cao tinh thần chiến đấu cho cán bộ, chiến sĩ. Phát huy thắng lợi của trận Mũi Né, bộ đội địa phương 216 vận động đánh các đồn bót lẻ ở Cầu Nam, bót Sở Diêm (Duông), đột vào địch hậu diệt ác, trừ gian phá thế kềm kẹp của địch.

Trước sức tấn công nhiều hướng trên toàn chiến trường, địch đi vào thế cố thủ, thu hẹp vùng tạm bị chiếm. Cuối năm 1953, đầu năm 1954, để cứu vãn lại tình thế, chúng tổ chức hai cuộc càn lớn có hàng tiểu đoàn lính Ngự lâm quân từ Đà Lạt xuống, phối hợp với lính ở Sông Mao (Hòa Đa) đánh vào căn cứ Bá Ghe, nơi cơ quan đầu não của huyện đóng nhằm phá tan căn cứ, tiêu diệt bộ tham mưu lãnh đạo và nguồn dự trữ kháng chiến của ta. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân và dân Bắc Bình trực tiếp là bộ đội địa phương 216 và du kích Bá Ghe giáng trả quyết liệt, liên tục tấn công tiêu diệt sinh lực địch, bẻ gãy hoàn toàn cuộc tấn công quy mô lớn của địch. Chiến thắng Bá Ghe cổ vũ tinh thần kháng chiến của quân và dân trong huyện, đẩy thực dân Pháp đi vào thế phòng ngự đối phó.

Nắm thời cơ, phát huy thắng lợi, phối hợp với chiến trường chính trong Đông xuân 1953 - 1954, tháng 01-1954. Tỉnh ủy Bình Thuận chủ trương mở đợt hoạt động quân sự rộng khắp trong toàn tỉnh, tranh thủ thời gian, tận dụng sơ hở của địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích sâu trong lòng địch hậu, kết hợp đấu tranh hợp pháp và bất hợp pháp của quần chúng với tác chiến vũ trang, tiêu diệt sinh lực địch, để mở rộng vùng du kích của ta, thu hẹp vùng tạm bị chiếm của địch.

Đêm 10-02-1954, đại đội bộ đội địa phương 216 do Võ Khắc Kế chỉ huy phối hợp với đội vũ trang công tác Bình Tiến (Hòa Minh), tiến công tiêu diệt hoàn toàn hai cứ điểm đồn Cầu Sông Cạn và bót Cầu Nam, diệt 20 tên, bắt sống 24 tên, trong đó có 2 tên Pháp, thu 37 súng các loại và nhiều đạn dược. Trước thắng lợi của ta tại địa phương, địch hoang mang dao động, nguy quyền tự động giải tán, nguy quân lo cố thủ trong các đồn bót không hống hách như trước nữa, tạo điều kiện cho các đội vũ trang công tác hoạt động được dễ dàng, nhân dân bên trong phấn khởi trước thắng lợi của ta vừa giành được.

Đội vũ trang công tác xã Bình Phú Hải hoạt động ở địa bàn tương đối khó khăn, trong điều kiện thiếu thốn, bị địch phong tỏa mạnh, nhưng vẫn tổ chức đột nhập vào Long Hương diệt ác, phá kềm, bắt một số tên ác ôn, tay sai đưa ra căn cứ, uy hiếp tinh thần bọn nguy quân, nguy quyền, làm nới lỏng một phần ách kềm kẹp của địch, tạo thuận lợi cho các hoạt động truyền truyền của ta.

Phối hợp với chiến trường chính đang mở trận quyết chiến điểm ở Điện Biên Phủ. Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận hoạt động quân sự của ta diễn ra mạnh, liên tiếp mở các cuộc tấn công tiêu diệt địch. Đầu tháng 4-1954, bộ đội chủ lực

tỉnh chỉ trong một đêm tiêu diệt hoàn toàn các cứ điểm Gia Bát, La Dày, Tánh Linh, tiếp hai ngày sau tiến công tiêu diệt đồn Suối Kiết, Chiến thắng này đã làm nức lòng quân, dân trong tỉnh, khí thế cách mạng của quần chúng ngày một lên cao. Tiếp tục tỉnh mở hoạt động quân sự lớn ở hướng Bắc Bình, phối hợp với chiến trường Điện Biên Phủ.

Bộ đội chủ lực tỉnh phối hợp với bộ đội địa phương 216 tập trung đánh vào 2 điểm, tiểu khu Lương Sơn và khu vực đồn Duồng. Chỉ huy trận đánh có đồng chí : Nguyễn Lịnh, Chính trị viên tỉnh đội và đồng chí Nguyễn Chương, tham mưu phó, đánh tiểu khu Lương Sơn do quân chủ lực tỉnh đảm nhiệm. Đánh đồn Duồng giao cho đồng chí Võ Khắc Kế huyện đội trưởng chỉ huy chung sử dụng lực lượng bộ đội địa phương 216 và 1 tiểu đội đặc công tỉnh tăng cường. Chỉ huy chiến đấu trực tiếp là đồng chí Nguyễn Công Chuyên đại đội trưởng và Nguyễn Học Thúc chính trị viên đại đội 216. Đánh hai điểm, tiểu khu Lương Sơn và đồn Duồng đều chọn súng giờ "G", đêm ngày 5 rạng sáng ngày 6-5-1954.

Trước khi vào trận đánh đồn Duồng, tại Hòn Mòng đơn vị làm lễ xuất quân. Đồng chí Nguyễn Văn Chu thay mặt Ủy ban Nhân dân hành chính

huyện giao nhiệm vụ cho đại đội và kêu gọi toàn bộ cán bộ, chiến sĩ quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đơn vị nhận nhiệm vụ với quyết tâm chiến đấu cao.

Trận đánh đồn Duồng được chuẩn bị khá kỹ, công tác theo dõi nắm tình hình địch công phu. Đồng chí Võ Khắc Kế huyện đội trưởng gặp hai cơ sở nội tuyến của ta, do đồng chí Lê Duy Hiến tổ chức, là anh Nguyễn Giúp (Cai Giúp), Lê Chấn (tức lính Quang) để nắm tình hình địch và hệ thống phòng thủ đồn. Chị Võ Thị Định liên lạc còn mang bản vẽ sơ đồ đồn do nội tuyến gửi ra trao cho đơn vị. Dọc đường ra căn cứ, chị Định bị cọp bắt, anh em tổ chức đi tìm thấy xác cùng với bản sơ đồ chuẩn bị cho trận đánh. Sau 15 ngày chuẩn bị ta đã nắm được hệ thống phòng thủ và lực lượng địch trong đồn gồm 1 đại đội có 130 tên, với trang bị súng ống mạnh : súng trường, tiểu liên, trung liên, đại đội, cối 81 ly, pháo 37 ly. Đúng giờ quy định trước khi vào trận đánh, đêm 5-5, lực lượng ta đến vị trí tập kết chiến đấu tại bãi biển Gành Sơn. Rạng sáng ngày 6-5-1954, bộ đội địa phương 216 cùng tiểu đội đặc công mở cuộc tấn công quyết liệt vào hệ thống phòng thủ đồn Duồng, chiếm lĩnh các vị trí của địch, tiêu diệt tên Ách Đồng đồn trưởng khét tiếng gian ác tại trận, sau 30 phút chiến đấu ta làm chủ hoàn toàn đồn. Khoảng 6 giờ sáng ngày

6-5 địch ở Hòa Đa tăng viện 5 chiếc xe GMC chở đầy lính chạy xuống, lọt vào trận địa phục kích, ta nổ súng chặn đánh, diệt hai xe, số còn lại bỏ chạy về Hòa Đa. Đến 13 giờ cùng ngày, có máy bay địch đến quần đảo, thả bom xuống khu vực đồn Duông rồi bay đi.

Trận đánh đồn Duông giành được thắng lợi giòn giã, ta phân tán lực lượng làm công tác dân vận, động viên, thăm hỏi nhân dân, trấn an những gia đình có thân nhân bị bắt trong trận này. Lực lượng ta thu chiến lợi phẩm, giải quyết thương binh, tử sĩ rút về căn cứ. Kết quả : ta giết và làm bị thương 35 tên, bắt sống 75 tên, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, Duông hoàn toàn giải phóng cho đến ngày ký Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Chiến thắng Duông. Lương Sơn càng thể hiện khả năng tác chiến và tinh thần quyết tâm giành thắng lợi cao của cán bộ, chiến sĩ. Thắng lợi này, nó có tác động lớn đến các vùng tạm bị chiếm Bắc Bình, tạo điều kiện cho ta xây dựng thực lực chính trị. Bọn địch tinh thần đã suy yếu, hoang mang, dao động, lo cố thủ đối phó với ta.

Chiến thắng Duông, Lương Sơn cùng hòa nhịp với trận quyết chiến điểm Điện Biên Phủ đã giành thắng lợi quyết định vào ngày 7-5-1954.

Đêm 9-5-1954, khuyếch trương chiến thắng Duồng, Lương Sơn bộ đội địa phương 216 Bắc Bình phối hợp với quân chủ lực tinh tấn công tiểu khu Long Hương. Tuy chưa dứt điểm nhưng ta đã đánh thiệt hại nặng tiểu khu Long Hương, bắt gọn bọn lính 2 bót ở cầu Đại Hòa, thu toàn bộ vũ khí.

Tin vui chiến thắng Điện Biên Phủ càng tiếp thêm sức mạnh cho quân và dân Bắc Bình liên tục mở các cuộc tấn công tiêu diệt địch. Đầu tháng 6-1954, đại đội bộ đội địa phương 216 tiến công tiêu diệt đồn ga Sông Lòng Sông, diệt một số lớn đại đội khinh quân, trong đó có 2 tên Pháp chỉ huy, bắt sống 32 tên, đơn vị an toàn rút về căn cứ Lực lượng ta tổ chức đánh bào Bình Phong (Phan Rí Cửa), phá tan một loạt tháp canh từ cầu Nam xuống Phan Rí Cửa và trung đội lính quốc gia chiếm giữ. Bọn hội đồng hương chính ở Long Hương, Phan Rí Cửa đều bị bắt và cảnh cáo, bọn lính hoang mang đào rã ngũ, làm cho địch bị động thiếu con số bù đắp. Nhìn chung vùng bị tạm chiếm Bắc Bình ta quét gần hết hội tề, giải tán 350 bảo vệ hương, tạo thuận lợi cho công tác vùng tạm bị chiếm của ta. Từ tháng 5 đến ngày ký Hiệp định 20-7-1954 ở Bắc Bình có trên 500 binh lính rã ngũ đầu hàng cách mạng. Địch lúng túng co lại trong các cứ điểm, cho đến ngày ký hiệp định Giơ-ne-vơ.

Cùng chia lửa với chiến trường chính quân và dân Bắc Bình dưới sự lãnh đạo của huyện Đảng bộ, dồn dập tiến công tiêu diệt địch, mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng, làm cho vùng tạm bị chiếm thu hẹp dần và sụp đổ ở nhiều nơi, như ở Phan Rí Cửa, Duông. Một bộ phận lo sợ tìm cách đầu hàng hoặc viết đơn đầu thú, từ bỏ con đường tội ác, bám gót lũ ngoại xâm làm tay sai giết hại đồng bào.

Khi thế tiến công cách mạng trong Đông xuân 1953 - 1954 lên cao, ta dồn địch vào thế cố thủ, cả một vùng rộng lớn hầu như ta làm chủ. Các xã giải phóng ta tiến hành xây dựng chính quyền cách mạng, làm căn cứ vững chân, nguồn dự trữ nhân tài vật lực cho kháng chiến. Hàng trăm con em lên đường tòng quân giết giặc bảo vệ quê hương, nhân dân nô nức đi dân công tải đạn, gạo phục vụ chiến trường.

Thực dân Pháp đang suy yếu trên toàn chiến trường, quân và dân cả nước lên đường tiến ra phía trước với khẩu hiệu "Tất cả cho tuyến tuyến, tất cả để đánh thắng". Lập nên chiến thắng chấn động địa cầu ở Điện Biên Phủ, chủ nghĩa thực dân cũ hoàn toàn bị sụp đổ. Ngày 20-7-1954 Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, lập lại hòa bình trên toàn cõi Việt Nam.

Khi có lệnh ngừng bắn, nhân dân vùng địch hậu phá khu tập trung trở về làng cũ : Bình Thạnh, Vĩnh Hảo, Long Phước, Phú Hải... bất chấp sự ngăn cản của kẻ thù. Hàng ngàn đồng bào Bắc Bình bất chấp sự dòm ngó của địch đi vào Giếng Triền (Khu Lê) dự lễ mét tinh do trung đoàn 812 tổ chức. Nhân dân lưu luyến đưa tiễn chồng, con, em của mình lên đường ra Bắc tập kết, hẹn hai năm nữa sẽ trở về đoàn tụ. Ai quen được hình tượng hai ngón tay đưa lên (tức là hai năm) của những người ra đi và những người ở lại, nó chứa đựng biết bao ý nghĩa, nhắc nhở nhau giữ vững tình nghĩa sắt son, hy vọng và niềm tin. Quần chúng phấn khởi chào đón hòa bình, tin tưởng, đến ngày thống nhất hai miền như Hiệp định Giơ-ne-vơ đã ký. Nhân dân mét tinh, biểu tình đòi địch thi hành hiệp định, kêu gọi chồng con đi lính trở về với cách mạng.

CHƯƠNG KẾT LUẬN

NHÌN LẠI MỘT CHẶNG ĐƯỜNG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG (1930 - 1954)

Tuy Phong là một huyện cực Bắc của tỉnh Bình Thuận được hình thành cách nay 161 năm (1832). Cũng như các địa phương khác trong tỉnh, Tuy Phong đã trải qua bao biến cố thăng trầm của lịch sử, trong đó 45 năm chống giặc ngoại xâm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam giành được thắng lợi trọn vẹn nhất.

Huyện Tuy Phong nằm vào một vị trí thuận lợi về giao thông đường bộ, đường biển nên giao lưu với các địa phương bạn thuận lợi. Cũng điều kiện địa lý ấy dễ dàng tiếp nhận được những tư tưởng yêu nước từ phong trào Cần Vương, Duy Tân... đến con đường cách mạng do Đảng, Bác Hồ lãnh đạo. Nhưng do địa hình, khí hậu, Tuy Phong còn là nơi thử thách con người trong cuộc sống.

Là vùng đất giao thông thuận lợi, trải qua bao thời gian lịch sử, vùng đất này tiếp nhận những người dân từ các tỉnh phía Bắc vào sinh sống. Họ là những người không chịu áp bức của bọn

quan lại phong kiến, là những chiến sĩ của phong trào Cần Vương đánh Pháp ở quê hương không thành công và cũng nhiều người dân lao động đến vùng đất này sinh sống. Nên trong lòng những người dân mới đến "khai sơn, phá thạch", vùng đất Tuy Phong mang trong họ tinh thần yêu nước, chống áp bức và được thử thách qua chặng đường dài đầy vất vả trên chặng đường vào Nam càng làm cho họ gắn bó với vùng đất mới... Để tồn tại và phát triển, họ không những đoàn kết, tương thân tương trợ với nhau mà đoàn kết với các dân tộc khác cùng sinh sống. Những nét riêng, chung của cộng đồng người dân đến sinh sống bao đời nay tạo nên đức tính của người dân Tuy Phong : đoàn kết, cần cù, thương yêu nhau và cùng nhau chống áp bức bất công, cùng nhau chống giặc ngoại xâm...

Người dân Tuy Phong cũng sống qua các chế độ xã hội phong kiến - thực dân - đế quốc và 18 năm qua họ mới thật sự làm chủ đời mình khi đất nước sạch bóng quân thù. Những năm tháng sống dưới sách nô lệ của phong kiến - thực dân, bao cuộc đấu tranh của nhân dân vẫn diễn ra. Cuộc đấu tranh có lúc tự phát do bức xúc cuộc sống, nhưng cũng có cuộc đấu tranh do các sĩ phu đầy sĩ khí yêu nước đứng lên lãnh đạo như

trong phong trào của ông Phạm Doan, Phạm Sảng, Dương Đình Nghị gương cao ngọn cờ Cần Vương, được người dân tham gia với tất cả tấm lòng muốn đánh đổ bất công, đánh đuổi quân xâm lược, nên họ mang cả tinh thần vật chất và mạng sống của mình đi chiến đấu. Song phong trào bị thất bại. Khi tư tưởng yêu nước theo hướng "Duy Tân" với quan điểm "chấn hưng kinh tế, mở mang dân trí" để nhờ Pháp "rủ lòng thương" nhằm làm cho dân Việt tiến lên cùng với các quốc gia khác. Cụ Nghè Trương Gia Mô, một người yêu nước, một chí sĩ cách mạng đầy nhiệt huyết đã dày công xây dựng phong trào trên quê hương Tuy Phong. Những năm tháng ấy, các "diễn ca" nơi hội tụ những tấm lòng yêu nước đến đọc sách báo, nghe diễn thuyết trở thành một phong trào khá rầm rộ. Tuy tư tưởng yêu nước theo con đường "Duy Tân" không giải phóng được nỗi khổ của con người và độc lập dân tộc, nhưng nó thể hiện được tinh thần yêu nước của dân ta.

Vào năm đầu thập kỷ 30 của thế kỷ 20, ánh sáng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã đến với nhân dân tỉnh Bình Thuận. Từ những cơ sở Đảng ban đầu ở Hàm Thuận, Hàm

Tân... đã tác động sâu sắc đến nhân dân Tuy Phong. Tuy từ những năm 1930 - 1940, cơ sở Đảng chưa được tổ chức, nhưng nhân dân đều hưởng ứng các phong trào đấu tranh do Đảng lãnh đạo để đòi dân chủ, dân sinh. Từ năm 1941 - 1945 nhân dân huyện nhà tham gia tổ chức Việt Minh bí mật được nhen nhóm ở Phan Rí Cửa, Chí Công, Bình Thạnh, Long Hương, Vĩnh Hảo... Từ những tổ chức Việt Minh ấy và những người Cộng sản đến với Tuy Phong đã làm nên một cuộc cách mạng đổi đời trong tháng Tám năm 1945 lịch sử - chính quyền về tay những người dân nô lệ.

Một chặng mới của xã hội Việt Nam - đất nước giành được độc lập. Nhân dân Tuy Phong, cũng như nhân dân cả nước bước vào xây dựng chế độ với hai bàn tay trắng với động cơ độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, người dân làm chủ, bình đẳng xã hội, họ đã làm tất cả với nhiệt tình của một người dân bao năm mong đợi có ngày hôm nay.

Nhưng tất cả những gì mà người dân mới được hưởng thành quả cách mạng tháng Tám mang lại đã bị thực dân Pháp trở lại cướp đi. Không thể được : Người dân Tuy Phong lại bước vào cuộc chiến đấu mới với tư thế của một người dân

làm chủ chống lại kẻ xâm lăng. Khí thế của những ngày chuẩn bị kháng chiến và bước vào kháng chiến đã thể hiện ý chí ấy. Khắp nơi trong thôn xóm, dân quân tự vệ canh gác, nhân dân thực hiện "vườn không nhà trống", tiếp tế lương thực... Giặc Pháp đến, cuộc chiến đấu không thể một ngày, một tháng mà trường kỳ đánh Pháp, nhân dân Tuy Phong góp phần xây dựng căn cứ, tham gia bộ đội, du kích, sản xuất, tiếp tế nuôi quân. Từ thực tế đánh địch, phong trào du kích chiến tranh phát triển rộng khắp. Nơi nào địch đến thì đánh, nơi nào địch không đến thì tìm kẻ thù mà đánh. Đánh địch với tất cả vũ khí tự có, với thế bố phòng thiên la địa võng làm cho kẻ thù ở trong đồn bót và chỉ mở những cuộc hành quân càn quét, những vụ tàn sát ở chùa Phật học, Phan Rí Cửa, La Gàn... chúng không khuất phục được chí khí yêu nước của người dân Tuy Phong. Khi địch phải dùng chính sách "tam quang" để dồn dân rào làng chúng mới kềm kẹp được dân trong các khu tập trung, nhưng người dân vẫn hướng về cách mạng. Trong những năm tháng của cuộc kháng chiến, Đảng vẫn ở trong dân, căn cứ cách mạng được xây trong dân, trong vùng bị chiếm, La Gàn - Bình Thạnh, một vị trí ở đồng bằng, xung quanh ba bề, bốn hướng là địch nên không thuận lợi cho ta làm căn cứ. Ấy vậy, La

Gàn vẫn tồn tại trong quá trình quân dân Tuy Phong đánh Pháp.

Tuy Phong, điều kiện thiên nhiên không ưu đãi, nhưng cũng là "vựa lúa" để tiếp tế cho lực lượng kháng chiến trong huyện và còn tiếp tế cho tỉnh Ninh Thuận. Đồng thời, huyện còn là nơi dừng chân của các đoàn vận tải biển ghé vào đây, của đường dân liên lạc từ Bắc vào Nam đi qua rừng núi Ninh Thuận, qua đốc 50 (Cà Ná) đi vào Tuy Phong để tiếp tục vào phương Nam. Cùng những đoàn cán bộ, chiến sĩ ra vào ấy, nhiều đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng đã dừng chân ở Tuy Phong. Các ý kiến chỉ đạo của các đồng chí lãnh đạo Trung ương có tác dụng đến phong trào cách mạng huyện nhà...

Từ khi thành lập huyện Bắc Bình (1951) dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân Tuy Phong cùng nhân dân Hòa Đa, Phan Lý kể vai sát cánh đoàn kết một lòng góp nên sức mạnh tổng hợp chuyển mạnh sang tổng phản công, vượt qua khó khăn thử thách trong những năm 1951, 1952 để đạt được thành quả : Thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ.

Sau tháng 8-1954, do phá hoại của đế quốc Mỹ, Hiệp định Giơ-ne-vơ không được thực hiện nhân

dân Tuy Phong cùng cả nhân dân miền Nam bước tiếp một chặng đường đấu tranh gian khổ, đầy hy sinh mất mát, nhưng rất oanh liệt vẻ vang.

Nhìn lại một chặng đường đấu tranh cách mạng từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược thành công, quân dân Tuy Phong dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đã ghi nên những truyền thống vẻ vang của mình. Đồng thời nó cũng là những kinh nghiệm quý báu cho chặng đường kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) và cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Từ thực tế trong những năm tháng ấy, khi Đảng ra đời lãnh đạo nhân dân đấu tranh trong 15 năm (1930 - 1945) và trải qua 9 năm kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) truyền thống yêu nước vốn có từ trước của nhân dân Tuy Phong được khơi dậy và khi có đường lối cách mạng đúng đắn để giải phóng dân tộc thì truyền thống ấy được phát triển ở trên mức cao hơn, tập hợp xung quanh Đảng đấu tranh giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Truyền thống ấy cũng thể hiện trong sự đoàn kết các dân tộc mà lâu nay kẻ thù lợi dụng chia rẽ. Đảng biết đại diện cho quyền lợi dân tộc để tập hợp tinh thần yêu nước

đó, nhằm tập hợp mọi người mọi giới vào cuộc kháng chiến.

Đồng thời tập hợp được dân đi theo Đảng, là do đường lối lãnh đạo của Đảng và đảng viên là tấm gương soi trong đấu tranh cách mạng chịu đựng hy sinh gian khổ phấn đấu cho sự nghiệp chung. Gương sáng của người đảng viên soi rọi cho mọi người dân noi theo, qua đó gạt lọc khơi trong trong quần chúng mà phát triển Đảng vững mạnh cả về tổ chức và phẩm chất, năng lực Đảng.

Qua thực tế 9 năm kháng chiến, việc dựa vào dân để vận động kháng chiến là một nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi "dễ trăm lần không dân cũng chịu" càng ngời thêm chân lý lấy dân làm gốc.

Cùng với phát huy sức dân, việc chăm lo cho dân là việc không thiếu được trong quá trình cách mạng. Nó thể hiện qua chính sách sau khi có chính quyền, thực hiện chính sách ruộng đất, giảm tô, giảm tức, bỏ các thứ thuế bất hợp lý mà người dân Tuy Phong bao đời gánh chịu, đã giảm bớt những khó khăn cho dân.

Cũng những năm tháng chống Pháp, chiến tranh toàn dân toàn diện, trường kỳ kháng chiến nhất

định thắng lợi là đường lối lãnh đạo chiến tranh của Đảng đúng đắn. Trong đó, du kích chiến tranh là nòng cốt để tấn công địch mọi nơi, dùng mọi vũ khí để đánh giặc.

Đo đạc điểm địa lý của Tuy Phong, căn cứ địa cách mạng được xây dựng ở trong lòng dân. Chính vì vậy, kẻ thù có tất xúc được dân gom vào các khu tập trung, nhưng tất cả những yêu cầu dân công tải đạn, cứu thương, nuôi dưỡng bộ đội, thương binh, tiếp tế... người dân đều góp phần. Thật là "Khó vạn lần dân liệu cũng xong". Nhờ vậy, căn cứ La Gàn - Bình Thạnh và nhiều lùm căn cứ khác vẫn tồn tại, mặc dù kẻ thù ra sức đánh phá.

Tuy Phong, một vùng đất đầy chiến công trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, ngày nay đang tạo đà đi lên.

PHỤ LỤC

DANH SÁCH LIỆT SĨ HUYỆN TUY PHONG

GIẢI ĐOẠN CHỐNG PHÁP

- XÃ BÌNH THẠNH :
- | | |
|----------------------|-------------------|
| 1. Nguyễn Kia | 13. Nguyễn Đê |
| 2. Dương Hộ | 14. Phạm Chà |
| 3. Phạm Ngôn | 15. Đỗ Trọng Xuân |
| 4. Nguyễn Năng | 16. Nguyễn Nuôi |
| 5. Huỳnh Ca | 17. Bùi Phiến |
| 6. Võ Đẩu | 18. Nguyễn Hữu Lư |
| 7. Phạm Thất | 19. Dương Văn Lâu |
| 8. Trần Văn Giới | 20. Huỳnh Hình |
| 9. Trần Bít | 21. Lê Thanh Giác |
| 10. Trần Lanh | 22. Lê Ngọc Bá |
| 11. Phạm Ôn | 23. Phạm Đình Quý |
| 12. Dương Gia Khuông | 24. Phạm Phẩm |
| | 25. Phạm Hơn |

26. Nguyễn Kim Cúc

27. Ung Văn Tung

28. Nguyễn Giác

29. Lê Đây

30. Phạm Văn Quế

31. Nguyễn Xứ

32. Phạm Văn Đức

33. Dương Bảo Tôn

THỊ TRẦN

LIÊN HUƠNG :

1. Dương Hữu Duy

2. Huỳnh Kỳ Sơn

3. Nguyễn Thị Tây

4. Nguyễn Nghi

5. Trịnh Vũ Mặn

6. Trần Khắc Khanh

7. Bùi Chùi

8. Nguyễn Văn Chương

9. Võ Hữu Bộ

10. Nguyễn Dự

11. Phạm Đẩu

12. Nguyễn Tuân

13. Đỗ Văn Mạnh

14. Trần Mo

15. Trần Yêm

16. Lê Cảnh Tuyển

17. Nguyễn Thiêm

18. Lê Hồng

19. Lê Bá Nghiêm

20. Nguyễn Ngo

21. Trần Xuân Phong

22. Phạm Cống

23. Phạm Xạ

24. Phạm Xê

25. Lê Đình Đích

26. Phạm Xa

27. Nguyễn My

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| 28. Hồ Ngọc Hải | 47. Trần Hà |
| 29. Bùi Khánh Tông | 48. Kiều Y |
| 30. Lục Minh Sanh | 49. Hồ Văn Mạnh |
| 31. Lê Ngọc Ly | 50. Trần Thị Xít |
| 32. Lục Ngọc Đê | 51. Phan Bá Ký |
| 33. Ngô Rừng | 52. Lương Hòa |
| 34. Trịnh Văn Hấn | 53. Nguyễn Ngừ |
| 35. Trần Ốm | 54. Nguyễn Mạo |
| 36. Nguyễn Tạo | 55. Hồ Khảm |
| 37. Lê Thành | 56. Lê Toại |
| 38. Đỗ Mỹ | 57. Đậu An |
| 39. Phạm Đình Đào | 58. Nguyễn Thái Hoàng |
| 40. Lý Công Ký | 59. Nguyễn Phê |
| 41. Nguyễn Trước | 60. Lê Xá |
| 42. Lê Văn Lợi | 61. Huỳnh Quang Ba |
| 43. Đỗ Thành | 62. Hồ Văn Hai |
| 44. Hồ Bén | 63. Nguyễn Quang Liêm |
| 45. Đặng Phê | 64. Đinh Thuộc |
| 46. Võ Trợ | 65. Bùi Tấu |

- | | |
|---------------------|-----------------------|
| 66. Nguyễn Nam | 85. Nguyễn Hữu Ân |
| 67. Lục Thất | 86. Bành Khai Đức |
| 68. Huỳnh Chú | 87. Nguyễn Văn Tạo |
| 69. Phạm Trọng Cang | 88. Dương Văn Ưu |
| 70. Bành Hoa Xu | 89. Phạm Trọng Me |
| 71. Trần Văn Liêm | 90. Võ Thanh Quân |
| 72. Cao Niên Quốc | 91. Hồ Tui (Sáng) |
| 73. Nguyễn Phê | 92. Nguyễn Thành Long |
| 74. Phạm Liêu | 93. Huỳnh Côi |
| 75. Nguyễn Cơ | 94. Huỳnh Văn Đường |
| 76. Trần Xū | 95. Hồ Ốm |
| 77. Tôn Văn Dung | 96. Trương Di Phùng |
| 78. Trương Đũi | 97. Trần Khung |
| 79. Trần Văn Đức | 98. Phạm Ngọc Thanh |
| 80. Huỳnh Văn Minh | 99. Huỳnh Sáng |
| 81. Trương Lanh | 100. Võ Phan |
| 82. Phùng Văn Lê | 101. Phạm Min |
| 83. Võ Sanh | 102. Phạm Đẩu |
| 84. Dương Văn Lý | 103. Hồ Hữu Đức |

- | | |
|------------------------|----------------------|
| 104. Nguyễn Sơn | 123. Trần Bô |
| 105. Hoàng Phước | 124. Nguyễn Nhâm |
| 106. Nguyễn Hộ | 125. Nguyễn Hồ |
| 107. Lục Văn Bích | 126. Phạm Văn Lây |
| 108. Trần Văn Dân | 127. Hồ Văn Đại |
| 109. Nguyễn Ngu | 128. Võ Trang |
| 110. Nguyễn Sinh | 129. Nguyễn Lực |
| 111. Lê Văn Đông | 130. Trần Huấn |
| 112. Nguyễn Trọng Hiện | 131. Nguyễn Thông |
| 113. Lê Ân | 132. Nguyễn Văn Định |
| 114. Nguyễn Hải Sơn | 133. Trần Khánh Hồng |
| 115. Huỳnh Nhị | 134. Nguyễn Văn Tâm |
| 116. Lục Văn Lành | 135. Bùi Cảnh |
| 117. Đặng Văn Chương | 136. Võ Thành Long |
| 118. Lê Văn Nhu | 137. Đinh Thỏ |
| 119. Nguyễn Kiên | 138. Trương Cón |
| 120. Dương Quang Châu | 139. Hồ Cát |
| 121. Bùi Hỷ | 140. Trần Đình Phan |
| 122. Dương Văn Hậu | 141. Trần Khắc Cứ |

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 142. Trần Quang Lựu | 8. Nguyễn Châu |
| 143. Phạm Bình | 9. Nguyễn Tiếng |
| 144. Lê Mạnh | 10. Võ Quyên |
| 145. Trần Tấu | 11. Nguyễn Hữu Thu |
| 146. Lê Văn Đàm | 12. Nguyễn Thị Xí |
| 147. Nguyễn Sắc Kim | 13. Nguyễn Lự |
| 148. Phùng Văn Lê | 14. Lê Bá Độ |
| 149. Trương Lann | 15. Lê Bá Đạt |
| 150. Huỳnh Ngọc Minh | 16. Nguyễn Đạt |
| 151. Hàn Bồi Nguyên | 17. Nguyễn Văn Chít |
| | 18. Nguyễn Thị Bèo |
| XÁ PHƯỚC THỂ : | 19. Nguyễn Đờn |
| 1. Nguyễn Văn Nền | 20. Lê Thại |
| 2. Trương Văn Giá | 21. Nguyễn Thìn |
| 3. Nguyễn Trung Mua | 22. Nguyễn Trọng Thiêm |
| 4. Lê Bí | 23. Huỳnh Thọ |
| 5. Lương Văn Sáu | 24. Nguyễn Văn Dương |
| 6. Nguyễn Xán | 25. Nguyễn Bồng |
| 7. Nguyễn Bảy | 26. Nguyễn Diễn |

- | | |
|----------------------|--------------------|
| 27. Nguyễn Hữu Tương | 46. Phạm Ba |
| 28. Huỳnh Huệ | 47. Nguyễn Văn Xê |
| 29. Tiết Em | 48. Nguyễn Mầu |
| 30. Lê Văn Chương | 49. Lê U |
| 31. Huỳnh Đào | 50. Võ Biện |
| 32. Nguyễn Nghiệp | 51. Nguyễn Định |
| 33. Hồ Văn Nhân | 52. Trần Khoan |
| 34. Nguyễn Phú (Lâu) | 53. Đặng Ngọc Bích |
| 35. Trương Thị Hiền | 54. Trần Thị Nhân |
| 36. Lê Hiến | 55. Phan Học |
| 37. Huỳnh Thử | 56. Nguyễn Văn Dẻo |
| 38. Võ Què | 57. Lương Thị Một |
| 39. Dương Lỏi | 58. Lê Nhàn |
| 40. Lê Thành | 59. Nguyễn Quy |
| 41. Lê Tâm | 60. Nguyễn Mạnh |
| 42. Phan Văn Phê | 61. Phạm Văn Cúc |
| 43. Võ Gân | 62. Nguyễn Văn Sửu |
| 44. Nhữ Nhân | 63. Võ Tâm |
| 45. Trần Tuất | |

XÃ VINH HẢO :

1. Nguyễn Gạch
2. Nguyễn Phú
3. Nguyễn Sơn
4. Nguyễn Pha
5. Nguyễn Liâu
6. Nguyễn Thó
7. Trịnh Thị Lem
8. Nguyễn Gạt
9. Lê Sâm
10. Nguyễn Hương
11. Hồ Nghiểu
12. Nguyễn Lâu
13. Nguyễn Xôm
14. Nguyễn Pháo
15. Lê Cảnh Tiến
16. Nguyễn Hiên
17. Nguyễn Tóp
18. Lê Tán

19. Nguyễn Liâu

20. Nguyễn Mun (Muôn)

21. Đỗ Văn Bụi

22. Lê Đức

23. Trương Bá Cường

24. Lê Nhọn

25. Nguyễn Phạm

XÃ CHÍ CÔNG :

1. Nguyễn Tuyết

2. Lê Minh Quang

3. Nguyễn Bô

4. Nguyễn Văn Giới

5. Nguyễn Văn Bay

6. Trần Long

7. Nguyễn Như

8. Lâm Văn Ha

9. Nguyễn Văn Di

10. Nguyễn Xin

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 11. Nguyễn Mạnh | 30. Bùi Chôi |
| 12. Trần Hiếu | 31. Lê Văn Bảy |
| 13. Phan Tư | 32. Trần Trọng Tự |
| 14. Nguyễn Phước Thọ | 33. Nguyễn Khắc Hiếu |
| 15. Đặng Nhựt | 34. Nguyễn Mẹo |
| 16. Khiên Đồng | 35. Phạm Lý |
| 17. Nguyễn Lăng | 36. Võ Chút |
| 18. Nguyễn Tất | 37. Đỗ Quý |
| 19. Nguyễn Lớn | 38. Trương Tý |
| 20. Phạm Dư | 39. Lê Rèn |
| 21. Nguyễn Cho | 40. Phan Thành |
| 22. Nguyễn Gian | 41. Nguyễn Quần |
| 23. Phạm Văn Nghi | 42. Phạm Gà |
| 24. Nguyễn Thôi | 43. Đặng Sửu |
| 25. Nguyễn Nửa | 44. Võ Văn Thăng |
| 26. Lê Minh Quang | 45. Phan Minh Đường |
| 27. Nguyễn Mít | 46. Bùi Nhuận |
| 28. Nguyễn Lộc | 47. Nguyễn Dân |
| 29. Phạm Thanh Sơn | 48. Võ Thị Cái |

- | | |
|-----------------------|---------------------|
| 49. Đỗ Thị Giới | 68. Mai Hữu Sang |
| 50. Hứa Lý | 69. Trương Mỡ |
| 21. Nguyễn Thông | 70. Lương Văn Đục |
| 52. Nguyễn Hai | 71. Nguyễn Văn Hòa |
| 53. Lê Tấn Mùi | 72. Nguyễn Văn Nhỏ |
| 54. Hồ Sáu | 73. Nguyễn Văn Sang |
| 55. Phan Nên | 74. Trần Xin |
| 56. Nguyễn Thành Hiếu | 75. Hồ Văn Lễ |
| 57. Trần Danh | 76. Trương Quý |
| 58. Trần Văn Vàng | 77. Trần Văn Tiêu |
| 59. Nguyễn Ghe | 78. Lê Kê |
| 60. Nguyễn Lờ | 79. Nguyễn Phi |
| 61. Võ Sinh | 80. Nguyễn Kế |
| 62. Mai Thén | 81. Đỗ Văn Luận |
| 63. Võ Trí | 82. Nguyễn Hữu Lực |
| 64. Hứa Lô | 83. Nguyễn Hy |
| 65. Bùi Văn Hoa | 84. Nguyễn Thị Mùi |
| 66. Đào Tấu | 85. Võ Văn Phương |
| 67. Ngô Kênh | 86. Nguyễn Cao Kiến |
| | 87. Nguyễn Vạn An |

- THỊ TRẦN
- XÃ PHAN RÍ CỬA :
1. Dương Thanh Tư
 2. Nguyễn Vĩnh Quang
 3. Nguyễn Vinh Xuân
 4. Lưu Văn Kệnh
 5. Nguyễn Thanh (Ít)
 6. Lê Bở
 7. Hồ Dắc (Đường)
 8. Nguyễn Minh
 9. Nguyễn Lâm
 10. Võ Kim Cúc
 11. Nguyễn Xi
 12. Ngô Văn Thành
 13. Trần Khải Hồng
 14. Phạm Tải
 15. Dương Ný
 16. Nguyễn Màng (Minh)
 17. Nguyễn Liệu
 18. Nguyễn Phương
 19. Nguyễn Hảo Hớn
 20. Đỗ Xuân Trộ
 21. Nguyễn Thời
 22. Lê Kim Khánh
 23. Đỗ Minh
 24. Nguyễn Bò
 25. Lê Tinh
 26. Ngô Thọ
 27. Phạm Thi
 28. Dương Đằng Dân
 29. Nguyễn Trọng
 30. Dương Tân
 31. Phạm Quang
 32. Trần Tá
 33. Đào Dư
 34. Nguyễn Khai Sáng
 35. Trần Lạc
 36. Nguyễn Kiêu

- | | |
|----------------------|----------------------|
| 37. Phan Liễu | 56. Nguyễn Long |
| 38. Lê Hòa (Sâm) | 57. Lê Ngọc |
| 39. Tăng Văn Nở | 58. Đỗ Ly |
| 40. Đỗ Hòa | 59. Nguyễn Văn Ngời |
| 41. Hồ Đăng | 60. Huỳnh Văn Nhung |
| 42. Nguyễn Văn Thao | 61. Hồ Ngọc Cát |
| 43. Nguyễn Quế | 62. Nguyễn Xạ |
| 44. Vũ Đình Vinh | 63. Phan Lai |
| 45. Vũ Đình Phụng | 64. Lê Kềm |
| 46. Trần Hoàng Hoanh | 65. Nguyễn Số |
| 47. Đào Xuân Anh | 66. Nguyễn Thị Thuần |
| 48. Phạm Bé | 67. Phan Thị Ngọc |
| 49. Nguyễn Tư (Sóc) | 68. Nguyễn Đài |
| 50. Nguyễn Văn Đề | 69. Phan Văn Đẩu |
| 51. Phạm Thị Nhánh | 70. Phạm Dân |
| 52. Lê Văn Nốp | 71. Dương Được |
| 53. Đỗ Bá Thùng | 72. Dương Lương |
| 54. Nguyễn Mẹo | 73. Trần Phi Hùng |
| 55. Nguyễn Kềm | 74. Nguyễn Hữu Thì |

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 75. Mái Dương | 94. Nguyễn Văn Ga |
| 76. Trần Tùng | 95. Trần Hy |
| 77. Nguyễn Phú | 96. Nguyễn Châu |
| 78. Võ Mới | 97. Mai Văn Bảy |
| 79. Đinh Ngọc Thường | 98. Phan Da |
| 80. Huỳnh Nuôi | 99. Phạm Lục |
| 81. Lê Tấn Nhảy | 100. Lê Văn Kiên |
| 82. Nguyễn Bình | 101. Đỗ Tý |
| 83. Nguyễn Văn Màng | 102. Phạm Tỏ |
| 84. Nguyễn Khai Hoàng | 103. Nguyễn Văn Long |
| 85. Võ Phùng Kiệt | 104. Lê Văn Bảy |
| 86. Hồ Phê | 105. Nguyễn Ngọc Sinh |
| 87. Mai Tứ | 106. Nguyễn Phê Anh |
| 88. Nguyễn Hoàng | 107. Huỳnh Đẩu |
| 89. Nguyễn Đáo | 108. Nguyễn Tấn Long |
| 90. Nguyễn Thị Hoan | 109. Hồ Thế Xuân Sanh |
| 91. Trần Lộc | 110. Trần Hữu Định |
| 92. Nguyễn Hết | 111. Phạm Văn Tấn |
| 93. Nguyễn Bích | 112. Lê Minh |

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 113. Phạm Ngọc Thành | 132. Ngô Văn Tâm |
| 114. Phan Thái Ngọc | 133. Đỗ Hùng |
| 115. Nguyễn Sáng | 134. Nguyễn Đẩu |
| 116. Nguyễn Thanh Xuân | 135. Huỳnh Trung |
| 117. Trần Trung | 136. Lê Văn Chà |
| 118. Nguyễn Nửa | 137. Lê Thanh Tùng |
| 119. Đào Xuân Long | 138. Nguyễn Thanh Tân |
| 120. Đào Xuân Lành | 139. Võ Văn Nhỏ |
| 121. Lê Trung Bình | 140. Đặng Siêng |
| 122. Trần Văn Khá | 141. Trần Thị Đông |
| 123. Võ Thứ | 142. Trần Văn Hà |
| 124. Trần Hoàng | 143. Đỗ Yên |
| 125. Nguyễn Quận | 144. Trần Văn Nhánh |
| 126. Lương Văn Thừa | 145. Phạm Sum |
| 127. Ngô Lương | 146. Đinh Tha |
| 128. Trần Sâm | 147. Võ Chiêu Hiền |
| 129. Phan Lâm | 148. Nguyễn Văn Hùng |
| 130. Nguyễn Thanh Châu | 149. Phan Cương Vũ |
| 131. Lê Văn Viên | 150. Huỳnh Hòa |

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 151. Ngô Mạnh | 13. Đỗ Thạnh |
| 152. Phạm Tấn Long | 14. Huỳnh Khư |
| 153. Lê Minh | 15. Lê Văn Theo |
| 154. Nguyễn Văn Lộc | 16. Lê Văn Thới (Lum) |
| 155. Nguyễn Văn Huế | 17. Phan Thanh Long |
| 156. Nguyễn Gia Lập | 18. Nguyễn Văn Thiên |
| XÃ HÒA MINH : | |
| 19. Nguyễn Văn Tuyết | |
| 1. Võ Văn Sơn | 20. Nguyễn Tá |
| 2. Tạ Thiên Thành | 21. Lê Vui |
| 3. Trần Hàng | 22. Nguyễn Dự |
| 4. Lê Nhựt | 23. Võ Văn Phú |
| 5. Nguyễn Cu | 24. Bùi Văn Đờn |
| 6. Lê Văn An | 25. Phan Văn Phát |
| 7. Lê Văn Tiến | 26. Bùi Văn Chạy |
| 8. Nguyễn Văn Thân (Ngu) | 27. Phan Văn Lượm |
| 9. Nguyễn Lân | 28. Trần Dưa |
| 10. Lê Văn Bút | 29. Võ Đồng |
| 11. Nguyễn Á | 30. Võ Thị Lộc |
| 12. Trần Văn Kim | 31. Nguyễn Loi |

- | | |
|----------------------|------------------|
| 32. Nguyễn Thi | 6. Nguyễn Ninh |
| 33. Nguyễn Hùng | 7. Phạm Phú Quới |
| 34. Huỳnh Đẩu | 8. Nguyễn Hành |
| 35. Nguyễn Công Đức | 9. Nguyễn Giới |
| 36. Nguyễn Văn Thông | 10. Trần Hiền |
| 37. Nguyễn Phụng | XÃ PHÚ LẠC : |

- | | |
|------------------|------------------|
| 38. Huỳnh Văn Ny | 1. Lê Văn Khương |
| 39. Trần Cửu | 2. Huỳnh Nhu |
| 40. Phan Văn Ngô | 3. Đặng Quài |

XÃ HÒA PHÚ :

- | | |
|--------------------|----------------|
| 1. Trần Chung | 4. Bích Cộ |
| 2. Phan Thanh Xuân | 5. Đắc Hữu Phú |
| 3. Nguyễn Bình | 6. Lâm Liên |
| 4. Trần Nhơn | XÃ PHONG PHÚ : |
| 5. Nguyễn Lớn | 1. Lê Điền |

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- Lời giới thiệu	7
- <i>Chương I</i> : Huyện Tuy Phong - Địa lý - Dân cư và truyền thống	11
- <i>Chương II</i> : Tuy Phong trước ngày có Đảng.	31
- <i>Chương III</i> : Cuộc vận động giải phóng dân tộc, giành chính quyền khi có Đảng cộng sản Việt Nam ra đời (1930 - 1945)	58
- <i>Chương IV</i> : Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng chuẩn bị kháng chiến (27-8-1945 - 31-1-1946)	92
- <i>Chương V</i> : Nhân dân Tuy Phong bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954)	119
- <i>Chương kết luận</i> : Nhìn lại một chặng đường đấu tranh cách mạng (1930 - 1954)	281
- <i>Phụ Lục</i> : Danh sách liệt sĩ huyện Tuy Phong giai đoạn chống Pháp	
- Mục lục.	291
	307

MỤC LỤC

Chịu trách nhiệm xuất bản :

BCH ĐẢNG BỘ HUYỆN TUY PHONG

Chỉ đạo biên soạn :

- Đồng chí PHẠM TRỌNG DO

- Đồng chí PHẠM TRỌNG TÌNH

- Đồng chí CHÂU VĂN THU

Biên soạn :

- Đồng chí LÊ QUYẾT CHIẾN

Ảnh, bìa : DUY HÒA

Sửa bản in : HÀ NHI

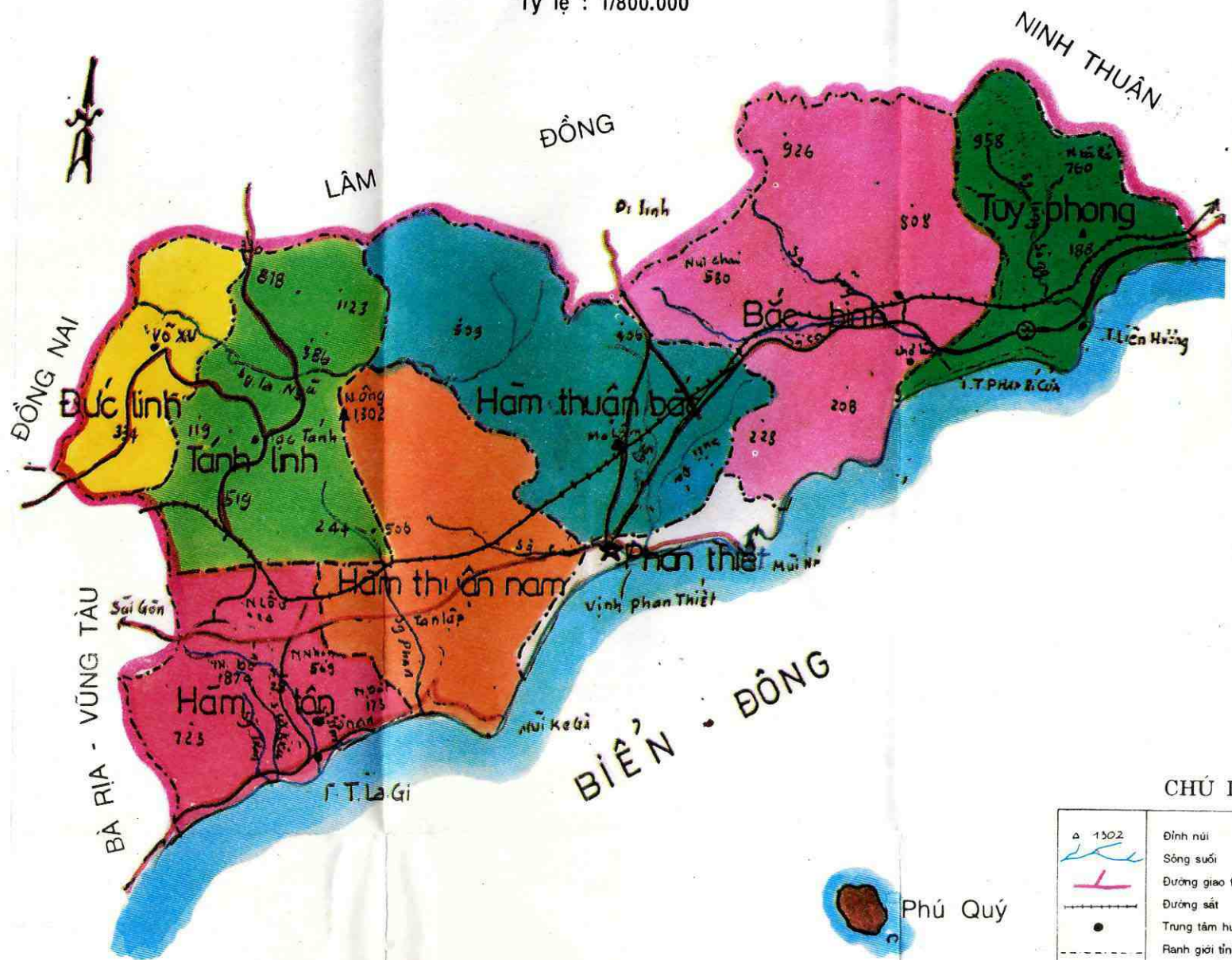
In tại Xí nghiệp in Bình Thuận. Giấy phép xuất bản số
18/GP-XBNT do Sở VH-TT-BD Bình Thuận cấp ngày
26-3-1993 Khổ 13 x 19 - Số lượng : 1500 cuốn. In xong
và nộp lưu chiểu tháng 7-1993.

ĐÍNH CHÍNH

TRANG	DÒNG	IN SAI	SỬA LẠI
29	1 (TX)	thường người dân	thương người dân
94	12 (DL)	đang viên	đăng viên
127	1 (DL)	Đất Đố	Đất Đỏ
130	3 (TX)	Đoàn An	Đoàn Ân
144	3 (DL)	Long Thanh	Long Thạnh
185	12 (TX)	Lờ Cốc	Lơ Cốc
187	10 (DL)	"bà gủ"	"bà ngủ"
202	9 (TX)	Có khâng	Có khoảng
261	1 (DL)	Đinh Khuế	Đinh Khuê
276	13 (TX)	Nguyễn Lịnh	Nguyễn Lịnh

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH THUẬN

Tỷ lệ : 1/800.000



CHÚ DẪN

	Đỉnh núi
	Sông suối
	Đường giao thông
	Đường sắt
	Trung tâm huyện - thị
	Ranh giới tỉnh
	Ranh giới huyện

Phú Quý

